VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tâm thức, trong sáng tạo và
thưởng ngoạn văn chương
trần hữu thục

trần dần, thủ lãnh trong bóng tối
phạm thị hoài

đọc truyện hoàng nga
mai kim ngọc
những giọt trầm
lê minh hà

truyện
trần long hồ ● nguyễn trung hối ● hoàng chính
nguyễn hữu nhật ● hoàng nga ● vy
thơ
định nguyên ● nguyễn xuân thiệp ● cao thị nguyệt lãng
trần bát nhã ● trần hoài thu ● trần mộng tú
phan ni tấn ● thường quán ● thận nhiên
trần minh hiền ● đoàn nhật

TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG
SỐ 136 ● THÁNG 8 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ

Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc

Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 136 ● tháng 8, 1997

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TRẦN HỮU THỤC	3	tâm thức, trong sáng tạo...
NGUYỄN XUÂN THIỆP	12	*bài oán thi. đêm. phương nam*
ĐỖ MINH TUẤN	14	về cái bẫy văn hóa của NHQ
CAO THỊ NGUYỆT LÃNG	22	*trăng*
PHẠM THỊ HOÀI	23	thủ lãnh trong bóng tối
TRẦN BÁT NHÃ	30	*lời cuối*
MAI KIM NGỌC	31	đọc truyện Hoàng Nga
ĐỊNH NGUYÊN	39	*ru*
TẠ QUỐC TUẤN	40	đề tài truyện cực ngắn
TRẦN MỘNG TÚ	43	*cựu ước*
LÊ MINH HÀ	44	những giọt trầm
PHAN NI TẤN (N.D.)	51	*đêm phương thụy*
HOÀNG NGA	52	ấu thời hiu quạnh
THƯỜNG QUÁN	62	*anzac day*
NGUYỄN TRUNG HỐI	65	địa dàng bình an
THẬN NHIÊN	75	*giao khúc I*
HOÀNG CHÍNH	76	bắt hụt niềm vui
TRẦN HOÀI THƯ	93	*lưu lạc khúc*
TRẦN LONG HỒ	95	nơi có thể quay về
NGUYỄN HỮU NHẬT	105	mưa cõi phúc
VY	125	mừng tuổi anh, tháng bảy
TRẦN MINH HIỀN	129	*thắp đuốc hồn mình tìm kẻ tri âm*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	130	tạp ghi
ĐOÀN NHẬT	142	*đêm hương mật*
VĂN HỌC	143	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	147	thư tín
VĂN HỌC	149	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

Thư tòa soạn

Văn Học

Mùa nghỉ hè đã đến từ một tháng nay, nhưng hôm nay Văn Học mới gửi đến quí bạn đọc một tuyển tập văn chương để các bạn mang theo trong những cuộc du ngoạn thăm viếng đó đây.

Vì là một tuyển tập văn chương, nên trong số này, Tòa soạn chú trọng những bài vở quay quanh những đề tài văn học nhiều hơn, tạm gác một kỳ những đề tài liên quan tới thời sự, chính trị hoặc xã hội.

Phần tiểu luận, Trần Hữu Thục bàn về vai trò của tâm thức trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương; Tạ Quốc Tuấn tiếp tục loạt bài viết về một văn thể hiện đang thịnh hành trên văn đàn thế giới là truyện cực ngắn; Đỗ Minh Tuấn trả lời nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc về cách phê bình bài thơ Con Cóc; Phạm thị Hoài nhận định về chỗ đứng thực sự của Trần Dần trong việc cách tân thi ca Việt Nam.

Phần văn xuôi, Văn Học số 136 tập trung được những truyện ngắn mới nhất của nhiều cây bút đã thành danh như Nguyễn Trung Hối, Hoàng Chính, Trần Long Hồ, Nguyễn Hữu Nhật, đặc biệt là hai truyện ngắn của hai nhà văn nữ hiện được văn giới hải ngoại xem như hai cây bút sáng giá nhiều hứa hẹn là Hoàng Nga và Lê Minh Hà.

Về thơ, Văn Học được nhiều nhà thơ với nhiều khuynh hướng khác nhau gửi bài về đóng góp, như Nguyễn Xuân Thiệp, Cao thị Nguyệt Lãng, Trần Bát Nhã, Định Nguyên, Trần Mộng Tú, Phan Ni Tấn, Thường Quán, Thận Nhiên, Trần Hoài Thư, Trần Minh Hiền, Đoàn Nhật.

Phần điểm sách kỳ này có bài viết của nhà văn Mai Kim Ngọc, nhận định về tác phẩm đầu tay "tháng Giêng tháng Bảy buồn như nhau" của Hoàng Nga.

Mong ước tuyển tập Văn Học mùa Hè sẽ là niềm vui tinh thần cho quí bạn trong thời gian được tạm thời an nhàn, tĩnh trí hiện nay.

Văn Học

Tâm thức, trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương

Trần Hữu Thục

Văn chương, dù thuộc trường phái nào, thì cũng không thể tách ra khỏi hiện thực.

Đề cập đến hiện thực, ta phải phân biệt:

- hiện thực "tự nó" .
- hiện thực trong tương quan với chủ thể.

Một vật là như thế nào, là gì đối với chính nó ? Nói một cách khác, nếu không có chủ thể, thì nó như thế nào, là gì ? Không có chủ thể thì nó có hiện hữu không ? Hỏi như thế là hỏi về hiện thực tự nó. Hiện thực tự nó là điều ta không thể hiểu được. Có thể nó chứa những gì thâm sâu, ẩn dấu của hiện hữu. Cũng có thể đó chỉ là những chuỗi phản ứng lý hóa, một chuỗi tương quan có tính chất quy luật giữa các sự vật. Thành thử, tra vấn hiện thực tự nó, rốt cuộc, là trò chơi của ý thức, cố tìm cách trả lời những câu hỏi không bao giờ trả lời được.

Hiện thực ta muốn đề cập là hiện thực xuất hiện qua chủ thể. Khởi thủy, nó có tính chất thô sơ, sau khi đi qua các giác quan. Nó cho ta biết tính cách của sự vật, chứ không nói gì về ý nghĩa của chúng. Phải có một sức tổng hợp của tâm thức thì sự vật mới mang hình thái của hiện thực. Lúc đó, sự vật bắt đầu di động, lên tiếng. Chung quanh chúng ta, có biết bao sự vật ta vẫn sờ, vẫn thấy, vẫn nghe, nhìn hàng ngày, nhưng không phải tất cả đều hiện hữu đối với ta. Chúng chỉ hiện hữu, có ý nghĩa khi nào ta thiết lập tương quan với chúng. Tương quan đó khiến cho sự vật thoát ra khỏi cái tự nó lầm lì, đần độn để trở thành sinh động, có chất người, khả cảm, khả tri.

Hiện thực ở đây không chỉ là cái bàn, cái ghế, cái cây.. (ta tạm gọi đó là những sự vật thuần tuý), mà là toàn bộ gồm những tương quan giữa các sự vật. Chẳng hạn khi ta nói một "vụ giết người". Đó là một hiện thực.

Hiện thực này được cấu thành qua vô số tương quan mà chủ thể tiếp nhận: người, dụng cụ giết người, máu, chết, tình...Ta có thể thấy máu, nghe tiếng la, tiếng khóc, hay nghe kể lại một số chi tiết, nhưng ta không thể thấy, nghe, sờ mó, nếm, gửi một "vụ giết người". Nói một vụ giết người là một tổng hợp tâm lý, trong đó các sự vật cụ thể (được truy nhận qua giác quan) trở nên gắn bó với nhau, liên kết với nhau để nhờ đó các sự vật bắt đầu có ý nghĩa.

Vậy khi nói về hiện thực là nói về ý nghĩa của hiện thực đó. Ý nghĩa đó càng phong phú, càng sâu sắc nếu chủ thể liên kết được càng nhiều sự vật vào với nhau. Mà càng liên kết được nhiều sự vật với nhau, thì các sự vật cụ thể càng mờ nhạt. Đến một lúc nào đó, người ta sẽ chỉ liên kết các ý nghĩa, chứ không liên kết các sự vật nữa. Sự liên hệ với hiện thực ngoại giới xa dần, dẫn đến việc hình thành các khái niệm, phạm trù, các ý tưởng, hình ảnh, ẩn dụ..., những thành tố không thể thiếu, nếu không muốn nói là căn bản, của hành vi sáng tạo văn chương. Ta lấy một ví dụ: nỗi buồn. Đó là một trạng thái tâm lý, một khái niệm về hiện tượng tâm lý. Thoạt nghe, ta tưởng như nỗi buồn thì chẳng dính dáng gì đến các sự vật cụ thể. Thực ra, để có khái niệm về nỗi buồn, con người phải trải qua nhiều tổng hợp tâm lý mà khởi đầu từ các tiếp nhận qua giác quan: nét mặt (bần thần), cử chỉ (lúng túng...), tiếng khóc, đôi mắt (đờ đẫn...) cộng thêm cảm giác đau đớn trong lòng. Trong Hán ngữ, buồn là sầu愁. Sầu được hình thành bằng hai chữ: thu (mùa thu)秋 và tâm (lòng)心. Chữ thu lại được hình thành bằng hai chữ: hòa (lúa)禾 và hỏa (lửa)火 .Như thế thì khái niệm sầu xuất phát từ những hiện thực ngoại giới cụ thể: lúa, sức nóng, trái tim.

Quá trình sáng tạo nói chung (thơ, văn, họa...), phải trải qua hai chặng:

- quá trình tích lũy
- quá trình sáng tạo

Chất liệu sáng tạo chắc chắn phải xuất phát từ hiện thực, nhưng không phải sao chép từ hiện thực. Thứ nhất, điều đó bất khả. Thứ hai , một sao chép như thế không mở ra cho con người bất kỳ một chân trời nào mới lạ. Thứ ba, hành vi sáng tạo phải từ chủ thể, một hành vi đi trực tiếp từ tâm thức ra. Hành vi sáng tạo, từ bản chất, phải xây dựng nên một cái gì khác hẳn với hiện thực, vượt lên trên hiện thực mà ta tiếp nhận. Tổng quát quá trình đó có thể hình dung như sau:

Thực tại ngoại giới → tâm → tác phẩm (chữ viết, lời nói)

Tích lũy là chặng đường từ thực tại ngoại giới vào tâm thức. Ta gọi là tâm-thức-hóa thực tại. Tất cả những gì diễn ra ở ngoại giới dưới dạng chữ nghĩa, âm thanh(tiếng hát, tiếng kêu, hót...), màu sắc, hình dáng ...đều được tiếp nhận qua các giác quan và chứa đựng trong tâm thức. Sự tiếp nhận đó có thể do cố ý hoặc vô tình: bạn có thể ngắm hoa để cố lục tìm cái đẹp, mà cũng có thể chỉ nhìn hoa thôi, trong lúc đầu óc bận suy nghĩ những chuyện khác. Trong đời sống hàng ngày, vô số những chi tiết ngoại giới đi vào tâm thức qua giác quan, để rồi hiện diện trong tâm thức như những "nguyên liệu". Điều chắc chắn nhất, những chi tiết tiếp nhận đó luôn luôn biến dạng, thay đổi, ngay lúc tiếp nhận cũng như khi đã ở trong tâm thức rồi. Cũng vầng trăng đó, cũng ngôi nhà đó...mà mỗi lúc, mỗi người tiếp nhận một cách khác nhau. Rồi cũng ngôi nhà đó, vầng trăng đó, khi vận dụng trở lại (trong động tác nhớ, suy luận, sắp xếp...), nó cũng đổi khác. Một thí dụ cụ thể nhất là trong giấc mơ. Giấc mơ là sự tái hiện các nội dung tâm thức mà chúng ta tiếp nhận qua các giác quan, nhưng với vô số biến điệu ta không bao giờ ngờ tới: những cảnh hoang đường, kỳ quái, những người, vật đầu Ngô mình Sở....

Nói chung, hiện thực ngoại giới tích lũy trong tâm thức dưới dạng những biểu tượng, hình ảnh, khái niệm...Tất cả trộn lẫn với nhau. Chúng có tính động, co dãn, liên tục biến thái và dễ dàng kết hợp với các nội dung khác, chẳng theo một quy luật nào. Ta có thể nói, một chi tiết trong thực tại, khi được tiếp nhận qua tâm gọi là "hiện thực nhiễm tâm"(tâm thức hóa). Một chi tiết nhiễm tâm thường biến hóa theo tâm. Ví dụ:

trăng → mặt trăng(mặt người + trăng) → vầng trăng → ánh trăng, bóng trăng → nàng trăng

→ trăng thu → trăng treo, trăng chiếu → Hằng Nga → Cung Quảng đi xa hơn:

→ trăng nằm sóng soãi, vầng trăng ai xẻ làm đôi, bóng trăng quạnh quẽ, trăng treo đầu súng, quay chiếc thuyền không chở đầy trăng - "không thuyền mãn tải nguyệt minh quy" -(Không Lộ Thiền Sư)

Ta thấy rõ, từ chỗ là một vật thể ta nhìn thấy trên trời hằng đêm, trăng lọt vào tâm để rồi biến tướng theo tâm để trở thành một hiện thực riêng, hầu như chẳng còn dính dáng gì đến cái hành tinh lơ lững đó nữa. Sau đó, thứ trăng biến tướng đó mặc tình kết hợp với các nội dung tâm thức khác để tạo thành những hình ảnh mới, trong đó, trăng, đôi khi chỉ còn là một cái cớ. Mặt khác, quá trình nhiễm tâm là quá trình nhân cách hóa. Nói theo kiểu triết học, đó là quá trình phóng rọi(projection) tâm thức lên sự vật để sự vật nói hộ cho mình.

Với những chất liệu tích lũy trong tâm thức, người nghệ sĩ chuyển chúng thành một hiện thực khác:tác phẩm văn chương. Đây là một hiện thực hoàn toàn mới, khác hẳn hiện thực ngoại giới nguyên thủy: những con chữ(văn chương), màu sắc(hội họa). Trong quá trình này, người nghệ sĩ không đối diện với một thực tại ngoại giới nào nữa, nghĩa là không kinh qua các giác quan. Hiện thực bên ngoài hầu như không hiện hữu. Tác giả đối diện với tâm thức của chính mình. Tất cả hiện thực đều trở thành quá khứ. Động tác sáng tạo là một nỗ lực vận hành bộ máy tâm lý hiện đương. Nguyễn Hưng Quốc cho rằng: "trong công việc sáng tạo, người viết bao giờ cũng bơ vơ: ngồi lặng lẽ trước trang giấy trắng, hắn không thể hình dung được ai sẽ là người đọc mình" (Thơ, v.v... và v.v...,tr. 123)..."Cả ngôn ngữ cũng bơ vơ: chỉ có chữ và chữ".

Thực ra, theo tôi, trong công việc sáng tạo, người viết không những không bơ vơ(dù ngồi một mình), mà tiếp cận với thế giới, một thế giới vô cùng đa dạng hơn thế giới thực sự bên ngoài, vì thế giới đó trộn được cả quá khứ vào trong tương lai, trộn được cả những gì ta biết và ta chưa biết, và có một sức bành trướng tưởng chừng như vô hạn. Cái thế giới đó chứa đựng đủ: sự vật, người, cảnh, niềm đau, nỗi khổ, sự khắc khoải, lòng hận thù...cùng với vô số biến dạng của chúng. Người viết lúc đó có thể là một đại ngã, một cái "ta" lớn, nói lên niềm đau, nỗi khổ của cuộc nhân sinh. Người viết có thể là ông A, bà B, chú bé C, là một tay bộ đội Cộng Sản thứ thiệt, là một chiến sĩ VNCH oai hùng, sẵn sàng lên đường diệt Cộng cứu nước, cùng một lúc....Người viết "thấy" trong tâm mình những cảnh máu đổ thịt rơi, những buổi hẹn hò, những cuộc cãi vả...Anh ta lặn sâu trong chính mình(chứ không phảI ai khác) lục tìm, ráp nối, sắp xếp, chọn lựa hằng hà sa số chi tiết của hiện thực được tích chứa trong tâm, để từ đó nặn lên đủ loại nhân vật từ ông hoàng đế đến kẻ bần dân, từ con gà con vịt cho đến trăng treo đầu súng, từ một tên dâm đãng cho đến nhà trí thức . Anh ta có thể tạo ra một thứ người ta thấy nhan nhãn hằng ngày trong xã hội, mà cũng có thể là một nhân vật không hề có từ cổ chí kim, một Chí Phèo hay một Lão Ngoan Đồng.

Rồi sao nữa ?

Sau đó, anh ta biến tất cả thành ký hiệu: những câu, những chữ. Anh ta làm một công việc mà tôi gọi là mã hóa tâm thức. Tất nhiên, công việc không dễ dàng: làm sao để những con chữ đó nói hết, nói đúng những gì diễn ra trong tâm thức. Điều này đòi hỏi người viết phải có một sự nhuần nhuyễn trong việc xử dụng ngôn ngữ, trong việc xử dụng bút pháp, kỹ thuật, trong việc tổng hợp những dữ kiện tâm lý...Rõ ràng là, ở đây, ý thức đóng một vai trò chủ đạo. Tất nhiên, cái hay của một tác phẩm văn chương

xuất phát từ cảm hứng, cảm xúc, từ sự nắm bắt đột ngột, sâu sắc những biểu hiện của thực tại (quá trình tích lũy). Bố trí chi tiết, sắp xếp, cấu trúc câu, chữ thế nào để lột tả được cái cảm xúc đó, đồng thời truyền đạt đến được tha nhân là một việc khác. Người ta có thể xúc cảnh sinh tình ngâm lên một câu thơ, phát biểu một ý (xuất khẩu thành thơ) - nhưng để có một câu thơ hay, một bài văn hay, một nhân vật độc đáo, một chi tiết đặc thù của sự vật, không thể bạ đâu ghi đó, mà phải gạn lọc, đắn đo suy gẫm dài hơi. Vì thế, một tác phẩm văn chương (dù dở, dù hay) là một công trình mang nặng dấu tích của lý tính. Khác với một tác phẩm triết học, mà bản chất thuần lý, tác phẩm văn chương là sự lý tính hóa những chi tiết cảm tính .

Ai từng trải qua kinh nghiệm sáng tác mới thâm cảm hết nỗi đau đáu của những thai nghén nghệ thuật. Lặn ngụp trong thực tế, tiếp cận với sự vật, nhìn ngắm, suy gẫm, tiếp nạp, tích lũy trong tâm, và rất nhiều khi phải ghi chép lại. Rồi giữa đống hỗn độn những chi tiết sần sùi, thô nhám, mờ mịt đó, anh ngồi một mình (ai cũng sáng tác một mình), anh vận dụng tri thức, trí tưởng tượng, ký ức để tái hiện hiện thực, biến chúng thành câu, thành chữ. Viết rồi xóa, sắp ngược sắp xuôi, đọc đi đọc lại. Lắm khi viết bao nhiêu trang, tưởng xong, bất đồ xé bỏ để bắt đầu viết lại. Cũng lắm khi, ngồi hàng giờ, chẳng viết được chữ nào xuống giấy. Đôi khi, cả tháng, hễ ngồi xuống bàn viết là cắn bút: đầu óc đâu có thiếu chi tiết nào, thế mà cứ tưởng như rỗng không, chẳng moi ra được một điều gì để ghi lại. Có lẽ đây là cái đáng sợ nhất của một nhà văn, nhà thơ. Phải chăng đó là nỗi bơ vơ mà anh Nguyễn Hưng Quốc muốn nói. Không những bơ vơ, mà còn xót xa, bứt rứt, khổ sở.

Nói tóm, không có cảm hứng thì không phát hiện được những tương quan giữa sự vật và sự vật, sự vật và tâm. Không có trực giác thì không nhìn thấy được những chiều sâu của thực tại. Nhưng để có tác phẩm đúng nghĩa, hoàn chỉnh, sẵn sàng truyền đạt thì trực giác và cảm hứng hoàn toàn bất túc. Vì chúng chỉ mới là chất liệu. Phải có một sức tổng hợp mạnh mẽ mới gắn chúng lại với nhau trong một toàn thể có ý nghĩa. Một tác phẩm ra đời phải thoát khỏi cái hỗn mang đã nuôi nấng và thai nghén nó. Anh không thể ghép ngang, ghép dọc cho đầy trang giấy, ghép từ, ghép ý cho hợp âm, hợp luật là đủ. Trong một bài thơ hay, nhiều khi chỉ một chữ, một ý, một hình ảnh mà làm cho người sáng tác trăn trở, suy gẫm, chọn lựa hàng thời gian dài. Một chữ hay, không phải vì chữ đó tự nó hay (chữ nào thì cũng thế thôi!), mà nó được đặt ở một vị trí khiến toàn thể cấu trúc có một hình thái mới, một sức nặng mới, đủ sức mô tả một trạng thái đặc

thù của tâm thức(tức cảm xúc) . Trong truyện, tác giả phải xây dựng nhân vật. Một nhân vật đâu phải chỉ là cái tên. Phải cho nó một thân phận, một số phận, một tính cách. Phải dựng nên một khung cảnh để đặt nhân vật vào. Phải vẽ vời mây gió, sông nước (nghĩa là một môi trường sống) để nhân vật đi, đứng, nằm, ngồi, nói...Nói khác đi, phải tạo một không khí thật riêng cho tác phẩm. Như Thượng Đế, phải tạo ra Adam, Eva, con rắn, cái cây và đủ thứ tình huống cho nhân vật đối phó . Tôi cho rằng đó là một sản phẩm văn chương tuyệt hay của Thánh Kinh. Dễ gì tạo ra được những hình tượng đặc thù như Thượng Đế, Adam, Eva, con rắn, Vườn Địa Đàng, trái cấm...và những chi tiết lý thú khác của câu chuyện sáng tạo thế giới. Ấy thế, giữa muôn vàn chi tiết, chọn chi tiết nào, chọn cách đối thoại nào, chọn cách im lặng nào để nói lên được tối đa những điều muốn nói, chính là nỗ lực sáng tạo văn chương.

Để có thí dụ cụ thể, ta thử đọc lại một đoạn văn của Trần Thị Ngh. sau đây:

Đêm đó, chúng tôi yêu nhau. Chàng không ngạc nhiên khi biết tôi còn ngây thơ. Chàng nói không phải sự trong trắng của tôi quyến rũ chàng. chàng mê sự sòng phẳng của tôi. Trong hơi thở nóng ấm tình ái, tôi nghe chàng nói nhỏ:

- Em...

- Nghĩa là sao ?

- Nghĩa là em yêu anh chứ sao!

- Vì sao khi yêu nhau người ta dày vò nhau ?

- Để nhớ.

Tôi bấu tay trên lưng chàng. Thật không còn thứ đau đớn nào hơn. Thứ đau đớn để nhớ lại bùi ngùi về sau trong những tình cảm ơn nghĩa. Đêm nóng và mùi mồ hôi trộn lẫn giữa hai người làm tôi bứt rứt cảm động. Chàng khen:

- Em can đảm lắm.

Tự nhiên, tôi nói lớn, giọng hờn mát:

- Rồi sao nữa, trời đất!

- Nằm yên...

...

Gần sáng tôi khóc. Chàng dỗ, nín đi em. Chàng nói nhỏ, nín đi em."

(Nhà Có Cửa Khóa Trái)

Đoạn văn súc tích, tình tiết đơn giản, đối thoại ngắn gọn, chặt chẽ, nhưng đầy ấn tượng. Tác giả mô tả tâm trạng của một cô gái nếm mùi ân ái lần đầu tiên một cách vụng trộm với một tay đàn ông sành sõi, trong

một thái độ dâng hiến toàn diện. Cũng sự kiện này, người ta có thể viết dài hơn (5,7 trang), hay ngắn hơn (một đôi giòng). Có thể có người sẽ viết không có giòng đối thoại nào, hoặc chỉ toàn là đối thoại. Nhưng không phải ai cũng tìm thấy những chi tiết này: "chàng mê sự sòng phẳng của tôi", "hơi thở nóng ấm tình ái", "đêm nóng và mùi mồi hôi trộn lẫn giữa hai người làm tôi bứt rứt cảm động". Nhất là đoạn đối thoại: "em can đảm lắm - rồi sao nữa, trời đất! - nằm yên..."Tôi khoái hai chữ "trời đất" kèm theo dấu chấm than, và câu trả lời hai chữ (chỉ hai chữ) của người đàn ông: "nằm yên..." Tuyệt! Rất là Trần Thị Ngh.!

Tôi chỉ trích dẫn một đoạn tượng trưng. Toàn bộ truyện ngắn trên là một trong những truyện ngắn tuyệt hay của văn học miền Nam trước 1975. Tôi không rõ nhà văn đã viết nhanh hay chậm. Nhưng tôi tin rằng chị đã dụng công rất nhiều trong việc chọn từ, chọn ý, tưởng tượng, bôi xóa, sửa chữa...

Chính từ điểm đó, ta mới thấy hết được vai trò của kỹ thuật viết, cách xử dụng từ, ngữ pháp, bút pháp - tức là phương pháp sáng tác. Chúng là sáng tạo lý tính nhằm giúp người nghệ sĩ chuyển những nội dung của tâm tức ra thực tại, phơi bày những tiếp nhận của tâm, những nội dung đã được tâm thức hóa, để từ đó gửi đến tha nhân.

Như đã trình bày trên, nếu quá trình sáng tạo là quá trình mã hóa những nội dung của tâm thức, thì quá trình thưởng ngoạn là quá trình giải mã. Nói mã hóa và giải mã khiến ta liên tưởng đến những chuyện gì bí mật, chuyện tình báo. Thực ra, theo tôi hiểu, mỗi một ngôn ngữ có cơ cấu riêng của nó. Nếu bạn không hiểu cơ cấu đó (như khi đọc một thứ tiếng ngoại quốc), thì ngôn ngữ đó chẳng khác gì một thứ mật mã đối với bạn. Học một ngôn ngữ khác hơn ngôn ngữ mẹ đẻ của mình có khác gì là học cách giải mã ngôn ngữ đó.

Đọc, động tác đơn giản đó, trước hết có vẻ như phù phiếm, vô tích sự, hiểu theo nghĩa người ta không cần làm một cố gắng nào cả, khác với trong động tác sáng tạo. Người ta có thể đọc ra thành tiếng. Đa phần, người ta đọc trong im lặng. Tuy không có âm thanh vật lý, nhưng có âm thanh tâm thức. Trong cái im lặng tuyệt đối khi đọc, ta vẫn thưởng thức được âm vang của vần, vẫn cảm nhận ra sự trúc trắc hay sự cân đối của câu, vẫn nghe được tiếng hát tiếng hò của chữ...Người đọc có thể đọc với ý thức tìm hiểu, soi mói, và cũng có thể đọc chỉ để đọc. Nhưng thường thường thì khi đọc, người đọc chìm sâu vào không khí của tác phẩm, và chịu sự tác động của tác phẩm. Người ta trở nên vô thức khi thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật. Một câu thơ hay có thể làm ta xúc động đến ngơ

ngấn tâm thần. Một đoạn truyện hay có thể làm ta rơi nước mắt. Ta giận hờn, hưng phấn, âu lo, hồi hộp theo người theo cảnh trong truyện. Tác giả và chủ thể biến mất. Ai đã từng đọc truyện kiếm hiệp của Kim Dung đã rõ: đọc quên ăn, bỏ ngủ, đọc cho kỳ hết mới thôi. Đọc rồi, đọc lại vẫn thấy thích.

Đọc, hay thưởng ngoạn, là quá trình chuyển những chữ, những câu thành hình ảnh, biểu tượng, ý niệm. Trong quá trình tích lũy, bạn có thể xử dụng năm giác quan để tiếp cận sự vật. Ở đây, sự vật chỉ là những con chữ thuần túy và không có gì khác. Cơ quan tiếp cận duy nhất là thị giác. Khi bạn đọc một chữ hay một câu, thì lập tức và tự động, chữ hay câu đó, do quán tính ngôn ngữ đã sẵn từ lúc còn bé, biến ngay ra hình ảnh, biểu tượng . Cứ thế, ta càng đọc, thì chữ nối chữ, câu nối câu, ý nối ý, tất cả lần lượt xuất hiện trong tâm thức người đọc.

Do tri thức, do sự tiếp nhận, do cảm thụ, người ta có thể tái tạo nguyên xi những gì mà người người viết cố gửi gắm trên trang giấy. Điều đó có thể xảy ra,trên nguyên tắc. Vì một mặt, người viết đã diễn đạt đúng những gì mình muốn nói, qua con chữ. Mặt khác, người đọc nắm vững ý của những con chữ đó. Thực tế thì, ngôn ngữ là cái gì vô cùng giới hạn, mà tâm thức thì vô cùng phức tạp. Cho nên, không cách gì người viết có thể giãi bày hết những điều muốn nói. Người đọc cũng không thể tiếp nhận trung thành những gì từ tác giả. Trong đoạn văn trên của Trần Thị Ngh., không phải ai cũng thích như tôi, không phải ai cũng cảm nhận được những gì tôi cảm nhận, và tác giả có thể cũng chẳng hề nghĩ những gì tôi nghĩ. Trần Thị Ngh. viết theo cách của chị. Tôi thưởng thức văn chị theo cách của tôi. Bạn có quyền thưởng thức văn chị theo cách của bạn. Tùy nghi. Tác phẩm nằm đó, bất động. Bạn muốn đọc, muốn hiểu, muốn thưởng thức, tùy nghi. Sau khi ra đời, tác phẩm tuyệt đối yên lặng. Nó có thể nằm im như thế đến muôn đời (như các bản văn cổ khắc trên đá). Người đọc thức tác phẩm dậy, hay chính tác phẩm thức người đọc dậy ?

Vả lại, như ta biết, sáng tạo cũng như thưởng ngoạn một tác phẩm văn chương không phải là làm một phép tính với kết quả tất yếu của nó, để truyền đạt một điều bất biến. Trong yếu tính, văn chương nghệ thuật là cái gì rất mông lung, đa nghĩa, co dãn. Điều đó, trong thơ nằm ở từ, trong văn nằm ở ý, ở thân phận của nhân vật, ở sự bất trắc của những tình huống, của các tình tiết. Một tác phẩm, dù cấu trúc có chặt chẽ đến đâu chăng nữa, nó vẫn là cái gì bất toàn, về phía người sáng tác cũng như về phía độc giả. Hơn nữa, một tác phẩm với một cấu trúc quá chặt chẽ, thường mất hết tính cách văn chương, trở thành một loại tiểu thuyết luận đề, một thứ quốc văn giáo khoa thư. Đặt dấu chấm cho một tác phẩm rồi,

tác giả vẫn luôn luôn băn khoăn về những gì mình viết ra. Đọc xong tác phẩm rồi, người đọc vẫn băn khoăn về những gì mình tiếp nhận. Băn khoăn kiểu Nguyễn Du:

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?

Bởi thế, dù chữ nghĩa thì khép kín, nhưng tác phẩm văn học luôn luôn là một sản phẩm mở. Nó chứa đựng những chiều sâu, đòi hỏi luôn được khám phá - đồng thời gợi lên những thăm dò, tra vấn. Trong quá trình thưởng ngoạn, người đọc vừa khám phá, tham dự, và trong chừng mực nào đó, sáng tạo thêm. Tác phẩm được làm mới lại.

Cũng như trong quá trình sáng tác, sự mới lại đó là do sự tương tác, trộn lẫn, nối kết các hình ảnh, biểu tượng, ý niệm mà câu, chữ, trong tác phẩm hình thành nên trong tâm thức. Không có quy luật ở đây. Mỗi cá nhân thưởng ngoạn một cách - và mỗi lần thưởng ngoạn, người đọc kinh qua một kinh nghiệm mới, một cảm nhận mới.

Xin tóm tắt các luận điểm trên như sau:

(1)		(2)		(3)		(4)
Hiện thực ngoại giới (sự vật) (A)	→	Tâm hình ảnh (B) biểu tượng (C) ý niệm (D)	→	Hiện thực ngoại giới (câu, chữ) (A')	→	Tâm hình ảnh biểu tượng (C') ý niệm (D')

(1) → (2): quá trình tích lũy
(2) → (3): quá trình sáng tạo
(3) → (4): quá trình thưởng ngoạn

Hiện thực ngoại giới A, sau khi trải qua quá trình tích lũy và sáng tạo, sẽ trở thành hiện thực A'. Những hình ảnh B, biểu tượng C, ý niệm D trong tâm thức người sáng tác, qua trung gian của tác phẩm, sẽ trở thành hình ảnh B', biểu tượng C', ý niệm D' trong tâm thức người thưởng ngoạn. Như thế, toàn bộ quá trình luôn luôn bất định. Điều này nói lên tính sống động của những sáng tạo văn chương.❐

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Bài oán thi
Đêm. Phương Nam
NGUYỄN XUÂN THIỆP

1.
tôi sinh ra dưới cội nghèo
ngôi nhà ẩn bên kia đồng cỏ
mẹ tôi răng đen mắt hạt nhãn
hái câu ca dao trên cành sen
mẹ lấy cha rồi yên phận
nuôi heo. nuôi gà. nuôi con
giọt máu tổ tông hằng hằng kiếp kiếp
truyền đi. truyền đi cho giáp một vòng
truyền đến cha tôi. tiếng đàn lưu thủy
đêm xưa. đêm xanh độc huyền
giữa khuya giật mình thức giấc
nghe đàn như nghe dỗ quyên

2.
phương nam. tôi là người từ xa
trở về ngôi nhà cổ
nửa đêm. đêm nay. nhìn ra vườn
không thấy bóng vầng trăng mọc muộn
bên đồng xa giọng hoành hoạch đổ rền
cây cỏ vườn khuya choàng tỉnh trong những tiếng động
từ chân trời dội lại
trời đen màu thủy mặc
cây sú bên tường rũ nhánh. một trăm năm và từng
loạt hoa rơi bên thềm
tôi nghe mưa về trên mái ngói
ánh đèn chao hắt ra từ khung cửa. soi những giọt nước
rơi vỡ trên đá xanh. trên ao. hoa
súng dã tàn. lẫn bông sú và ánh đèn.
lênh bênh màu cổ dại. những giọt mưa

rơi nhanh trên trí nhớ người
khắp vườn khuya gió dậy
dường như một đoàn tàu vội vã rời ga
gió. qua những lỗ trống. những bức rào gãy sập. hú hộc.
rít gào
ngôi nhà cổ vặn mình. dong dua. dong dua cánh cửa gỗ
nâu mục
một trăm năm dưới lớp ngói hư. dội rền tiếng búa trên
gốc cây sứ già
ai vừa tỉnh giấc. ai đứng dậy đi
kẻ sống. người chết
tiếng độc huyền âm. giọng ca xanh
những mẩu cổ tích cháy tàn trong bếp lửa
cha gầm khi cơn giông
hong tóc. mẹ dợi con về nồng mùi cỏ ngái
đứng lên rồi. đứng lên từ một góc của bóng tối. con ngựa
gỗ cụt đầu. cây đàn tróc sơn. chiếc
ghế xích đu kêu
những mảnh vỡ xưa dang hàn gắn. bức tranh cũ ố màu. hư
ảo dưới ánh đèn. hiện lên những ảnh
bóng phù du. vầng trăng. chiếc đèn
lồng đỏ. a những đứa trẻ trong tranh
không bao giờ lớn. chúng cười
về rồi. về từ gò đống. chòi hoang
những trang cổ tự đời qua mở lại. cồn gió chạy. vầng tóc
điên rú. bó chiếu đóm tre đi trên những
bãi bờ xa
tội nghiệp. tội nghiệp này đã rũ sạch chưa
gió tối vườn khuya dậy lời u hiển
ký ức tôi như trái chín hư
một màu trăng tự hủy
thời gian phai mau nỗi oán người
khuya nay. tôi đốt lên đống lửa
rạng ngời

rạng ngời của màu đêm mở

Về cái bẫy văn hóa của Nguyễn Hưng Quốc

Đỗ Minh Tuấn

Lời Tòa soạn: *Cuộc tranh luận về thơ giữa Đỗ Minh Tuấn, một nhà lý luận phê bình văn học trong nước và Nguyễn Hưng Quốc, tác giả cuốn "Thơ, v.v và v.v.." khởi sự trên Văn Học số 134 được tiếp tục trên số này với bài viết của Đỗ Minh Tuấn, trả lời bài trả lời của Nguyễn Hưng Quốc trên Văn Học số tháng 6. 1997. Đáng lý nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc có bài thảo luận với Đỗ Minh Tuấn ngay trên số này, nhưng vào phút chót, anh đổi ý, vì muốn viết một bài trả lời đầy đủ hơn. Xin quí bạn đọc đón xem bài viết của Nguyễn Hưng Quốc trên số sau, tháng 9. 1997.*

Trong bài 'Khế ước văn hoá trong bài thơ Con cóc' in trên *Văn Nghệ* số 9.1997 tôi đã chỉ ra cái cơ chế nguỵ biện của Nguyễn Hưng Quốc khi chứng minh thơ Con cóc là một bài thơ hay. Đó là cơ chế đánh tráo cấp độ và toạ độ, tương tự như cho Thị Nở bỏ qua sát hạch cảm tính của vòng thi sơ khảo vào thẳng cấp sát hạch lý tính của vòng thi ứng xử để tranh ngôi hoa hậu. Nói cách khác, để bác bỏ một sự thật cảm tính hiển nhiên là nước cống có mùi hôi, Nguyễn Hưng Quốc đã đưa nước cống vào dây chuyền công nghệ chế tạo biến thành các loại vitamin thơm tho, sạch sẽ. Thực chất đó là cơ chế đánh tráo toạ độ văn hoá, điểm nhìn văn hoá để xét lại khế ước văn hoá trong bài thơ Con cóc.

Trong bài 'Trả lời Đỗ Minh Tuấn' (đăng trên *Văn Học* số 134), Nguyễn Hưng Quốc cho rằng lập luận của tôi chỉ đứng vững khi tôi chứng minh được thơ Con cóc không phải là thơ. Đây là một thách thức triết học nghiêm túc nhưng lại là một vấn đề nguỵ tạo vì nó đụng chạm đến vấn đề sự tồn tại hiển nhiên của các tiên đề văn hoá phát lộ từ tâm thức văn hoá Việt Nam. Người ta chỉ có thể căn cứ vào tiên đề này để nghiên cứu giải mã tâm thức văn hoá của cộng đồng dân tộc, nhận diện quan niệm thơ ca của người Việt Nam, chứ không thể làm ngược lại là dùng quan niệm thơ ca do tiên đề ấy phát lộ ra để chứng minh cho chính tiên đề ấy. Đòi phải

chứng minh thơ Con cóc không phải là thơ chẳng khác nào đòi người ta tự túm tóc mình để nhấc mình lên.

Dưới đây, tôi sẽ lần lượt bác bỏ các ý kiến của Nguyễn Hưng Quốc về vai trò người đọc nói chung và những vấn đề liên quan đến bài thơ con cóc nói riêng.

1. Người đọc không phải là Thượng đế

Trong bài 'Trả lời Đỗ Minh Tuấn' Nguyễn Hưng Quốc cho rằng không chỉ riêng thơ Con cóc, mọi bài thơ đều có thể trở thành thơ và thơ hay do cách đọc nào đó. Theo quan niệm này, người đọc là người có quyền hạn tối cao, sự đọc của anh ta không bị qui định bởi văn bản hay các điều kiện lịch sử văn hoá khác.

Thế nhưng, cũng trong bài viết này Nguyễn Hưng Quốc lại khẳng định rằng tôi cảm nhận được cái chất thơ bàng bạc trong bài Con ếch là do đã có tri thức về Basho, về thơ thiền và thơ haiku nhờ đọc cuốn *Basho và thơ Haiku* của Nhật Chiêu xuất bản 1994 tại Việt Nam. Sự khẳng định này (cũng như sự khẳng định là tôi chưa có điều kiện đọc các lý luận về tiếp nhận văn học của phương Tây) hơi buồn cười vì thực ra là tôi chưa biết có cuốn sách của Nhật Chiêu về thơ Basho mà chỉ đọc bản dịch của ông trong một tài liệu khác ấn hành ở Mỹ. Song gạt bỏ những khẳng định võ đoán hùng hồn đó, ta có thể thấy trong ý kiến của anh cái ý tưởng của Gadamer (1960) cho rằng sự đọc bị quy định bởi một kiểu lý giải có trước như là toạ độ lịch sử văn hoá của nó. Tuy nhiên, anh mới chỉ dừng lại ở thuyết chú giải học của Gadamer mà chưa biết tới những quan niệm về tiếp nhận văn học của H.R.Jauss (1967) cho rằng sự tiếp nhận một tác phẩm cụ thể còn là sự tiếp nhận của một truyền thống văn hoá đối với các tác phẩm mang một truyền thống văn hoá khác. Nghĩa là người đọc thơ bị ràng buộc bởi một truyền thống văn hoá nào đó. Trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v..* sau khi dẫn ý kiến của Jonathan Culler nói về các quy ước riêng trong việc đọc thơ Nguyễn Hưng Quốc viết: "Nói đến quy ước là nói đến lịch sử. Mà Culler lại không chứng minh được điểm này". Rõ ràng, Nguyễn Hưng Quốc phải thừa nhận những ràng buộc lịch sử đối với quá trình tiếp nhận thơ ca. Chính vấn đề mà Culler không chứng minh được lại là nền tảng của mọi vấn đề: Lịch sử là cội nguồn văn hoá, văn hoá là nền tảng của ngôn ngữ và thi pháp, là hệ thống các biểu tượng, các ý nghĩa mà rốt cục sẽ tất yếu áp đặt vào sự đọc hệ giá trị của một cộng đồng. Người đọc không có quyền Thượng đế. Anh ta không chỉ đối diện với ngôn ngữ, ngôn ngữ chỉ là những viên gạch xây nên những hình tượng, biểu tượng

mà sớm muộn cũng bị thẩm định bởi hệ thống biểu tượng của nền văn hoá nơi anh ta sinh thành, cư trú và hiện diện như là một kẻ đọc tự do. Nếu anh ta là người Ấn Độ thì hình ảnh cái tai lợn sẽ gợi lên cảm xúc thiêng liêng của một biểu tượng tôn giáo, nếu anh ta là người Việt Nam thì cái tai lợn có thể chỉ gợi cái thiêng liêng nhờ ký ức về bữa cỗ quê hương mà thôi! 'Sự hồi âm của người đọc' chính là sự hồi âm của lịch sử, của cộng đồng tiếp nhận và truyền thống văn hoá chi phối sự đọc của anh ta.

Trở lại ví dụ về bài thơ Con ếch của Basho. Dịch giả Nhật Chiêu đã truyền đạt được cái thần thái văn hoá của bài thơ qua từ ngữ của ông khiến bài thơ hiện diện qua bản dịch không bị biến dạng về văn hoá. Một dịch giả kém hơn, dùng từ ngữ khác có thể làm bài thơ bị chênh kênh văn hoá với người đọc Việt Nam. Khi dịch câu thơ 'Chiều chiều lại nhớ chiều. Nhớ chàng quân từ khăn điều vắt vai' ra tiếng nước ngoài thành 'Chiều chiều lại nhớ chàng thanh niên khăn phu la đỏ vắt vai' thì câu thơ đã bị mất đi những tín hiệu văn hoá, mất đi những thông tin từ cảm xúc văn hoá, ký ức cộng đồng vốn có do nó bị lưu đày về văn hoá. Bài thơ của Basho cũng vậy, khi dịch sang tiếng Việt, những hình tượng 'cái ao', 'con ếch', vốn là những ký ức văn hoá quen thuộc nên ta dễ cảm nhận, nhưng khi dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh, liệu người đọc châu Âu có cảm nhận được những vang vọng trong bài thơ không? Nếu người dịch thơ không đồng thời làm một chuyển dịch văn hoá, chú giải văn hoá như cách Suzuki đã làm trong Thiền luận, thì người đọc phương Tây có thể phổ vào nó một linh hồn khác, chẳng hạn tìm thấy ở bài thơ Con ếch một thông điệp về bảo vệ môi trường, hoặc một ẩn dụ về các nước chậm phát triển, v.v... và v.v... Bài thơ của Basho lúc đó chỉ còn là một bao bì đựng một văn hoá khác. Đó chính là sự xuyên tạc về văn hoá, hệ quả của thẩm định tự do. Luận điểm của Nguyễn Hưng Quốc cho rằng người đọc là tất cả, cách đọc mới làm mới, làm giàu quá khứ chỉ là sự trình bày cực đoan quan điểm của J.P.Sartre và R. Barthes tuyên bố rằng tác giả đã chết, coi văn bản chỉ là ngòi nổ của trí tưởng tượng, không tính đến nội dung văn hoá tương đối ổn định đằng sau những biến hình vô tận của ngôn ngữ và hình tượng trong thơ ca. Mặt khác, quan niệm coi phê bình là sự sáng tạo ra nhà văn mà anh đưa ra thực chất là quan điểm của nhà phê bình người Anh F.Lavis. Lịch sử nghiên cứu về tiếp nhận văn học đã vượt qua các quan niệm này để đi tới ý thức về quan hệ đối thoại giữa nhà phê bình và tác phẩm văn học. Người viết chỉ thực sự thành công khi trong tác phẩm đưa ra để đối thoại với người đọc, mời gọi người đọc tham dự vào sáng tạo tiếp anh ta đã đưa ra một cơ cấu truyền cảm tương đối hoàn chỉnh, mang định hướng

thẩm mỹ, nhằm đưa người đọc vào một môi trường văn hoá cụ thể có sức mạnh cải tạo, biến đổi cuộc sống. Các nhà nghiên cứu tiếp nhận văn học như Bakhtin, Khrapschencô, A.R. Skaftumop (Nga), Manfret Nauman (Đức) và M.Duffrene (Pháp) đã đề cao tính định hướng trong tác phẩm, coi tác phẩm có hàm chứa khả năng cãi lại người phê bình, không tán thành phong quyền hạn tự do cho người đọc để bắt tác phẩm lệ thuộc theo. Bài thơ hay có thể vượt thoát khỏi những ý đồ cụ thể của người viết chứ dứt khoát phải mang một thái độ văn hoá nhất định của nhà thơ có khả năng kiểm soát người đọc bởi những chuẩn mực trong bản thân tác phẩm. Khi đó, tác phẩm hiện diện như một 'đề án tiếp nhận', nhà thơ hiện diện trước người đọc như một bản lĩnh thơ, một phong cách, một bản sắc để đối thoại với cách đọc của nhà phê bình, nếu không anh ta chỉ là kẻ nịnh bợ, đàng điếm, a dua. Nói cách khác, một bài thơ hay, một nhà thơ giỏi phải là một bản ngã văn hoá dám đối đầu với người đọc, dấn thân vào mọi tầm đón nhận để mời gọi sẻ chia, tranh cãi và đối thoại dù có thể bị tiêu vong như giá trị tôn giáo tạm tiêu vong trước sự báng bổ của những kẻ dị giáo để trường tồn trong nhà thờ của nó, giữa nền văn hoá mà nó cộng sinh và biến nó trở thành thiên sứ. Ngược lại, những bài thơ dở như bài thơ con cóc là những bài thơ mới ở dạng nguyên liệu, nó còn cần một công - nghệ - đọc để trở thành sản phẩm văn hoá hoàn chỉnh đủ khả năng đối thoại nên nó rất dễ trở thành thuộc địa văn hoá bị người đọc từ một văn hoá khác chiếm đoạt.

2. Mã văn hoá trong thơ Con Cóc và phản tiếp nhận theo kiểu Harold Bloom

Không phải ngẫu nhiên mà từ bao đời nay, người Việt Nam nhất trí coi bài thơ Con cóc là một phản mẫu. Người Việt Nam bị dị ứng với cái gì lộ diện rõ quá, không ưa những hành vi hướng ngoại một chiều, ghét cách nói huych toẹt thiếu độ tế nhị và mềm mại. Bài thơ Con cóc có đủ những phẩm chất đáng ghét ấy. Con cóc trong hang 'nhảy ra' gợi một sự hiện diện sỗ sàng, con cóc 'ngồi đấy' gợi một sự lỳ lợm thách thức, con cóc 'nhảy đi' gợi một sự hướng ngoại, ly tâm, mất gốc không có hậu, khác với con ếch 'nhảy vào ao cũ' trong thơ Basho. Như vậy theo mỹ học hoàn hình của Gestal cả ba động tác, ba tư thế đó tổ hợp lại thành một chỉnh hợp văn hoá dị biệt với văn hoá Việt ở cả hành vi và cách diễn đạt hành vi. Điều thú vị là, cái dở của hành vi bị sát nhập vào cái dở của cách diễn đạt tạo nên một hiệu ứng cộng hưởng về thẩm mỹ khiến người Việt Nam từ trong vô thức cộng đồng cảm nhận được cùng một lúc cái nhâng nháo, vô

tích sự của con cóc và sự diễn đạt sỗ sàng huych toẹt của ngôn từ - đó là một cảm nhận văn hoá có cội nguồn lịch sử. Cách cảm nhận của Nguyễn Hưng Quốc chênh kênh với cảm nhận của đại đa số người Việt Nam, anh đồng cảm với cái thẳng băng, cái hướng ngoại một chiều xa lạ với văn hoá Việt Nam xưa nay (tôi không khẳng định về tương lai). Chẳng hạn, anh coi hai chữ 'nhảy đi' gợi không gian vô định, nhưng cái vô định này lại được chiếm lĩnh bởi cái nhìn dấn thân và tâm thế của người mất phương hướng theo kiểu A. Camus và J. Paul Sartre. Nếu đọc bằng tâm thức văn hoá phương Đông thì có thể cảm nhận hai chữ 'nhảy đi' theo hướng khác để thấy thơ con cóc là tín hiệu về sự lệch nhịp với thần linh. Theo cảm quan văn hoá phương Đông thì thần thánh là không địa chỉ, 'thần vô phương' (Kinh Dịch). Thần thánh chỉ biến đi, không rõ đi đâu. Trong các truyện cổ tích Việt Nam thần tiên thường hoá thân thành con cóc xấu xí để thử lòng người sau đó lại hiện nguyên hình là người đẹp, là tiên, là hoàng tử. Bài thơ con cóc có thể được giải mã, cảm nhận như là một tiếng thở dài tiếc nuối thời đại khi đã mất đi cơ hội giáp mặt với thần linh - thần linh đã hiện diện, đã đợi chờ và đã biến đi nhưng con người không được hội ngộ vì mù thiêng, mù truyền thống nên không nhìn ra cái thiêng liêng trong cái thế tục. Nhưng ngay cả cách đọc này không đứng vững bởi vì nó có một áp đặt tinh tế trái với lôgíc trong vô thức cộng đồng. Trong các truyện cổ tích, thần tiên bao giờ cũng biến đi từ nguyên dạng thần tiên, không bao giờ biến đi trong dạng lốt trá hình. Vậy là trong tâm thức người Việt, con cóc với tư cách là hình thức hiện diện của các lực lượng siêu nhiên mang nguồn hy vọng cứu tinh phải là con cóc nhảy về hang, con ếch nhảy vào ao cũ. Con cóc nhảy đi là một đối cực của niềm hy vọng sâu thẳm đó, nó không gợi về thần tiên mà ngược lại nó gợi về sự lẩn tránh, sự đào ngũ, sự bỏ rơi, sự ly thân của con người. Đó là các hệ quả của một cảm nhận theo hướng đọc lại bài thơ con cóc bằng tâm thức văn hoá Việt. Cách đọc lại bài thơ Con cóc của Nguyễn Hưng Quốc không tính đến những tín hiệu văn hoá đó. Thực chất cách đọc này chỉ là sự ứng dụng truyền bá có ý thức lý thuyết 'phản tiếp nhận' của Harold Bloom (Mỹ) tác giả cuốn *Bản đồ đọc nhầm* (A Map of Misreading) xuất bản năm 1975 trong đó vạch ra các phương thức lộn trái cách hiểu cũ đối với một tác phẩm, đưa nhà phê bình lên ngôi vị mới tuỳ tiện sáng tạo ra tác phẩm.

Tất nhiên, Nguyễn Hưng Quốc và bất cứ ai có quyền đọc lại, có quyền diễn dịch, có quyền tiếp nhận và phản tiếp nhận theo cách của mình, theo văn hoá của một cộng đồng nào đó chẳng phải Việt Nam để tìm ra cái hay của thơ Con cóc, cái dở của Truyện Kiều làm hành trang văn hoá cho

mình. Điều đó bình thường, lành mạnh và dân chủ. Nhưng nếu Nguyễn Hưng Quốc và ai đó nữa, muốn đem kết quả của phản tiếp nhận đó áp đặt vào đời sống dân tộc, để phê phán cách cảm nhận trong quá khứ và hiện tại của người Việt, thì đó chính là thái độ xâm lược, nô dịch về văn hoá. Mọi sự du nhập cộng sinh văn hoá, tiếp biến văn hoá chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở bảo tồn bản sắc, cái mà một dân tộc xưng danh trước nhân loại như là chính nó. Mất bản sắc văn hoá là mất dân tộc, dân tộc bị đồng hoá trở thành mảnh vụn của một văn hoá khác. Nhận thức được nguy cơ huỷ hoại văn hoá của quá trình phát triển, UNESCO và các tổ chức văn hoá quốc tế đã đặt ra vấn đề xử lý mối quan hệ giữa văn hoá và phát triển, lấy văn hoá dân tộc làm mục tiêu và động lực của mọi quá trình phát triển, tổ chức hằng loạt hoạt động trong chương trình Thập kỷ văn hoá vì sự phát triển. Khi tuyên bố cần phải cãi lại vô thức cộng đồng để tạo điều kiện cho sự vận động, thay đổi và tiến bộ, hình như Nguyễn Hưng Quốc không biết đến cảnh quan thời đại trong các chương trình kể trên nên đã có vẻ lấy sự đổi mới, sự phát triển văn học làm cứu cánh để cư xử với bản sắc văn hoá mà anh coi là cũ. Đó là cách làm của phương Tây ở đầu thế kỷ. Đồng nhất cái bản sắc với cái cũ, đồng nhất cái ngoại lai với cái mới, Nguyễn Hưng Quốc tỏ ra chưa quan tâm đúng mức tới sự trường tồn của bản sắc với tư cách cái mới vĩnh cửu trong giao lưu văn hoá bình đẳng. Nếu cái ngoại lai là mới thì văn hoá của chúng ta du nhập vào các dân tộc Âu Mỹ cũng chính là cái mới của họ chứ sao? Nếu văn hoá của ta đủ mạnh, họ có thể học ta làm thơ lục bát bằng tiếng Pháp, tiếng Anh như đã từng học theo thơ Đường, thơ haiku, học theo mặt nạ Phi, nhạc Rock, tuồng tàu, Hà Đồ Lạc thư và Kinh Dịch. Chẳng phải trường phái thơ Beat lừng danh của Mỹ cũng là một hành trình di cư văn hoá hướng về tâm thức phương Đông đó sao?

Khi nói đến khái niệm 'nước ngoài' và 'người nước ngoài' trong bài viết trao đổi với Nguyễn Hưng Quốc tôi không có ý bài ngoại, càng không phải tự ti, mà trái lại bằng tự trọng văn hoá của một người Việt, tôi muốn nhấn mạnh những dị biệt văn hoá trong sự đọc lại bài thơ Con cóc của Nguyễn Hưng Quốc. Trong ý nghĩ đó, người sống ở nước ngoài mà mang văn hoá Việt thì không được coi là người nước ngoài trong lập luận của tôi, ngược lại, người sống trong nước mà mang văn hoá ngoại lai thì không được coi như người Việt. Cho nên, Nguyễn Hưng Quốc không nên hiểu lầm rằng tôi gạt bỏ tất cả văn học của người Việt hải ngoại ra khỏi nền văn hoá Việt Nam.

Không ai có thể gạt được ai ra khỏi nền văn hoá mà anh ta đang là. Bảo vệ và khẳng định bản sắc văn hoá dân tộc là công việc của tất cả

những ai không muốn mình mất gốc - việc đó là tự nguyện, xuất phát từ một nhu cầu từ trong đáy thẳm linh hồn, không phải là việc làm vì ai và theo mệnh lệnh của ai. Thực tế, lịch sử nhân loại cho thấy có rất nhiều trí thức vì đau đáu với hồn nước, với bản sắc riêng của cộng đồng nơi mình là thành viên mà phải đấu tranh quyết liệt với những xu hướng những hành vi có tính chất vong bản, phá hoại văn hoá dân tộc của một bộ phận những người quản lý đất nước xưa nay. Nếu không có sự đấu tranh bền bỉ và quyết liệt để giữ gìn bản sắc - cái bản sắc văn hoá mà Nguyễn Hưng Quốc chê là cũ ấy, cái bản sắc đã định hình qua ngàn năm văn hiến trong vô thức cộng đồng, thì rất có thể cái bản sắc ấy cũng đã dần phai nhạt, biến thiên do nhiều 'thí nghiệm' lệch hướng văn hoá được chấp nhận, được quảng bá và duy trì trở thành vô thức cộng đồng đúng như anh đã nói. Thế nhưng cái vô thức cộng đồng mới ấy có còn mang bản sắc riêng nữa hay không, hay đó chỉ là vô thức của một cộng đồng khác tràn sang và đồng hoá xong về văn hoá? Chính sự bền vững tương đối của vô thức cộng đồng phải được người trí thức nhìn nhận như một nguy cơ, chứ không thể thản nhiên khai thác nó, đẩu cơ nó để vô tình hay cố ý làm nhạt đi, mờ đi, mất dần đi cái bản sắc đã có sau biết bao biến thiên lịch sử và văn hoá.

3. Cái bẫy văn hóa đằng sau thi pháp mới

Khi chứng minh bài Con cóc là thơ hay, Nguyễn Hưng Quốc bộc lộ có ý thức chiến lược học thuật của nhà phê bình. Nguyễn Hưng Quốc đã tuyên bố rõ trong một bài trả lời phỏng vấn in trên *Hợp Lưu* số 32/1997: "Nếu trước đây người ta chỉ cần phán: 'Thơ Con cóc là một bài thơ dở, cực dở, dở nhất Việt Nam' một cách an toàn tuyệt đối, thì hiện nay (sau khi Nguyễn Hưng Quốc chứng minh thơ Con cóc là hay -Đ.M.T.), khi muốn chê thơ Con cóc là một bài thơ dở, người ta lại phải chứng minh là nó dở thật". Có đúng là sự phân tích của Nguyễn Hưng Quốc đã làm đảo lộn tâm thức văn hoá của người Việt, lôi bài thơ Con cóc từ ngôi vị Chúa tể thơ dở xuống bình địa của một bài thơ như trăm ngàn bài thơ bình dân, thậm chí phải gánh vác số phận khốn khó của Vua Lia khi bị mất quyền không? Hoàn toàn không! Thơ Con cóc từ ngàn năm vẫn được coi là đền thờ thần Thơ dở, với quyền uy tôn giáo do vô thức cộng đồng tôn phong, nằm trong cấu trúc tâm thức văn hoá Việt Nam, thể hiện nét độc đáo có một không hai của văn hoá Việt Nam là sự biểu tượng hoá, thần tượng hoá và thiêng liêng hoá các lực lượng tiêu cực bị loại trừ phỉ nhổ, khinh chê trong đời sống thế tục (việc thờ kẻ cắp, thờ những ác nhân hay quỷ dữ để

cảm thấy yên ổn trong tâm linh). Cái thiêng của những đền thờ âm tính kiểu này tồn tại bằng một lôgíc văn hoá siêu việt, không phải là hệ quả trực tiếp của nhận thức lý tính hay sự yêu ghét cảm tính trong đời thực nên nó chẳng hề bị mai một trước sự phán xét từ các góc độ khoa học hay dị giáo. Cũng giống như khí cacbonnic nằm trong nhịp thở ra của con người nhưng lại nằm ở nhịp thở vào trong cơ chế hô hấp của cây xanh, thơ Con cóc nằm ở nhịp thở ra của cấu trúc văn hoá Việt Nam nhưng lại trở thành dưỡng khí trong một cơ chế văn hoá khác mà Nguyễn Hưng Quốc chọn làm điểm nhìn phân tích. Nếu như sau khi các nhà sinh học phát hiện ra cây xanh hấp thụ cacbonnic con người không thấy việc mình thải ra cacbonnic là sai lầm, thì sau khi Nguyễn Hưng Quốc đọc lại bài thơ Con cóc phát hiện thấy những cái hay của nó đòi được hấp thụ, văn hoá Việt Nam cũng không cần phải xét lại nhịp thở ra của mình mà vẫn sẽ cứ vận hành như đã vận hành với những quy ước định hình thành bản sắc sau mấy ngàn năm. Vì thế, nếu ai đó lo lắng rằng những ý tưởng của Nguyễn Hưng Quốc sẽ làm đảo lộn thật giả trắng đen nơi đời sống văn hoá Việt Nam thì đã quá đề cao ý kiến của Nguyễn Hưng Quốc, đặt nó ở thế đối trọng với tâm thức văn hoá bền vững của cả cộng đồng. Nếu một ý kiến mà đe doạ thay đổi được cả hồn nước thì chúng ta đã chẳng phải chứng kiến sự thất bại, kém hiệu quả của nhiều chủ trương, chính sách mới trước nhiều tập tục, hủ tục, lề thói được duy trì bởi một tâm thức văn hoá đã định hình. Tuy nhiên, nếu không có sự đối thoại học thuật với những ý kiến như của Nguyễn Hưng Quốc thì những ngộ nhận chân thành và nghiêm túc của tác giả cũng sẽ dễ loang rộng gây ra một rạn nứt chia cắt ý thức và tâm thức độc giả, làm bối rối hoang mang và lệch hướng trong ý thức về chiến lược phát triển văn hoá Việt Nam.

Dĩ nhiên, nếu xét thấy đề xuất của Nguyễn Hưng Quốc về đổi chuẩn văn hoá là một dự án táo bạo mở ra một vùng đất Hứa cho tương lai văn hoá dân tộc, chúng ta có thể làm lại từ đầu, chấp nhận vứt bỏ những chuẩn mực, những bản sắc đã hình thành trong một lịch sử mấy ngàn năm để xây dựng một bản sắc mới, một tâm thức văn hoá mới, theo gợi ý của đề án đó. Chưa biết chừng canh bạc này có thể thắng to trong mấy trăm năm sau. Nhưng, làm như thế có dại dột và liều lĩnh hay không?

Đó là nói đến tận cùng bản chất vấn đề. Thực ra, đọc bài trả lời phỏng vấn của Nguyễn Hưng Quốc trên các tạp chí *Văn Học, Hợp Lưu* thấy rõ anh chỉ say sưa với cuộc cách mạng thi pháp mà không hề có ý thức về các ý đồ, các mục tiêu văn hoá. Trong quá trình mải mê truyền đạt ý tưởng về thi pháp mới cũng có lúc Nguyễn Hưng Quốc bước lạc vào địa hạt tư tưởng xã hội mà trong đó anh không buông tha cả cái chính trị của văn

Trăng
CAO THỊ NGUYỆT LÃNG

Nửa đêm ra dón trăng xú lạ
Cây rừng mình ngã xuống tịch không
Khói hay sương phơi trên ngàn lá
Vườn trăng thềm cũ bước qua hồn...

chương hải ngoại. Người đọc thiện chí dù không thích một số cảm nhận mang màu sắc chính trị, có phần suy diễn và gán ghép cho bài thơ Con cóc làm vẩn đục vấn đề thi pháp, nhưng có thể thông cảm được vì đó chỉ là những liên tưởng quá đà không có ý thức chủ đích. Song, không thể nào chấp nhận được sự vô tâm văn hoá của anh khi đọc lại bài thơ Con cóc - anh đã vô tình hoặc cố ý quên rằng thơ Con cóc không phải là sáng tác cá nhân mà là sáng tác dân gian và sự lựa chọn của cách đọc dân gian từ bao đời nay, vì thế phải cư xử với nó như là một đối tượng văn hoá mang mã số của vô thức cộng đồng. Lãng quên điều này Nguyễn Hưng Quốc đã xử lý một vấn đề mang bản chất văn hoá như một vấn đề thi pháp thuần tuý mang tính phổ biến và phi bản sắc. Sự đánh tráo cấp độ và toạ độ đó đã tạo nên sự hấp dẫn của một ảo thuật hiện đại kiểu David Copperfield trong đó cái làm người ta bất ngờ và thú vị là cuộc ú tim với cái bản chất văn hoá bị che khuất sau vấn đề thi pháp. Và vô tình Nguyễn Hưng Quốc đã giăng ra một cái bẫy văn hoá trong cách đọc lại bài thơ Con cóc như là đọc lại một thi phẩm của một cá nhân. Và chính anh lại là người mắc bẫy đầu tiên vì khi anh lầm 'bãi rác văn hoá' của một cộng đồng là bãi đất hoang để rồi say sưa đào móng xây lên ngôi nhà thi pháp mới thì càng xây cao càng lâm vào thế kẹt của một ngôi nhà xây trên lô đất mượn. Cách duy nhất để thoát ra khỏi chiếc bẫy này là hãy coi sự đọc lại bài thơ Con cóc chỉ là một cuộc mượn đất triển lãm về thi pháp. Sau khi lý thuyết về thi pháp đã được quảng bá, hãy trả lại bài thơ Con cóc về đúng vị trí của nó là Khế ước văn hoá về cái dở của Thơ, là phản mẫu của Thơ Việt Nam vì nó mang một phần mã số của bản sắc trong cái computer văn hoá dân tộc mà nếu như mã số ấy bị xoá đi thì rất có thể rất nhiều thông tin văn hoá trong ký ức cộng đồng cũng sẽ bị trở thành quên lãng, hư vô.

Hãy bấm *Save* cho bài thơ Con cóc.❐

Thủ lĩnh trong bóng tối

Phạm Thị Hoài

Đúng mười năm trước, tôi được đưa đến ra mắt Trần Dần, sau khi ông đọc bản thảo một số truyện ngắn đầu tay chưa công bố của tôi. Làng văn Hà Nội khi ấy, trong đêm trước của cuộc cởi trói ngắn ngủi, có một không khí rộn rịp nhất định, chẳng được như Paris, Berlin, Mạc Tư Khoa những năm 20, 30, song dân văn cũng chạy ngược xuôi trong văn, chứ không tất tả trong tiền bạc như bây giờ, cả người viết lẫn người đọc đều chờ một cái gì không rõ, nhưng thật sự háo hức, không lãnh đạm như hiện tại. Khi đó chưa nhà nào có điện thoại riêng, muốn trò chuyện phải gặp nhau tận mặt, rượu tây chưa phổ biến, thức nhắm còn nghèo nàn, thuốc lá Liên Xô Ấn Độ đã là sang, đi xe máy là ngoại hạng, và mọi người đều viết tay trên giấy xấu, tiền thuê đánh máy không phải ai cũng có... Cảnh hàn vi đó nuôi lớn một thứ chủ nghĩa lãng mạn giản dị, đầy tính lý tưởng và cũng đầy ảo tưởng mà giờ đây đã biến mất. Hà Nội, khi Trần Dần qua đời, khác xa mười năm trước, khi tôi hồi hộp đến gặp ông như gặp một thủ lĩnh văn chương trong bóng tối.

Không người viết nào muốn thuộc về phía tối của đời sống văn học, song khi phía được chiếu sáng quá tầm thường, thì được khuất mặt có thể là một hãnh diện chính đáng. Trước khi ông tướng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp đại náo làng văn, thì Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP) với mọi huyền thoại của mình đã luôn là một trong những cái chợ đen, chợ đuổi có sức mê hoặc lớn hơn cửa hàng văn học mậu dịch nhiều. Văn học của NVGP tập trung ở những tác giả và tác phẩm cụ thể của nhóm ấy thời ấy, nhưng tôi quan niệm tinh thần NVGP rộng hơn, bao trùm một số quan niệm, phong cách, nguyên tắc, thái độ ứng xử, đề tài... nhất định, có thể tìm thấy ở những chỗ khác thời khác, ở độc giả, ở các nhà phê bình, thậm chí ở những người từng quyết liệt chống NVGP hoặc rất sợ dính vào đó nữa. Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn luôn ký tên hàng đầu trong những bản án chống NVGP, song chính cái tinh thần NVGP trong ông

được kết hợp thế chân kiềng với tài năng và lòng biết sợ đã tạo cho ông một đặc cách trong văn học chính thống. - tất cả các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng tương tự như vậy. Song sau nhiều chục năm, số tác phẩm ra đời trong những hoàn cảnh như thế không còn đọng lại bao nhiêu. Như thể không ai chết được nhiều lần, mà trong tinh thần NVGP ấy, các chiến sĩ ưu tú nhất đã ngã xuống cho những lý tưởng khác trước khi kịp ngã xuống cho nghệ thuật. Khi tiếp xúc với môi trường của họ, tôi đã hy vọng là sẽ trèo qua nhanh cái nấc thang thứ nhất đương nhiên là rất quan trọng, vì nếu không thì chẳng vào với nhau được: đó là bi kịch mà ai cũng biết ít nhiều về NVGP. Hoặc nếu đã bận tâm vào đó thì không thể chỉ rỏ nước mắt vào rửa những vết thương bên ngoài. Tôi đã hình dung rằng những vị tử vì đạo rất ghét kẻ nào chạy lăng xăng quanh nỗi đau của họ, ăn theo những thăng trầm của họ. Tôi đã chú tâm hơn vào những bi kịch văn học, cho nên nấc thang sau và sau nữa thực sự mới là cái đích của tôi.

Văn học không chỉ sinh ra từ cuộc đời bên ngoài, mà còn sinh ra từ chính văn học. Khi bước vào nghề văn, tôi muốn biết cái nồi văn mà tôi đang nấu hoặc định nấu, được kê bằng cái gì, được đun bằng cái gì. Đến đây thì sự phức tạp bắt đầu. Trừ ngoại lệ lớn nhất và bền bỉ nhất là Trần Dần, cùng một vài người chịu ảnh hưởng trực tiếp của ông, nói chung, tôi luôn có cảm giác rằng giữa những người theo tinh thần NVGP và tôi, tuy có trò chuyện, nhưng hầu như không có một đối thoại thật sự, và những cuộc trò chuyện giữa đôi bên bao giờ cũng chỉ dừng ở một chiều sâu vừa phải nào đó thôi, không thể đi quá một chút nào, và luôn luôn quanh quẩn ở cái nấc thang thứ nhất kia. Dường như thời gian ở chỗ họ từ lâu lắm rồi đã không nhích thêm nửa bước, tôi thì đầy sự nôn nóng của tuổi trẻ, mà lại phải rất cẩn thận để không làm tổn thương ai. Luật của người Việt là như vậy. Đày đọa người khác thì được, nhưng làm người khác mất lòng thì không. Tôi không thể nói thẳng với họ, rằng tôi không nhất thiết phải đọc họ chỉ để biết rằng nhà văn cần yêu ai cứ nói là yêu, ghét ai cứ nói là ghét; điều đó tôi học ở chỗ khác nhiều rồi, mà không phải là học qua văn chương. Nói như thế là bạc, là phản bội, là rũ trắng mọi khổ đau đen ngòm của người khác. Nhưng có lẽ tôi đã kỳ vọng ở họ hơi nhiều quá. Khi tuổi trẻ bị bịt đường lên phía trước, thì nó ngoảnh lại phía sau mãi như vậy, và thành những ông cụ bà cụ non. Tôi đã tìm kiếm một lối để thoát khỏi văn học Việt Nam đương đại. Cái văn học đó buồn tẻ, nhưng cuối cùng thì lối thoát của nó không phải là giật lùi về đỉnh cao của những năm 50. Cũng như vậy, văn học đổi mới ngày nay cũ nát thật, song nó không nên ngoảnh lại tiếc nuối cao trào 1988-1989.

Trong những điểm cốt yếu, văn học của nhóm NVGP cùng một bản chất với văn học chính thống sau này. Có thể coi đó là sơ kỳ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Còn phần lớn các tác phẩm cuối những năm 80 mà trong nước tuy gọi đùa, nhưng có lý của nó, là *Nhân Văn 2*, ngoài nước gọi là *văn học phản kháng*, là mạt kỳ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Thực ra những người làm nhiệm vụ duy trì và bảo vệ văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa có thể yên tâm lâu dài: một mạt kỳ có thể kéo thêm cả thế kỷ, mà theo đánh giá của tôi, văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa hoặc một cái gì na ná như vậy còn có tương lai vô tận ở Việt Nam. 500 hội viên này của Hội nhà văn Việt Nam có thể được thay bằng 500 hội viên khác, song 50 triệu người đọc thì không bãi đi để bầu mới nhanh như vậy được. Nền văn học này cũng đẻ ra một số tài năng và những tác phẩm có thể xúc động lòng người. Nhưng các tác giả và tác phẩm của nó giống nhau, hoàn toàn không có cá tính, đúng như Trần Dần đã nhận xét, năm 1955, về tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, rằng thậm chí những câu hay của Tố Hữu cũng không có chữ ký riêng, có thể ký ở dưới là Nguyễn Du, Tản Đà, hay Ca Dao đều được.

Những người có tên tuổi ở thời NVGP cũng không tránh được điều đó. Một số bài thơ của Lê Đạt và Phùng Quán thuở ấy có thể ký lộn cho nhau không sao, sau này thì Lê Đạt tách được để có một chữ ký cho mình, và ông bị Trần Mạnh Hảo, một nhà thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa mạt kỳ phủ đầu, chính vì đoạn sau này. Bài ca Sông Đuống của Hoàng Cầm, hay Màu tím hoa sim của Hữu Loan đi vào lòng người vì những lý do khác, chứ không phải vì đạt tới cái mà Trần Dần đòi hỏi, ngay từ thuở ấy, rằng nhà thơ trước hết phải có được cái chữ ký riêng của mình. Ông cũng chưa ngay rằng đương nhiên còn phải xem kỹ cái chữ ký ấy nó như thế nào, nhưng mức tối thiểu là phải đạt được như vậy. Lịch sử văn học VN nửa thế kỷ qua cho thấy, cái tối thiểu mà Trần Dần yêu cầu ấy đã hầu như không đạt được. Cho nên, phần lớn tác phẩm của ông, mỗi dòng là mỗi riêng một cõi, càng lúc càng riêng, riêng tới mức cực đoan, riêng tới mức bí hiểm phải giải mã, phải cần đến một từ điển Trần Dần, không có cách nào khác là làm phận bản thảo nằm. - ông là một bi kịch văn học lớn mà cái bi kịch chính trị của NVGP chỉ là một trong những bè đệm mà thôi. Còn ở một số người khác, thì NVGP là sân khấu, thậm chí có sự trình diễn của các vai nạn nhân, còn văn chương chỉ đóng một vai rất phụ. Cho nên, nói về ông bây giờ mà không qua cái nấc thang thứ nhất kia cùng là tí ti minh oan tí ti phục hồi tí ti thương cảm thì khác nào nhổ sơ sơ vài ngọn cỏ cho sạch vài phân vách đá, nhưng đằng sau đó là Ăngco, để dùng lại một biểu tượng mà ông ưa dùng. Bất hạnh lớn của Trần Dần là NVGP, nhưng bất

hạnh còn lớn hơn của ông là ông đã quẳng gánh NVGP từ lâu lại sau lưng, còn người đời thì vẫn è lưng ra gánh mãi. Sự nghiệp của ông không chấm dứt với năm 1958, mà mở đầu từ đó, và đạt tới cao trào trong khoảng 15 năm, từ giữa những năm 70, nghĩa là liên quan không nhỏ tới việc Sài Gòn thất thủ, đến cuối những năm 80, khi ông ngã bệnh.

Bi kịch của Trần Dần là bi kịch của một nhà cách tân, có lẽ là nhà cách tân lớn nhất và sâu sắc nhất trong văn học miền Bắc Việt Nam nửa thế kỷ qua. Việc ông đi theo cuộc cách mạng của Đảng Cộng sản cho đến NVGP là việc dễ hiểu, bởi đôi bên khi ấy cùng chung nhau một chữ cách, cách mạng, cách tân, cùng chung nhau một ý tưởng đổi mới. Việc diễn ra sau đó đối với ông, theo tôi, cũng là một tất yếu. Tôi không cho rằng ông bị hiểu nhầm, mà ông bị không hiểu. Không hiểu chứ không phải hiểu nhầm. Hiểu nhầm thì còn chữa lại được, chứ không hiểu thì khó thay đổi hơn nhiều. Một người như thế sống ở bất kỳ đâu cũng khó. Còn ở một nơi mà tính đại chúng là tiêu chuẩn tối thượng của văn chương nghệ thuật, một nơi mà sự phục tùng một tổ chức, một quyền uy nào đó, một thế lực nào đó là kim chỉ nam cho mọi hành vi văn chương thì một người như thế phải bị đày đọa, bị tẩy chay, hoặc nhẹ nhất là bị bỏ qua. Trong văn học Việt Nam, tôi chưa biết một trường hợp nào mà ham muốn sáng tạo và cách tân quyết liệt như ở Trần Dần. Nghĩa là ham muốn vượt qua, hoặc ít nhất là khác đi với cái cũ, hoặc cái đã trở thành cũ, ở bên ngoài mình đã đành, lại còn liên tục tự mới với chính mình, tự vượt qua mình, mà lại làm điều ấy trong từng chi tiết, cho đến tận nét chữ chẳng hạn. Ông có 4 kiểu chữ hoàn toàn khác cách nhau: cho giai đoạn đến NVGP những năm 50 là một, giai đoạn ngắn sau đó, đầu những năm 60 là hai, giai đoạn đến đầu những năm 80 là ba, từ đó đến nay tuy chung một kiểu chữ là bốn, nhưng ngay trong một kiểu này cũng có nhiều phát triển khác nhau, kèm theo một khoa chính tả khác thường và một thư pháp, hay thư họa rất đặc trưng Trần Dần. Chỉ riêng điều có thể coi là nhỏ nhặt trong cái khối khổng lồ là ông- để dùng lại chữ của Dương Tường- đã làm việc đọc ông rất phức tạp, mà lại càng không thể công bố nhiều tác phẩm của ông ở dạng in ấn bằng những con chữ thông thường.

Trần Dần đương nhiên là khó hiểu. Ông đã trả lời một nhà văn lứa mới chắc là vấp sưng chân lên với sự khó hiểu này một cách hết sức giản dị rằng: Tất cả mọi giá trị Chân Thiện Mỹ đều là khó hiểu. Khi ông nói rằng: *Cái đẹp giết chết cái đẹp*, thì một câu sáng rõ như vậy quả là tối tăm mù mờ với những ai chưa bao giờ nghĩ ngợi về cái đẹp. Câu này chắc lấy ý của một nhà văn ngoại quốc. Tôi từng nghe rằng cái xinh xinh không thể đẹp, song vào tay Trần Dần thì thành cách nói đặc biệt Trần

Dần, nhanh, mạnh, lột trần, độc đáo, không lặp lại ai và không tự *lặp, rất* Việt và rất hiện đại. Đồng nghiệp của ông yêu cách nói này thì ít, mà sợ thì nhiều. Nguyễn Khải trong một bài viết, đã tả về hai con mắt hiếp đáp thiên hạ của Trần Dần. Không ít người suốt đời hậm hực về một lời phê thường cộc lốc nghiệt ngã của ông. Song một nhận định phát ra từ bóng tối và cõi im lặng của Trần Dần có cái uy dũng mà người ta tuy hãi nhưng thèm. Ai chịu trận được thì mang ơn ông mãi. Tôi được ông ưu ái khi vừa mon men vào nghề, phấn khởi lắm, nhưng những lời đe của ông sau này mới thực cho tôi những bài học càng lâu càng ngấm.

Người ta coi Trần Dần là lập dị. Nhưng trong một môi trường mà chỉ riêng chiếc ba toong của cụ Nguyễn chống trên vỉa hè Hà Nội đã được coi là biểu tượng của khác thường, thì sự lập dị của Trần Dần là vượt ra mọi cách. Luật của người Việt có thể tôn sùng kẻ đứng đầu một cách, nhưng kẻ vượt ra mọi cách thì không có chỗ đứng. Cho nên Trần Dần nằm. Thơ ông là thơ nằm. Mọi bản thảo của ông là bản thảo nằm. Hàng chục sổ thơ của ông là sổ nằm, ông đặt tên là sổ bụi, và khi hết sổ phải dùng đến vở tự khâu, thì đấy là vở bụi. Vả lại, khí chất của Trần Dần là cái khí chất không thuận với mọi cách, may ra ông gần gũi hơn cả, gần chứ không thuận, với cách *thi trung hữu quỷ*, và tự gọi mình là một *thi tặc*. Tôi chưa thấy ai trong lịch sử thi ca Việt Nam dám như vậy, đường hoàng như vậy. Thơ ca của chúng ta có hay thì thường hay theo hướng thánh thi, tiên thi, có đẹp thì đẹp theo cách tròn đầy nhã nhặn mà Trần Dần tuy ghi nhận, nhưng không rung động. Nếu ai hoảng sợ trước cái khái niệm thi tặc ấy thì tốt nhất là đừng đọc Trần Dần. Mà đã có lòng đến với ông thì xin để lại mớ hành trang luân lý mỹ học triết học cùng là kinh nghiệm cuộc đời vân vân mà họ thu lượm được bằng cách nào đó, vì chúng rất nhiễu, mà Trần Dần thì lắm bất ngờ. Và nhất là, ông sẽ giới thiệu cho họ một thứ quốc ngữ khác, một thứ tiếng Việt không chỉ cho lỗ tai mà còn cho con mắt, không trói nghĩa vào chữ, không bôi chữ vào chỗ trống của vô nghĩa.

Có thể nói là từ 1958 đến nay Trần Dần làm cái việc mà ông gọi là làm quốc ngữ, trong bóng tối, cách bức với những phong trào nhà nước giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cứ thỉnh thoảng lại ồn ào dấy lên bên ngoài. Điều duy nhất nhà nước Việt Nam thực ra có thể làm mà lại không làm đến nơi đến chốn, là chuẩn hoá chính tả tiếng Việt, nên đành đem sự bất lực trong mọi lĩnh vực của mình đổ vào đầu con tằm tiếng Việt. Công trình quốc ngữ của một cá nhân lẻ loi lặng lẽ như Trần Dần hoàn toàn khác. Con chữ nào qua tay ông là mang một cuộc đời mới. Những người xung quanh ông, người nào cũng xin được, có khi cướp được, ít nhất là một vài con chữ từ cái lò luyện chữ của Trần Dần như vậy. Những chữ rất

hiện đại và đầy truyền thống. Cách ông đối xử với ca dao chẳng hạn là cách của một người biết yêu sao cho cả phía được yêu lẫn phía mình đều lớn vọt lên, không phải cách yêu ai thì người đó nhỏ lại như ông đã từng phê rất đích đáng một nhà thơ nổi tiếng. Là những chữ rất hàn lâm uyên bác mà cực nôm. Cái sướng nôm của ông, nôm hiện đại của 1 bát sẹo 1 lẹo vú 1 bú đít 1 lít nách, lây mạnh sang những người xung quanh, thành những ca vô cùng đặc sắc, thành một thứ tiếng Việt hiện đại và đầy phiêu lưu lý thú.

Ông thậm duy mỹ mà sâu xa và có một giác quan không thể đánh lừa cho mọi giá trị thực. Điều đó kéo theo sự trân trọng và ngưỡng mộ, rất bất chấp, rất hồn nhiên của ông trước những tài năng và nhân cách thật. Ông đã nâng niu thơ Đặng Đình Hưng như thơ ruột, dù quan hệ đôi bên không phải lúc nào cũng êm. Đồng thời, sự thẳng thắn đến phũ phàng của ông trước những thứ của rởm cũng không chừa bạn bè thân thích. Trước những con chữ, lòng ông khăng khăng trong sạch. Chỉ có điều, tất cả những thứ ấy đóng kín trước một số đông, một số rất đông, không phải của riêng thời NVGP, mà cả bây giờ và sẽ rất lâu sau này vẫn thế.

Bây giờ, nếu một phần di cảo của ông có được công bố, cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay số người có thể đọc xuyên qua được những trang bản thảo ấy. Sau ba mươi nhăm năm, một trong hơn ba chục tác phẩm của Trần Dần mới ra mắt người đọc, tập thơ-tiểu thuyết *Cổng tỉnh*, và được nhận giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt Nam. Sự công nhận muộn mằn này dừng lại ở mức một cử chỉ thiện chí, với một quá khứ oan khiên đau khổ, với một nhà thơ lớn đang gần đất xa trời. Song nó không mang lại cho Trần Dần nhiều người đọc hơn. Khi cái lưỡi của đám đông đã hoàn toàn thoái hoá bởi bột ngọt thì cao lương mỹ vị bày ra cho ai? Một phần ba thế kỷ văn vần quốc doanh văn xuôi mậu dịch trên môi và trong lòng người đọc Việt Nam đã khiến ít ai vượt qua chỉ cái tựa đề *Cổng tỉnh*.

Tôi mở trang đầu, đọc những dòng đầu mạnh mẽ mộc mạc:

Kỷ niệm! Đưa tôi về chốn cũ!/ Đừng ngại mây che từng cây số buồn rầu!/ Đừng ngại mở trong lòng vài khung cửa nhớ thương...

qua những dòng bồng bột lạ lẫm:

Thì hãy lấy mùi soa đêm chùi đôi mắt khổ/ Hơn là mỏi răng nhai rau rạu vỉa hè...,

những dòng ngọt lịm:

Có lẽ xa kia là phố tôi sinh/ Có sương sớm đọng trên đèn muộn...,

những dòng Trần Dần huyền thoại:

Gió thổi kèn ma mưa thui lòng ngõ hẹp/ ò..ò đêm đi như một cỗ quan tài...,...Oa oa! mây hở một đàn cò...,

những dòng tha thiết:

- đâu? - đâu có ngụm đèn xanh/ Rèm che nhoè cửa sổ?... Nín đi thôi. Nín đi thôi các đại lộ nhiều cây/Đừng sa sút lá/Để ta còn khuyên gió...gió đừng rung cây...,

những dòng khinh bạc quay quắt:

...Tôi ơi! Tôi ơi!... Tôi vẫn rong chơi bên mấy cột đèn mù...Tôi càng đứng bơ vơ đầu cổng tỉnh...Tôi không có đủ đau thương cho mãn hạn sống/ Tôi không có đủ tình yêu/Yêu trái đất lục đục thế này...,

rồi lại ngọt đắng:

Gió ơi đừng vội tủi. Khuya rồi! Hãy tới khóc ở hom sông...Có lẽ thu rồi em nhỉ/Em chớ khóc nhiều vàng ố ngã tư xưa...

Chỗ nào ông cũng thổi một sự sống khác thường vào những con chữ, chỗ nào cũng dành cho ta một bất ngờ. Biết bao giờ số đông người đọc Việt Nam mới dọn dẹp lòng mình, *xếp gọn đống của nả kềnh càng của văn chương bảnh bao nhẫn nhụi, dành cho tài năng ghồ ghề jờ joạcx này* một chỗ?

Số phận của Trần Dần là số phận hoàn toàn cô đơn và trong bóng tối theo mọi nghĩa của một người dốc hết mình vào thửa ruộng thử nghiệm của văn học, đặc biệt là của thi ca, một người, để dùng lại chữ của NVGP mà chắc sau này ông cho là *mauvais goût* lắm, là moi tim moi óc làm thơ, một Từ Mã - như tên ông đặt cho mình và bạn bè - suốt nửa thế kỷ không chịu lùi một ly chữ, để làm cái việc mà ông gọi là thổ thơ tự xứ này lên. Một người đi suốt ván chiêm bao của những cái bị nợ và tự nợ, đánh suốt một ván đời với cái biết và cái chưa biết. Ông nói rằng, cái biết là nghĩa, cái chưa biết là chữ. Làm câu châm ngôn hay như Khổng Tử là chưa phải thơ, nghịch lý như Lão Tử chưa phải thơ. Nhảy qua bóng mình mới là thơ. Mình chưa hiểu thơ vì khó mà nhảy qua bóng mình. Tôi không dám nói ông đã thành công trong bao nhiêu mùa thử nghiệm của mình, chỉ biết rằng, những người nào may mắn đến lấy một hạt giống ở ông, rồi đem về đất của chính mình, đổ sức của chính mình vào đó thì ắt là thành công, trong những trường hợp hiếm hoi như Đặng Đình Hưng thì là một thành công lớn, còn nếu không cũng được một mùa, theo chữ của ông, là mùa sạch.

Trần Dần từng nói, tôi sốt ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn chúng tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến. Nhưng trong một sổ bụi ông lại tự hỏi: lớp trẻ liệu có còn được một cơ hội mấy chục năm quốc nạn như mình không để làm cái việc ấy? Trần Dần đã ngã bệnh nhiều năm trước khi qua đời, có lẽ ông cũng linh cảm, nhưng không còn đủ thời gian để nhìn thấy những hình dạng mới của quốc nạn. Văn chương bây giờ chưa cần đày

Lời cuối
TRẦN BÁT NHÃ

Mổ ra, thấy ruột tôi bầm
Thấy gan khô héo, thấy tâm hận thù
Thấy ngàn vết lở ung thư
Thấy đau khổ đã có từ sơ sinh
Thấy buồn đứt sợi thần kinh
Sinh kia chưa trọn Tử gần đến nơi
Thuốc mê gây chút bồi hồi
Sống hay chết cũng...Rồi thôi, một đời!
Giấy tờ, em hãy ký đi
Sợ mai mốt khó trở về bên em
Dao kia dù rất êm đềm
Cũng xin vết mổ đừng thêm nỗi sầu
Ô kìa! có tiếng xôn xao
Bao nhiêu người tiễn tôi vào nghĩa trang
Hình như trời đã sang đông
Thềm trơ mộ lạnh se giòng lệ khô
Dù tâm thức rất mơ hồ
Cũng xin em nhớ xé tờ lịch rơi
Giống như em khóc một người...

đọa đã ngắc ngoải tự hủy, chưa sinh ra đã kề huyệt, thì chôn ai? Tôi thuộc lớp trẻ, nợ ở ông một lòng ưu ái, mang theo lời đúc kết rất Trần Dần: nhân cách của nhà văn chính là văn cách của anh ta. Tối thiểu tôi phải có được một văn cách. ❐

Nhân vật và ngôn ngữ trong Tháng Giêng Tháng Bảy Buồn Như Nhau *của Hoàng Nga (*).*

Mai Kim Ngọc

"Hoàng Nga viết hay lắm!" anh Võ Phiến nói với tôi qua điện thoại. Trước đấy một tuần, Nguyễn Mộng Giác cũng nói với tôi một câu tương tự.

Nhưng '*Hoàng Nga viết hay*' do anh Võ Phiến phát biểu có một quá trình đặc biệt. Sự việc là tôi vẫn hay chia sẻ với anh cảm nghĩ về những tác phẩm văn học mới xuất bản hay tái bản, và thường thường chúng tôi đồng ý với nhau. Nhưng cái thú vị là không phải bao giờ chúng tôi cũng đồng ý, những lần sai biệt thỉnh thoảng cũng có xảy ra. Thí dụ như anh rất thích Nguyễn Tuân, còn tôi tuy kính trọng và ngưỡng mộ tiền nhân, nhưng thật tâm không thể liên hệ được với nhà tùy bút huyền thoại của văn học Việt Nam mà ba tôi và anh cả tôi thủa sinh thời vẫn tấm tắc khen... Mỗi lần khác biệt như vậy, với cái tính khoa học thực nghiệm mang sang từ nghề y, tôi hăng say chứng minh quan điểm của tôi, hay gặng hỏi cho ra cơ sở quan điểm của anh. Còn anh, ít khi anh phát biểu bằng ngôn ngữ, nhưng qua cái yên lặng lịch sự đặc biệt nơi anh, tôi đọc được ý kiến anh...

Tháng Giêng Tháng Bảy Buồn Như Nhau của Hoàng Nga thoạt tiên rơi vào trường hợp tương tự. Khi đọc xong cuốn truyện Hoàng Nga gửi tặng qua Nguyễn Mộng Giác, tôi gọi anh Võ Phiến, tấm tắc khen hay. Anh yên lặng nghe tôi nói. Năm phút, mười phút trôi qua, anh không phát biểu gì, để mặc tôi độc thoại. Gần hai chục năm quen anh, tôi đã quen nghe anh nói, nghe được dấu chấm, dấu phẩy, thậm chí cả dấu chấm than hay chấm hỏi của anh trên đường dây viễn liên. Hôm nào anh se mình, tôi nghe được cả cơn suyễn nhẹ của anh sắp trở lại để căn dặn anh uống thuốc. Và hôm nói chuyện về Hoàng Nga, tôi nghĩ anh đã không chia sẻ

với tôi sự hân hoan về tác phẩm đầu tay của nhà văn nữ. Thành thử ít hôm sau khi anh gọi lại khẳng định phát biểu *'Hoàng Nga viết hay lắm'*, tôi mới vỡ lẽ là tôi không tinh tế khi nghe điện thoại như tôi nghĩ, và sự yên lặng hôm trước của anh chẳng qua là cẩn trọng, anh chưa muốn phát biểu về một cuốn sách chưa tới tay anh.

ଌ

Tôi nghĩ Hoàng Nga viết hay vì nhiều lý do. Thứ nhất, bút pháp bà cao, cái thiên phú còn kèm theo cả cái công phu nghiên cứu trau dồi. Bà viết kỹ, lưu tâm đến âm hưởng, nhịp điệu từng câu từng đoạn. Tác phẩm lại hài hòa cân xứng khi nhìn vào tổng thể. Bà không chọn những đề tài thời sự thời thượng để lợi dụng sự lưu tâm sẵn có của quần chúng độc giả. Bà cũng không viết về những câu chuyện những cảnh sống ngang tàng hay kiêu bạc để khai thác cái gây cấn ly kỳ của cốt truyện. Cả nét 'hiện sinh' cũng không có nơi bà, suốt bấy nhiêu truyện ngắn, không có nút áo nào bị gỡ hay dải yếm nào bị cởi. Không, bà viết văn học thuần túy mà kiêng dùng tiểu xảo dễ dãi nhất thời. Bà lấy những cảnh đời rất bình thường làm cốt truyện. Tay không, bà bước vào cõi nhân tâm tìm được trong cái tầm thường những tác phẩm văn học hay.

Quả thật, Hoàng Nga viết về những người nữ thuộc giới trung lưu, không có gì đặc biệt về nhan sắc hay địa vị. Họ sinh hoạt trong những cảnh sống khác nhau, hoặc tại quốc nội, hoặc tại một nước tây phương sau khi di tản khỏi cố quốc. Và người đàn bà gặp một người đàn ông, giao tình mỗi ngày một thân thiết, câu chuyện lứa đôi như ngấp nghé cuối đường. Nhưng đoạn kết có hậu và hạnh phúc không bao giờ xảy ra. Vì lẽ này lẽ nọ, cặp tình nhân chia tay. Nàng trở lại đời sống bình thường và tầm thường có sẵn trước cuộc tình, bề ngoài có lẽ vẫn bình thường vẫn tầm thường, nhưng nội tâm đã mang thêm một vết đau mới...

Lý do của sự đổ vỡ cũng rất tầm thường và bình thường. Chàng yếu đuối nên chao đảo, đang gắn bó với cô chị lại xoay sang mê cô em... Có khi chàng can đảm vượt qua một số câu nệ, còn trai tân mà mong xây dựng tương lai với người đàn bà đã có một đời chồng và đứa con riêng, để rồi lại vấp váp vì một vài câu nệ còn sót lại mà cũng bỏ ra đi biệt tăm... Có khi chàng yêu nàng thắm thiết, nhưng chỉ vì cái nhìn của đứa con thơ của nàng, cái nhìn đầy lo lắng và ghen tuông thường tình của nó, chàng cũng dứt tình biến vào hư vô... Lại có khi chỉ là sự phá rầy của một cô em chồng quá quắt hay một bà mẹ chồng khắc nghiệt nhỏ mọn...

Hoàng Nga công bình, không luôn luôn đổ lỗi cho nam giới, và những người nữ của bà cũng có khi phạm vào những hoàn cảnh hay hành động

'không phải đạo'. Hiện thực, bà không ngần ngại ghi lại những 'sai trái' của những nhân vật nữ mà bà tâm đắc. Truyện của bà có người đàn bà xốn xang thao thức khi nghe tin cố nhân tái xuất hiện tại một quận lỵ ven đô. Nàng vất vả dối chồng giấu con, thu xếp đi thăm chàng bằng cái vé xe đò trả bằng cả tuần lương vay trước, trong khi nhà không đủ gạo ăn trong cái Tết nghèo sắp tới... Đâu đấy trong tuyển tập có nụ tầm xuân, có cám dỗ ngoại tình, có giật người yêu của chị, có tất cả những thường tình có thể xẩy ra nơi người nữ, dù những thường tình ấy phù hợp hay không phù hợp với đạo lý quy ước.

Chỉ có điều trong những hoàn cảnh ngoài khuôn khổ, dù sa ngã hay cư xử cho phải đạo, hành động của họ vẫn có khả năng thuyết phục, vì họ chiến thắng hay quy hàng tội lỗi một cách không dễ dàng, với những dằn vặt, giằng co, trăn trở. Độc giả vừa cảm động vừa thích thú được khám phá cõi nhân tâm của những người đàn bà đi qua cuộc sống với hành trang nặng nề và vô lý nhất, trong đó những món kỵ nhau lại được gói chung với nhau. Nửa này là nữ tính, là lãng mạn đến thiết tha, nửa kia là lòng mơ ước một cung cách sống đạo lý đến khe khắt.

ଌ

Cái buồn trong truyện Hoàng Nga mới đọc nghe nhẹ như tuổi thơ tỉnh nhỏ thanh bình. Tôi lật ngắm trang cuối tập truyện để tìm xuất xứ, thấy ghi tác giả sinh ra và lớn lên ở Đà Nẵng, nơi tôi đã có dịp ở nhiều năm. Tôi hơi ngạc nhiên, vì Đà Nẵng tôi biết bấy giờ còn là đô thị mang cái tên Tourane rất tây của thời Pháp tạm chiếm, Đốc lý còn là một sĩ quan lục quân Pháp, và cả thị xã chỉ có một trường tiểu học dậy chương trình Việt. Học sinh sau tiểu học phải ra Huế, lên Đà Lạt, hay vào Sài Gòn học tiếp. Tôi còn nhớ phố chợ rất dễ thương với tiệm Tân Mỹ Photo trưng ảnh mấy mỹ nhân tỉnh lẻ, mấy thanh niên sơ mi cổ trần ngắn tay, lẫn lộn bên cạnh ảnh mấy sĩ quan Pháp hay Việt Binh Đoàn. Chân dung nào dù nam hay nữ, tây hay ta, cũng đều đặn lại hao hao giống nhau vì thợ ảnh hồi ấy có thói quen khi rửa phim dùng bút chì than điều chỉnh những nét gồ ghề của khách hàng. Lại có tiệm Chà bán vải đầy ắp những xấp gabardine hay sharkskin hợp thời trang, tiệm *Alimentation Générale* của chú Xôi thơm phức mùi cà-phê mới xay, mùi bánh mì mới ra lò, mùi nho khô, mùi phó-mát gruyère ai ải. Một trong những sinh hoạt lớn của tỉnh là Kéc-mét (kermesse, hội chợ) hàng năm vào dịp Cát-Tó Duy Dê (Quatorze Juillet) ăn mừng ngày phá ngục Bastille, do các nữ tu Thiên Chúa Giáo cộng tác với quân đội viễn chinh Pháp tổ chức. Cái đinh của hội chợ là *đoàn xe tải* nhà binh ngụy trang thành đoàn xe lửa đủ đầu tầu ống khói, hông xe dán

băng vải kẻ hàng chữ lớn Tour De France, mỗi toa một chú Lê-Dương cao lớn lêu khêu giữ trật tự, khởi hành từ cổng nhà thờ chạy vòng quanh đô thị... Cả tỉnh không có lấy một tiệm sách Việt. Ấn phẩm Việt ngữ độc nhất là tờ nhật báo *Thần Chung* từ Sài Gòn gửi về. Thật là bất ngờ khi Đà Nẵng sản xuất được một nhà văn nữ như Hoàng Nga, tác giả của một cuốn truyện không những hay mà còn nhuần nhuyễn Việt tính, từ tâm lý nhân vật cho đến bút pháp. Rồi tôi tự cười mình đã gần nửa thế kỷ qua, tôi đã không có dịp cập nhật kiến thức cũng như cảm nghĩ của mình với đô thị này.

Nghĩ vậy, tôi gắng tìm nét Đà Nẵng như tôi biết ngày xưa trong tác phẩm Hoàng Nga, và tôi không phải tìm lâu. Cái buồn nhè nhẹ của tác phẩm Hoàng Nga bây giờ sao giống tiếng phi-lao hiu hắt của bãi biển Thanh Bình cuối hè khi cả Đà Nẵng sắp trở lại cái u hoài vô duyên cớ lẫn với cái uể oải thường lệ của một thị xã duyên hải. Còn nữa, cuốn sách làm tôi chợt nhớ lại một sự việc cỏn con quên bẵng đã lâu, vô tình mà liên hệ đến tác phẩm vừa đọc đang nằm trên bàn viết. Sự việc đó là một trò chơi nhi đồng tôi có dịp chứng kiến tại Cầu Chùa, một cây cầu gỗ có mái ngói tại Hội An, nhân một hôm Tết ghé về nhà anh bạn chơi.

Tôi muốn nói đến trò chơi '*giành cột*' các em bé từ những phố xung quanh rủ nhau ra chơi hôm ấy trên cầu. Mỗi em dựa một cột, trừ một em không có cột đứng chơ vơ ở giữa. Một hiệu lệnh hô lên, và tất cả các em bỏ cột đang dựa để đổi lấy cột khác. Đó là dịp cho em đứng chơ vơ nãy giờ có cơ hội kiếm được cột dựa. Thoạt tiên tôi chỉ thấy chức năng giáo dục của trò chơi, chơi mà học đúng như các cụ vẫn nói. Trò giành cột tập luyện cho các em nhanh chân lẹ mắt, ước đoán được dự tính của người khác, và nhậy ứng để bắt lấy cơ hội khi cơ hội tới... Còn nữa, đó là trò chơi đầy lạc quan, lần này mất cột thì lần tới vẫn còn cơ hội kiếm được cột mới. Tái sắp xếp của tương lai luôn luôn còn đấy, và không có thất bại nào là thất bại vĩnh viễn...

Nhưng tôi chóng vánh thấy ngay cả tuổi thơ cũng có những cái buồn của nó. Một em bé gái cỡ mười một mười hai, tóc xõa ngang vành tai, xúng xính trong bộ cánh Tết như một cô Chiêu của truyện cổ tích. Em xinh đẹp, thông minh, nhưng trong cuộc chơi hôm ấy, em bị thủ vai không có cột dựa liên tiếp nhiều lần. Em bé gái không thiếu nhanh nhẹn, em chỉ thiếu một chút quả quyết, một chút 'nhẫn tâm', nếu nhẫn tâm có nơi tuổi thơ, để chen lấn xô đẩy hay thậm chí giằng áo bạn mà chiếm đoạt cái cột của mình. Gương mặt tiu nghỉu của em khi bơ vơ giữa Cầu Chùa làm tôi bỗng thấy cuộc chơi trẻ con không hẳn vô thưởng vô phạt. Tôi liên tưởng đến bói toán, đến tính tình và số phận con người thường phát hiện từ tuổi

thơ, và tôi miên man nghĩ em bé gái sẽ lớn lên thành một người đàn bà thua thiệt, không hẳn vì kém nhan sắc hay tài năng, mà vì tâm địa hiền lành. Nhưng cảnh xuân hôm ấy đẹp và nhẹ nhàng, và tôi tự mỉm cười là mình tiểu thuyết hóa cái buồn con nít thành những bi ai không đâu... Hôm nay đọc *Tháng Giêng Tháng Bẩy Buồn Như Nhau*, chợt nhớ lại em gái nhỏ đất Hội An năm xưa, tôi chạnh nghĩ biết đâu em bé gái không quen Tết năm đó đã lớn lên để trở thành một nhân vật nữ của Hoàng Nga...

Giống như em bé thua cuộc trong trò chơi giành cột, những nhân vật nữ của Hoàng Nga là những người đàn bà thất bại trong oan uổng. Họ không làm chuyện gì bất công, không thô lỗ vụng về, mà trái lại dịu dàng và đầy nữ tính... Không chậm chạp hay ngu si, họ tế nhị, hiểu người, hiểu đời... Nhưng cũng như em bé chơi trò giành cột năm xưa, họ hơi thừa tự ái, tự trọng, và hơi thiếu một chút 'nhẫn tâm'. Chỉ cần chai sạn một chút, lì lợm một chút, rẻ tiền một chút là họ đã nắm được cái mà mọi người gọi là chiến thắng trong tình yêu. Nhưng họ đã không chai sạn nổi, không lì lợm nổi, không rẻ tiền nổi, vì họ không được huấn luyện, hay không có sẵn xu hướng tranh giành từ trong bản tính. Trong thực tế thường éo le và khó khăn của đời sống di tản hay ngay tại quốc nội, những đức tính ấy cồng kềnh quá và đã cản trở không cho họ nhanh tay chụp lấy 'hạnh phúc' khi 'hạnh phúc' lảng vảng xung quanh. Tựa hồ như họ sợ rằng nếu giật lấy thành công bằng mọi giá, họ không còn là họ, và hạnh phúc không còn là hạnh phúc sau chút thủ đoạn họ dùng để bắt được người đàn ông. Nhưng *quân tử Tầu* xong (chữ của Hoàng Nga), họ lại tiếc rẻ là đã không chai sạn, không lì lợm, không rẻ tiền để cố đấm ăn xôi. Tiếc rẻ để mà tiếc rẻ, vì nếu cơ hội trở lại, thì người đàn bà ấy sẽ cư xử in hệt như đã cư xử, và vẫn trắng tay...

Thật ra truyện của Hoàng Nga buồn hơn cái buồn của trò chơi giành cột. Hai cái buồn chỉ giống nhau ở chỗ hàm oan, giống nhau ở chỗ thất bại vì tâm địa không chịu bon chen xô lấn. Nhưng cái đau của người đàn bà thua thiệt trong cuộc sống khác hẳn cái buồn man mác của em bé không chiếm được cột dựa trong trò chơi nhi đồng. Những phũ phàng cay đắng mà nhân vật nữ của Hoàng Nga trải qua không phải là cái đau mọc răng sữa. Nó là cái đau *đoạn trường*, nếu được phép mượn chữ của cụ Nguyễn Du.

Cái đau mới trông đã tưởng như nhẹ nhàng chẳng qua là vì Hoàng Nga ngụy trang nó bằng một văn phong không bi ai, không cường điệu, không van xin, không nguyền rủa, mà cũng không rên xiết. Trong những cảnh quyết liệt của ly dị hay bội bạc, phản ứng của nhân vật nữ của Hoàng Nga vẫn gần như nhẹ nhàng. Họ gượng một câu bông đùa, họ gượng một

nụ cười. Vậy mà câu bông đùa nghe kỹ có nghẹn ngào, và nụ cười nhìn kỹ có ngấn nước mắt. "Sad clown's smile" tôi nghĩ đến một hình tượng đọc đâu đấy trong văn học nước ngoài để so sánh với nụ cười của nhân vật nữ trong truyện của Hoàng Nga. Chú hề ruột gan rối mù vì tang thương bản thân, vẫn ráng nụ cười rộng đến mang tai để làm vui khán giả. Chú lừa được khán giả nhẹ dạ, nhưng trên khuôn mặt vẽ đậm nụ cười giả, đôi mắt chú là đôi mắt của một sinh vật trúng thương, mở cửa cho thấy một tâm hồn tan tác bầm dập.

Chú hề mua vui cho khán giả, còn nhân vật của Hoàng Nga mua vui cho người yêu vừa phụ mình. Thật ra người đàn bà không chủ tâm mua vui, mà vận dụng chút sinh lực cuối cùng để trấn an kẻ tình phụ mà nàng vẫn còn yêu. Không giữ được người đàn ông, nhân vật nữ của Hoàng Nga vì tự ái, hay vì độ lượng, hay vì từ bi, đã nấu bữa cơm ly biệt bằng những món *gừng cay mắm mặn* thích khẩu của chàng. Với nụ cười gượng và câu bông đùa, người đàn bà như nói, 'Em trúng thương rồi, nhưng em biết anh không có cách khác. Anh yên tâm, em không đau lắm, em không sao đâu, anh yên lòng mà đi...'

Chính bông đùa ấy, nụ cười ấy đã làm nhân vật nữ của Hoàng Nga đẹp vô vàn. Nhưng phân tích lại thì tôi ghi nhận một sự ngạc nhiên. Hoàng Nga tạo ra những nhân vật nữ xinh đẹp mà không cho họ một chân dung. Bà không dành bao nhiêu chữ, gần như không dành chữ nào cho khóe hạnh nét ngài, hay mái tóc huyền làn da trắng, hay đường môi quả tim của họ. Bà cho họ một nội tâm sáng láng, và cái nội tâm này có khả năng làm rạng rỡ mọi dung nhan. Cái tốt đẹp bỗng có mắt, có môi, có da, có thịt, và những nhân vật nữ trở thành sống động trong trí tưởng tượng của độc giả, hiển hiện với chân dung mượn từ kinh nghiệm sống riêng hay hư cấu của mỗi người.

Tôi đọc lại lần thứ hai tập truyện của Hoàng Nga để tìm một số trích đoạn, thông lệ trong vụ điểm sách. Và tôi khám phá rằng trích đoạn truyện của Hoàng Nga không hẳn là dễ. Hoàng Nga không gửi gấm tâm sự bà trong những những câu nẩy lửa hay triết lý ồn ào. Tuyệt nhiên tôi không tìm được những câu đại loại như '*thân phận đàn bà thời loạn*' , hay '*tư cách của đàn ông không khác gì cái chung thủy của họ*', hay '*ôi cao quý thay, trăn trở thay cái tình mẫu tử thiêng liêng*' để tiêu biểu cho văn phong hay nhân sinh quan, vũ trụ quan của bà.

Tất nhiên là văn của Hoàng Nga, nhất là văn đối thoại, có những câu cường điệu, hay nhí nhảnh, hay dí dỏm, hay ngộ nghĩnh, hay có khi ủy mị

nữa. Những câu như vậy bà dùng để xây dựng sự thật tâm lý của nhân vật và đã thành công. Lấy những câu ấy ra khỏi văn cảnh là lẫn lộn quan điểm của nhân vật bà với quan điểm của chính bà.

Có lẽ tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để bàn đôi lời về đối thoại trong tiểu thuyết hay ngoài đời. Lỗi lầm thông thường của tiểu thuyết dở là không để cho nhân vật phản ánh cái nhìn của nhân vật, mà lại nói lên *cái nhìn của tác giả*, hay nguy hại hơn nữa *cái phán xét của tác giả* về chuyện phải trái ở đời. Thành thử nhiều khi một đám nhân vật khác nhau mà phát biểu hoàn toàn giống nhau, vì họ cùng nhất quán nói giùm cái nhìn của tác giả, hay phát huy những chân lý mà tác giả cho là tuyệt đối. Truyện như vậy đọc chán lắm. Còn nữa, ngôn ngữ của đối thoại không phải để hiểu theo nghĩa đen của từ. Sự phát biểu của nhân vật không phải để truyền thông sự việc một cách máy móc. Tôi xin lấy thí dụ, khi nhân vật người vợ hỏi chồng vừa đi làm trễ về *'Mấy giờ rồi anh?'*, bà ta hỏi không phải vì không có đồng hồ, mà dụng ý là muốn ghi nhận là chồng đi làm về quá trễ và trông đợi hay đòi hỏi một giải thích thỏa đáng. Nếu câu trả lời của người chồng là *'Bây giờ là tám giờ hai phút, sáu giây, em ạ'* , cuộc đối thoại sẽ hoàn toàn ngô nghê, và sự ngô nghê sẽ vô cùng nhàm chán nếu không còn dụng ý gì khác.

Thật ra, đối thoại của nhân loại trong hay ngoài tiểu thuyết phần lớn là những câu nói *xéo*, phản ánh quá trình liên hệ giữa người nói và người nghe. Cái xéo của ngôn ngữ có thể ác hay hiền, có thể đằm thắm dịu dàng, hay cay đắng oán trách, tùy theo quá trình liên hệ. Hay rộng hơn, nó còn phản ánh cái tâm của hai người đối thoại. Giả dối hay cường điệu, ích kỷ hay vị tha, duyên dáng hay thô bạo, cái xéo của đối thoại sẽ đem lại xương thịt, thậm chí linh hồn cho nhân vật. Tôi nghĩ Hoàng Nga đã thành công trong việc xử dụng cái xéo của ngôn ngữ để xây dựng những nhân vật nữ đầy sinh khí, điều kiện cần và đủ của những tác phẩm thành công. Câu bông đùa hay nụ cười gượng trong nước mắt của người đàn bà bị tình phụ chính là cái xéo của ngôn ngữ bằng lời hay khôn lời được Hoàng Nga xử dụng đến chỗ tinh vi.

Ngôn ngữ như vậy tất không thể lấy riêng ra từng phần để trích diễn. Trong những truyện thật thành công của bà, cái hay rành rành ra đấy nhưng lại không dẫn chứng được bằng một đoạn, một câu, hay một từ. Từng từ, từng câu, từng đoạn, phần trước hổ tương chặt chẽ với phần sau, trong sự cấu trúc hài hòa toàn bộ của tác phẩm. Trích ra khỏi văn cảnh, cái hay hư hao đi. Tựa như dù có xòe ra nắm lông công mới nhổ cho bạn coi, người thợ săn không thể nào kể lại được hết cái đẹp vô vàn khi con công còn sống đang múa trên rừng.

Điểm sách, thông lệ là phải cả khen lẫn chê, dù chữ chê có ngụy trang bằng những mỹ tự như *phê bình xây dựng*, như *trao đổi*, như *nêu lên câu hỏi để khai triển* điểm này điểm nọ với tác giả. Vậy thì tôi chê Hoàng Nga gì đây?

Có lẽ tôi *đề nghị xây dựng* là có truyện hơi nhiều nhân vật quá, như truyện *Chị Em*, làm người đọc rối mắt. Một thí dụ khác là truyện *Một Đời Khôn Cùng*. Người đàn ông ôm giỏ nhựa giấu xác con trong chuyến xe đò chật chội là một *nhân vật phụ* quá bất thường, quá đặc biệt, và cái chết dấm dúi của em bé quá quan trọng để ngoan ngoãn đóng vai một *sự kiện phụ*. Để người phụ việc phụ quan trọng như thế làm hư hao tư thế *nhân vật chính* của người đàn bà trốn chồng con đi tìm gặp cố nhân, nội tâm giằng co giữa tiếng gọi con tim và lòng tiết hạnh.

Sau cùng, có lẽ đại diện độc giả phái nam tôi cũng nên than phiền là những nhân vật đàn ông trong truyện Hoàng Nga tuy hợp lý nhưng sao hơi thiếu chất muối. Họ có thể gọi là nhạt. Họ còn như thiếu chất vôi và cột sống họ xem ra thiếu cứng cáp. Tốt thì cũng tốt một cách xoàng xoàng, mà xấu thì cũng xấu một cách xoàng xoàng. Không có ai sắc sảo sao? Tôi không tin cuộc sống chỉ toàn những người đàn ông 'giẻ rách' không có gì đáng nói. Kinh nghiệm sống của một người viết điêu luyện tất phải súc tích, và trong kho chất liệu tích lũy của tác giả hẳn không thiếu gì chân dung tâm lý của những con người đặc biệt. Bao giờ Hoàng Nga cho họ xuất hiện trong tác phẩm của bà?

Tổng hợp lại những khen chê, tôi xin nhắc lại ý anh Võ Phiến là "*Hoàng Nga viết rất hay.*" Và tôi nói thêm đôi lời. Tôi mong được thấy thêm những truyện có giá trị như vậy, viết bằng một tấm lòng như vậy và một bút pháp tinh vi mà giản dị như vậy. Những tác phẩm như *Tháng Giêng Tháng Bảy Buồn Như Nhau* vẫn còn là những nhu yếu phẩm văn học khan hiếm trên văn đàn Việt ngữ, quốc nội cũng như hải ngoại.❐

(*)*Tháng Giêng Tháng Bảy Buồn Như Nhau*, Làng Văn xuất bản, 1997, Toronto, Canada.

Ru

ĐỊNH NGUYÊN

Ru em vào lục bát đau
6 lời, 8 chữ, 4 câu đoạn trường
Thơ anh một cõi Vô Thường
Chết không nhắm mắt, linh hồn không tan.

Ru em vào lục bát gần
Môi môi, mắt mắt, thân thân dị kỳ
Thịt da bất khả phân ly
U minh một kiếp, hôn mê nửa đời.

Ru em vào lục bát chơi
Xuống sông gội tóc, lên đồi hong trăng
Nhởn nhơ ngủ động hoa vàng
Một thân vệ nữ, một chàng cuồng thơ

Ru em vào lục bát mê
Trăm năm thiền gốc bồ đề tương tư
Thề rằng hóa đá trong thơ
Thử xem Bát Nhã bao giờ em quên

Ru em vào lục bát diên
Mò tình sông Cửu, vớt duyên sông Hồng
Tình vuông còn cái duyên tròn
Đếm tình được 7, duyên còn số...không

Ru em vào lục bát cuồng
Rung cây cổ tích rụng buồn ca dao
Bắt em cởi dải yếm đào
Để cho hạc nội bay vào Thiên Thai

Ru em vào lục bát say
Ngả nghiêng sông núi, cuồng quay đất trời
Môi say cũng dối cho lời
Thơ say sao vẫn nhớ người...Ô hay!

Đề tài của truyện cực ngắn

Tạ-quốc-Tuấn

Tuy truyện cực ngắn dùng rất ít lời, ít nhân vật, ít tình tiết, ít chi tiết, để diễn tả một câu chuyện, nó vẫn có những đề tài giống đề tài của các thể loại truyện dài, vừa, hay ngắn, tuy rằng trong không ít trường hợp đề tài của truyện cực ngắn vẫn có thể khác.

Thực vậy, truyện cực ngắn có thể kể một câu chuyện buồn, một câu chuyện thương tâm. Các truyện Năm Tháng Dài và Theo Ngọn Mây Tản của Nguyễn-trung-Hối, Cô Đơn của Marilee Swircszek, Cách Đây Một Năm của Grace Caguimbaga, Ngửi Thấy Hoa Hồng của Mary Zender là những thí dụ điển hình. Truyện Bố Về NHÀ (Daddy's Home, WSS, tr. 146) của Rafael Tobar sau đây cũng thuộc loại này.

"Bao giờ thì Bố về tới đây hả Mẹ?"

"Lát nữa, chỉ lát nữa thôi," bà mẹ trả lời. "Đã hết đánh nhau rồi ... không còn gì phải lo nữa."

"Mẹ hãy xem kìa – Tàu đang vào bến."

Một chiếc thang được buông xuống. Sau cùng mọi thứ đã được bốc lên bờ. Peter, chồng bà, cũng lên bờ.

Viên trung úy nói, "Xin bà ký vào chỗ này."

Bà Betty đứng ôm chiếc quan tài.

"Peter ... Tại sao lại như vậy hả?" Bà hỏi.

Truyện Kế Hoạch Sai Lạc (Mislaid Plans, WSS, tr. 191) của Monica Ware cũng là một câu chuyện buồn.

Sáng hôm đó các giấy đòi tiền mới gửi đến tới tấp. Công ty bảo hiểm của họ gửi tới một bức thư báo tin hủy bỏ khế ước.

Bà ta thở dài, uể oải đứng dậy định đi nói cho chồng hay. Trong bếp sặc sụa mùi khí thắp. Trên bàn của chồng bà thấy có mấy chữ ông viết để lại: "... Tiền bảo hiểm nhân thọ của anh đủ để cho em và các con tiêu dùng..."

Tuy nhiên, truyện cực ngắn cũng có thể là một câu chuyện vui, vui đến độ trở thành tiếu lâm. Các truyện Chúc Tết của Nguyễn-mộng-Giác, Chết Vào Buổi Chiều của Priscilla Mintling, Câu Chuyện Phòng The của Jeffrey Whitmore là những thí dụ đáng kể. Ngoài ra chúng ta có thể kể tới truyện Trong Vườn (In the Garden, WSS, tr. 98) của Hope A. Torres:

Cô ta đang đứng ở trong vườn thì thấy anh chàng chạy vội về phía mình. "Tina! Hoa của anh! Cái anh yêu nhất đời."
À thì ra cuối cùng anh chàng cũng đã thốt nên lời rồi.
"Ồ, Tom!"
"Tina, hoa của anh!"
"Ồ, Tom! Anh cũng yêu em à?"
Anh ta tới bên cô, quì xuống đất, rồi đẩy nhanh cô nàng sang một bên.
"Hoa của anh! Em đang dẫm lên hoa hồng được giải thưởng của anh!"

Cũng thuộc loại này chúng ta có truyện Cái Bất Ngờ Buổi Tối (Evening Surprise, WSS, tr. 223) của Hillary Clay:

Đôi bít tất lóng lánh kéo dài trên cặp đùi đẹp – thật là hoàn toàn hợp với bộ đạ phục bó sát lấy người. Một tia sáng chói lọi phát ra từ cuối cặp hoa tai kim cương cho tới đầu mũi giầy cao gót nhọn hoắt. Đôi mắt bôi đen nhìn bóng mình trong gương và cặp môi son đỏ chúm chím một cách thích thú. Chợt có tiếng kêu ở đằng sau:
"Bố đấy à?"

Tuy nhiên, đôi khi chúng ta cũng thấy truyện cực ngắn có nội dung khác xa bất cứ thể loại truyện nào khác.

Truyện cực ngắn có thể là một bảng liệt kê các hành động hay sự việc. Thí dụ truyện Vào Đêm Tối của Dick Skeen. Toàn truyện kể tất cả những hành động của một cặp nam nữ (tình nhân? hay vợ chồng?) đêm tối về nhà, vất lung tung mọi thứ, rồi vội vã lên giường ngay, cùng những cảm giác họ thấy được.

Cùng loại với truyện này là truyện Phân Tổng Số (Subtotals, Flash Fiction, tr. 97-99). Truyện thực ra chỉ là một thống kê những con số của

70 vấn đề hay sự vật mà người kể chuyện đã có, đã làm, đã trải qua, v.v. Thí dụ số tủ lạnh ông đã sống chung với (ngụ ý chỉ con người lạnh lùng), số trứng thối liệng đi (tức số người bạn tình ông ta bỏ rơi), số nhẫn (nghĩa là số lần cưới vợ), số lần bất trung với vợ, số vòng eo lưng, số sợi tóc hoa râm, số con, số quần áo, số lần quên những điều định nói, số lần gọi lầm điện thoại, số giấy phạt vạ lưu thông, số lần được vỗ vai ... Tuy truyện chỉ gồm toàn những con số thống kê, nhưng vì lối trình bày rất hấp dẫn khiến người đọc phải đọc thẳng một mạch cho đến hết mà không thấy nhàm chán như khi đọc các con số thống kê hay báo cáo khác.

Thứ ba là truyện Một Bảng Các Câu Hỏi Cho Rudolph Gorden (A Questionnaire for Rudolph Gorden, Sudden Fiction American, tr. 83-87) của Jack Matthews. Giống các câu hỏi mà nhiều công ty hay tổ chức gửi cho một số người hay nhóm người để thăm dò ý kiến về một sản phẩm, một dịch vụ, một vấn đề, một kế hoạch v.v., truyện này gồm 100 câu hỏi mà bố mẹ Rudolph Gorden đặt ra cho con. Đúng ra chỉ có 99 câu hỏi thôi, còn câu thứ 100 chỉ là câu kết thúc thường có trong thư từ. 99 câu hỏi nhằm gợi trí tò mò của Rudolph khiến anh ta sẽ phải tìm kiếm hay tìm hiểu để trả lời, nghĩa là nhằm huấn luyện, dù bằng cách gián tiếp, óc quan sát của người con về mọi sự vật chung quanh. Các câu hỏi dẫn Rudolph, và cả độc giả nữa, tập quan sát từ việc nhỏ đến việc lớn, từ người hay vật gần đến người hay vật xa. Hơn nữa, các câu hỏi còn nhằm huấn luyện cho người con tập trả lời bằng những lập luận hữu lý và vững chắc nữa.

Ngoài ra còn phải liệt kê vào loại này truyện Các Điều Tôi Đã Thực Hiện (Things I Did To Make It Possible, Sudden Fiction American, tr. 129-132) của Francois Camoin. Truyện kể ra 34 điều người kể chuyện đã làm để cho mọi sự được suông sẻ, đời sống được bình thường, mạnh khỏe, thú vị, chẳng hạn: kiểu giao hoan, đi biển, giữ cho người khỏi lên cân, bỏ hút thuốc lá, yêu vợ, mua quà cho vợ, mua đồ cho mình, v.v.

Truyện cực ngắn cũng có thể chỉ là những dữ kiện hay phương thức cần thiết cho một công việc hay một hành động nào. Chúng ta có hai thí dụ sau. Truyện Những Điều Ghi Chép Trong Lớp (Class Notes, Sudden Fiction American, tr. 122-125) của Lucas Cooper. Đây không phải là một truyện thông thường mà là các điều một học sinh (hay sinh viên) ghi chép những lời giáo sư giảng dạy trong lớp.

Một thí dụ khác là truyện Kết Hậu (Happy Endings, Sudden Fiction International, tr. 55-59) của Margaret Atwood. Đúng ra đây không hẳn là một câu chuyện mà chỉ là 6 mô thức tác giả đề nghị để cho người ta lựa chọn khi muốn cấu tạo một câu chuyện có kết hậu. Các mô thức này cho thấy là dù câu chuyện mở đầu và diễn biến bằng bất cứ cách nào, với các

Cựu Ước
TRẦN MỘNG TÚ

Em ra vườn sáng hôm nay
Trái tim vướng giữa trạc cây táo hồng
Trái tim quả táo đèn lồng
Song song treo giữa mênh mông đất trời
Anh ngồi nghe tiếng thơ rơi
Con rắn Cựu Ước đến mời mọc anh
Em trao nửa trái táo xanh
Anh cắn tiền kiếp giữa vành môi thơm

Ô hay! Sao Chúa lại buồn.

chi tiết được cắt xẻ như thế nào đi chăng nữa, các cách kết thúc câu chuyện vẫn tương tự nhau. Đó là bởi vì người thực sự sành sỏi chỉ thích những gì xảy ra ở giữa mở đầu và kết thúc thôi, và đó lại là phần khó khăn nhất.

Nói tóm lại, đề tài của truyện cực ngắn có khi giống lại có khi khác đề tài của các thể loại truyện khác. Nó giống ở chỗ truyện cực ngắn có thể nói về một câu chuyện buồn hay câu chuyện vui, và khác ở chỗ nó nhiều khi chỉ là liệt kê những dữ kiện, những sự kiện, những chi tiết của một hành động hay một sự việc. Hơn nữa, có một điều chúng ta có thể nói một cách chắc chắn là, như qua các thí dụ kể trên, đề tài của truyện cực ngắn còn khác đề tài của các truyện dài, vừa, hay ngắn ở chỗ nó không bao giờ nêu lên hoặc đề cập, trình bày những vấn nạn, những thuyết lý, những biện luận, những chủ trương về con người, về xã hội con người, về môi trường của con người. Đó là bởi vì, như đã nói ở bài Các Đặc Điểm Của Truyện Cực Ngắn, truyện cực ngắn không bao giờ chú trọng tới nội tâm hay tư tưởng của một hay nhiều nhân vật cả.❐

Những giọt trầm

Lê Minh Hà

Có chắc mùa thu lá rơi vàng tiếng gọi
Lệ mừng gặp nhau xôn xao phím dương cầm
Có phải em là mùa thu Hà Nội
Nghìn năm sau ta níu bóng quay về...
(Có phải em... mùa thu Hà Nội
- Nhạc và lời: Trần Quang Lộc)

Sơ tán lần thứ nhất về thì tôi lên lớp ba.

Hầu hết trường học ở thành phố bị trưng dụng trong thời đánh phá. Làm nơi tuyển quân. Làm nơi chứa bao cát phòng khi bom phá vỡ đê sông Hồng mùa lũ. Làm nơi bán gạo dã chiến. Trường tôi là cửa hàng gạo lúc trẻ con phải triệt để sơ tán khỏi thành phố. Lúc chúng tôi nhập trường, các phòng học vẫn phảng phất mãi mùi gạo mục chua chua thum thủm.

Trường mất đâu hết bàn ghế và học sinh phải đi học ba ca. Tôi học ca ba, từ ba giờ chiều tới bảy giờ tối. Bây giờ nhớ lại lòng cứ ngùi ngùi rất khó chịu. Thương tuổi mình ngày ấy. Nhưng ngày ấy thì thật ra là rất bình thường. Từ hai giờ chiều tôi đã mắt trước mắt sau chào bà xách cặp phóng ra khỏi nhà. Áo trắng. Quần xanh. Nón to bằng nón mẹ. Không còn phải đội mũ rơm dày quyịch đau cả đầu. Vĩnh biệt áo nâu với áo xanh sĩ lâm. Chẳng còn sợ bị cô phạt vì quên túi cứu thương. Nhẹ nhõm. Gió lao rao trên vòm cây. Xô nắng. Nắng mùa thu trong như mật óng rải trên đường. Mặt đường đầy cứt cò. Phố tôi có hàng cây sao tuyệt nhất Hà Nội. Thẳng tắp. Cao vút. Thân xù xì nâu sẫm, đẹp kinh khủng vào lúc nắng quái. Lại có cò. Lạ thế. Cò vẫn về quần tụ ngay cả lúc bom đạn dữ dội nhất. Sau này chúng bỏ đi, nhưng vẫn để lại cho phố cái tên bọn con trai bạn tôi thời sinh viên rất thích gọi: Bang Cò ị.

Bang Cò ị nằm sát ngoại ô. Hai bên phố thuần nhà một tầng với hai tầng mái ngói cửa gỗ lùa có thể tháo ra lắp vào hàng ngày. Kiểu nhà trung lưu có buôn bán trước. Cũng lác đác có vài biệt thự và những biệt thự đó thường cách mặt phố cả khoảng sân rộng có hàng rào chấn song gang bao quanh. Trên đó hoa ti gôn phủ trĩu. Lối đi sau mấy ngày mưa chỗ nào không có bước chân người là lên rêu. Trông cũng tàn tạ. Có vẻ nhà tư sản trước, còn giữ được sau hòa bình lập lại. Cả nhà tôi sống ở khu tập thể cơ quan bố mẹ và những nhà ngoài phố bao giờ cũng làm tôi tò mò. Trong ấy dường như còn một cuộc sống mà tôi không biết. Nó hiện diện ở những tủ kính con chứa các lọ thủy tinh đựng ô mai, táo dầm, chè lam..., ở dáng ông cụ mặc pi-gia-ma phẳng phiu loay hoay quét lá khô trên lối đi những chiều gần tắt nắng. Hay ở dáng các bà cụ răng trắng, đeo kính, búi tóc chứ không vấn khăn như các bà ở vùng chúng chúng tôi về sơ tán vẫn vừa ngồi trông hàng vừa tiện thể nhặt rau sát cửa ra vào. Tôi đã nhìn rất kỹ. Các bà ngồi ghế nhặt rau chứ chẳng thấy ngồi xổm bao giờ. Mớ rau các nhà ấy mua thường nõn nà, rau xơ mới và bao giờ cũng chỉ là một nắm tý teo. Khác hẳn những mớ rau bọn trẻ con chúng tôi xếp hàng mua ở quầy rau mậu dịch. Nhìn những mớ rau bán theo cân ấy người nhà quê ra tỉnh có thể tưởng rằng đến một nửa dân thành phố nuôi lợn.

Suốt khoảng phố gần trường toàn nhà một tầng cửa gỗ lùa lọt vào một nhà cửa sổ chấn song sắt luôn mở rộng. Có một lồng chim ngày nào đi học tôi cũng thấy treo phía ngoài. Chim gì chẳng đẹp. Trông như mớ cỏ rối. Nhưng tiếng hót thì trong veo. Trong. Và phấp phỏng như nắng thu đang do dự rây qua ngàn vạn lá xuống phố. Nhà ấy không bán hàng. Có những đứa trẻ ăn mặc đẹp hơn tôi, chân đi dép nhựa ra vào. Chúng đến đó học đàn. Chúng làm tôi tủi thân và nhiều hơn là thẹn. Có một lần tôi bị tụt quai dép cao su và tôi chẳng còn cách nào hơn là lếch thếch xách cả dép lẫn cặp nhón nhén đi bộ trên hè phố trước mặt chúng nó.

Từ ngôi nhà chúng ra vào bay ra những hợp âm thô kệch, lập cập. Thua tiếng hót của con chim giống như nùi cỏ rối. Tôi có cả một bầu trời mùa thu thanh tĩnh, cả tiếng chim kia, cả mặt phố thâm nghiêm trong bóng lá, và nắng, và gió. Nhưng không hiểu sao tôi cứ buồn buồn khi nghe tiếng dương cầm vang lên lập cà lập cập dưới ngón tay bọn trẻ con không quen biết. Cảm giác này theo tôi đến tận giờ và tôi không bao giờ muốn lý giải.

Cô giáo dạy dương cầm tôi đã nhìn thấy nhiều lần. Hình như nhà chỉ có cô và mẹ cô. Bà cụ hay ngồi trên cái giường đơn kê sát cửa sổ đan len, kính trễ mũi. Thỉnh thoảng bà lại dướn mắt nhìn qua gọng kính ra ngoài phố. Phố vắng ngắt. Chẳng hiểu bà nhìn gì. Và mỉm cười. Có lần hình như

bà cười với tôi. Gương mặt lặng lẽ sáng bừng trong nụ cười ấy. Dáng vẻ ấy tôi chẳng bao giờ thấy ở các vị hàng xóm suốt ngày tất bật trong khu tập thể của tôi.

Cô giáo dạy đàn con bà cụ trông cũng chừng tuổi. Phải bằng cô giáo tôi. Tóc phi dê dài đã hơi duỗi, để xõa ngang vai cả trong những ngày nóng. Mắt đen, sâu, cái nhìn hơi mờ. Miệng rộng và tươi. Có thể vì thế mà dáng người cô tuy hơi quá gầy nhưng trông không có vẻ ốm yếu sầu não, mà cũng không có vẻ nghiêt. Tôi không biết cô có nhiều trò không nhưng vào lúc tôi đi học thì bao giờ cũng có một đứa trẻ nào đó đang mổ cò bên đàn.

Buổi tối khi tôi đi học về qua thì thường chỉ thấy có bà cụ và cô. Có lần tôi nhìn thấy cô chơi đàn. Tôi không biết đó là bản gì. Nhưng tiếng pi-a-nô buổi tối thành phố lên đèn ấy tôi nhớ lập tức. Tiếng đàn mới cao sang làm sao. Trong vắt. Róc rách. Dường như những thân sao đen cao vút đang từ từ dướn lên, vòm lá mở ra để lộ một bầu trời đen thẫm, mịn màng như một đĩa thạch và chi chít sao. Mùi lan tiêu thơm nức... Sân khấu ca nhạc ngày ấy bao giờ cũng có tiếng phong cầm. Tiếng phong cầm rộn rã réo rắt quả cũng thích hợp với không khí thời buổi ấy, khi chiến tranh mới tạm ngưng và những bài hát *Bão nổi lên rồi, Bài ca đường chín, Chiếc gậy Trường sơn* với vân vân vang ra từ loa công cộng gắn khắp các phố luôn thổi lên trong lòng người một ngọn gió hừng hực. Tiếng dương cầm đơn độc lần đầu tiên nghe thấy đã làm chậm hẳn bước chân tôi. Đến thời con gái ngơ ngẩn, có những đêm đạp xe một mình lang thang hay cùng bạn, tôi đã nghe được bao tiếng dương cầm khuya. Góc phố Tăng Bạt Hổ. Gác hai một ngôi nhà trên Quan Thánh. Sứ quán Pháp gần hội nhạc sỹ Việt Nam góc Bà Triệu - Trần Hưng Đạo. Xóm Hạ Hồi. Phố Nguyễn Thượng Hiền. Nhưng không có một tiếng đàn nào cho tôi cảm giác như tiếng đàn tôi đã nghe khi đang là một con bé lên chín, trong một ngày xa xôi rất nhiều gió.

Tôi đã nghe thấy tiếng đàn. Tôi cũng đã nghe thấy cả giọng nói người chơi đàn. Một buổi tối lúc đi học về, trời đổ mưa sầm sập. Hà Nội có những ngày thu như thế. Liền mấy hôm mưa dầm dề. Rồi nắng hửng lên, vàng rười rượi. Trời xanh và cao. Heo may về lại. Phố khô đi chậm rãi. Rồi lại mưa. Tôi chỉ mang độc cái nón, cặp sách bằng vải mẹ may tay, phải tìm chỗ trú. Men theo hiên các nhà, tôi dừng lại ở cửa nhà có trẻ con tới học đàn. Ngọn đèn điện đỏ đòng đọc chụm lại thành một giọt sáng to tướng buông từ trần xuống giữa phòng. Không thấy bóng ai. Không có tiếng đàn tôi thầm mong. Chân dầm nước mưa lâu vừa tê lạnh vừa ngưa ngứa trong đôi dép cao su. Đột nhiên một giọng đàn bà hơi khàn và rất

ấm vang sát bên tôi:

- Mưa to lắm. Chắc còn lâu mới ngớt. Hay cháu vào tạm nhà cô đi.

Chút nữa thì tôi va vào cái xe đạp người phụ nữ đang dắt. Quai nón ướt. Tóc ướt. Mắt môi ướt. Một chiếc áo mưa choàng qua ghi đông. Áo mưa thời ấy... Chỉ là một mảnh ni lông thắt nút hoặc trước ngực hoặc sau lưng tùy lúc người ta đi bộ hay đi xe đạp. Nói chung chỉ dùng cho có. Có che chắn cẩn thận thế nào thì người dùng cũng bị ướt nửa người. Người phụ nữ nhắc lại câu mời, không vồn vã nhưng rất thân tình. Giọng nói khàn ấm ấy nghe thật yên tâm.

- Cháu cám ơn cô. Xin cô cho cháu trú nhờ ngoài này thôi ạ. Trời mưa... Nhỡ bố cháu đi đón cháu...

... Mưa ngớt dần. Nước ở ống máng mái hiên thôi chảy ào ạt rồi thành dòng nhỏ. Chỉ còn những giọt mồ côi rơi tí tách. Mặt phố không còn thấy bong bóng nước. Đã đi được rồi. Nhưng tôi thấy người phụ nữ đến bên đàn, mở nắp, ngồi xuống. Giọt trầm đầu tiên vang lên, khe khẽ, ngập ngừng...

Chiến tranh đánh phá lần thứ hai. Có vẻ ác liệt hơn lần trước. Cũng có thể là vì tôi lớn hơn và biết sợ nhiều hơn lần trước. Chúng tôi lại đi sơ tán. Để lại Hà Nội những hầm công cộng dài rộng mênh mông, những hố tăng xê ngập nước ngày mưa. Để lại tiếng loa truyền thanh và tiếng còi báo động nghe hết hồn hết vía rú lên từ phía Nhà Hát Lớn...

Rồi chúng tôi lại về. Khâm Thiên đã xây dựng lại. Phố Huế đã xây dựng lại. Bệnh viện Bạch Mai đã xây dựng lại. Hồi ức chiến tranh thường chỉ quẩy cựa khi đi qua Phố Huế. Một đứa lớp tôi chết ở đó. Vệt bom liếm hết nhà nó thì dừng và hôm đó là hôm nó về lấy gạo nuôi em.

Lần này về, tôi đã là học sinh cuối cấp hai. Mẹ đi bộ đi làm, để xe đạp cho tôi đi học và đi chợ. Bố đêm đêm vẽ ở khu triển lãm Văn Hồ. Hết triển lãm này lại đến triển lãm khác. Triển lãm mười hai ngày đêm Hà Nội (1). Triển lãm Cách Mạng Tháng Mười. Triển lãm chiến thắng 75... Đấy là việc làm thêm của bố. Hôm bố tuyên bố đã đủ tiền và sẽ mua một cái đài có hẳn bốn chân cả nhà mừng không ngủ nổi. Thôi không phải hóng chương trình phát thanh theo giờ của đài Hà Nội qua cái loa bằng hòn gạch nhà nào cũng lắp. Thôi không phải dặn bà đánh thức tối thứ bảy để nghe tiết mục Tiếng thơ với Đọc truyện đêm khuya. Sẽ được nghe đài cả ngày. Được nghe chương trình hòa nhạc. Người ta còn chu đáo dẫn giải cho thính giả. Phiên chợ Ba Tư... tiếng lạc đà... cái huyền ảo của xứ sở một ngàn đêm lẻ... Hồ Thiên nga... Hoàng tử xuất hiện... Thiên nga gãy cánh...

Tôi không được học nhạc và hoàn toàn mù tịt về cái nghệ thuật vô hình này. Nhưng tôi vẫn thích nghe nhạc không lời dẫn giải. Như thế, tôi được thoát hẳn ra những ngày sống này, được bỡ ngỡ về mình... Như đêm nào trên phố mưa....

Mẹ tôi mất. Cái Melodia bốn chân của Nga trông bệ vệ thế mà cứ trở nồm là kêu xẹt xẹt vì tụ ẩm và đến mùa bão thì tịt. Chẳng hiểu vì sao các triển lãm ít hẳn. Bố không kiếm thêm được việc làm, ban đêm ở nhà pha một ấm chè cám uống đủ ba nước, loại chè ba hào một gói bán đầy ở mậu dịch, chờ chúng tôi xong bài vở bố mới lên giường. Tôi lên đại học. Trường nằm ở ngoại thành. Ngày ngày đạp xe đi về bằng cái xe "cố vấn" mẹ để lại trong tình trạng ăn uống "qua loa"(2) tưởng chẳng còn hơi sức đâu mà để ý đến mặt người mặt phố. Vậy mà qua số nhà xưa vẫn không thể không nhìn. Có cái mới: Cạnh cửa ra vào đặt một cái tủ thuốc lá. Bà cụ chuyển chỗ ngồi đan len từ trong cửa ra ngoài cửa. Mấy năm sau thì cái tủ dịch ra sát lề đường. Bên cạnh bà cụ giờ thêm một ông cụ bán vé số. Rồi một người đàn bà nhập bọn. Chắc dân về "mất sức". Chị ta bán hàng xén. Xà phòng. Thuốc đánh răng. Chun. Khuy. Đủ thứ linh tinh. Đạp xe ngang chỉ thấy xanh xanh đỏ đỏ. Rồi bà cụ sắm được cái ô to che nắng và bên cạnh tủ thuốc lá thấy thêm cục gạch, trên để chai xăng. Lồng chim xưa chẳng biết có còn không. Đạp xe vèo qua, chẳng nhìn thấy mà cũng chẳng nghe thấy. Người phụ nữ chơi đàn xưa tôi cũng không thấy lại lần nào.

Giữa năm sau thành phố mở con đường ngay cuối phố tôi. Chẳng biết người ta đặt cho nó tên gì. Chắc lại tên mấy đồng chí lãnh đạo cao cấp nào của Đảng đã từ trần hoặc hy sinh... Ai cũng quen miệng gọi là Đường Mới từ khi đường chưa thành đường. Phố tôi ào cái đổi lốt. Người xe nườm nượp ngày đêm. Lúc nào ra phố cũng có cảm giác như đêm Noel, hay đêm gần Trung thu cả lũ rủ nhau lên Hàng Mã, hay là áp Tết. Các nhà mặt phố đồng loạt lắp cửa sắt mở cửa hàng kinh doanh. Đủ thứ. Gần chợ cuối phố thì là hàng ăn. Hàng bán quần áo may sẵn kéo suốt khoảng phố có nhà dạy đàn. Nắng cũng như mưa, các nhà căng một tấm vải bạt che đến nửa hè phố. Đi bộ trên hè như xưa mà vướng phải cọc buộc dây chăng bạt của các nhà thì vô phúc. Ngã giập mặt còn bị chửi là đô không mắt. Tôi đeo kính từ năm lớp bảy. Tự nghĩ phải mình thì họ sẽ nhiếc "lưu manh giả danh trí thức".

Bà cụ bán thuốc lá và xăng bằng một dạo không thấy mặt. Chỗ bà cụ bây giờ một ông béo chiếm. Chiều hè tan tầm, ông cởi trần trùng trục, bụng một rổ, trước mặt là cái bơm xe đạp. Chắc bụng to nên tốt tiếng.

Giọng ông rền suốt một khoảng phố: "Bơm đây. Bơm xe đây!" Một hôm thấy ông chuyển chỗ ngồi và không rao ầm ỹ. Rất nhiều cụ ông cụ bà quần áo tề chỉnh ra vào ngôi nhà có cô giáo dạy đàn, vẻ mặt nghiêm trọng. Rồi thì đám tang. Hình như hội Bảo Thọ phường đứng ra tổ chức. Cô giáo dạy đàn đi sau quan tài, không mặc áo xô mà mặc đồ đen. Đi xe ngang đó, thấy cô gầy hơn và buồn thảm. Vẻ buồn bình tĩnh, đằng đẵng.

Tôi ra trường. Chạy vạy mãi không xoay được chỗ làm đúng nghề. Rồi gặp anh và lấy anh. Bố chồng tôi xin cho tôi một chân văn thư ở phòng hành chính cơ quan bộ ông. May, cơ quan bộ, đánh máy cũng cần ngoại ngữ.

Rồi tôi có con. Thành phố đổi mình từng ngày. Tôi cũng vậy. Toàn bối rối băn khoăn chuyện nhà. Quen sợ dạ lạ sợ nhà. Phải đưa ma ngay cái quạt tai chuột và thỉnh về cái quạt tai voi. Phải phấn đấu mua cái quạt cây Điện cơ (3). Rồi lại phải xoay xở mua lấy cái xe máy. Bé tí đi bộ khắp nơi thì không sao. Nay đi xe đạp, xe máy phóng ào ào qua, tự dưng thấy mệt. Căn phòng bố mẹ chồng tôi cho nằm trong một biệt thự cũ. Nhà xây kiểu Tây, trần cao, lại có lan can rộng nhìn xuống phố. Chồng tôi được một cuộc hội thảo ngắn ngày ở Nhật về bàn vay thêm bố mẹ cơi cái lan can thành bếp và đổ lấy cái gác lửng. Làm chỗ ngủ. "Làm chỗ cho anh cu học sau này. Rồi nhỡ ra anh cu nhà mình yêu sớm lấy vợ sớm!" Vợ chồng ngày nọ qua ngày kia hỉ hả, bối rối, tất bật vì đủ thứ kế hoạch.

Cuối tuần cả nhà thu xếp về thăm ông ngoại ở một mình từ ngày chị em tôi lấy chồng. Nhìn phố cách ngày, thấy thay đổi đến chóng mặt. Có nhà đã lên tầng, mặt tiền nhảy không được ba bước mà cũng cửa vòm cứ như bảo tàng Mỹ thuật, và ốp đá đỏ hoa mắt. Nhìn cũng hơn mấy năm trước nhà xây trát granito, mưa mấy hôm trông xam xám nhờ nhờ hệt cái nhà tắm công cộng ở các khu tập thể. Nhưng nhìn kiểu tốt lỏi thế cứ thấy mặt phố lổn nhổn, nhà quê vớn cục.

Biệt thự có ông cụ quanh quẩn quét lá rụng trên lối đi nay không còn sân nữa. Giàn hoa ti gôn quen mắt đã mấy chục năm bị phá trong có non buổi sáng. Cây ngọc lan to cũng bị chặt. Một căn phòng mái bằng xuất hiện. Đường bệ ngự bên trên cánh cửa sắt là tấm biển VANGĐUCTIN dưới có chua hàng chữ nhỏ hơn và có dấu hỏn hoi: Thử vàng bằng máy vi tính. Đi ngang lần nào tôi cũng thấy một gã trai trẻ ngồi sau computer lơ láo ngó ra phố. Còn ở chỗ góc phòng kê xa-lông thì mấy ông mặt mũi rất phổng, đỏ lịm vì bia nói với nhau như quát.

Ngôi nhà của tiếng dương cầm xưa chìm lấp đâu đó đằng sau mấy cây sào giăng đầy quần áo may sẵn của Trung Quốc. Bà cụ mất rồi. Còn

tiếng đàn... Nếu có thì cũng chẳng thể nào nghe nổi. Hà Nội càng ngày càng ồn ào quá thể, như Sài Gòn những năm 80. Và bụi. Nói chung là nhem nhuốc. Cơi nới loạn xạ. Làm thế nào được. Dù sao thì cũng có thêm một chỗ để đặt cái bếp, hay cái bàn học cho con, chí ít cũng để được giày dép mà không phạm vào diện tích ở vốn eo hẹp. Thì vợ chồng tôi cũng đã mừng rú khi làm được cái gác lửng có đổ bê tông hẳn hoi chia đôi khoảng không gian từ trần xuống nền nhà, và che lại được cái ban công mà không bị ai kiện tụng gì với phường với quận. Nhìn từ dưới phố lên chẳng khác một cái chuồng gà. Nhưng vào nhà thì mới thấy tiện thêm nhiều...

Vậy mà không hiểu sao đôi khi tôi cứ nghẹn ngào, không làm sao dứt đứt ra khỏi lòng dạ những nôn nao của cái thời ngốc. Trưa nay lại thế. Vợ chồng cho con về bên ngoại. Ngang qua khoảng phố có ngôi nhà xưa, tôi bảo chồng dừng xe xuống tìm mua cho con bộ quần áo. Anh cu nhà tôi tháng chín này đi học. Đi lần lần tới số nhà quen thuộc, thấy một cô bé mặt to cả phố khéo chẳng ai to bằng ngồi trông hàng. Cô bé da nhìn không được sáng, vận "đồ bộ" in những bông hoa đỏ to tướng, may kiểu mới, áo ngắn quần phùng trên túm dưới, trông rừng rực. Lơ lửng ngay trên cửa ra vào là cái lồng chim, trong có con vẹt Hồng công. Con chim rực rỡ như chủ, mỏ đỏ, lông xanh pha vàng. Nhưng loài chim này không biết hót.

Cô bé bán hàng ngẩng đầu nhìn tôi, rồi thản nhiên cúi mặt nhìn bàn chân đang đặt trên thành ghế đẩu, tiếp tục giũa móng. Móng chân móng tay cô sơn nhũ đỏ sậm như máu đỉa. Từ dưới khuôn mặt vừa cúi xuống bay lên một câu nói rất ngọt ngào:

- Chị định lấy cái "lào" thì chỉ em lấy xuống cho, khỏi rơi hết hàng em.

Không lơ mơ với những cô bán hàng như thế này được. Tôi mua cho con một cái quần bò. Rồi tự dưng hỏi thăm chủ cũ.

- Bà dạy đàn ấy à? Thì bà ấy vẫn ở đây. Ở cái phòng trong sân.Nhà ngoài bán đứt cho nhà em rồi. Có thấy học trò học troẹt nào đâu. Mỗi bà ấy ra vào nên cũng không ngăn lối đi riêng làm gì cho mất diện tích...

... Bà ấy? ừ! Cô giáo dạy đàn xưa nay cũng phải già như bà cụ độ nào. Cô giáo cũ của tôi đã về hưu. Cô kiếm thêm bằng việc đưa sữa chua cho hàng giải khát mùa hè, mùa đông thì nhận khâu len...

Mà tôi thì cũng đã ngoài ba mươi tuổi.❐

Đêm Phương Thụy

PHAN NI TẤN (N.D.)

Trải mùa cưới dặt dưới chân Phương Thụy
Đêm lung linh huyền ảo mặt hồng nhan
Anh cúi xuống nghiêng mình trên nhân ngãi
Hai vú non, đôi ngọn phập phồng xuân

Thả làn tóc trôi dài lưng con gái
Bờ vai mềm run nhẹ mãi về sau
Anh quì xuống trườn qua cơn hạnh phúc
Xin hôn lên trang trọng miếng yêu dầu

Bồng yêu dấu dặt xuống nền tình tự
Đêm nghiêng nghiêng một nhánh nhỏ Hồng Phương
Ôi đôi mắt đầm lầy, môi đắm đuối
Nuốt hồn anh trầm tận đáy thiên đường

Gởi vào gió giữ giùm lời thương mến
Gởi vào trong hoa nở một vầng trăng
Xin gởi hết lòng thành cho giao ước
Em và anh buộc chặt sợi xích thằng

Chú thích:

1: Mười hai ngày đêm Mỹ đánh phá Hà Nội ác liệt, bằng cả B52, trước khi ký hiệp định Paris.

2: "Đi xe cố vấn, mặc áo chuyên da, ăn uống qua loa": câu nói đùa rất thường nghe ở Hà Nội, đặc biệt trong giới sinh viên ở các trường đại học những năm đầu thập kỷ 80.

Xe cố vấn: lốp xe đứt hết tanh, phải lấy dây chun vấn chặt, đi không bon.

Mặc áo chuyên da: cán bộ được phiếu vải năm mét, nhân dân bốn mét, rất khó mua. Áo chuyên da là không áo.

Ăn uống qua loa: ăn uống qua đài.

3: Quạt Điện cơ: quạt do nhà máy Điện cơ Hà Nội sản xuất, rất được ưa chuộng.

Ấu thời hiu quạnh

Hoàng Nga

Sáng Chúa nhật nào con bé cũng thức giấc bởi một hồi chuông dài kính coong kính coong ở phía bên kia đường. Trước khi vùng dậy, thường con bé sẽ nằm im thật lâu, chờ nghe những tiếng chạm cuối cùng của quả lắc, chậm chạp va vào hai bên thành chuông, đứt đoạn, ngắt quãng, giữa những tiếng ngân dài "u u" dịu dàng nhưng kỳ lạ. Nhà con bé không có đạo, con bé chưa đi lễ lần nào, tuy nhiên con bé có cảm tưởng cái ngôi nhà thờ nhỏ, nằm thụt sâu vào phía trong hai cánh cổng sắt cũ kỹ ấy thân thiết và gần gũi với con bé vô cùng. Như một vật sở hữu, thuộc về, mà chính con bé cũng không hiểu nguyên do vì sao.

Thành phố của gia đình con bé ở, có những hôm trời mưa dầm dề, mưa buồn bã từ ngày này qua ngày khác. Mưa khi lớn khi nhỏ. Khi êm như một tiếng đàn. Khi lộp độp trên mái tôn như dùi trống gõ vào một mặt da căng cứng. Khi ướt đẫm con đường nhỏ, loang lổ những hục hang trước nhà. Khi tí tách trên những tàn cây phía sau vườn. Khi ngập ngừng trên bờ dậu đầy bìm bìm và dây leo dại. Nhưng cũng có khi lao chao lẫn trong tiếng gió rít mạnh, thỉnh thoảng làm vài cành khô gẫy, rơi rụng xuống hàng hiên.

Có lần mẹ con bé nói với ba:

- Lớn lên chắc nó lãng mạn lắm anh ạ. Mới bằng này tuổi đầu mà cứ hết ngồi ngắm mưa rơi, lại chỉ đứng nhìn người ta đi lễ.

Rồi mẹ thở dài:

- Người đi lễ thì còn đông vui, chứ mưa rơi...

Và mẹ bỏ lửng câu nói. Con bé không hiểu hai chữ "lãng mạn" mẹ dùng, nghĩa là gì, cũng không biết mẹ định nói mưa rơi thì như thế nào. Nhưng con bé biết mẹ hiểu lầm, tưởng con bé thích sự vui nhộn khi ngắm đoàn người vẫn đến nhà thờ mỗi sáng Chúa nhật ấy. Mẹ hoàn toàn không hay có những hôm, con bé chỉ ngồi nhìn mãi một bà cụ già, da mặt đã

nhăn nheo, vẫn thường mặc chiếc áo màu nâu sẫm, tóc quấn khăn nhung đen. Hay một ông cụ tuổi đã ngoại lục tuần, người mỏng như một tờ giấy, lúc nào có vẻ phất phơ trong chiếc áo dài trắng đã hơi ngả sang vàng.

Cả ông cụ, lẫn bà cụ, đều đến nhà thờ dự lễ nhất, vào lúc bốn năm giờ sáng, nên luôn luôn ra cổng khoảng mười phút sau khi tiếng chuông lễ nhì đánh thức con bé dậy. Những hôm trời mưa nhỏ, bà cụ đội một cái nón lá dày, tay kia cầm cái nón khác để che bên trên, và mặc trên người một chiếc áo len cũ kỹ, có màu sắc thật buồn. Những hôm trời mưa lớn, phía ngoài cái dáng lom khom ấy, là lùm tùm một manh áo tơi không có tay và mũ, bằng vải ni lông màu xanh lục đậm, có lẽ được sửa lại từ một chiếc áo mưa hay một tấm lều nhà binh cũ nào đó. Vào những hôm ấy, con bé hay lo đến lạnh cả người, khi nhìn những bước run rẩy, chậm chạp của bà cụ đi từ sân nhà thờ ra đến cổng. Con bé sợ bà cụ bị trượt chân ngã bất ngờ trên cái lối đi được trải sỏi ấy. Nên con bé luôn luôn níu chặt lấy hai song sắt cửa sổ, mắt mở lớn dõi nhìn theo từng bước yếu đuối, chập choạng, cho đến lúc bà cụ khuất dạng mới thôi. Hôm nào trời nắng, mắt con bé sẽ như reo vui hơn, long lanh hơn, trên cái vẻ linh hoạt và nhanh nhẹn hơn của bà cụ. Đôi con ngươi đen lay láy sẽ hớn hở rơi trên bàn tay trái đã nhăn nheo, da khô rúm, đang nắm chặt một cái quạt xếp bằng tre, dán giấy nhuộm đỏ. Và rồi trên bàn tay phải gầy đét phía bên kia, luôn luôn lắc lư một chuỗi hạt đen tuyền. Vừa đi, bao giờ bà cụ cũng vừa lần hạt.

Ông cụ già cũng tay lần hạt, miệng lẩm nhẩm đọc kinh như bà cụ. Nhưng ông nắm cả xâu chuỗi trong lòng bàn tay, chỉ để ló ra ngoài một đoạn ngắn, vắt qua ngón trỏ. Ngón tay cái của ông cụ luôn luôn cong lên, bấm chặt xuống ngón trỏ. Ra khỏi sân nhà thờ một đỗi, ông cụ sẽ ngước mắt nhìn lên trời, rồi đôi môi khô mới bắt đầu mấp máy. Có lẽ đến lúc ấy bài kinh nào đó mới được khởi sự. Vẻ mặt ông cụ luôn luôn nghiêm trang và thành tín. Con bé đoán ông cụ chắc vẫn chưa già lắm, vẫn còn khỏe, nên trông ông đi đứng có vẻ vững vàng, tự tin hơn bà cụ. Đến gần cuối đường, là ông cụ rẽ vào một hẻm nhỏ.

Có hôm ông cụ là "nhân vật" chính trong đoạn phim quay chậm của con bé. Có hôm, dĩ nhiên, là bà cụ. Mẹ con bé, cứ tưởng con bé thích vẻ nô nức, rộn rịp của đám đông, mà không hay những hình ảnh ăn sâu trong trí não con bé, chỉ là những khuôn mặt thật già nua, hom hem. Mẹ cũng không hay cái ấn tượng để lại một cách rất sâu sắc trong tâm tư con bé, lại là cái nét thánh thiện, nhẹ nhàng của đoàn người vẫn đi lễ lạy hàng tuần. Con bé luôn luôn có cảm tưởng họ khác với mình, khác với những người chung quanh. Đời sống họ có vẻ như thảnh thơi hơn, an nhàn hơn.

Con bé thường đi học buổi sáng, chiều thẩn thơ chơi dưới tàn cây sầu

đông một mình. Thỉnh thoảng, có cô bạn cùng xóm sang rủ con bé đi gặp ông từ trông coi nhà thờ, để xin một vài chùm hoa tigôn trồng ở phía sau, hay xin vài viên đá cuội về chơi ô quan. Bạn con bé, một tuần phải đến nhà thờ ít nhất là hai lần, đi lễ và sinh hoạt thiếu nhi, nên ngóc ngách nào trong ngôi giáo đường cũng biết. Từ một viên gạch bể phía sau hang đá có tượng Chúa Hài Đồng, đến cái lu nước mưa, ông từ ngâm bí đao để uống cho mát và ngọt, nằm ở sau nhà nguyện. Con bé được bạn dẫn đi khắp nơi, kể đủ thứ chuyện tích trong Kinh Thánh, nhưng dường như con bé không hề nhớ được điều gì. Chỉ trừ vài câu hát,"lạy Cha, nếu có thể được, thì xin cho con khỏi uống chén này...", hay đoạn mở đầu bài nhạc Giáng Sinh mà hình như ai cũng biết,"đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời..."

Cái không khí tôn nghiêm và trầm mặc của ngôi giáo đường vắng người, thường làm con bé rúng người sợ hãi. Bạn con bé, nhà "truyền giáo" tí hon, chắc chưa được học qua lớp huấn luyện nào, nên ngoài các chuyện tích, thỉnh thoảng lại còn làm tăng thêm nỗi sợ của con bé qua những lời "dọa dẫm", về sự trừng phạt của Chúa, về sự cám dỗ quỷ quyệt của Sa Tăng và sự sa hỏa ngục đời đời... Nhìn những dãy ghế xếp thành hàng im ỉm trong nhà nguyện, nhìn cái bục gỗ, nơi cha xứ sẽ đứng làm lễ mỗi Chúa nhật, nhìn tượng thánh Chúa chịu nhục hình đóng đinh trên thập tự với vòng gai quấn quanh đầu, máu chảy ở dưới chân, bao giờ con bé cũng liên tưởng đến những kỷ luật và hình phạt từ đấng tối cao đang chuẩn bị giáng xuống cho loài người. Và dường như cũng vì những lời dọa dẫm ấy, mà thỉnh thoảng con bé vẫn đâm ra sợ cả cái gác chuông sừng sững trên nóc giáo đường, dẫu sáng Chúa nhật nào cũng nằm im để nghe những âm thanh thánh thót, lẫn trong tiếng ngân u u kỳ diệu từ đấy phát ra...

Mỗi năm, con bé được đi thăm bà nội một lần vào dịp Tết và một lần vào dịp hè. Nhà bà nội con bé ở trong một cái làng quê hẻo lánh, buồn rầu. Hai bên đường chỉ có những cánh đồng khô cằn, và những mái tranh nghèo nàn, nằm lẩn quất sau các bụi tre thấp thoáng xa xa. Đầu làng có một cái miếu hoang, loang lổ vài vết đạn, và vài vết nứt nẻ do thời gian hay mưa gió tàn phá.

Bao giờ về nhà bà nội, con bé cũng phải đi bộ một quãng, chân thấp chân cao trên những con đường đất gồ ghề, vàng tai tái như da người bị bịnh sốt rét. Hai bên đường trồng toàn lá keo, và sầu đông. Vài bụi tre già gai góc mọc um tùm ở những ngả ba, hay ở những khúc rẽ. Họa hoằn lắm, mới thấy có nhà trồng dâm bụt ngoài hàng rào và dăm cây vạn thọ, hoa hồng tỉ muội trước cửa. Con bé để ý thấy thường những ngôi nhà này bao

giờ cũng được đắp đất cao hơn nhà bà nội. Có nhà xây bằng gạch, có nhà làm bằng gỗ. Nhưng hầu như nhà nào cũng có vẻ sạch sẽ và khang trang. Cả bàn thờ và liễn treo ở những nơi này, cũng sáng láng và đầy màu sắc tươi tắn hơn ở nhà bà nội.

Người trong làng gọi ba con bé là thầy, dầu ba chỉ là công chức, không đi dạy học. Câu chuyện của họ thường loanh quanh về việc tại sao ba không đưa bà nội ra thành phố ở cho đỡ cực và nguy hiểm. Nhưng sau khi nghe ba trả lời gì đó, thì xoay sang khen con bé ngoan và lễ phép. Con bé luôn luôn chờ những dịp về nhà bà nội như thế. Bởi về nhà bà nội, có nghĩa là sẽ được nuông chiều, được nhìn thấy những cảnh sắc lạ ở chung quanh, được nghe tiếng con cu đất gù lên ngồ ngộ phía sau nhà. Và về nhà bà nội, có nghĩa là sẽ khỏi phải đến trường trong mấy ngày liền... Nhưng lần nào về nhà bà nội, cái không khí tịch mịch, đìu hiu của nơi ấy cũng làm con bé buồn buồn. Con bé có cảm tưởng mặt trời dường như bao giờ cũng lặn nhanh hơn trên đám ruộng cạn khô, nứt nẻ trước mặt nhà. Nắng dường như bao giờ cũng sụp xuống nhanh hơn trên những liếp tre xiêu vẹo, mọc lèo tèo mấy trái khổ qua vàng vỏ, rồi biến mất trên vạt rau thơm cần cỗi đầu hè. Con bé sợ trời sẫm tối nơi quê nội, lúc tiếng những con dế hay con chim gì buồn thảm vang lên, lẫn trong tiếng đạn cắc bụp nho nhỏ, thỉnh thoảng vang vọng lại từ một nơi nào đó.

Nhà bà nội có một cái phản gỗ đặt ở đàng trước, dành cho gia đình con bé mỗi lần về. Nhưng con bé không bao giờ dám ngủ ở đó với ba mẹ chỉ vì sợ trông thấy cái vách phên, nơi bà nội dán lên đó những tấm tranh, kể chuyện Mục Liên đi tìm bà mẹ độc ác là Thanh Đề bị đày nơi âm phủ. Những tấm tranh xanh xanh đỏ đỏ, vẽ hình quỷ sứ, mặt mày dữ tợn khiến con bé rúm ró cả người, không dám ngước mặt lên mỗi khi ngang qua. Tối, con bé đòi ngủ với bà nội ở nhà sau, trên một cái chõng tre nhỏ. Bà nội thường phải nằm nghiêng, thỉnh thoảng kê tay cho con bé lót đầu. Hai bà cháu đắp chung một cái mền hai da nhỏ xíu.

Ban ngày bà nội của con bé búi tó củ hành lắc la lắc lư sau gáy. Tối đi ngủ, bà nội xõa tóc trên gối. Tóc bà nội con bé thơm mùi bồ kết và mùi dầu dừa, chen lẫn chút dầu khuynh diệp xức ở hai bên thái dương. Con bé thích nghịch những sợi tóc mềm và bạc trắng của bà nội bằng đôi tay nhỏ nhắn, mảnh mai của mình, rồi thỉnh thoảng vòng qua ôm tấm lưng gầy gò của nội, mân mê lớp vải thô cứng. Bà nội hay mặc áo màu nâu, cái màu áo bà cụ già "của" con bé vẫn thường mặc.

Lần nào về quê, con bé cũng kể cho bà nội nghe đủ thứ chuyện. Chuyện thành phố, chuyện học hành. Rồi cả chuyện những ông bà cụ già vẫn đi lễ lạy mỗi tuần. Buổi trưa, bà nội hay trải tấm chiếu nhỏ dưới gốc

mít sum suê lá, cho hai bà cháu ra đó ngồi nói chuyện. Nếu mẹ không đi theo ba lòng vòng quanh làng, thì mẹ sẽ đứng tựa cửa, hoặc ngồi trên một cái đòn gỗ nhỏ xíu, ngóng mắt về phía chân trời. Bao giờ mẹ cũng muốn về lại thành phố sớm hơn dự định, nhưng rồi cuối cùng vẫn nhẫn nại đi lên đi xuống, nấu cơm nấu nước y hệt ở nhà. Và con bé thì sẽ kết thúc những câu chuyện của mình với bà nội bằng cách nài nỉ bà nội ra phố ở với gia đình con bé. Bà nội ừ. Mà chẳng bao giờ bà nội đi.

Không gian ở nhà bà nội là cái không gian tịch mịch, im ắng. Buổi trưa ở đó chỉ có tiếng gió lào xào và tiếng chim gọi nhau ríu rít dưới những tàn cây cao, êm đềm giống hệt như sách giáo khoa mô tả. *Mây đi vắng, trời xanh buồn rộng rãi. Sông im dòng, đọng nắng đứng không trôi.* (Anh Thơ)... Những buổi trưa ngọt ngào, lịm mát với cái không khí trong lành và gió thổi hiu hiu vẫn thường làm con bé ngủ quên trong lúc đang trò chuyện với bà.

Con bé thích làng quê của nội, thích những buổi trưa êm ả, dịu dàng. Nhưng con bé hay có cảm tưởng cái không gian ấy dường như chẳng thuộc về mình. Chẳng thấy thân quen như những buổi trưa ở thành phố. Những buổi trưa vắng ngắt, chỉ thỉnh thoảng mới vọng lại một tiếng gà gáy lạc loài, xao xác, một tiếng chó sủa nhát gừng, một tiếng ho khan. Hay một bài vọng cổ trong máy thâu thanh vang lên nho nhỏ, một giọng hát ầu ơ khe khẽ bùi ngùi, phát ra từ một ngôi nhà hàng xóm nào đó. Những buổi trưa lặng tắt tiếng ồn ào một cách đột ngột, chìm vào sự yên tĩnh lạ lùng trước khi khối âm thanh rộn ràng của buổi chiều trở về; không khác gì tiếng nhạc bất thần ngừng lại khi người nhạc trưởng vung hai chiếc que điều khiển ra hai bên, chuẩn bị cho một chuỗi tiết tấu mới.

Những cái buổi trưa mà rất ít khi con bé chịu đi ngủ, chỉ thích ra nhà sau, ngồi im ở một góc nào đó, nhìn lên bờ dậu, lắng tai nghe những âm thanh thân quen đó vọng về một cách say mê. Cái tiếng gà gáy giữa trưa vốn đã buồn, đơn lẻ, vang lên trong một khu phố vắng người, chỉ càng tăng thêm não nề, xao xác. Câu ca vọng cổ vốn đã ai oán, tiếng phách gõ nhịp đều đều, chỉ làm cho cái bi thương tăng lên. Giọng ầu ơ vốn đã bùi ngùi, thương cảm, tiếng khóc con nít lại càng xót xa, não lòng. Vậy mà lúc những âm thanh ấy đưa về, vẻ mặt của con bé bỗng trở nên đăm chiêu ngây dại, bỗng như xuất thần, như lạc vào một cõi xa xăm nào đó, như đang thưởng thức một tấu khúc tuyệt vời. Chỉ thỉnh thoảng lắm, vài ba con chim sâu đậu trên nhánh sầu đông ríu rít kêu, mới làm cho con bé giật mình, khe khẽ ngước mắt lên kiếm tìm đôi giây.

Bạn của mẹ nói con bé có đôi mắt buồn. Cái nhìn không tươi. Và

nhấn mạnh, cái nhìn u hoài giống hệt cái nhìn của ba.

- Con gái giống cha giàu ba họ, nhưng con bé này chỉ giống cái vẻ buồn mà không giống cái vui.

Con bé chẳng biết có bao giờ ba vui không, vì hiếm khi ba thể hiện sự buồn vui ra mặt. Ba không nghiêm khắc quá đáng nhưng tính ba trầm lặng, ít nói. Con bé chẳng bao giờ thấy ba hớn hở kêu lên tiếng lớn, cũng chẳng khi nào bực bội quát nạt giọng to. Có chuyện gì, vừa ý hay không vừa ý, ba cũng chỉ nhỏ nhẹ buông ra một câu nào đó, thái độ khác nhau chỉ ở một nụ cười hay một cái cau mày. Ngày hai buổi ba đi làm cần mẫn, về đến nhà chỉ thích đọc báo và nghe tin tức chiến sự trên radio. Thứ Bảy, Chúa nhật, ba vào ra sửa sang đồ đạc trong nhà, hay vun quén bụi trúc kiểng đặt trước nhà. Bạn của mẹ, cũng bạn của mẹ, nói ba còn trẻ nhưng tính ba không trẻ chút nào.

Con bé không hiểu được, làm sao người ta có thể biết cái tính tình trẻ hay không trẻ. Bởi vì tính tình không bao giờ lộ ra bên ngoài như nét mặt, cũng không dễ dàng nhìn thấy như dáng dấp, mà người ta có thể đoán được tuổi tác của nó. Con bé nhớ mẹ vẫn hay hát, trăng bao nhiêu tuổi trăng già, nên có khi tự hỏi, không biết mình sửa là "tính bao nhiêu tuổi tính trẻ" được hay không.

Mẹ hay hát. Hát nho nhỏ, trong lúc làm việc. Lúc ngồi một mình trên gác nhìn xuống con đường trước mặt nhà. Lúc tựa cửa sau, thả mắt trên bờ dậu. Giọng mẹ trong vắt, thanh thoát, tiếng ngân dài, rung cảm. Những bài hát thường có âm điệu du dương và u buồn. Nét mặt của mẹ lúc cất tiếng hát cũng có vẻ buồn buồn. Tuy nhiên trong giọng hát của mẹ mới thật sự như có một cái gì đó không bình thường. Lúc nào cũng có vẻ nghèn nghẹn, rưng rưng, như thể mẹ muốn bộc bạch một điều gì mà không được. Và bao giờ cũng vậy, cứ hễ có tiếng hát mẹ cất lên sau một khoảng trống im lặng, con bé lại có cảm tưởng một sự mới sẽ được bắt đầu. Trưa, khi giọng hát mượt mà của mẹ từ trên gác vọng xuống, hằn năm phút sau đó sẽ có tiếng chân ba bước trên cầu thang cót két, có tiếng mở cửa, tiếng xe máy nổ lạch bạch ngoài hiên. Rồi tiếp theo sau là cái nhịp sống của buổi chiều với muôn vàn tiếng động khác òa vỡ ra cùng một lúc, từ tiếng con nít khóc bên hàng xóm, tiếng động cơ xe vụt qua con đường trước mặt nhà, đến tiếng còi tàu hụ lên xa xa đâu đó... Toàn bộ cái thế giới yên tĩnh của con bé sẽ biến mất. Cái không gian chật hẹp phía sau bếp cũng sẽ thuộc về mẹ. Con bé sẽ phải "trả lại" khung trời nhỏ trên dậu bìm bìm, "trả lại" cái ô cửa vuông vắn, cái nền gạch màu nâu quen thuộc cho mẹ. Và rồi lại lẩn quẩn ra trước hiên nhà dưới tàn cây sầu đông một mình...

Mẹ hay hát, nói theo bạn mẹ, có lẽ vì tính của mẹ trẻ hơn tính ba. Trẻ, nên một hôm, mẹ đi mãi mà không về. Con bé nghe người lớn nói mẹ thích được bay bổng, được đứng dưới ánh đèn sân khấu, được làm một con họa mi hót vui cho đời. Người ta còn nói mẹ không chịu nổi cuộc đời tầm tầm, làm vợ một người công chức như ba. Con bé không hiểu tại sao người lớn có thể biết được ước mơ và suy nghĩ của mẹ như vậy. Bởi vì chưa bao giờ con bé nghe mẹ nói về những điều này với con bé, hay với ba. Khi con bé mang ra hỏi ba, ba chỉ thở dài, bảo mẹ đã đi lạc và đã quên mất đường về. Giọng ba ướt sũng lúc nói như vậy. Và đôi mắt ba, lần đầu tiên trong đời, con bé nhận ra sự buồn bã hiện lên. Đôi con mắt, với cái mí hơi sưng sưng, chung quanh tròng đen thấp thoáng những gân máu màu hồng, và long lanh một màn nước mỏng. Trời ơi, ba khóc! Con bé thảng thốt kêu lên và rồi cũng òa lên khóc.

Mẹ đi rồi, sau đó nhà chỉ còn mình ba với con bé. Cái không gian buổi trưa của con bé đã vắng lặng, lại càng thêm vắng lặng. Căn nhà bình thường đã trống trải, không có bóng mẹ vào ra, lại càng thêm trống trải, lạnh lùng. Trên gác, dưới nhà, chẳng bao giờ còn tiếng mẹ trong vắt vang lên, mà thỉnh thoảng chỉ có những con thạch sùng chặc lưỡi kêu lên mấy cái rồi im bặt. Chiều, trước khi ba ở sở về, con bé hết còn thơ thẩn ra dưới tàn cây sầu đông chơi một mình, mà phải đảm đương tất cả những việc mẹ vẫn thường làm. Sau ngày mẹ đi, con bé quen được với một chị hàng xóm, ở sau lưng nhà con bé. Chiều chiều, con bé hay leo lên cái ghế đẩu, vịn tay vào bờ dậu đầy bìm bìm và dây leo dại, hỏi han chị đôi điều. Và chị, sẽ vừa làm việc, vừa dạy con bé kho khúc cá, ướp miếng thịt, xào mớ rau.

Sân nhà chị hàng xóm có giăng một sợi dây dừa từ gốc khế đến hàng rào nhà con bé. Chiều nào chị cũng ra đấy rút quần áo, hay quét gom những chiếc lá vàng bằng đôi bàn tay trắng muốt. Lâu lâu chị hái vài quả khế đưa sang rào cho con bé nấu canh. Bàn tay chị chạm tay con bé bao giờ cũng mềm mại và dịu dàng như bàn tay của mẹ. Đằng sau gốc khế là cái giếng vôi mà thỉnh thoảng buổi tối, con bé lại nghe tiếng chị vừa múc nước vừa hát nho nhỏ. Chị hát không hay bằng mẹ, nhưng chị hát làm con bé nhớ mẹ quắt quay. Con bé thường ngồi thừ người, hai bàn tay nhỏ bé lật ngửa ra trên đầu gối, mắt nhìn đăm đăm vào một nơi nào đó. Chừng được một lát, dường như chịu không nổi nữa, con bé sẽ gục đầu, úp mặt vào hai bàn tay mình, đôi con mắt khép chặt lại, và những giọt nước mắt lưng tròng, khẽ khàng chảy dài xuống hai bên. Và rồi con bé sẽ cứ khóc mãi. Khóc mãi như thế cho đến lúc đôi bờ vai nhỏ nhắn ấy không còn

rung lên từng chập một, những giọt nước mắt nhòe nhoẹt ấy đã khô quắt lại, mới khe khẽ ngước mặt lên, ngồi tựa vào cửa nhìn những ánh sao lấp lánh trên bầu trời. Con bé hay chờ đợi một vì sao băng bất thần bay ngang, để đọc lên một điều ước, nhưng bao giờ cũng thất vọng, bởi vì sao thường vụt qua rất nhanh...

Từ khi mẹ đi, thỉnh thoảng nhà con bé lại có một vài người quen với cả ba lẫn mẹ, ghé lại thăm. Lưng chừng hay ở cuối câu chuyện, những người này sẽ buông ra vài lời trách móc mẹ, sau đó là đến những lời than thở giùm cho ba. Họ hay nói hoàn cảnh của ba và con bé khó khăn quá, côi cút quá, đơn lẻ quá. Và cuối cùng câu chuyện, bao giờ họ cũng khuyên ba nên bước đi bước nữa. Những lúc như vậy, con bé sẽ sợ hãi đến lặng người nếu như đó là một người ba thương mến, hay quí trọng. Hoặc sẽ khó chịu vô cùng nếu họ là một trong những người ba không ưa giao thiệp qua lại. Chị hàng xóm giải thích cho con bé nghe, bước đi bước nữa, có nghĩa là ba sẽ cưới thêm một người vợ, có nghĩa là con bé sẽ có một kế mẫu như thầy Mẫn Tử Khiên trong nhị thập tứ hiếu của truyện Tàu.

Con bé nhớ ngày xưa, khi nói chuyện với người ngoài, hay với bà nội, ba con bé vẫn thường gọi mẹ là "nhà tôi", hay "nhà con". "Nhà", con bé biết chẳng phải là cái nhà có những cánh cửa, những vách tường, bàn ghế đồ đạc, mà "nhà", là tiếng gọi thân thương, là những ngọt ngào đằm ấm ba dành cho mẹ. Là gần gũi, cận kề như những buổi trưa thành phố vắng lặng. Là mát rượi trong lành như những ngọn gió phía sau hè nhà bà nội. Là thân ái như ánh trăng xuyên qua những vách phên thưa... Không bao giờ con bé muốn ba dùng cái chữ "nhà" ấy cho bất cứ người nào khác. Không bao giờ con bé muốn xuất hiện bên cạnh ba bóng dáng một người đàn bà, mà không phải là mẹ. Nên bao giờ con bé cũng ngồi thật yên lặng, hồi hộp đến toát cả mồ hôi, chờ ba nói lên những suy nghĩ của mình với khách, cho đến khi biết chắc là ba sẽ chẳng nói điều gì, mới yên lòng.

Thường lúc khách đã ra về, ba sẽ thở dài vài hơi thật sâu nặng, rồi lặng lẽ đi lên gác. Cũng có khi ba ngồi luôn trên ghế, hai tay đặt vòng ra sau gáy, ngửa mặt nhìn lên trần nhà quét vôi trắng, chỉ có những con thạch sùng đang đứng im bất động. Mọi sự chung quanh dường như cũng đứng im bất động cho đến lúc ba rời khỏi chỗ ngồi, ngang qua con bé, khẽ đưa tay xoa đầu con bé và nói nhỏ:

- Kệ, hai cha con mình rán sống với nhau.

Chỉ đến những lúc ấy, con bé mới thở phào nhẹ nhõm, mới thấy ba thật sự là của con bé. Rán. Ba hay nói. Nên ba luôn luôn cần mẫn ngày hai buổi đi về. Thứ Bảy lúc sau này, ba ít bỏ thì giờ chăm sóc bụi trúc kiểng một cách tỉ mỉ như xưa nữa, mà dẫn con bé đi xuống phố hay ra biển đứng

ngắm nhìn những con sóng xanh biếc dập dồn vào bờ. Và những sáng Chúa nhật, ba hay ra ngồi với con bé, "tham gia" nghe tiếng chuông nhà thờ, "tham gia" ngắm đoàn người tan lễ ra về. Chưa bao giờ con bé chỉ cho ba thấy hai nhân vật mình chú ý, nhưng con bé thấy hình như ba cũng biết. Lâu lâu, bận làm việc gì đó ở nhà sau, trưa, ba hay hỏi họ có đi nhà thờ hay không.

Thời thơ ấu của con bé trôi đi bằng những tiếng thở dài lặng lẽ của ba, bằng sự côi cút và u buồn của mình. Những tác động vô tình nhưng nghiệt ngã trên đời sống hai cha con, làm tính cách của con bé trở nên thật khác xa với những đứa bạn đồng trang lứa mình. ít khi nào thấy con bé cười những chuỗi cười dòn dã vô tư, và hầu như chẳng bao giờ tham dự những trò chơi con nít ồn ào. Con bé trầm lặng như một người lớn. Tình cảm cũng sâu sắc như một người lớn. Lúc chị hàng xóm đi lấy chồng, rời căn nhà có cây khế sum suê lá và mảnh trăng rơi trên bờ giếng, những buổi chiều không còn bắc ghế nhìn sang bên kia bờ dậu; nấu nướng xong, con bé cứ ngồi lặng mãi một chỗ, mắt nhìn vào khoảng không bao la. Thỉnh thoảng tình cờ nghe một câu hát già dặn, hay một câu hò xa xót, u hoài, đôi hàng mi ấy lại như đang lay động, đôi con ngươi đen lánh ấy lại như chìm vào một khối nước trong veo...

Người lớn thường hay trách cứ, dầu có chuyện hoàn toàn chẳng dính dáng gì đến mình. Suốt thời thơ ấu của con bé, mỗi bận có người nhắc đến mẹ, là con bé lại phải nghe những tiếng chép miệng thở dài, những lời than vãn oán trách. Con bé thương mẹ, muốn bênh vực mẹ, nhưng nghe mãi, rồi cũng có thời gian dài con bé giận mẹ. Có thời gian dài, con bé trông cho mẹ gặp một điều gì đó thật khổ sở, đọa đày. Nhưng sau này khi lớn lên, nhìn lại chung quanh, rồi nhìn lại thời thơ ấu hiu quạnh của mình, con bé mới nhận ra cái khung cảnh chật hẹp, tầm tầm ở đàng trước mặt, đàng sau lưng căn nhà nghèo nàn của ba, nhận ra cái cuộc sống thường nhật không hề hứa hẹn một đổi thay, thật khó vô cùng để cưu mang những ước mơ và hoài bão lớn của một con người. Cũng như khó có thể nào giữ được chân, cột ràng được tiếng hót của một con chim sơn ca có thừa khả năng vút cao hơn, cất cánh cao hơn giữa bầu trời xanh rộng mở.

Người thiếu nữ lớn lên, trở thành người có đạo. Những dãy ghế im ỉm trong nhà nguyện, những tượng thánh Chúa bị đóng đinh trên cây gỗ trong giáo đường, chẳng còn làm cho cô sợ. Cô dấn thân làm việc thiện nguyện ở nhiều nơi. Cô thường quỳ gối thầm cảm tạ ơn trên đã để cuộc đời, dầu buồn tủi, hiu quạnh, đã trôi đi với cô, như nước một con sông không ngừng nghỉ ở những đoạn xuôi giòng. Có đôi lúc mỏi mệt, có đôi

lúc yếu lòng, người thiếu nữ cũng chới với khi bất thần nghe những hồi chuông dài ngân nga trong một không gian tĩnh mịch, yên ắng đưa về. Có đôi khi cô sợ hãi sự im lặng, sự tẻ ngắt đột ngột sẽ hiện ra, sau khi tiếng chạm của quả lắc va vào thành chuông chấm dứt. Sợ hãi sẽ phải gặp lại những cảm xúc u buồn thời thơ ấu của mình. Nhưng rồi cũng lắm khi cô tự an ủi mình, nếu như cô đã không trải qua những buồn tủi, hiu quạnh ấy, và không dám đối diện với những bùi ngùi xúc động năm xưa ấy của mình, chắc hẳn cô sẽ chẳng bao giờ biết để lòng thông cảm cho những tâm hồn mẫn cảm, biết xa xót cho những cảnh đời đau thương đang cần sự an ủi và giúp đỡ tinh thần của cô hằng ngày.

Cô lại ngước mắt lên, bước đi. Bước đi bằng đôi chân nhỏ bé của mình giữa cuộc đời khốn khó... ❐

Đã Phát Hành Khắp Nơi

TRÊN ĐÔI CÁNH HẠC

Tuyển Tập Truyện Ngắn

Đinh Phụng Tiến

gồm những sáng tác
được viết trong năm 1993,
và xuất bản lần đầu tiên tại California,
Hoa Kỳ 1997

Sách dày gần 200 trang, giá 10 MK

Đinh Phụng Tiến sinh năm 1940 tại Nam Định. Nguyên là sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Phóng viên Việt Nam Thông Tấn Xã. Đã cộng tác với nhiều nhật báo, tạp chí tại Sài Gòn trước năm 1975. Sau 1975, qua nhiều trại cải tạo từ nam đến bắc Việt Nam. Định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1992. Một số truyện ngắn trong tập này đã có mặt trong các tạp chí Văn Học và Thế Kỷ 21 tại California.

Anzac Day

Thường Quán

Một tiếng kèn hừng đông
từ đất tối, họ trở lại

Kẻ bước đi với một vệt sáng kéo từ bả vai
rào cổng, cửa ngõ đen đúa bên trong hẳn
ngáp tiếng chó sủa
con đường sau những pub bia những căn nhà loài người
còn ôm ngủ, những chai lọ, váng bụi trong nắng
mạt cưa
lơ lửng, sủi bọt, bài kinh tiếng Phạn, một đôi phướn hừng đông
luôn luôn xứ Ấn
hôm qua lay thức sớm tôi đưa ông ra đài tưởng niệm thành phố
những sợi tóc trắng phơ phất có lúc kéo dựng đứng
giữa những cột bạch dương
nắng vỡ ngày đập trong ngực và những be sườn
tiếng những giọt nước rơi từ bình nước biển chúc ngược
đằng sau những chiếc cửa, xa nữa, một thân tàu đen mắc cạn
buổi sáng như duy nhất như sau cùng
tôi không nắm bắt được, trôi tuột
bây giờ tôi không ghét những tiếng kèn
buổi sáng đã trễ cho mọi tiếng kèn
con tàu vào tới cảng vuông vức
như một thành phố hoàn tất
kẻ ấy đã không ngồi xuống một vuông bàn t
rước một trang giấy
như thế đã nhiều năm thứ gì như sự sợ hãi
sợ hãi những chữ như những móc câu rỉ
mắc vào những miệng cá tối thời gian
không thể vứt trả lại biển

mà không gieo máu
hẳn dường cũng chưa từng đặt tay lên vai ông
như thế ba mươi năm
dưới gốc dương trút lá, đứng
tại sao thở hắt ra làm như được thanh tẩy tội lỗi
vì đã đưa ông tới trước những quân đoàn an nghỉ
một bệ lửa?
sự ích kỷ như lát cá khô queo không còn ăn được
vẫn ngậm ở miệng
vị muối mặn hay chính máu mặn của mình
sự nhầm tưởng không thực bằng
một cột sống đang hóa vôi, thẳng, nghiêm chỉnh trước đá
đá vuông vức
bốn mặt tường phẳng Lest We Forget
forget? chúng tôi đi quanh
hai chiếc bóng, đoạn đường rải sỏi vụn, có khi đổ vào nhau
nhưng tôi không thấy được
chỉ kẻ ấy là thấy
cùng một thân chó đen
đầu cúi thấp, khục khặc
chạy đuổi những con chim câu
ra khỏi những chiếc ổ tối những kè đá
đá thì nặng những cánh chim chẳng nhẹ hơn, còn bóng?
những vùng tối thấp của tất cả họ nối liền không biên giới
tôi nói hay chúng ta ra biển
ông nói "thì đi" khuôn mặt không mấy bận tâm
lại thấy tôi lóp ngóp bơi ra giữa ấy
lần đầu, thân chó vàng, ướt, còn ông như một thân gậy
biển ngập ngụa cháy, đến bây giờ tôi vẫn không biết gì
về bờ bên kia biển
trừ một cảm giác khát chát và mặn
sự hốt hoảng trên khuôn mặt thanh niên của ông,

trôi ngoài xa tít tắp một trườn sóng (hay một dải mây) lạc
những vùng tối thấp ở lại mãi
dù sao cũng một buổi sáng lửa ấm hơn và
ánh sáng cháy mạnh hơn
điều duy nhất chạy tới trước mắt, sủa vang rân, thân chó
quẩy tung bụi nước, li ti, từng bụm vẩy nước, rối loạn,
mất vào không khí xanh suốt
và một biển đã dọn sạch
duy nhất, nằm ngửa thở:
một vệt sáng bổ dọc, tươi, khô
một xà-lan
những kiện hàng vuông, quá tải, đã cất dỡ.

Phát hành vào tháng Sáu

ban mê thuột, ngày đầu ngày cuối

tập truyện của Trần Hoài Thư

tác giả tự xuất bản

** Để vực người lính VNCH đứng dậy trong vòng dây oan nghiệt của lịch sử và của văn chương hiện đại*

** Để nghe tiếng nói của những người tham dự trực tiếp từ ngày đầu đến ngày cuối một trận lịch sử*

** Để được đọc lại những bài văn cũ trên Bách Khoa và Văn của tác giả vào những năm 60, 70.*

Địa chỉ liên lạc: *Email: hoaithu@juno.com hay tht@saigonline.com*
hay: Nguyễn Ngọc Yến
719 Coolidge Street, Plainfield, NJ 07062
Phone: 908-769-8459 (home), 908-302-5775 (office)
Sách dày 242 trang, giá 12 Mỹ kim kể cả cước phí.
Tác giả sẽ ký tên đóng dấu lưu niệm nếu có yêu cầu.

Địa đàng bình an

Nguyễn Trung Hối

Một vầng trăng vàng óng xoay tít giữa bầu trời huyền ảo xanh lơ bao quanh và xa hơn là những tảng mây màu ngọc bích lềnh bềnh trôi. Nơi tít tắp là những làn khói sương tận chân trời mờ sáng. Và nổi bật trong toàn cảnh là vô vàn những cành cây trơ trụi khẳng khiu đan chéo vào nhau tua tủa vươn lên như muốn chống đỡ cái bầu trời u ám ấy. Cận cảnh là chằng chịt những dây leo, lá dương xỉ, cây xương rồng và lau lách rậm rạp. Lạc lõng trong cảnh sắc mờ tối ấy bỗng nổi lên hai vật thật sáng : một bông chuối đỏ tươi và một con người trần truồng trơ trụi. Đó là một người đàn ông "rõ ràng", nếu loài người gọi nó là "đàn ông".

"Thôi. Chúng ta nghỉ một lát đi họa sĩ."

"Không được. Tôi đang làm việc."

"Tôi phải xem bà vẽ tôi thế nào đã."

"Tôi bảo anh đứng yên ! Nếu anh bước về tôi một bước tôi sẽ phóng dao đấy. Anh thấy tôi đang vẽ bằng dao chứ gì ? Hơn nữa, tôi lại còn có súng, anh loạng quạng là tôi bắn đấy." Vừa nói, Duyên vừa dùng tay trái rút trong túi áo khoác một khẩu súng ngắn mạ kền sáng loáng chĩa vào anh ta.

"Ấy, bà không nên đùa với vũ khí. Tôi không có ý đồ gì xấu cả. Tại sao bà lại sợ tôi trong khi đáng lẽ tôi phải sợ bà, vì tôi đã để cho bà nhìn ngắm tôi trần truồng không che đậy? "

"Tôi muốn làm việc đứng đắn, không có lộn xộn. Tôi biết đàn ông các anh bao giờ cũng chủ quan, cho rằng phụ nữ chúng tôi bao giờ cũng mê mệt tấm thân hình vai u thịt bắp của các anh. Đừng có mà nhầm ! Chúng tôi chỉ xem các anh như những pho tượng mà thôi. Tôi không muốn anh và tôi lại làm người mẫu quảng cáo cho hãng nước hoa Tabu."

"À, thì ra cô bị ám ảnh bởi tấm hình anh chàng người mẫu ôm hôn cô

nữ họa sĩ trong các tạp chí thời trang. Thảo nào..."

"Hãy gọi tôi là bà, vì tôi đã có chồng con."

"Thì là...bà. Có sao đâu?" Vừa nói, anh ta vừa choàng chiếc áo khoác vào người, cẩn thận buộc chặt thắt lưng rồi từ từ bước về phía bà. "Tôi nóng lòng muốn xem con người của tôi trong tranh như thế nào thôi. Xin bà cho phép ?"

Duyên bước lui lại mấy bước khi anh ta tiến lại gần mình. Bàn tay trái của bà vẫn nắm chặt khẩu súng ngắn ở trong túi áo khoác. Anh chàng người mẫu đứng án trước bức tranh của bà, đầu nghiêng nghiêng ngắm nghía.

"Ồ, trông tôi cũng được lắm đấy chứ ! Cứ như là "The Apollo in Matisse's Studio" của Weber vậy đó."

Rồi anh ta thao thao bất tuyệt :

"Ôi, sao lại có cái hoa đỏ tươi roi rói thế này giữa một đêm trăng mờ mịt huyền ảo thế kia nhỉ? Có lẽ bà đã lấy từ một nhu liệu nào đó của máy tính chứ gì? Lại còn những đám mây bao quanh vầng trăng nữa, tại sao lại có những gam màu tối trong khi xa hơn thì lại có màu ngọc bích và xà cừ ? Bà hãy hình dung lại xem, hay bà bảo vào cái thời hồng hoang xa lắc xa lơ ấy màu sắc nó cứ loạn xà ngầu lên thì thôi vậy. Lại còn những cây xương rồng, dương xỉ, diên vỹ... này nữa. Tự nhiên chúng lại mang những đường nét và màu sắc thật thà như lối vẽ của Henri Rousseau trong lúc hàng hàng lớp lớp những cành cây khẳng khiu kia thì bàng bạc tính chất đông phương và thiền mà ai cũng sẽ rất thích ? Giá mà..."

Thấy bà đứng yên, hai tay khoanh lại ở trước ngực, tựa người vào chiếc bàn con trên đó để la liệt nào cọ, nào màu, nào chai lọ...đang lắng tai nghe, anh ta thôi không ti toe nữa.

"Thôi, chết! Tôi lại múa rìu qua mắt thợ rồi. Tội lỗi! Tội lỗi!" Vừa nói, anh ta vừa dùng bàn tay vả vào miệng mình.

Duyên bật cười. Bao nhiêu nỗi lo ngại băn khoăn rơi đâu mất. Bà đâm ra nhẹ nhàng khi bảo anh ta :

"Anh nói nữa đi ! " Tuy tự ái của bà có bị thương tổn phần nào, nhưng bà cũng nhận thấy ngay là những lời của anh ta có phần xác đáng. Và anh ta cũng biết nhiều về hội họa đấy chứ ?

"Thôi, nếu bà không thích những lời của tôi vừa nói thì xin cho tôi rút lại vậy."

"Anh cũng thường nghiên cứu về hội họa ?" Bà hỏi.

"Ấy, những năm đi theo Greg, tôi được ông ta chỉ bảo thôi. À, tôi muốn nói là đi theo làm người mẫu cho ông ta và ông ta thường nói chuyện với tôi nên tôi biết đại khái..."

"Sao anh không đi làm người mẫu thời trang?" Bà thấy anh ta có khuôn mặt rất đẹp trai còn thể hình thì thật tuyệt hảo rồi. Chính trong lúc nhìn ngắm anh ta để vẽ, bà đã thấy lòng mình rung động. Bà đang ở tuổi hồi xuân mà. Bà mới ăn sinh nhật lần thứ bốn mươi ngày hôm kia, chính ngay lúc ấy bà được điện thoại của anh ta hỏi giờ làm việc. Nghe tiếng nói qua điện thoại, bà tưởng anh ta là một người Mỹ, vì bà đã nhờ giáo sư Williams tìm giúp một người mẫu nam có thân hình lực sĩ để bà vẽ nhân vật A-dong trong bức tranh mà bà đang thực hiện. Đấy là bức "Địa đàng không có E-và" , sơn dầu trên bố với kích thước lớn.

Nhưng khi mở cửa cho anh ta, bà đã muốn từ chối ngay. "Ồ, không. Tôi chỉ muốn một người mẫu Mỹ, hay đúng hơn là một người Tây phương, vì nhân vật tôi muốn vẽ là một người Tây phương."

"Tôi biết." Anh ta gạt tay bà ra để đẩy cửa vào nhà. "Bà muốn vẽ nhân vật Adam trong bức tranh "No Eve in Eden" chứ gì ? " Anh ta nói tiếng Việt thông thạo mặc dầu rất trẻ. Greg đã nói với tôi như thế và đã khẩn khoản nhờ tôi giúp bà. Tôi cũng tưởng bà là một họa sĩ Mỹ vì Greg gọi bà là bà Peggy. Greg đã chọn thì bà có thể yên tâm. Nếu bà không tin, tôi có thể thoát y ngay bây giờ cho bà xem."

Greg là tên gọi của giáo sư Williams. Anh ta ăn nói bộc trực và có vẻ trắng trợn, nhưng anh ta rất đẹp trai. Mắt thì hun hút sâu như Mark Vanderloo còn miệng thì rộng và hấp dẫn như miệng của Marcus Schenkenberg. Tóm lại, anh ta đẹp như một siêu người mẫu thời trang vậy.

Bà khoát tay :

"Thôi được rồi. Vào studio rồi hẵng hay. Tên Việt của tôi là Duyên, còn anh tên là gì?"

"Tên tôi là Adam."

"Tôi muốn anh đứng đắn." Bà làm mặt nghiêm.

"Vâng, tôi rất đứng đắn. Tên tôi là Đàm, gốc người Minh hương nên người nhà vẫn gọi là A Đàm."

"Thì ra là thế. Tôi xin lỗi vậy. Tôi cũng là người Minh hương đây." Tuy nói thế nhưng bà nhìn anh ta với vẻ nghi ngờ.

"Thì cô là...Xin lỗi, bà... Bà thấy đấy, tên tôi đã là tên tiền định rồi. Tôi tưởng không còn người mẫu nào xứng đáng hơn nữa để bà vẽ bức tranh... để đời của bà."

"Được rồi. Để rồi xem như thế nào." Bà nhẫn nhục hơn là nói lấy lòng anh ta.

Khi dẫn anh ta vào phòng vẽ, bà trao cho anh ta một chiếc lá ô liu bằng lụa có hai dải dây nhỏ xíu và một bình nước đá cục đã để sẵn, bảo :

"Sau khi cởi bỏ quần áo, anh phải mang chiếc lá này. Còn đây là nước đá, có thể làm hạ những cơn bốc lửa bất tử của anh, vì anh nên biết, không có Eve thì Adam không có lý do gì để...cao hứng cả. Hơn nữa, tôi muốn bảo đảm một không khí thật nghiêm trang khi làm việc."

Anh ta cười lớn :

"Bà tâm lý lắm! Nhưng bà khỏi lo, tôi xin cam đoan sẽ không dùng đến nước đá vì tôi biết việc nhìn ngắm và đo đạc của bà không đủ sức làm tôi xúc động đâu... Còn chiếc lá này thì tôi đề nghị với bà là không cần mang. Không có Eve thì còn có ai nữa để cho Adam cần phải lịch sự ? Và riêng với bà, không lẽ bà vẽ cái thời hồng hoang ấy mà cũng chịu ảnh hưởng những ước lệ của thời trung cổ và hiện đại ?"

...Anh ta là như thế, ăn nói thô lỗ nhưng đâu vào đấy. Bà trao cho anh ta một lon Dr. Pepper ướp lạnh rồi nhắc lại câu hỏi.

"Tôi thấy anh có khả năng để làm người mẫu thời trang, tại sao anh không làm?"

"Bà hỏi tôi tại sao không làm người mẫu thời trang à? Cộng đồng người Việt mình chưa đến lúc có khả năng chạy theo thời trang nên các nhà tạo mốt thấy không cần những người mẫu thời trang người Việt như Naomi Campbell, Tyson Beckford...của người da đen. Vả lại, tôi đang làm người mẫu cho hội họa, nói theo ông bà mình là "tốt đẹp khoe ra, xấu xa đậy lại", bây giờ tôi làm nghề trình diễn thời trang, có nghĩa là tôi sẽ mang đi khoe với thiên hạ cái lá ô liu mà bà đã trao cho tôi ấy à ?" Nói xong, anh ta lại cười lớn.

"Anh có những tư tưởng rất ngộ nghĩnh." Bà cũng cười với anh ta và thấy có cảm tình với anh ta hơn.

"Có lẽ bà cho tôi là trẻ con chứ gì ?"

Anh ta có dáng băn khoăn rất dễ thương.

"Không. Anh trẻ chứ không ...con."

Và bà cười lớn, thú vị vì câu nói đầy hàm ý của mình và không muốn giữ gìn gì nữa. Anh ta trông có vẻ tin cậy được.Anh ta thật trẻ, tuổi chỉ khoảng con trai đầu lòng của bà hay hơn một vài...Nhưng anh ta sắc sảo và liếng thoắng hơn con trai của bà nhiều. Chỉ tội ở chỗ anh ta có cái vẻ "gigolo" làm bà không thích. Có lẽ do nghề nghiệp của anh ta mà nên. Tuy là một nghệ sĩ nhưng bà cũng không bỏ được thành kiến với công việc anh ta đang làm. Bà trông anh ta có vẻ thông minh và nhất là còn rất trẻ, tại sao anh ta không học hành để tiến thân hơn ? Rồi bỗng nhiên bà cảm thấy chán nản, muốn ngừng công việc ở đây.

"Thôi, hôm nay làm việc đến đây thôi. Ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục, cũng vào giờ như thế. Cám ơn anh đã đến, nhất là đã góp ý. Có lẽ tôi phải

vẽ lại từ đầu. Những lời phê bình của anh đã làm tôi sáng mắt. Rất tiếc anh chỉ là người mẫu mà không phải là họa sĩ. Nếu không anh sẽ rất thành công." Những lời cuối bà đã nói rất thật lòng.

" Tôi có thể mời bà đi ra ngoài uống một cái gì được không?" Anh dè dặt đề nghị.

"Cám ơn anh, nhưng hãy để lần khác. Hôm nay tôi không thấy có hứng thú." Bà từ chối.

"Hay là tối nay, tôi mời bà...được không?"

Bà lắc đầu, xua tay :

"Không. Tốt nhất là chúng ta chỉ nên quan hệ trong công việc thôi. Xin cám ơn nhã ý của anh."

Thấy bà từ chối có vẻ quyết liệt, anh ta đành xin lỗi rồi định quay về phòng thay quần áo ngay. Nhưng anh ta bỗng chú ý đến hai bức tranh truyền thần bằng than của Ian, một họa sĩ nổi tiếng vẽ chân dung, đặt lẫn lộn với một vài bức sơn dầu, hỏi bà :

"Bà thích loại tranh này?"

"Anh không thấy đẹp sao? Anh không thích chúng?" Bà hỏi lại.

Anh ta đáp ngay :

"Tôi không thích một chút nào. Truyền thần chỉ là khéo tay, không là nghệ thuật sáng tạo. Tôi thích cái thế giới không có đàn bà của bà. Tôi thích cảnh trời đen, mây màu ngọc bích của bà hơn. Xin bà đừng nghĩ tôi mâu thuẫn hay nói lấy lòng bà. Đấy chỉ là một cách diễn tả thôi."

"Nhưng ông ta tài hoa và nghe đâu rất giàu. Chỉ một bức phác họa như thế này bán với giá một trăm đô la, và ông ta đã vẽ hàng nghìn, hàng vạn bức như thế."

"Vậy bà chọn con đường nghệ thuật là muốn để làm giàu? Van Gogh chỉ bán được một bức tranh độc nhất lúc sinh thời thì sao? Hậu thế, ai sẽ còn nhớ đến Ian ? Thôi, tôi chẳng có tư cách gì để lạm bàn về hội họa, nói nhiều chỉ làm bà bực mình. Xin tạm biệt. Ngày mai chúng ta sẽ gặp lại và hy vọng bà sẽ nhận lời đi uống cà phê với tôi."

Anh ta nói xong, ngừng lại một lúc, nhìn thẳng vào mắt bà, rồi mới bước đi.

Khi anh ta ra xe, bà vẫn đứng yên tại chỗ, lắng tai nghe tiếng xe của anh ta nổ lớn vì xài ống pô to, tiếng máy rú lên khủng khiếp, rồi nhỏ dần, nhỏ dần...

Sau khi anh ta ra về, bà vào ngay phòng tắm, trút bỏ chiếc áo khoác, và nhìn ngắm mình trong gương. Bà thấy mình vẫn còn hấp dẫn, ngực vẫn săn, eo vẫn nhỏ và hông thì nở.. .Tóm lại, ba vòng đo thể hình của bà vẫn rất lý tưởng. Bà thầm nghĩ không biết anh ta có thấy bà đẹp không.

Có lẽ là thấy. Rồi bà hồi tưởng lại khuôn mặt đẹp trai của anh ta. Nhớ lại từng chi tiết thân hình của anh ta, ngực nở, bụng thon và...chân tay cuồn cuộn những bắp thịt, thật tuyệt vời. Bà khẽ nhắm mắt lại và cảm thấy người như nóng ran lên. Đấy là cái cảm giác mà đã lâu rồi bà không có, kể từ ngày ông ấy ra đi.

Bên ngoài sương mù phủ nhẹ và gió đã lành lạnh mặc dầu ánh sáng vẫn chan hòa. Nhưng tất cả hoa cúc vàng và tulip đủ màu quanh nhà thì đang búp lại... Lòng bà cũng đang khép lại, mỗi khi chiều về, cũng như hoa. Và cứ thế, bà chậm rãi đi ra quầy rượu, rót một ly Merlot cho mình và bấm CD để mở nhạc. Nút "repeat 1" vẫn còn cài sẵn, và vẫn chỉ có một giọng ca Thảo My với bài ca độc nhất ấy vang lên da diết...

Chỉ có mỗi một mình bà trong ngôi nhà im vắng này.

Và chưa bao giờ bà thấm thía nỗi cô đơn như hôm nay.

...Cuộc sống của gia đình bà không được êm đềm, hạnh phúc như những tưởng khi sang định cư ở bên này. Chồng bà tuy vẫn tài hoa nhưng không được may mắn. Ông thường buồn bực và than phiền với bà vì người nhân viên cũ của ông ngày xưa ở Việt Nam, bây giờ là sếp của ông đã lên mặt thấy rõ khi hắn ta tìm đủ mọi cách để bắt bẻ và làm khó dễ ông. Ngày trước ông đã làm gì gọi là ức hiếp anh ta để anh ta trả thù lại ông cho cam ? Ban đầu, bà có thể ngồi nghe ông thổ lộ tâm tình và tìm lời an ủi, vỗ về ông. Nhưng rồi dần dà bà thay đổi thái độ bằng cách tranh luận với ông không nhân nhượng. Bà bài xích ông không biết nhẫn nhục, không có tư tưởng cầu tiến, không có tinh thần vươn lên, không biết hội nhập, v.v... Đấy cũng là thời gian bà đòi mua xe và ghi tên vào trường đại học. Ông hỏi bà muốn gì khi bà theo học ngành hội họa ? "Tham vọng. Chỉ có tham vọng mới làm cho con người tồn tại." Bà trả lời thẳng thắn với ông như thế. Ông mỉa mai: "Thiên tài cũng chết đói." Có lẽ ông tự cảm thán về thân phận của ông. Và bà đã đốp chát lại : "Chỉ có kẻ ngu dốt mới chết đói, người có tài năng không bao giờ có thể đói được ." Những cuộc tranh luận như thế vẫn cứ tiếp diễn. Thế rồi ông bỏ đi về miền Đông, theo chân đứa con lớn đang học bên ấy. Chỉ có đứa nhỏ đang học trung học ở nhà với bà. Nhưng nó cũng vào ở nội trú, thỉnh thoảng đôi ba tuần mới về thăm bà một lần. Ngôi nhà rộng lớn của bà trở thành hoang vắng.

Nhiều khi nhớ đến chồng, bà cũng có phần hối hận. Giá bà tế nhị và dịu dàng hơn thì tốt biết bao. Kinh Thánh đã có ghi: "Nói cho chồng biết một cảm nghĩ có thể ví như ném một trái banh cho chồng. Vợ có thể ném nhẹ nhàng để cho chồng dễ bắt được, hoặc có thể liệng mạnh đến độ làm tổn thương chồng..." Chắc chắn là những trái banh bà đã ném ra cho

chồng không nhẹ nhàng một tí nào, làm sao ông không bị tổn thương được ? Đã mặc cảm vì bị thua thiệt với đời, với bạn bè, nay ông lại bị người bạn trăm năm coi thường, làm sao ông có thể chịu đựng nổi ? Nhưng hối hận chỉ là chuyện đã rồi. Như bát nước đã đổ xuống đất, làm thế nào múc lên cho đầy như cũ được? Đôi lúc quay quắt, ngấu nghiến buồn vì nỗi cô đơn, bà đã có ý tưởng phung phá, buông xuôi, nhưng rồi bà lại đâm đầu vào đam mê công việc, vào màu sắc, vào sáng tạo. Bà vẽ và vẽ, cả ngày lẫn đêm, say sưa, miệt mài, dưới sự chỉ dẫn tận tâm của một nghệ sĩ thiên tài: Greg Williams. Bà chỉ mong đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Tất nhiên là bà rất nóng lòng khi chưa đến được đó. Và bà luôn luôn tìm tòi và thật sự táo bạo trong những đề tài mới, đôi khi đã làm Greg ngạc nhiên nhưng cuối cùng bao giờ ông cũng tạo điều kiện cho bà hoàn thành tác phẩm một cách mỹ mãn. Cả đến bức tranh bà dự định vẽ, ông hứa sẽ tìm cho bà một người mẫu lý tưởng. Và ông đã giới thiệu cho bà A Đàm. Vẽ Adam với thể hình của A Đàm thật là hợp tình, hợp lý. Greg thật khéo chọn. Bây giờ thì bà thấy anh ta là người Việt Nam lại càng hay. Bức tranh của bà được mang thêm cá tính dân tộc mình, càng tốt. Greg đã không từng nhắc nhở phải là những gì của chính mình, chứ đừng là người khác. Tác phẩm của bà phải có dấu ấn của bản sắc bà, của Peggy. Vì đã có người nào biết rõ mặt mũi của A-dong trong truyền thuyết ra sao đâu ? Tại sao A-dong không phải là một người Á Đông, một người Việt Nam ? Việt Nam không phải là cái nôi của loài người hay sao? Và người Việt Nam không phải là đã được các nhà khảo cổ học xác nhận thuộc giống người có mặt trước nhất trên địa cầu đó hay sao ? Bà muốn rằng bức tranh này là tác phẩm tốt nghiệp của bà và là tác phẩm - nói như anh ta - "để đời" của bà.

Bà muốn nhìn lại nó tức thì. Bây giờ bà mới sực nhớ là bà đã "đóng vai" E-và quá lâu và bà đang cảm thấy lạnh, tuy đã uống hết ly rượu vang đầy. Bà vội choàng chiếc áo khoác vào người...Xong, bà vội vã đến phòng vẽ

"Này! Anh đang ngủ đấy à ?"

"Không bao giờ. Tôi đang làm việc nghiêm túc mà ! Không phải là bà đã muốn như thế hay sao?"

"Nhưng tại sao tôi thấy anh nhắm mắt lại?"

"À, là vì tôi đang thư giãn, đang cố gắng tập trung thể hiện nét thanh thản trên khuôn mặt của A-dong."

"Tại sao?"

"Là vì tôi muốn góp phần thực hiện thành công bức tranh này. Và tôi

nghĩ rằng bà sẽ làm được vì bà có tài."

"...?"

"Bà thử nghĩ lại mà xem. Ở một nơi chốn không có đàn bà, không có E-và, là một nơi chốn bình an bậc nhất rồi. A-dong còn những gì ngoài sự thanh thản của tâm hồn nữa? Cho nên bà hãy tập trung vẽ cho được nét mặt của tôi, chứ đừng chú ý vào thể hình lực sĩ của tôi nhiều quá."

Anh ta nghĩ gì khi nói những lời như thế ? Nhưng anh ta không có vẻ kiêu ngạo và mỉa mai chút nào. "Nơi chốn không có đàn bà là nơi chốn bình an bậc nhất !" Có thể anh ta có lý. Bà thấy đau nhói trong tim. Tại sao bà lại chọn đúng đề tài chua xót với hoàn cảnh của bà như thế này?

"Không lẽ với tuổi đời quá trẻ như anh mà đã bị đàn bà làm cho điên đảo để anh có cái kinh nghiệm thiết thân như thế?" Bà thắc mắc nên đã buột miệng thốt ra lời ấy, không nén được.

"Không đâu. Tôi chưa hề được cái hân hạnh ấy." Anh ta nói với vẻ thật thà. "Nhưng chung quanh chúng ta thiếu gì..."Anh ta vừa nói, vừa nhìn như xoáy lấy bà, khiến bà chột dạ.

"Anh có vẻ không có cảm tình với đàn bà?"

"Tôi sợ những người đàn bà đầy tham vọng."

"Tại sao? Nhưng nếu họ có tài?"

"À, nếu thế là một điều phước cho cộng đồng, à tôi muốn nói xã hội... Nhưng tài chưa đủ. Người ấy cần phải có lương tri nữa, nếu không tham vọng sẽ đẩy cái tài đến những việc làm tai hại, thậm chí có thể trở thành sát nhân , như cô họa sĩ trẻ trong phim "Face of Evil" do Tracey Gold đóng. Cô ta đã giết một nữ sinh viên mỹ thuật, mạo danh người chết, rồi tìm cách quyến rũ người cha giàu có của cô bạn cùng phòng. Lúc bị cô này phát hiện chân tướng lại muốn giết cả cô ta luôn... Nhưng thôi, bỏ chuyện đó đi...Bà đã xem tranh của Đỗ Quang Em lần nào chưa?"

"Không nhiều lắm, chỉ vài ba bức sưu tập và những tranh in lại trong báo . Vì tôi chưa bao giờ về lại quê hương."

"Thế à ? Nhưng không sao... Đừng kể những bức tĩnh vật ông ta thích vẽ những đồ vật tầm thường như đống dá cuội, đoạn dây thừng, cây đèn bão, cái thang tre...Tôi muốn bà hãy nhớ lại những bức vẽ chân dung của ông ta, đối tượng thường là những phụ nữ không đẹp lắm, chắc chắn chỉ là vợ và con gái của họa sĩ thôi, nhưng bao giờ cũng thật tuyệt vời. Tất nhiên là tôi không nói đến cái tài vẽ chạm tỉa tỉ mỉ của ông ta mà nhiều người không thích, vì ngày nay chỉ cần phóng đại các tấm ảnh là chúng ta đã có những bức poster tổ bố rồi. Có giá trị gì mà ngồi tỉa các bức tranh đó ngày này qua tháng khác, vả lại truyền thần như tôi đã nói với bà ngày hôm qua, chỉ là khéo tay chứ không là nghệ thuật..."

"Xin lỗi,anh cho tôi ngắt lời. Ý anh muốn nói là một khi đã có nghệ thuật nhiếp ảnh rồi thì không cần phải vẽ như thế, phải không?"

"Không. Tôi biết ngày xưa Vermeer, Rembrandt, De la Tour v.v...không chỉ vẽ cho giống mà còn cho đẹp nữa. Người ta không thường nói hoa hướng dương trong tranh của Van Gogh thật hơn hoa thật đó sao? Tôi tin rằng nếu Đỗ Quang Em vẽ hoa hải đường thì bông hoa ấy sẽ không chỉ hữu sắc mà vô hương đâu ! Ông ta có tài như thế, cũng như đã thể hiện được vẻ mịn màng óng ả của sa tanh, cái xơ cứng thô thiển của đoạn dây thừng, cái âm u của cây đèn dầu, cái ù lì rất "cuội" của đống đá cuội...Ở đây tôi chỉ muốn nói đến cái thần trên những khuôn mặt của các đối tượng con người trong tranh Đỗ Quang Em mà thôi. Edgar Allan Poe gọi nó là "sự sống". Và khi nhà họa sĩ của Poe thể hiện được "sự sống" ấy lên trên bố rồi thì người mẫu, cũng là người vợ yêu quý của họa sĩ đã không còn sống được nữa... Nhà văn Mai Kim Ngọc thì giải thích hiện tượng này là " có sự giao thoa thân xác ". Xin đừng nghĩ nó với ý nghĩa dung tục. "Sự giao thoa thân xác" này có lúc đã thăng hoa thành "giao thoa tâm hồn". Người vợ phải yêu thương và tin tưởng chồng như thế nào, con gái phải yêu quý bố làm sao thì mới đạt được ánh mắt, vẻ mặt đầy tin yêu, thanh thản như thế. Bức tranh vì vậy mà trở nên có thần. Tôi nghĩ Đỗ Quang Em sẽ không thành công nếu vẽ với một người mẫu khác, một người mẫu đẹp, nhưng "vô hồn"! Trong bức tranh của bà, ngoại cảnh vườn địa đàng và thể hình của A-dong không quan trọng, cái quan trọng là khi chỉ có một mình mình trên trái đất này thì A-dong sẽ như thế nào ? Tất nhiên là anh ta không vui mà cũng không buồn rồi. Anh ta có biết có ai sẽ đến với mình đâu mà vui hay buồn?"

Rồi thấy vẻ tư lự trên đôi mắt của bà, anh ta dè dặt hỏi :

"Bà không đồng ý? Có lẽ khi nghĩ ra đề tài cho bức tranh bà đã hình dung vẻ ảm đạm của vườn địa đàng khi không có bóng dáng của người đàn bà ? Đấy chỉ là cái nhìn chủ quan của chúng ta khi muốn biểu hiện một hiện thực khách quan mà thôi. Cũng như cái đề tự do họa khi thầy cô giáo dạy vẽ ra cho chúng ta thuở nhỏ thôi. Ai muốn vẽ thế nào thì vẽ, miễn xem được thì thôi."

Anh ta nói cũng được. Bà nhớ lại thuở còn học trung học tại quê nhà, ông thầy dạy vẽ là một họa sĩ trẻ rất "cao bồi", thường ra những đề tài tự do họa kiểu thơ Hồ Xuân Hương, như: " Chị em cho chim ăn", "Chị em phơi đồ dưới trăng"v.v ...

...Đấy là tất cả những gì A Đàm đã nói lần cuối cùng bà gặp anh ta. Và bà còn nhớ mãi câu nói :

"Nơi chốn không có đàn bà là nơi chốn bình an nhất..."

Buổi lễ khai mạc phòng tranh của sinh viên tốt nghiệp đã thành công rực rỡ. Báo chí và đài truyền hình địa phương đã đưa tin và ca ngợi. Đặc biệt là bài của Ian trên tạp chí Art in America đã ra thật đúng lúc. Không hiểu làm thế nào mà người họa sĩ tài danh được bà xem như thần tượng ấy lại có đầy đủ những thông tin về phòng tranh của bà, nhất là về bức tranh "Địa đàng không có E-và" đã được hội đồng giám khảo của trường đại học chấm ưu hạng ? Ian đã viết về tính chất thiền đậm màu Đông phương của bức tranh, đặc biệt là cái thần trên gương mặt của A-dong...mà bà đã thể hiện được theo sự góp ý và góp sức của A Đàm.

Nhưng riêng bà có một nỗi buồn không che giấu được. Không có mặt ông ấy, cũng không có hai con bà. Ngay cả A Đàm cũng không có mặt. Trước ngày hoàn thành bức tranh anh ta đã biến mất không trở lại nữa. Cả tiền thù lao trả cho người mẫu, anh ta cũng không đến lấy. Nỗi bực bội ban đầu bỗng trở thành buồn bã. Bà đâm ra chờ đợi và chán nản. Cũng may, anh ta bỏ đi khi bức tranh không còn cần đến người mẫu nữa.

...Khi những người thưởng ngoạn sau cùng rời phòng tranh thì đêm đã khá khuya. Người quản lý phòng triển lãm bắt đầu đi đóng các cửa và tắt đèn. Chỉ còn giáo sư Williams ở lại với bà. Khi ôm hôn bà để từ biệt, ông cụ nói :

"Tôi rất tự hào về bà, Peggy !"

"Cám ơn thầy. Cám ơn thầy vô cùng về sự chỉ dạy tận tâm của thầy trong mấy năm qua." Bà rơm rớm nước mắt khi nói những lời ấy.

Ông cụ cười, hỏi thêm:

"Còn Ian thì sao?"

Bà trố mắt ngạc nhiên nên hỏi lại :

"Ian nào?"

"Thì người mẫu tôi giới thiệu cho Peggy đấy mà?"

Bà tưởng mình nghe lầm :

"Là Ian đó à?"

Giáo sư Williams chỉ về phía bức tranh "Địa đàng không có E-và" được treo ở một vị trí trang trọng nhất của phòng triển lãm , giải thích:

"Nếu không phải là Ian thì làm sao Peggy có thể vẽ một Adam như thế được?"

Và trong lúc tâm trí bà đang cố gắng nối lại các mối dây liên hệ thì ông cụ nói thêm :

"Chính Ian yêu cầu tôi giới thiệu anh ta cho bà. .. Anh ta là cháu gọi bà bằng "cô" đấy !"

Rồi ông cụ nói như thì thầm , nhắn nhủ với bà trước khi bước lên xe:

" Địa đàng không thể an bình mãi khi chỉ có một người đâu ! Địa

Giao khúc I
THẬN NHIÊN

Tặng TY

Lúc chúng ta buông tay
Ngày đổ nghiêng xuống mặt phố dài
Ngực em mùi trái chín
Phản quang lấp lóa mặt sông

Phủ kín nhau
Tràn trong nhau
Lấp đầy nhau bằng nỗi hân hoan rướm máu
Riết róng da thịt nhau duối ngất muộn màng
Môi dã mềm ngày con gái
Gân xanh hằn trên nhánh xương vai
Tình yêu này ngỡ đã quên như ngón tay
củi khô ngún cháy
Bật khóc chạm vào thánh tích nhọc nhằn
Ghềnh đã trơn rêu cuối triền sông
Mũi gai độc dã cắn lút vào thanh xuân tội nghiệt
Chút nước mắt đủ nghe đời dã nhẹ
Đã bằn bặt ngày sau

Đừng buông nhau
Đừng buông nhau...

Đừng thất lạc đời nhau
Lần nữa...

đàng phải có đủ mặt hai người, cả Adam lẫn Eve, Peggy ạ!"

Lên xe rồi, ông cụ còn bảo :

"Bà nhớ cho tôi gửi lời hỏi thăm ông ấy. Nhớ nhé !"❐

Bắt hụt niềm vui

Hoàng Chính

"Chiều nay mẹ thích đi chợ nào?" Người con gái hỏi mẹ bằng giọng âu yếm. Không nghe tiếng trả lời, nàng nghểnh cổ lên, ngóng vào phía phòng ngủ của mẹ. Khoảng hành lang rộng không quá một thước tây tiếp nối với cánh cửa khép hờ dẫn vào phòng người mẹ. Bức tường sơn mầu cam nhợt nhạt không gợi nên trong óc nàng chút cảm quan nào về mầu sắc. Quen quá rồi chất mầu nhờn nhợt mòn nhẵn của thời gian.

"Chiều nay mẹ thích đi chợ nào?" Người con gái vặn nhỏ vòi nước, bồn chồn nhắc lại câu hỏi, vẫn bằng cái giọng ngọt ngào hơi khản đục như thể vừa mới phục hồi sau cơn bệnh cúm cuối mùa xuân.

"Hở mẹ?" Nàng nhắc lại, cặp chân mày cong hơi chùng xuống, theo cái cau mày bực bội. Nàng đặt miếng cao su rửa chén bát xuống chậu, với tay chùi vào tấm khăn lau chén bát vắt trên cánh cửa tủ. Nàng vẩy hai bàn tay theo thói quen, và bước ra khỏi khoảng vuông của căn bếp, lừng lững tiến lại phía phòng ngủ của mẹ.

Nàng đẩy nhẹ cánh cửa. Tia nhìn của nàng đậu xuống bên khung cửa sổ. Chiếc màn cửa vén sang hai bên, vạch ra một khoảng trời hình tam giác biếc xanh ngọc thạch. Bên dưới cái khung mầu biêng biếc ấy là một người đàn bà co ro trong chiếc xe lăn. Người con gái đến bên chiếc xe, đặt hờ hai bàn tay lên vai mẹ. Nàng cảm nhận làn hơi ấm áp truyền từ phiến vai xương xẩu của mẹ qua lớp vải thô nhám.

"Con tưởng mẹ ngủ."

"Giờ này mà ngủ cái gì!" Người mẹ trả lời bằng giọng nói khàn khàn. Giọng nói ấy có pha đều cái hơi hám của một tuổi đời xế bóng cùng với nỗi chua cay của một kiếp người bắt hụt niềm vui.

"Mẹ cứ nói thế," người con gái vuốt ve đôi vai gầy gò của mẹ. "Ngày xưa, bà nội cứ đặt lưng xuống là ngáy rồi. Còn mẹ bây giờ lại hay trằn

trọc."

"Bà nội khác, tao khác! Mỗi người một máu huyết, mỗi người một tính khí làm sao mà giống nhau được!" Người mẹ nói bằng giọng gay gắt, mặt vẫn quay về phía cái khung tam giác biếc xanh của bầu trời.

Người con gái cảm thấy nỗi bẽ bàng nào đó bọc quanh trái tim mình, làm hụt đi một nhịp đập quen thân. Mẹ bao giờ cũng bừng bừng nổi giận mỗi khi nghe nhắc tới bà nội. Nàng khẽ thở dài, ngước lên, theo hướng nhìn của mẹ. Một cánh chim tình cờ vạch ngang bức tranh ngọc thạch của mẹ con nàng một vết cắt. Cánh chim lẻ loi gạch ngang tâm hồn nàng chút xốn xang mơ hồ.

"Chiều nay mẹ thích đi chợ nào?" Nàng nhắc.

"Chợ nào mà không được!" Người mẹ hững hờ trong một giây rồi bất chợt đổi qua giọng cay cú, "Mà việc gì thứ bẩy chủ nhật nào cũng phải đi vậy?"

"Con muốn mẹ đi đó đi đây," người con gái băn khoăn lập lại lời giải thích mà nàng đã nói cho mẹ mình nghe không biết bao nhiêu lần. "Cho khuây khỏa vậy mà!"

"Không có tiền, đi rảo ngoài chợ nó hèn cả người ra!" Mẹ nàng gằn từng tiếng bằng giọng lạnh tanh.

"Đâu có cần mua sắm gì..." Người con gái ngần ngừ suy nghĩ vài giây, rồi cố nói bằng giọng thanh thản. "Đi cho nó thoải mái tinh thần vậy mà!"

"Tao thấy không tiền cứ nằm khểnh ở nhà là hay nhất."

"Mẹ cứ nói vậy. Đa số dân bên này người ta có cái thú đi ngắm các cửa tiệm. Tiếng Anh gọi là *window shopping* đấy mẹ à."

"Sóp pinh sóp piếc cái gì."

Cô gái bóp nhẹ hai vai mẹ, nhẫn nại tẩm chút niềm vui gượng gạo vào giọng nói, "Kìa, mẹ nói tiếng Anh cũng được rồi đấy."

"Ơi, cái thứ tiếng ngược ngạo ấy tao chả thèm học!"

"Mẹ lại giận lây đến xứ sở người ta nữa rồi."

Người con gái ngọt ngào giải hòa mẹ mình với ngôn ngữ của xứ tạm dung. Nàng liếc nhìn cái đồng hồ điện số đặt trên chiếc bàn nhỏ đầu giường ngủ của mẹ, băn khoăn, "Thôi, con thay quần áo đưa mẹ đi chơi nha." Nàng vòng hai tay ra trước, ôm chầm lấy mẹ như những ngày còn thơ ấu, mỗi khi muốn vòi vĩnh, đòi quà.

"Đi cho vui mẹ à. Ở nhà buồn chết." Rồi nàng liếc nhìn đồng hồ. Sáu giờ chiều rồi. Những con số đập vào mắt nàng. Muộn mất rồi. "Mau lên nha mẹ." Nàng hôn lên tóc mẹ, rồi thoăn thoắt đi về phòng mình, hấp tấp mở tủ áo.

Văng vẳng trong thinh không của căn phòng chung cư, tiếng mẹ nàng trách móc xa xăm, "Mày làm như tao là đứa trẻ lên ba không bằng!"

Ngực nàng hơi nhói lên cái cắn rứt của một lương tâm mỏi mệt. Nhưng trong một giây nỗi cắn rứt ấy nhòe đi như giọt mực loang trong ly nước đầy. Chỉ còn lại một vùng trong vắt của pha lê hứa hẹn.

Đôi mắt nàng vuốt ve một lượt đám quần áo treo chật ních ngăn tủ. Những chiếc áo mặc không biết bao nhiêu lần rồi. Những chiếc áo khiêm nhường cho những buổi hẹn hò trong tầm với. Nàng tròng chiếc áo thun có những chữ *Somebody in California loves me* in lòe loẹt phía trước ngực. Rồi hấp tấp đẩy cho cánh cửa khép lại và thay chiếc quần jeans bạc phếch. Mặc như thế này vậy mà hấp dẫn thiên hạ hơn những bộ đồ đắt tiền súng sa súng sính. Nàng rướn mình trước tấm gương hình chữ nhật của bàn trang điểm. Hình ảnh nàng trong đó. Vướng vất chút mùa xuân chín mụ mẫm từ tháng năm nào đó xa tít tắp. Mùa xuân như trái cây chín ép trong đáy thùng gạo hâm hấp nóng, rồi bị lãng quên. Đến khi sực nhớ ra thì thời tiết đã muộn màng. Những hẹn hò tươi rói của tình yêu đã ngả sắc úa của thời gian. Và phảng phất nỗi buồn cứ đóng váng trên mặt chất lỏng của tuổi đời người con gái hai mươi chín tuổi. Nàng sửa lại một lần chót những vệt son lem trên cánh môi, rồi thoăn thoắt bước qua phòng mẹ.

"Mẹ mặc áo thêu nhá." Nàng ngọt ngào như mật ong với mẹ.

"Áo nào cũng được."

"Để con lấy áo thêu Việt Nam ra cho mẹ mặc. Bên này dễ gì tìm ra những chiếc áo thêu công phu đến như vậy."

Nàng mở tủ, vuốt bàn tay một lượt qua những thân vải lượt là treo trong ngăn tủ. Vải vóc reo vui mát rượi trên thịt da nàng. Mẹ cũng làm dáng ghê đi! Nàng thầm nghĩ. Áo Việt Nam, áo đầm, áo Thượng Hải. Thứ gì mẹ cũng có. Phải như mẹ đừng bị tai biến mạch máu não. Cái thứ bệnh chi ác độc, cột dính mẹ vào chiếc xe lăn. Cũng may mẹ chỉ liệt nửa người. Nhưng mà nửa người thì cũng làm cho mẹ xa lánh những chiếc áo đầy mầu sắc còn thơm nức mùi vải mới. Bây giờ đến phiên nàng chọn mầu và kiểu áo cho mẹ. Nàng gỡ bộ quần áo lụa thêu ra khỏi khung treo. Mùi băng phiến thơm tho gợi nhớ về những ngày thơ ấu ở quê nhà. Gợi nhớ về những chiếc rương quần áo thơm mùi long não; chỉ mở ra mỗi lúc năm hết tết đến, mà nàng và hai anh chị lớn thường hít hà mùi long não và ấp những áo quần mới đầy nếp gấp ấy lên người mà líu lo hạnh phúc.

"Mẹ mặc áo này nha."

Mẹ nàng không trả lời. Nàng thoăn thoắt đến bên mẹ, nhanh nhẹn thay áo cho bà. Mẹ nàng có vẻ không hài lòng nhưng cũng không chống lại công việc của nàng. Nàng đỡ cánh tay bị liệt của mẹ lên. Cánh tay

xương xẩu như hai thanh củi. Nỗi xót xa nào đó tê điếng trong lòng nàng. Cánh tay này đã bao nhiêu lần nâng niu bú mớm, săn sóc, vỗ về anh chị nàng rồi tới nàng. Bây giờ cánh tay ấy ốm o củi mục. Chút mặc cảm tội lỗi khuấy lên trong lòng. Nàng mím môi, cố xua đuổi vẩn mây ái ngại ấy như xua đuổi con ruồi xanh quấy nhiễu mâm cơm đạm bạc. Nàng lại liếc nhìn đồng hồ. Và tim nàng xớn lên một xao xác không tên. Gần bẩy giờ rồi.

"Xong!" Nàng thở phào, đứng lùi lại, nghiêng đầu ngắm nghía, như người nghệ sĩ tài hoa trước công trình điêu khắc của mình. "Mẹ bữa nay đẹp ác!"

"Mày chỉ giỏi ngạo mẹ." Mẹ nàng mắng yêu. "Cô lo trang điểm cho cô đi. Con gái lớn rồi, cũng phải phòng hờ có ai thương đến, chứ cứ ở vậy hoài được sao!"

Câu nói của mẹ làm rụng xuống lòng nàng nỗi băn khoăn gút mắc. "Chắc con ở vậy quá, mẹ à!"

"Nhảm!" Mẹ nàng gắt, "Mày không quen ai trong chỗ làm à?"

"Có nhưng mà..."

"Nhưng cái gì?"

"Người ta thấy con có bạn rồi..."

"Lại cái thằng chết tiệt ấy phải không?"

Nghe giọng nói quyết liệt của mẹ, nàng đâm hoảng, "Không đâu mẹ à. Con nói chơi vậy thôi. Chẳng có gì quan trọng cả. Thôi mình đi nghe mẹ. Đi kẻo trễ."

Nàng đẩy chiếc xe lăn của mẹ ra khỏi phòng. Hai bàn tay mẹ nàng vịn cứng lấy hai miếng dựa cánh tay xe lăn.

"Ai thì được nhưng thằng chết tiệt ấy thì ngày nào tao còn sống, nó đừng đặt chân vào nhà này."

Da mặt nàng dầy lên, sần sùi như lớp da chưa thuộc. Hình ảnh người con trai mà mẹ nàng gọi là *thằng chết tiệt* ấy thoáng hiện trong óc nàng.

Cái anh chàng mới qua còn quê mùa, còn nửa thầy nửa thợ, đứng lừng khừng bên cánh cửa trí tưởng tượng người con gái. Hắn lúc nào cũng lừng khừng như kẻ mất hồn. Nàng khẽ lắc đầu để xua đuổi hình ảnh người thanh niên cùng những nhịp tim nặng nhẹ tưởng chừng làm nhấp nhô luôn miếng ngực đầy nấp dưới làn vải áo. Rồi nàng liếc nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường phòng ngủ của mẹ thêm một lần trước khi đẩy chiếc xe lăn ra khỏi khung cửa hẹp. Chật vật lắm nàng mới đẩy được chiếc xe lăn ra khỏi cửa. Nàng đóng và khóa cửa vội vã, rồi ì ạch đỡ mẹ vào ngồi trong xe. Nàng hấp tấp xếp chiếc xe lăn lại. Hấp tấp đến độ kẹp cả vào những ngón tay thuôn. Nàng suýt soa đau đớn. Lúc nàng ngồi lọt thỏm trong chỗ ngồi nệm da, cái đau còn siết quanh những ngón ngay hâm hấp nóng.

Mẹ nàng ân cần gượng gạo, "Có sao không vậy?"

Nàng mím môi lắc đầu. "Không sao mẹ à."

"Đi đâu mà vội mà vàng..." Mẹ nàng trích dẫn ca dao tục ngữ theo thói quen. Nàng không để ý đến những lời trách móc của mẹ. Bàn tay này bóp lấy bàn tay kia như nắn cho cơn đau nhũn ra, tan loãng. Rồi nàng vội vàng đề máy xe. Cơn đau còn hâm hấp những đầu ngón chắc sớm muộn gì rồi cũng bầm tím. Nàng lùi xe ra khỏi bãi đậu. Xớn xác như người đàn bà ngoại tình, vội vã dời xe ra khỏi nhà tình lang.

"Mày làm gì mà cuống lên vậy. Thấy người ta bóp còi đấy không?"

Nàng lặng thinh, mím môi đạp ga cho xe lao vút đi, nhập vào dòng xe cộ nườm nượp của cuối một ngày Chúa nhật.

"Chạy thong thả có được không!" Mẹ nàng gắt.

"Không sao mẹ à." Nàng cố nặn lên môi một nụ cười thật trẻ thơ.

"Lúc này ai cũng chạy như vậy cả. Mùa xuân mà mẹ!"

"Đụng vào người ta có mà đi tù..."

"Mẹ cứ nói vậy."

"Chứ không à. Đi chơi mà cuống lên như sắp đẻ rơi đến nơi vậy." Câu nói của mẹ làm nàng buồn cười. Mẹ cứ hay trù ẻo, nàng thầm nghĩ. Biết đâu có lúc con đẻ rơi cho mẹ một đứa cháu ngoại không biết chừng. Ý nghĩ làm lòng nàng nhẹ tênh như mây, như khói. Chiều nay, lũ đèn đường trêu ghẹo nàng bằng những chuỗi lê thê đèn đỏ. Xe nàng sựng lại liên-tục ở những ngã tư đường dập dìu xe cộ. Chừng nào mới đến được cái trung-tâm thương mại lớn nhất thành phố để mẹ ngắm thiên hạ cho khuây khỏa đây không biết. Đóng cửa đến nơi rồi! Nàng liếc nhìn chiếc đồng hồ gắn bên khung chỉ định vận tốc xe. Lòng nàng sôi lên như phải bỏng.

Chạy lòng vòng mãi nàng mới tìm được chỗ đậu xe. Hôm nay chợ đông. Hàng chục ô trong bãi đậu dành cho người tàn tật đã đầy. Nàng đành chật vật đẩy chiếc xe lăn xuyên qua đám xe cộ san sát và lũ lượt những người đi mua sắm.

"Con đưa mẹ lại khu... triển lãm thời trang... được không?" Nàng rụt rè đề nghị. Nhưng mẹ nàng lặng thinh. Nàng hấp tấp đẩy chiếc xe lăn qua khung cửa tự động, vào hẳn trong thương xá. Không khí trong này mát mẻ, dịu dàng. Một thứ mùi thơm nhẹ nhàng của vải mới và phấn son phảng phất trong không khí làm lòng nàng rộn ràng.

Thiên hạ đi mua sắm nườm nượp. Nàng toan lập lại câu hỏi thì mẹ nàng đã nhỏ nhẹ, "Cho mẹ lại tiệm... áo cưới..." Câu nói của bà sượng lại ở những chữ áo cưới, chừng như hai chữ đó có vướng víu những mày gai sần sượng ngang cổ họng. Người con gái không ngạc nhiên chút nào. Tiệm bán và cho thuê áo cưới bao giờ cũng là địa điểm mà mẹ nàng ngồi

hàng giờ phía trước để vừa mơ màng vừa săm soi từng kiểu áo.

Nàng hiểu nỗi đớn đau của mẹ. Nỗi đớn đau của người con gái liều lĩnh về sống với một gã con trai theo mệnh lệnh ngặt nghèo của tình yêu. Nỗi buồn của đứa con gái bị cha mẹ từ vì tội "theo trai" và bị luôn bên chồng coi là thứ "mèo mả gà đồng." Người con gái biết mẹ mình suốt đời mơ được khoác lên người chiếc áo cô dâu trong ngày hôn lễ. Nàng hiểu hết mọi chuyện. Gã trai trẻ ngày xưa là bố nàng. Và nàng hiểu vì sao mẹ nàng luôn có giọng cay đắng khi nhắc tới bà nội của nàng.

"Để con đưa mẹ lại đó xem hôm nay có kiểu gì mới không..." Nàng cố gắng xua đuổi những ám ảnh xám ngoắt của dĩ vãng bằng giọng cười vui. "Hình như ở đó người ta có chưng cái áo giống hệt áo cưới của công chúa Diana, mẹ nhớ không?"

"Ai biết đâu!"

"Để tí nữa con chỉ cho mẹ..." Nàng liếc nhìn cái đồng hồ trong một cửa tiệm giầy, rồi cuống cuồng đẩy chiếc xe lăn của mẹ mình đi vun vút. Cái khối nặng nề của mẹ nàng trên chiếc xe bỗng dưng nhẹ hẫng. Như thể nàng vừa được tiếp vào cơ thể một nguồn sinh lực dồi dào sinh động. Muộn mất rồi. Nàng chẳng còn bao nhiêu thì giờ.

Qua mấy khúc ngoặt trên hành lang, mấy lần suýt đâm sầm vào những người khách nhàn du, hai mẹ con nàng tới trước cửa tiệm áo cưới thời trang duy nhất trong trung-tâm thương mại. Ánh sáng nhẩy múa lao xao trên những tà áo trắng như tuyết, rực rỡ trên những hình nhân mặn mà nhan sắc.

"Đấy, cái áo ngay phía ngoài cửa đấy, mẹ thấy không?" Mẹ nàng lặng lẽ gật đầu. Nàng liếc nhìn hai bàn tay mẹ gầy gò bám chặt lấy hai chỗ dựa tay của chiếc xe lăn cũ kỹ. Nàng biết mẹ xúc động. Mỗi lần nỗi cảm xúc ngập ngụa trong lòng, người đàn bà chỉ lặng thinh và nắm ghì hai bàn tay vào chỗ dựa tay xe lăn. Những sợi gân xanh ngoằn ngoèo trên mu bàn tay lốm đốm những vết đồi mồi nhăn nhúm. Người bà gò lại như bị phản ứng thuốc. Rồi những diễn biến ấy ngừng lại thật mau. Người bà giãn ra, thoải mái. Và nụ cười khoan thai nở ra trên đôi môi úa.

"Chết rồi!" Nàng bỗng nhiên rên rỉ.

"Cái gì vậy?"

"Con quên trả... tiền điện."

"Hết hạn chưa?"

"Bữa nay là hạn chót."

Mẹ nàng ngước lên nhìn nàng, "Bây giờ còn kịp không?" Nàng ngó quanh quất tìm một cái đồng hồ treo đâu đó trong chợ. Nhưng không thấy. Nàng lẩm bẩm, cố cho mẹ nàng nghe, "Bị phạt mất thôi!"

"Sao không đi trả ngay bây giờ có được không?"

Nàng ngần ngừ vài giây, rồi lại cuống quýt, "Hay mẹ ngồi đây chơi. Con chạy lại đàng đó, trả tiền cho người ta kẻo nó cắt điện là khổ..." Giọng nàng dịu xuống, mềm như những lúc làm eo làm sách. "Được không mẹ?"

"Thì đi ngay đi!" Mẹ nàng nhăn nhó.

Nàng vỗ nhẹ vai mẹ, dịu dàng, "Mẹ chờ con ở đây nha. Mẹ cứ tìm xem cái áo cưới nào đẹp, lựa sẵn cho con một cái..." Rồi nàng tất tả bước đi.

Trong cái rộn ràng của khu chợ nườm nượp người qua lại, nàng còn nghe tiếng mẹ nàng nói với theo, "Mà biết công ty điện lực có mở cửa ngày chủ nhật không mà đi..."

Nàng làm như không nghe thấy câu nói của mẹ, thoăn thoắt lách mình vào đám đông. Nàng như con chuột nhắt luồn lách vội vàng trong đám khách nhàn du của khu thương mại sầm uất. Cái túi xách đeo trên vai đập lộp bộp vào hông nàng. Chủ nhật buồn, đi lê thê... Âm hưởng bài hát xa xăm vọng về trí nhớ. Nàng không có thì giờ để đi lê thê như lời bản nhạc. Nàng muốn điên lên vì vội vã. Nàng lơ láo tìm một chiếc đồng hồ treo trong một cửa tiệm nào đó. Và nàng đâm xầm vào một người đàn ông cao lớn như pho tượng. *I'm sorry!* Nàng xin lỗi gượng gạo, rồi lại thoăn thoắt bước đi. Hình như người đàn ông tóc vàng nhìn theo nàng, lạ lẫm.

Nàng đứng sựng lại ở trước cái điện thoại công cộng. Một người đàn bà đang kể lể gì đó bằng giọng đùa cợt. Nàng di di mũi giầy trên nền xi măng sáng bóng. Nàng sửa lại quai chiếc xách tay treo lủng lẳng trên vai, bứt rứt mở túi, tìm một đồng hai mươi lăm xu. Người đàn bà nói chuyện xong, chưa kịp gác ống nghe lên giá, nàng đã đưa vội tay đón lấy. Nàng hấp tấp nhét đồng xu vào cái khe hẹp bỏ tiền của máy điện thoại. Xong việc, cũng ngón tay trỏ của bàn tay phải mỏng mảnh ấy bấm vội vàng những con số.

Người con trai trả lời điện thoại. Giọng nói chàng quen thuộc. Nàng cuống quýt, "Em đây. Như mọi khi nghe. *OK. Bye!*" Nàng vắn tắt như người chuyên viên tình báo sợ lộ mục tiêu. Và nàng gác điện thoại lên giá, vùn vụt phóng về phía cửa ra vào siêu thị.

Nàng chồm vào ghế ngồi trong xe, hung hăng đề máy. Tiếng máy xe rú lên giận dữ. Bàn chân nàng nhấn xuống cần đạp ga, khốc liệt, bạo tàn. Rồi chiếc xe đưa nàng lao vút đi trở về hướng nhà nàng. Những mảng nắng muộn màng héo hắt tạt vào khung kính, lấp lánh vắn vện trên khuôn mặt xanh xao của nàng. Nàng thoáng nghĩ đến mẹ. Giờ này chắc bà đang áy náy về chuyện tháng này tiền điện hơi cao. Nàng nhớ hôm nhận được

tấm hóa đơn, mẹ nàng đã ngập ngừng thú nhận rằng tại bà coi ti-vi nhiều quá nên tốn điện. Nhưng bà ấy náy cho có vậy thôi. Những cuốn băng nhạc Việt Nam, những cuốn phim tình cảm của Hồng Kông vẫn xếp đầy trên cái kệ kê bên cạnh chiếc ti-vi mầu của mẹ nàng. Nàng vừa suy nghĩ vừa đạp ghì bàn chân bên bàn đạp ga. Cho tới khi có ánh đèn xanh đỏ chớp tắt liên hồi ngay phía sau xe nàng.

Nàng nhìn vào kính chiếu hậu và tim nàng chợt nhói lên nỗi bất an. Bàn chân nàng chuyển vội qua bàn đạp thắng. Và nàng cuống cuồng bẻ tay lái, cặp vào lề đường. Chiếc xe cảnh sát ngừng sát phía sau xe nàng. Tim nàng đập liên hồi trống trận.

"Chào bà," người cảnh sát cao lớn như một gã khổng lồ, khom xuống quét tia nhìn từ đôi mắt xanh biếc vào trong xe nàng. "Bà làm ơn cho coi bằng lái và thẻ chủ quyền xe."

Nàng luống cuống mở túi xách lấy bằng lái trao cho ông ta. Người cảnh sát có khuôn mặt lấm tàn nhang lịch sự "cám ơn bà." Đang lo mà nàng cũng cảm thấy bực mình vì lối xưng hô của nhân viên công lực bản xứ. Anh ta gọi nàng là *madam*. Như thể nàng đã ngoài năm mươi tuổi.

"Bà chạy quá tốc độ!" Người cảnh sát vừa nói vừa rút ra một cuốn sổ dày, cong mép, trông như cuốn sổ ở tiệm cầm đồ. "Bà bị phạt vì vi phạm luật giao thông."

"Tôi... vội quá..." Nàng than thở không ra hơi.

"Dù vội đến cỡ nào bà cũng không được phép chạy tám chục trong thành phố."

Trong khi người cảnh sát lạnh lùng biên giấy phạt, nàng ngây người ra suy nghĩ. Có thật nàng chạy tới tám chục cây số không. Ôi sao mà xui xẻo thế này. Vậy là mất toi mất ít nhất cũng một ngày lương trong hãng. Tháng này loạng quạng dám không đủ tiền trả tiền học. Cái lớp đêm nàng đang theo học mỗi tối từ thứ hai tới thứ sáu đang khoét liên tục vào cái ngân sách èo uột của nàng những vết xâm thực toang hoác. Nàng cố nghĩ một câu năn nỉ nào đó khả dĩ làm người cảnh sát đổi ý. Nhưng trí óc nàng tê liệt. Nàng không nghĩ được bất cứ câu gì để có thể làm người nhân viên công lực này động lòng trắc ẩn. Mà dù có nghĩ ra chăng nữa, nàng cũng không tin anh ta sẽ thông cảm cho nàng. Nàng đâu còn xuân sắc nữa. Không thấy anh ta gọi nàng là "bà" đấy sao.

Sau cùng, nàng ủ rũ ký tên vào tấm giấy phạt, rồi xếp làm tư, nhét vào túi xách. Cơn háo hức trong nàng nguội tanh nguội ngắt. Thật xui xẻo gì đâu! Nàng thở than một mình, rồi thong thả đề máy xe. Lần này nàng liếc chừng chiếc đồng hồ vận tốc trong khi lái xe về hướng căn chung cư nàng ở.

Nàng lái xe vào bãi đậu. Một người thanh niên chờ nàng ở đó.

"Chờ em lâu không?" Nàng hỏi, chân trong chân ngoài ở cửa xe.

"Mười phút."

"Em bị *ticket*."

Người thanh niên ngửng khuôn mặt có đường nét gẫy khúc từ một vừng trán xương xẩu vạch xuống chiếc cằm nhọn lấm tấm những chân râu mới cạo, nhướng đôi mắt có cái nhìn mệt mỏi lên, ngơ ngác nhìn nàng, như vẫn thường ngơ ngáo mỗi lần nghe nàng chêm tiếng Anh vào câu nói, "Bị... cái gì?"

"Cảnh sát phạt." Nàng vừa đóng cửa xe vừa khoác chiếc túi xách lên vai. Người thanh niên chuyển bọc đồ đựng trong cái túi ny-lông qua tay trái, tay phải choàng qua vai nàng. Mùi đàn ông nồng nồng vương vương trong không gian làm nàng rạo rực. Nỗi háo hức tắt ngấm trên xe lại bừng lên như đống lửa tàn vừa được tưới lên một gáo dầu hôi. Nhưng nàng vẫn uốn éo đôi vai đang vướng vít cánh tay người thanh niên trên đó.

"Coi chừng thiên hạ nhìn..."

Người thanh niên không trả lời thẳng vào điều nàng nói. Chàng nhìn quanh quất chung quanh, "Mẹ đâu?"

"Mẹ đi chơi... nhà bà con."

"Có khi nào mẹ về bất ngờ không nhỉ?"

"Mẹ có chìa khóa cửa, nhưng mẹ... tật nguyền; về một mình làm sao được."

"Em có bà con sao anh không biết nhỉ?"

"Thì... bạn của mẹ."

Im lặng một lát, nàng nói nhỏ, như ấy náy, như thẹn thùng, "Nói chơi vậy chứ em để mẹ ngoài *mall*..."

"Bộ mẹ tính mua đồ hả?"

"Không. Mẹ ngắm áo cưới..."

Người thanh niên bỗng ngập ngừng, "Mẹ có nhắc gì đến anh không?"

Nàng vừa gỡ cánh tay chàng xuống khỏi vai mình, vừa cười cợt, "Có chứ."

Người thanh niên nghiêng đầu nhìn nàng, "Mẹ nói gì?"

"Mẹ bảo anh là..."

"Là gì?"

"Thằng chết tiệt!"

"Cái gì?"

Hai người đứng sựng lại trong sân. Nàng nhìn đăm đăm vào đôi mắt người thanh niên. Lòng nàng bất chợt mềm mại, êm ái như tơ, như lụa. Người thanh niên cũng nhìn nàng chăm chú. Rồi cả hai cùng phá ra cười.

Đám trẻ con da trắng chơi đùa trong sân ngơ ngác nhìn họ. Nàng nhìn ngọn cây phong ở phía trên đầu người thanh niên. Khoảng trời mầu xanh trên đó đang xạm dần xuống chất màu của buổi hoàng hôn. Những chiếc lá phong mới trổ ra sau những ngày đông dằng dặc phất phơ trong gió.

"Lúc trước mẹ gọi anh là gì nhỉ?"

"Thằng chó chết!"

"Lần nào cũng có chữ chết trong đó."

"Tính mẹ vậy." Nàng bênh vực mẹ mình.

"Còn em gọi anh là gì?"

"Chả gọi là gì cả."

Nàng cầm lấy tay áo sơ mi người thanh niên, kéo chàng đi về phía cửa vào chung cư.

Vẫn giọng cười cợt của chàng, "Lúc nói chuyện với mẹ, em gọi anh là gì?"

"Em không còn nói chuyện với mẹ về anh nữa."

"Sao vậy?"

"Em đâu biết."

Nàng lấy chìa khóa mở cửa chính rồi kéo chàng về phía căn phòng chung cư của mẹ con nàng. Tiếng khóa cửa lạch cạch. Nàng thoáng thấy những ngón tay mình run rẩy. Như thể đây là lần đầu. Nàng hít một hơi dài và cố làm ra vẻ tự nhiên, "Quên hỏi nữa. Anh đem cái bọc gì to vậy?"

Người thanh niên đưa cái bọc đựng một gói gì đó hình khối chữ nhật lên ngang tầm mắt nàng, "Một ngạc nhiên."

Nàng run run khóa cửa. Lúc quay lưng đi, nàng thoáng thấy người thanh niên gài chiếc khóa dây xích lên cánh cửa. Hơi thở nàng phập phồng lồng ngực.

Tiếng người thanh niên trầm, vang vang trong căn apartment hẹp, "Sao bà già em thù anh thế nhỉ?"

Nàng sựng người, quay đầu lại, chậm rãi bước về phía chàng. Nàng dừng lại trước mặt chàng, nghiêm trang, "Đừng gọi mẹ em là *bà già*."

Nàng đứng lặng như pho tượng, cho đến khi những giọt nước trào ra hai khóe mắt.

Người thanh niên đặt cái hộp xuống sàn nhà, ôm cứng lấy nàng, "Anh xin lỗi. Xin lỗi..." Và chàng hôn nàng đăm đắm.

Rồi chàng dìu nàng vào phòng khách, ấn nàng ngồi xuống chiếc ghế sa-lông dài mềm mại. Người con trai tuốt mảnh giấy trong chiếc hộp giấy chùi tay trên mặt bàn, thong thả thấm những giọt nước mắt cho người con gái. Tiếng sụt sùi kham khổ trong lồng ngực. Vài nếp nhăn kín đáo thoáng hiện ở đuôi mắt nàng. "Nhớ đừng bao giờ gọi mẹ là *bà già* tội nghiệp mẹ,

anh biết không?"

Người thanh niên ậm ừ với câu trả lời trong cuống họng.

Người con gái xoay qua nhìn chàng, "Dù bây giờ hay mai sau, em vẫn mong anh đừng bao giờ coi mẹ như kẻ thù."

"Anh chẳng bao giờ biết hận thù ai;" Người thanh niên sựng lại giây lát, rồi chậm rãi, "Kể cả với những kẻ thực sự đã làm đời anh khốn khổ... Bao nhiêu năm trời nay em vẫn chưa hiểu anh sao?"

"Em biết chứ, em vẫn biết anh có tâm hồn bao dung, nhưng mà em vẫn lo..." Rồi nàng cười với chàng. Trong cái nhá nhem của căn phòng lúc chập tối, nụ cười làm rực rỡ khuôn mặt nàng, và làm sáng luôn cả những đồ vật vây quanh họ, trong căn phòng khách nhỏ như chiếc hộp.

Nàng thì thào trên vai chàng, "Em chỉ lo xa vậy thôi!"

Chàng đỡ người con gái đứng dậy, dìu nàng vào phòng riêng của nàng. Chàng quen thuộc đường đi nước bước như thể chàng đã sống trong căn phòng chung cư này từ lâu lắm rồi. Chàng hối hả gỡ bỏ những vải vóc vướng bận trên thân thể nàng. Chàng đổ lên người nàng những nụ hôn mềm ướt. Tấm nệm dầy võng xuống như một triền thung lũng trong cơn địa chấn. Nàng nhắm nghiền hai mắt rồi bất chợt mở ra để bắt gặp vệt nước loang vàng ố trên trần nhà. Vệt loang lổ quen thuộc mà dường như nàng chỉ nhìn thấy mỗi khi chới với chết đuối dưới cơn lốc cuồng quay thất lạc.

"Chết!" Người thanh niên sựng lại như bị điện giật.

"Gì vậy?" Nàng nhổm dậy, hoảng hốt.

"Quên mở chai xâm-banh."

Và người thanh niên quơ vội chiếc khăn trải giường, quấn lên người, lướt ra phòng khách như chiếc bóng. Nàng nhìn đăm đăm vết nước loang trên trần nhà. Vết nước có cái viền mầu vàng sậm, trông giống một khuôn mặt già nua, khốn khó. Nàng lắng nghe tiếng ly tách chạm nhau lanh canh ngoài nhà bếp. Tiếng mở nút chai dòn tan, rồi tiếng bọt nước xèo xèo. Và người thanh niên vào tới. Tấm khăn trải giường choàng quanh vai, buộc túm lại phía trước làm chàng giống một nhà sư đi khất thực. Nàng mỉm cười một mình với ý nghĩ ấy.

Chàng ngồi lên cạnh giường, kề ly rượu vào môi nàng, "Uống mừng tình mình lên mười tuổi."

"Anh nhớ hay nhỉ." Vừa trả lời nàng vừa đỡ lấy ly rượu trên tay chàng.

"Lúc em đi vượt biên, ở Việt Nam anh tính từng ngày, từng giờ."

"Xạo. Làm sao mà tính từng giờ được..."

"Thật chứ. Rồi lúc ở trại cấm cũng vậy." Chàng đẩy khẽ ly rượu vào

môi nàng.

"Em có uống rượu bao giờ đâu!" Nàng nhăn mặt khi vị nồng của rượu xộc vào mũi. "Sáng mai còn dậy sớm đi làm. Uống rượu vào chết toi!"

Chàng đốc, "Đêm nay thôi. Mừng sinh nhật tình yêu mà."

Nàng nghĩ đến những tháng ngày quấn quýt bên nhau ở Việt Nam. Những tháng ngày ngát hương hạnh phúc, nồng nàn ái ân. Lúc nói cho chàng nghe rằng chuyến đi đã sẵn sàng, chàng khóc, rồi dục nàng đi trước. Vậy mà xa nhau mất năm sáu năm trời. Cuối cùng gặp lại nhau ở xứ người, chàng là một tên thất nghiệp dài người ra vì đói, và mẹ nàng gọi chàng là *thằng chết tiệt*!

Chàng với tay bật cái đèn ngủ ở đầu giường, mê muội ngắm nàng nhấp rượu.

Nàng uống liên tiếp những ngụm rượu tê nồng đầu lưỡi. Cạn ly. Chào mừng cái tình yêu khốn khó. Mặt mũi nàng tê rần rật. Môi miệng nàng cong queo. Lưỡi nàng quýu lại. Rượu ướp đều thịt da nàng. Người con trai run run với ly rượu đầy. Một ly, thêm ly nữa đi. Mừng tuổi tình yêu. Giọng chàng khao khao như tiếng khàn của con mèo già đói khát. Ly rượu sóng sánh trước mắt nàng, trước khoảng trần nhà loang lổ vệt nước vằn vện. Rượu tràn ra cả ngực người con gái. Người thanh niên hớp những giọt rượu đắp điếm trên thịt da nàng. Uống nữa nghe. Uống mừng sinh nhật tình yêu. Còn nhớ buổi gặp gỡ đầu tiên không? Sao không. Hôm ấy anh đã tự hứa rằng anh sẽ theo em tới chân trời góc biển. Ngày xưa mỗi lần nghe chàng nhắc lại câu ấy nàng lại cười híp mắt chê chàng cải lương. Nhưng bây giờ nàng chỉ thấy tội nghiệp chàng. Tội nghiệp chàng. Men rượu quăng ném nàng lên không trung. Nhưng nỗi xung khắc giữa mẹ nàng và người tình của nàng cứ vướng mắc trong đầu. Có ghét mẹ em không. Đừng ghét mẹ nghe. Đừng bao giờ gọi mẹ bằng *bà già*. Mẹ ương ương giở giở vậy đó nhưng mẹ là thành lũy cuối cùng của văn hóa đông phương. Mẹ là đập nước còn sót lại trước cơn lũ lụt xô bồ của văn hóa phương tây. Mẹ tật nguyền đâm ra khó tính. Chứ mẹ chẳng ghét bỏ gì ai. Nàng rên rỉ, van xin trong giông tố lạc giọng. Nhớ nghe, nhớ đừng bao giờ gọi mẹ là *bà già*.

Rồi nàng thiếp đi trong cơn bão cuồng quay của buổi hoàng hôn chín muồi trong căn phòng trăng mật.

Người thanh niên cựa mình. Hai mắt chàng hấp háy dưới ánh đèn tỏa ra từ ngọn đèn trên chiếc bàn ngủ đầu giường. Chàng nhổm dậy, bắt gặp bóng mình trong chiếc gương bàn trang điểm. Chàng nhìn chiếc đồng hồ vuông trên tường. Hai giờ ba mươi sáng. Chàng xoay qua nhìn người

con gái ngủ vùi cuộn tròn trong tấm khăn trải giường trắng muốt. Tóc nàng xổ tung, rũ rượi trên mặt gối. Mặt nàng quay về phía chàng. Đôi mắt nhắm hờ. Giấc ngủ hiền hòa, trẻ thơ. Đôi môi nàng trễ xuống như sắp vẽ ra một khóe cười no đủ. Chàng nhìn quanh quất. Tấm áo sơ mi của chàng cuộn lấy manh áo thun nhỏ bé của nàng trên mặt nệm. Chiếc quần *jeans* túm lại ở hai ống vất vưởng bên mép giường. Mảnh áo ngực mầu đen nổi bật trên nền khăn trải giường trắng. Cái ly thủy tinh lăn lóc bên cạnh chiếc gối đầu của người con gái. Và chàng nhớ ra mình đang ở trong phòng của nàng; căn phòng ngủ nhỏ bé của căn chung cư gần trung-tâm thành phố. Lâu lắm chàng mới lại có được nàng như đêm nay. Cõi lòng chàng lâng lâng hạnh phúc. Sợ mình nằm mơ, chàng đặt hờ ngón tay lên môi người con gái. Chàng vuốt ve đôi môi mềm ướt. Ngón tay chàng khẽ vạch cánh môi dưới xuống. Chợt chàng nhớ tới mẹ nàng. Chắc bà không có nhà. Chàng nhớ mang máng như nàng có nói với chàng rằng mẹ nàng ở ngoài cái mall nào đó trong thành phố. Cánh môi dưới nàng trễ xuống, hở ra những chiếc răng bắp non trắng muốt. Ngực nàng phồng lên xẹp xuống theo nhịp thở an nhiên, bình thản. Chiếc sóng mũi hơi cong như những sóng mũi điển hình con gái Việt Nam không chấp vá. Nàng ngủ mê như đứa bé ăn no, chóng lớn. Chàng nhớ đến những tháng năm cách xa. Chàng nhớ đến mẹ nàng. Men rượu còn đầm đầm trong đầu óc. Chàng nhớ mẹ nàng đã gọi chàng là thằng chết tiệt. Chàng nghĩ chỉ cần mẹ nàng bao dung một chút thôi với cuộc đời. Hẳn chàng và nàng đã hạnh phúc biết bao. Chàng lại nhìn cặp kim đồng hồ trên vách tường. Giờ này bà già nàng đang làm gì nhỉ. Và nụ cười thô nhám, hẹp hòi nở ra trên mặt chàng. Chút oán hận xông khói mịt mù đầu óc. Chàng hình dung một trả thù nhỏ nhen, tăm tối. Bây giờ chàng đang là kẻ thắng cuộc. Nàng ậm ừ gì đó trong giấc ngủ. Chàng cũng chẳng thèm bận tâm. Chàng làm lại những động tác yêu đương trong giấc ngủ mê muội của người con gái. Chàng hung bạo một trả thù mát ngọt. Nàng nửa tỉnh nửa mê. Nàng ôm ghì lấy chàng, hoan hỉ. Chuỗi âm thanh khổ não của sự tra khảo ngọt ngào rền rĩ căn phòng chung cư lọt ra ngoài cả chiếc hành lang tăm tối. Cho đến khi cả hai cùng rũ xuống, thiếp đi trong khúc hoan ca chiến thắng của khối tình yêu đã trả được mối thù oan uổng. Trong óc chàng mang mang hình ảnh người đàn bà ủ rũ, sụt sùi trong chiếc xe lăn trơ trọi trước cửa hàng áo cưới không một bóng người lai vãng.

Chàng ngủ một giấc tròn. Và lại thức giấc trước nàng. Đêm dài hơn với người tình trong vòng tay. Chiếc đồng hồ trên tường chỉ sáu giờ mười lăm. Nàng co quắp nằm xoay lưng về phía chàng. Hình ảnh mẹ nàng làm chàng nghĩ ngợi. Mẹ nàng. Người đàn bà cấm cản tình yêu hai

người.

Chàng ngập ngừng đánh thức nàng dậy, "Dậy đi đón mẹ, em à..."

Nàng ngơ ngẩn một giây rồi thảng thốt, "Thôi chết rồi. Mẹ em..." Nàng nghẹn lời. Nước mắt đổ túa ra hai khóe. Lồng ngực nàng như mặt chiếc trống mỏng tanh trong cơn cuồng dâm của ban nhạc kích động. Nàng tung tấm khăn trải giường xuống, cuống cuồng tròng chiếc quần jeans và chiếc áo thun lên người. Nàng vơ vội mảnh áo, manh quần lót, dúi vào ngăn tủ.

"Anh về liền đi!" Nàng hối thúc.

Người thanh niên vội vã mặc áo quần. Chàng nhặt chiếc ly ở đầu giường và chai rượu lăn lóc trên sàn nhà lên. Chàng thấy trời đất quay cuồng và cổ họng chàng khô đắng.

"Để anh đi với em."

"Không được đâu. Anh cứ về đi..."

"Em lái xe được không? Coi chừng còn chóng mặt vì rượu."

Nàng vừa chải ngược mười đầu ngón tay lên mái tóc rối bù, vừa trả lời giật giọng, "Không sao. Anh về đi. Tới chỗ làm, em sẽ gọi sau. Về đi. Sáng rồi. Người ta thấy..."

Và nàng kéo chàng ra ngoài, khóa trái cửa lại, rồi hấp tấp lôi chàng đi về phía cửa chính. Nàng nhào ra bãi đậu xe. Đầu óc rối tung những giả thuyết nhập nhằng. Hình ảnh mẹ nàng nhập nhòe trong trí tưởng tượng như thể đang mờ ảo trong dải sương mù mỏng mảnh vắt ngang ngọn cây rậm lá. Cầu trời cho đừng có chuyện gì xảy ra. Từ sáu giờ rưỡi chiều hôm qua tới bây giờ. Sáu giờ rưỡi sáng rồi. Giờ này lẽ ra nàng đã đang trên đường đến sở làm. Suốt đêm mẹ ở đâu? Mẹ có ngủ nghê gì được không? Tim nàng đập muốn vỡ tung lồng ngực. Nàng cộc lốc với chàng một câu chào tạm biệt. Rồi vội vã đề máy xe. Trước khi phóng ra khỏi bãi đậu, nhập vào dòng xe cộ ngược xuôi, nàng còn loáng thoáng thấy người con trai vẫy tay với nàng. Ôi, cái thằng chết tiệt đáng yêu của nàng!

Đầu óc nàng quay cuồng. Hai mi mắt nàng cay xè và nặng trĩu như dính keo. Mặt trời lấp ló phía sau những dãy cao ốc vuông vắn hằn trên nền trời xanh biếc. Buổi sáng mát rượi. Tim nàng vẫn đập xôn xao trong lồng ngực. Gió lùa qua khung kính cửa sổ mở hé vồ vập mái tóc nàng. Gió lạnh làm nàng tỉnh ngủ, đồng thời cũng làm nàng nhận ra quãng đường nàng bị cảnh sát biên phạt ngày hôm qua. Nàng khẽ đạp thắng xe. Rồi nàng rẽ phải, rẽ trái, cuống cuồng như chạy giặc.

Khu trung-tâm thương mại vắng hoe. Bãi đậu xe không một bóng

người. Nàng đậu xe sát bên cửa chính, và phóng ra khỏi xe, hấp tấp đẩy cánh cửa kính đồ sộ. Cánh cửa không nhúc nhích. Nàng hoảng hốt gõ lên khung kính. Tiếng lạch cạch dội lại tai nàng. Phía bên trong trống trải đến rợn người. Mười giờ sáng khu chợ mới mở cửa. Nàng dụi mắt, làm quen với khoảng hành lang nhá nhem phía sau cánh cửa. Nàng cau mày. cố nhìn về phía ngã rẽ cuối lối đi thênh thang dẫn về phía tiệm may áo cưới. Nàng mong mỏi nhìn thấy một bóng người. Nàng tha thiết bắt gặp một chiếc xe lăn, chiếc xe lăn từ tốn lướt đi trên nền xi măng bóng loáng. Nàng ước ao thấy mẹ nàng thoải mái ngủ yên trên xe, đầu ngả ra phía sau, hai mắt nhắm hờ, và tiếng ngáy vang vang trong hành lang mờ ảo. Nàng thèm khát được thấy mẹ mê ngủ, nói ú ớ những câu trách móc quen thuộc. Như mẹ vẫn thường ngủ quên mỗi khi ngồi lả người coi phim tập Hồng Kông. Nàng ghé sát vào khung kính, xăm xoi từng cửa tiệm. Trán và mũi nàng dán lên mặt kính lạnh băng. Không một bóng người để cho nàng thăm hỏi. Những ngón tay nàng cong quýu cào trên mặt kính khô. Nàng nghe nỗi lo âu chẹn cứng lồng ngực. Nàng nghe tiếng thì thào của chính mình. Mẹ ơi, con xin lỗi mẹ. Không bao giờ con tái phạm nữa đâu. Mẹ ở đâu rồi. Tha cho con, mẹ ơi...

Chân tay người con gái rũ liệt. Nàng bước ra, ngồi thụp xuống bậc thềm. Hơi lạnh ẩm ướt của nền xi măng thấm vào thân thể nàng. Nàng chống hai tay lên cằm, ủ rũ, thất thần như người mất trí.

Rồi nàng chạy vòng quanh khu thương mại. Nhìn đăm đăm qua từng khung cửa kính. Vẫn không một bóng người. Nàng gào lên gọi mẹ. Nàng gọi bằng cả hai thứ tiếng. Không ai trả lời nàng. Nàng kêu cứu bằng tiếng Anh. Có ai giúp dùm tôi với không. Tiếng nàng vỡ ra trong thinh không còn ướt đẫm sương. Không có tiếng trả lời. Còn hơn ba tiếng đồng hồ nữa khu chợ mới mở cửa. Một chiếc xe chạy băng băng qua bãi đậu. Nàng cuống quýt vẫy gọi. Người thanh niên da trắng chạy xe ngang chỗ nàng đứng, ném một tờ báo cuốn tròn vào sát khung cửa. Rồi chiếc xe phóng vút đi. Mặt mũi nàng nhăn nhúm như khuôn mặt nhà tu khổ hạnh. Bây giờ làm sao đây! Nàng nghĩ đến thằng chết tiệt. Phải điện thoại cho chàng ngay. Nàng tuyệt vọng. Nàng không còn nơi bám víu. Nàng cần một người ngoại cuộc sáng suốt hơn nàng trong cơn quẫn trí. Nàng nghe tiếng mình rên rỉ, cọc cằn. Điện thoại công cộng cũng nằm phía sau khung cửa. Nàng đành trở lại xe, hấp tấp lái về nhà. Hình ảnh chiếc xe lăn chập chờn ẩn hiện trong trí nàng. Mặt trời đã lên. Nắng loang loáng vạch lên tóc nàng những đường viền óng ả. Nàng vượt đèn đỏ ở ngã tư gần nhà nhất. Và khi vừa cho xe lăn bánh trên lối vào chung cư, nàng bắt gặp chiếc xe cảnh sát đậu ngay trước cửa chính tòa nhà, phía dưới tàng cây phong thẫm

xanh mầu lá mới.

Nàng đậu xe và rụt rè bước về phía cửa building, co ro như kẻ tội phạm. Người cảnh sát cao lớn đang bấm liên hồi lên nút chuông cửa một căn apartment nào đó, chợt quay lại nhìn nàng. Tim nàng thắt lại. Người cảnh sát tối hôm trước. Đúng là ông ta rồi. Nét mặt lấm tấm tàn nhang của ông ta đã in đậm lên tấm giấy phạt, khắc sâu vào ký ức nàng.

"Chào bà."

Nàng *good morning* với viên cảnh sát, trong lúc bàn tay vẫn cố xoay chiếc chìa trong ổ khóa cửa.

Mắt người cảnh sát ánh lên nỗi mừng vui.

"May quá, tôi đang đi tìm bà, lại gặp ngay bà ở đây." Nàng rút chiếc chìa ra khỏi ổ khóa. Trong khoảnh khắc, hình ảnh mẹ nàng ngồi trên xe lăn hiện ra đậm nét trong trí tưởng. Tim nàng loạn nhịp. Nàng run rẩy như người lên cơn sốt rét. Nàng lắp bắp không ra đầu đuôi, câu kệ. *"My mom. My... mom OK?"*

Người cảnh sát trợn mắt nhìn nàng, "Bà nói gì tôi không hiểu."

"Mẹ tôi; my mom..."

"Mẹ bà làm sao?" Người cảnh sát cúi thấp xuống để hỏi nàng.

"Không. *Nothing*. Tôi tưởng... *I thought...*"

"Are you OK?"

Nàng gật đầu cuống quýt. Rồi vội vã hỏi thế ông tìm tôi có việc gì. Tôi có làm gì sai trái đâu. Tôi đã ký giấy phạt rồi mà. *I didn't do anything wrong*. Nàng vừa lắp bắp nói vừa lúc lắc cái đầu, như cố xua đuổi hình ảnh mẹ nàng ngủ mê mệt trên chiếc xe lăn cứ vướng vít tâm trí nàng.

"Tôi biết. Tôi tìm bà để trả lại bằng lái xe cho bà. Tối hôm qua, tôi... chưa kịp đưa lại." Vừa nói, người cảnh sát vừa đưa cho nàng miếng bằng lái bọc plastic. "Chào bà và chúc bà một ngày tươi đẹp."

Người cảnh sát đi rồi, nàng còn đứng ngẩn ra bên ngoài khung cửa. Một người đàn bà đẩy cánh cửa, bước ra. Nàng nhân tiện lách người vào bên trong. Cái mùi quen thuộc của bếp núc, trăm ngàn thứ đồ ăn của mọi sắc tộc, và hơi người... của chung cư cuốn lấy nàng.

Nàng mở khóa căn *apartment* của mẹ con nàng. Lòng nàng nhầu nát và u sầu như tấm khăn trải giường cũ kỹ. Nàng đóng cửa lại và hấp tấp bước về phía điện thoại. Nhưng nàng nghe tiếng thở phì phò. Nàng nghĩ tại nàng thiếu ngủ quá nên mệt.

Nàng nhấc ống nghe điện thoại lên, bấm những con số nhà người thanh niên. Chàng ở với gia đình người em. Mặc. Nàng cứ gọi. Lúc này cứ hãy bỏ ngoài tai mọi lời thị phi vô nghĩa. Lẫn trong tiếng điện thoại reo ở

đầu dây bên kia, nàng nghe tiếng ngáy trầm bổng, và tiếng ho quen thuộc. Nàng điếng hồn buông ống nghe điện thoại xuống, rón rén đi về phía cửa phòng ngủ mẹ nàng.

Chiếc xe lăn trống trơn. Tim nàng ngưng đập. Nàng nín thở ngó quanh. Mẹ nàng nằm trên thảm. Cái thân thể khẳng khiu dán xuống nền nhà mầu xám nhạt. Bộ quần áo thêu nhăn nhúm trên người. Hàm răng nàng cắn bầm môi dưới. Cổ họng nàng rách bươm, bỏng rát. Giọng nàng khao khao. Mẹ. Mẹ có sao không. Nàng không nghe tiếng trả lời. Chỉ có tiếng ngáy trầm bổng và hai cánh mũi người đàn bà phập phồng là gợi lại cho nàng hình ảnh sự sống. Những nếp nhăn đôn lên vầng trán người mẹ. Nàng rón rén ngồi xuống bên cạnh mẹ, se sẽ gài lại chiếc cúc cổ của ái áo thêu gửi mua từ Việt Nam. Đầu óc nàng rối nùi. Nhưng nàng không còn sợ hãi. Mẹ nàng đang ở bên cạnh nàng, như trong giấc chiêm bao muộn màng.

Mẹ vẫn còn sống. Trời ơi, mẹ vẫn còn sống. Nàng muốn gào lên mà sung sướng.

Trong lúc luống cuống đứng dậy, đi tìm cái gối cho mẹ kê đầu, nàng đá phải chai rượu sâm-banh đã cạn khô, nằm lăn lóc bên cạnh chiếc xe lăn. Cái chai không lăn lông lốc trên nền thảm dầy, không gây nên một tiếng động nào, trông giống như một cảnh quay gần trong đoạn phim câm cũ kỹ.

Nàng quay đầu nhìn căn phòng. Chiếc xe lăn không có đó. Mình đang nằm mơ. Trời ơi, tôi đang mơ hay tỉnh thế này. Mẹ đâu rồi, mẹ ơi. Nàng bò lê lết trên nền nhà, hai bàn tay mò mẫm mù lòa trên mặt thảm. Tôi điên rồi. Mẹ ơi, tha cho con. Con không yêu *thằng chết tiệt* nữa đâu. Nhưng mà *thằng chết tiệt* ấy có làm gì mẹ mà mẹ ghét người ta đến như thế chứ!

Chuông điện thoại reo. Nàng cuống cuồng vồ cái ống nghe điện thoại, *hello* không ra hơi.

Giọng người thanh niên ở đầu dây, "Mẹ về chưa hả em?"

Nàng thều thào không ra hơi. Nàng thấy rõ hình ảnh mẹ nàng trong chiếc xe lăn, bên bờ thác Niagara. Nàng thấy *thằng chết tiệt* đẩy chiếc xe ấy sát miệng vực.

Giọng nói khàn khàn của người thanh niên léo nhéo bên tai nàng, "Em ơi, em có sao không, em à..."❐

Lưu lạc khúc

TRẦN HOÀI THU

Thì đối lòng, ừ ngày đầu năm
Ra đường lái xe chạy tìm lộc phúc
Có nỗi buồn theo ta tím ngắt
Như vết bầm ai đánh. Thêm đau

Em dấu yêu, em hiểu gì không
Ngày vẫn lên, màn đêm vẫn xuống
Cơn bệnh nhớ ngủ quên rồi thức
Cơn bệnh già lúp xúp chạy theo

Ngày đầu năm đi tìm cành mai
Chạy lên rừng mịt mù tuyết phủ
Rừng ơi rừng, cái hoa cái nụ
Cái bản, cái làng, cái suối, cái khe
Cành mai vàng chắc phải ủ ê
Em cũng vậy, võ vàng trăng cố xứ
Khi tôi đi rồi, mường xa bản thổ
Tôi cũng xa người cách mấy dại dương
Rừng hoàng mai, bên rừng giáng hương
Tôi đánh mất từ ngày bỏ nước

Thì đối lòng, ừ ngày đầu năm
Vui như vui cả đời cả kiếp
Chạy về hướng Tây, kèn xe thúc dít
Chạy về hướng Đông, dạp thắng kìm ga
Chạy về hướng nào, có quán cà phê
Cô hàng cũ tóc dài si mấy dứa
Cô hàng ơi, trang giấy nào ghi sổ
Còn tên tôi, một kẻ, chạy làng

Thì đối lòng, ừ ngày đầu năm
Ra đường lái xe chạy về phố chợ
Tìm ít xị, trái xoài, trái ổi
Rủ ba thằng sống sót lưu vong

Để nhớ vô cùng những chiều Bồng Sơn
Những ngày có mưa phất phơ đập gió
Ca gát nửa đêm, nhìn về Phú Cũ
Uềnh oàng kêu, tê tái ruột gan
Mùa mưa dầm, gió dánh bầm lưng
Poncho bó thân sình giòi bọ
Địch bám rừng dừa, thây người thúi vữa
Đào hố chôn người sinh Bắc tử Nam

Nhớ vô cùng một tối mùa xuân
Dừng quân bên hiên nhà nhỏ
Trăng lung linh trên tàn vú sữa
Xôn xao gió gọi thì thầm
Em nhìn lên bầu trời vô tận mênh mông
Tôi kể em nghe về chùm Hạc Trắng
Tháng giêng bầu trời dầy sao lấp lánh
Con hạc bay về thăm lại quê hương
Em thấy gì không, duôi nó dị thường
Vì sao sáng giữa hằng hà tinh tú
Vì sao sáng dang cùng nhau nhảy múa
Như cả bầu trời mở hội hoa đăng

Em nhìn lên, đôi mắt long lanh
Tôi bắt gặp thêm hai vì sao yêu dấu
Em mười lăm, hết giêng mười sáu
Rồi trăng sẽ tròn khi tôi trở lại vườn xưa
Tôi sẽ nói về một chùm Thiên Nga
Tôi sẽ chỉ em chùm sao Bánh Lái
Hết giêng, tóc em còn xanh con gái
Để tôi về hồn sáng cả mùa trăng

Thì dối lòng, ừ thì dầu năm
Nhìn vào gương soi, nhìn ta thêm tuổi
Mấy cái chiến thương, cuối cùng vết sẹo
Giờ chỉ còn một bóng lưu vong
Bỏ con hạc trời trở lại hằng năm
May mà tôi còn có hai vì sao xa xăm...

Nơi có thể quay về

Trần Long Hồ

Tôi vẫn dùng chiếc Toyota Corolla mặc dù nó đã quá cũ, hay trục trặc và nằm đường bất cứ lúc nào. Bạn bè và Trâm đều nói với tôi, hãy bỏ phứt nó đi. Tôi nghĩ rằng, họ có lý nhưng tôi không bỏ nó được.

Cho tới chiều tối hôm qua, chiếc Toyota không chịu nổ máy nữa. Mỗi lần tôi xoay chìa khóa, nó kêu khèn khẹt, giật lên từng hồi rồi tắt nghỉ. Vì vậy, tôi đành phải mượn chiếc Maxima của Trâm.

Sáng nay, Trâm nghỉ làm việc. Lý do đơn giản, thứ bảy. Nhưng đối với tôi, thứ bảy là thứ bảy, cũng là một ngày làm việc như mọi ngày. Hơn nữa, thứ bảy hay chủ nhật, tôi làm thêm, được lương gấp đôi.

Tôi và Trâm sang Mỹ đã mười tám năm rồi. Lúc ấy, Trâm mới được bốn tuổi, còn tôi, lúc đó còn trẻ lắm, vừa chẵn ba mươi. Hương, mẹ Trâm, còn ở lại quê nhà. Vậy mà, đã mười tám năm, hai cha con đã trải qua một thời gian dài, sống thui thủi với nhau.

Chiếc Maxima của Trâm thật đẹp. Giới trẻ chuộng mới và tiện nghi kỹ thuật. Còn tôi, tuy biết nó đẹp và tốt, nhưng mua nó thì tôi không mua. Có lẽ, từ ngày mà con người thích nhìn về cái cũ, vui với niềm nhớ nhung quá khứ, thì ngày đó, họ bắt đầu già. Tôi thuộc về loại đó. Chiếc xe Toyota được mười ba tuổi. Cái đồng hồ Seiko-5 đã mười sáu tuổi. Đối với Trâm, tôi lập một kỳ công... ngu xuẩn.

Trâm thường hỏi, với giọng nói và chữ dùng "ba rọi" Việt Mỹ:

– Ba à. Ba không cảm thấy mệt mỏi với cái xe không muốn lăn bánh và cái đồng hồ có mấy cái kim cà giựt đó sao?

Tôi im lặng. Chẳng phải vì tôi không đủ sức tranh cãi với Trâm. Tôi không muốn nói, vì nói tiếng Việt thì nó không hiểu rành, mà nói tiếng Anh, tôi không có hứng để cãi nhau.

Sáng nay, trời thật lạnh, nhiệt độ xuống tới hai mươi độ F. Tuyết hết

rơi từ trưa hôm qua nhưng nước tan ra đã đông thành đá. Vì thế mà chiếc xe Toyota cũ của tôi, không đủ sức lăn bánh như Trâm đã nói. Tôi đành phải mượn xe của Trâm.

Tuy xe của Trâm đã được vài tuổi nhưng còn mới và tiện nghi hơn xe tôi nhiều. Chiếc Maxima màu vàng cà phê sữa, ghế bọc nhung cùng màu. Phía trước mặt tài xế có cả một khung chữ và đồ hình chỉ dẫn mọi công dụng của xe. Có quá nhiều thứ trên đó, tôi không biết dùng như thế nào. Đối với tôi, chỉ có mấy thứ cần thiết là nhiệt, điều hòa không khí, radio, cassette, quạt, và gạt nước.

Tôi không bật máy vội, đẩy nhẹ cái cassette vào như một thông lệ cố hữu. Một phút trôi qua, máy không có nhạc gì cả, chỉ phát ra thứ âm thanh rè rè kỳ lạ. Rồi có tiếng nói phát ra bằng tiếng Anh nhưng giới thiệu chương trình dạy tiếng Việt cho người Mỹ.

Sợ nghe lầm, tôi vặn âm thanh lớn hơn. Rõ ràng, một chương trình của người Mỹ thực hiện để dạy tiếng Việt cho chính họ.

Máy chạy đều, tiếng nói tiếp tục, phần giới thiệu bằng tiếng Anh nhưng phần phát âm bằng tiếng Việt. Tôi nhận ra giọng nói và cách phát âm thuần túy Việt Nam.

Tôi thở phào. Không cần bật máy nổ nữa, cứ ngồi đây, yên lặng, tôi tự nhủ như vậy. Chiếc xe này của Trâm thì cái băng cassette dạy tiếng Việt cho người Mỹ là của nó. Tôi không ngờ, một người con gái Việt Nam phải học tiếng mẹ đẻ của mình thông qua ngôn ngữ của người bản xứ. Chuyện đáng ngạc nhiên hơn, đứa con gái đó là con tôi.

Tôi thở đều. Cứ ngồi đây một chút nữa, nghe tiếp xem sao. Băng dạy tiếng Việt chạy đều, nói những câu thông thường, sau mỗi câu có phần ngữ vựng. Băng giảng nghĩa từ ngữ Việt bằng tiếng Anh. Họ giải thích có khi chính xác, có lúc gần đúng. Nói chung, băng dạy Việt ngữ ở trình độ trung cấp, không tệ lắm.

Thật không ngờ, tôi lắp bắp một mình, trời ơi, con gái tôi nhờ người Mỹ dạy cho tiếng Việt. Trâm học đến trình độ trung cấp, thế thì nó học lâu rồi. Tôi mở cái hộc đựng vật dụng ra, trong đó còn vài cuốn băng cassette nữa. Những băng này để lẫn lộn, vừa sơ cấp, vừa cao cấp.

Tôi nhìn ra ngoài. Trời u ám. Trên cao, mây xám giăng từng mảng, chết lặng trên nền trời trắng đục. Mây xám và nền trời trắng ấy, không gợi buồn thảm nhưng tạo cho tôi một cảm giác ngột ngạt và bức rức vô cùng. Dưới đất, tuyết trắng một màu. Tuyết bám trên mấy nhánh cây cong quằn. Tuyết trắng nhạt nhẽo, vô hồn.

Tôi nhắm mắt lại. Mười tám năm ở Mỹ, tôi đã làm gì cho tôi, cho con gái tôi.

*

Hoàng dọn về ở chung với một người bạn cũ đã được một tuần. Anh mướn lại một căn phòng trong nhà của người bạn. Hoàng tự đi chợ, nấu ăn, và săn sóc cho Trâm, đứa con gái vừa được bốn tuổi. Còn Hương, vợ anh, ở lại Việt Nam, vì thất lạc nhau trong vụ vượt biên vừa qua.

Vợ chồng người bạn của Hoàng, không có con. Vợ làm một "job" rưỡi ở sở chưa kể một "job" lo công việc nhà. Chồng làm hai "job". Từ ngày Hoàng dọn vô ở chung với họ. Anh chỉ thấy họ đứng chung với nhau một lần vào ngày đầu tiên. Sau đó, Hoàng không hề thấy họ cùng một lúc trong nhà bao giờ. Có khi, hừng sáng, Hoàng thấy người vợ chạy tất tả, xông ra khỏi nhà, chui vào xe, quơ quào trang điểm. Có lúc, còn tinh sương, Hoàng thấy người chồng, tay bưng ly cà phê, chạy ra xe như bị ma đuổi.

Hoàng cười phì, anh nghĩ rằng, hai người bạn này điên rồi. Căn nhà họ lớn, đẹp đẽ, nguy nga, nhưng bỏ trống. Sáng sớm, họ ra đi khi mặt trời chưa ló dạng. Đến chiều tối, họ về, mặt trời đã lặn mất. Có khi nào, Hoàng tự hỏi, họ thấy được mặt trời tại nhà họ chưa. Họ thừa thãi tiền bạc như vậy, Hoàng nghĩ, chuyện cho anh ở một phòng chỉ vì tình bạn cũ.

Ở trong nhà người bạn được hai tuần, Hoàng tìm được công việc gắn dây "cable" trong một hãng điện tử. Công việc dễ dàng, cứ đứng một chỗ, ấn đầu dây vào máy. Hoàng nhận thấy công việc dễ quá, làm có tiền, thật thoải mái.

Từ Việt Nam, thư Hương gởi qua liên tục, cần tiền để vượt biên tiếp. Hoàng làm bảy ngày một tuần, thường lệ, rồi "over-time", "double-time". Sáng sớm, Hoàng làm một hàng rào thấp, chận ngang cửa. Anh bít hết các lỗ điện trên tường rồi bỏ Trâm vào phòng. Anh mua được mấy hộp đựng thức ăn và nước uống, giống như thứ dành cho chó. Hoàng đổ nước và thức ăn khô vào đó. Anh còn cẩn thận mua loại tã quá khổ, bọc lại cho Trâm, đủ sức cho con bé làm vệ sinh cả ngày.

Thế là Hoàng đi làm cả ngày, suốt tuần, từ sáng đến tối mịt. Trâm cứ đi quanh quẩn trong phòng, chán thì lăn ra ngủ, thức dậy, đói ăn, khát uống. Trong phòng, chỉ có một tấm nệm duy nhất, không có bàn ghế hay bất cứ vật dụng nào khác.

Trâm càng lớn thì hàng rào chận cửa càng cao hơn. Cho đến khi Trâm vào trường thì Hoàng tháo bỏ hàng rào đó.

Hai cha con ít có dịp nói chuyện với nhau nhiều. Hoàng nhờ một người hàng xóm lãnh nhiệm vụ đưa rước Trâm đi học và cho nó ăn uống.

Thời gian trôi qua, Trâm càng lớn thì sự liên hệ giữa Hoàng và nó cũng lỏng lẻo dần. Khi Trâm lên đại học thì càng xa Hoàng hơn nữa. Hai

cha con chỉ gặp nhau loáng thoáng vào buổi tối. Đôi khi cả hai có thời giờ ngồi lại với nhau một chút, tức thì, phải cãi nhau. Hoàng không hiểu tại sao, các đứa trẻ lớn lên tại xứ này lại hay lý sự như vậy. Anh vốn không ưa cãi nhau, nhất là tranh luận với con gái. Hoàng có thắng cũng chẳng vẻ vang gì, mà thua thì càng bực bội hơn. Thường thường, các cuộc tranh luận giữa Hoàng và Trâm chẳng đưa đến kết quả gì. Không ai thắng ai, mà chẳng có ai thua ai. Luôn luôn, kết cuộc diễn ra trong sự im lặng ngột ngạt.

Hai cha con sống với nhau như thế, nhanh quá, đã mười tám năm rồi.

*

Tôi tắt máy. Tôi không cần nghe tiếp băng dạy Anh ngữ đó nữa và cũng không cần đi làm. Học tiếng mẹ đẻ thông qua ngôn ngữ của người bản xứ, tôi lẩm bẩm, chuyện thật khó tin nhưng lại xảy ra cho con gái mình.

Lấy cuốn băng cassette ra, tôi dập cửa xe, trở vào nhà. Giờ này, có lẽ Trâm còn ngủ. Nó có thói quen thức khuya và dậy trễ. Những ngày cuối tuần, Trâm thường ăn sáng vào lúc trưa và ăn trưa vào buổi chiều tối.

Tôi đi lên lầu, gõ cửa nhè nhẹ. Một lúc sau có tiếng Trâm trả lời:

– Chuyện gì đó ba?

Tôi đứng tần ngần suy nghĩ trước cửa phòng Trâm. Nói gì với nó bây giờ, tôi không biết. Tiếng Trâm hỏi lớn hơn:

– Chuyện gì vậy ba?

Tôi thu hết can đảm, cất giọng khàn đục:

– Ba xin lỗi con.

Bên trong có tiếng giường rung chuyển mạnh rồi giọng Trâm thật lớn, vừa ngạc nhiên vừa bực bội:

– Ba vừa tông xe con vào cột đèn rồi phải không?

Nghe Trâm hỏi, giọng cau có và thiếu sự tôn trọng, tôi tức tối đáp:

– Không phải!

– Thế thì, ba vượt đèn đỏ rồi bị người ta đụng phải không?

Giọng hỏi của Trâm trịch thượng khiến tôi phẫn nộ:

– Không phải!

– Thế thì ba đã làm gì?

Trâm hỏi liên tục đến ba câu và tôi đã lâm vào thế bị động gần như thua cuộc. Tôi chỉ nói được hai chữ "không phải" ngắn ngủn.

Không nghe tôi trả lời, Trâm hỏi lại:

– Ba đã làm gì vậy?

– Ba đâu có làm gì?

– Nếu không làm gì, tại sao ba xin lỗi?

Quả nhiên tôi có làm gì rồi nên tôi mới xin lỗi. Trâm luôn luôn nói có lý. Tôi xuống giọng:

– Ba có chuyện này muốn xin lỗi con.

Có tiếng chân đi gần lại rồi cửa hé mở. Trâm ló đầu ra, hai con mắt chưa thể mở lớn, mặt còn buồn ngủ:

– Ba muốn nói chuyện gì?

Tôi chìa cái băng cassette ra, ấp úng:

– Ba thấy cái băng này trong xe con.

Trâm dịu giọng hỏi:

– Ba lấy nó làm chi? Ba đâu cần nó.

Tôi gật đầu:

– Đúng rồi, ba không cần cái băng này và con... đáng lẽ con cũng không cần đến nó.

Giọng tôi trầm buồn đến độ tôi không ngờ. Bao năm rồi, tôi cứ ngỡ lòng mình đã chai sạn vì áp lực cơm áo của cuộc đời. Tôi tưởng mình không thể buồn và chẳng bao giờ khóc được.

Đồng thời, không phải chỉ riêng tôi, mà Trâm cũng xúc động mãnh liệt. Trâm im lặng, mắt nhìn lảng sang chỗ khác. Nơi cái quạt trần đang đung đưa nhè nhẹ. Ánh sáng từ phía cửa sổ chiếu vào, in bóng những cánh quạt lao chao trên trần nhà.

Im lặng một lúc, Trâm gượng hỏi:

– Băng cassette học Anh văn của con để trong xe. Tại sao ba cầm nó lên đây?

Tôi gượng cười và cảm thấy mặt mình đang bị trần kéo nặng nề. Những nếp da mặt tôi chắc đang làm việc miễn cưỡng lắm và nụ cười tôi, nếu thấy được, có lẽ thảm thương đến dường nào.

– Ba đem nó lên đây để xin lỗi con?

Trâm mếu máo. Thật tôi không ngờ. Đứa con gái tôi, trông bề ngoài cứng cỏi như thế, mà trong lòng lại mềm yếu hơn cả cha nó.

– Ba đâu có làm gì mà phải xin lỗi.

Tôi lắc đầu:

– Ba có lỗi thật mà. Bao lâu nay, ba phải biết con không rành tiếng Việt. Ba phải dạy cho con học tiếng Việt từ lâu, chứ đâu để đến tận bây giờ. Để đến nỗi...

– Ba cứ nói đi.

– Ờ, để đến nỗi con phải nhờ người Mỹ dạy cho con học tiếng mẹ đẻ của con.

– Ba đâu có lỗi gì. Tại ba làm việc nhiều quá.

– Đó là lỗi của ba. Từ nay ba xin hứa, không đi làm nhiều, dành thì

giờ để dạy cho con học tiếng Việt. Con phải biết về xứ sở của con. Con phải biết nguồn gốc của con.

Trâm gượng gạo cười. Nước mắt Trâm chảy quanh. Môi Trâm mếu. Nó cười mà như khóc, y hệt cha nó vậy. Tội nghiệp con tôi.

– Con chỉ muốn nói được tiếng Việt và đọc được chữ Việt. Làm sao con đọc nổi sách Việt để biết về cội nguồn của mình.

Tôi hăng hái nói:

– Con sẽ nói thạo, đọc rành. Con sẽ hiểu về văn hóa, lịch sử, và địa lý Việt Nam. Con sẽ biết tường tận về xứ sở đã sinh ra cha mẹ, sinh ra con.

– Làm sao con biết được?

– Ba sẽ dạy cho con đọc và hiểu. Bất cứ lúc nào và ở đâu, con đều có thể quay trở về nguồn gốc của mình. Con nhớ không, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào.

Trâm nhoẻn miệng cười. Nụ cười Trâm tươi tắn. Nụ cười nở tung trên khuôn mặt có hai con mắt còn ngấn lệ. Không ngờ, Trâm lớn và đẹp quá. Bấy lâu nay, tôi không thấy Trâm lớn và không biết con mình đẹp như vậy.

– Ba làm gì mà lơ mơ vậy?

– Ờ, đâu có gì.

– Vậy ba sẽ dạy cho con học tiếng Việt phải không?

– Chắc chắn, ba sẽ dạy cho con.

Trâm mỉm miệng cười:

– Ba đã xin lỗi con rồi. Bây giờ, con phải xin lỗi ba.

Tôi giật mình, hỏi lại:

– Con xin lỗi ba?

Trâm bật cười:

– Con nói là xin lỗi ba mà. Tại sao ba lại giật mình? Chắc ba là người có nhiều lỗi, nên lúc nào cũng sợ người khác biết chứ gì.

Tôi lắc đầu, lo lắng:

– Con đã làm chuyện gì?

– Con có nhiều chuyện để xin lỗi ba.

Tôi bồn chồn:

– Con nói, xin lỗi nhiều chuyện lắm sao?

– Ba làm gì mà lo quá vậy? Nè, lâu rồi con đã giấu thư của mẹ. Con không muốn ba biết...

Tôi thở dài:

– Ba đoán ra chuyện gì rồi. Đã nhiều năm, ba không nhận được thư của mẹ con, ba đã hiểu.

Trâm xuống giọng:

– Mẹ đã lấy chồng khác ở Việt Nam rồi.

Tôi đáp, thản nhiên:

– Ba biết như vậy.

Trâm an ủi:

– Con xin lỗi phải giấu thư. Con sợ ba buồn nên không dám cho ba biết.

– Con đâu có lỗi. Con làm như vậy là đúng. Chuyện đó không do lỗi của ai cả.

Trâm gật đầu:

– Còn nữa.

Tôi ngại ngùng nhìn Trâm. Chuyện gì nữa đây? Tôi lo lắng, con bé lại làm chuyện gì?

– Ba làm gì mà hoảng lên vậy?

– Ờ, con đã làm gì?

– Con xin lỗi ba, đã lấy thư của cô Nguyệt.

– ...

– Con xé những lá thư đó, vụt chúng vào thùng rác.

Tôi thở dài:

– Thôi! Chuyện đó xảy ra đã sáu năm rồi. Bây giờ, cô Nguyệt đã lập gia đình, có con...

Trâm mím môi, nhìn tôi một lúc rồi ngại ngùng nói:

– Còn nữa ba à.

Tôi vừa yên tâm được một lúc, lại bắt đầu lo:

– Chuyện gì nữa vậy con?

– Con xin lỗi ba...

Tôi thúc giục:

– Con nói đi.

– Con đã xóa hết "messages" của cô Hồng.

Tôi lắc đầu, ngao ngán nói:

– Ba có trách con cũng chẳng làm được gì. Cô Hồng đã lấy chồng ba năm rồi. Họ sắp có con.

Trâm bậm môi, vẻ lo lắng hiện ra trên nét mặt:

– Chưa hết đâu ba.

Bây giờ, tôi không giật mình nữa mà bắt đầu nổi nóng. Tôi chỉ xin lỗi Trâm có một chuyện mà nó lại xin lỗi tôi lại quá nhiều thứ. Thế thì quá lắm rồi.

Thấy tôi đổi sắc mặt, hai hàm răng cắn lại, quai hàm bạnh ra, hai mắt mở lớn, Trâm hoảng sợ, mếu máo:

– Con xin lỗi ba mà.

Trâm sắp khóc, môi nó rung nhè nhẹ, nước mắt rưng rưng. Lâu quá rồi, tôi chưa thấy Trâm khóc kể từ những ngày xưa, dạo tôi bỏ nó một mình trong phòng cả ngày, cho nó ăn thức ăn trong các hộp đựng của chó. Mỗi lần tôi đi làm, Trâm khóc y như vậy.

Tôi hoảng hốt, đổi ngay sắc mặt, gượng cười:

– Con nói đi. Ba hứa, không la rầy đâu.

Trâm ấp úng nói:

– Cô Thu...

Tôi giật nẩy người:

– Cô Thu...

– Dạ, cô Thu có gởi thư mời cho ba nhưng con đã xé rồi.

Tôi nuốt nước bọt, cố nén giận. Tôi cảm thấy trái cổ của mình chạy lên chạy xuống rồi như nghẹn ngang cổ họng. Tôi vừa muốn la lớn cho đã tức lại vừa muốn dằn nó lại. Tôi giận Trâm nhưng lại sợ nó buồn.

Trâm liếc mắt nhìn tôi. Thấy tình hình không có gì quá nghiêm trọng, bèn nhỏ nhẹ nói tiếp:

– Tối qua, cô Thu có gọi lần nữa, nhắn ba, trưa nay đến nhà cô để dự tiệc sinh nhật.

Tôi nghe qua, yên lặng. Nhưng không thể được, nếu sáng nay tôi đi làm thì sao? Có nghĩa là, Trâm sẽ giấu biệt chuyện này, giống như các lần trước. Thế thì quá lắm rồi?

Tôi mở lớn mắt, há miệng ra, định quát Trâm thật lớn cho hả cơn giận. Nhưng tôi không làm được. Trâm đứng im sau cánh cửa, nước mắt lưng tròng. Tôi không thể trừng phạt một người biết lỗi và thú tội. Huống hồ kẻ đó là con gái duy nhất của tôi.

Tôi lại nuốt nước bọt, cố trấn tỉnh, dịu giọng nói:

– Cám ơn con.

Trâm bước qua cánh cửa, ôm chầm lấy tôi. Nó thổn thức:

– Con xin lỗi ba.

Tôi cảm thấy mắt mình cay nóng, mũi căng lên. Đồng thời, tôi ngửi lại mùi thơm của sữa trên gò má Trâm như ngày nào.

Tôi bật cười:

– Sáng nay, con chưa bú phải không?

– Ba!

– Ba quên...

Trâm buông tôi ra, lui lại, dựa vào khung cửa. Mặt Trâm ràn rụa nước mắt. Trâm nghẹn ngào hỏi:

– Ba quên chuyện gì?

– Ba xin lỗi, sáng nay đã quên thay tã cho con.

Trâm nguýt một cái thật dài, lui vào phòng.

Tôi đứng tần ngần trước cửa phòng Trâm. Tôi muốn đứng như vậy, không làm gì cả.

Tiếng Trâm vọng ra:

– Ba lấy xe của con đi mau lên, coi chừng trễ. Cô Thu mời tiệc sinh nhật lúc mười hai giờ. Ba nhớ ghé qua tiệm, mua quà gì đó cho cô Thu.

Tôi gật đầu:

– Ba biết mà.

– Nếu ba mua quần áo thì nhớ lựa kiểu cho trẻ trung. Ba cứ chọn màu già quá, cô ấy sẽ chê.

– Ba biết chớ.

– Vậy ba định mua thứ gì cho cô Thu?

Trâm hỏi hay quá. Tôi không biết mình sẽ mua thứ gì. Tôi có bao giờ đi "shopping". Tôi nào biết phụ nữ thích thứ gì.

– Vậy ba khỏi đi mua quà cho cô Thu, con cho ba thứ này.

Trâm đưa cho tôi một hộp giấy cứng, bọc giấy hồng cẩn thận. Ngoài hộp có cột dây vàng, thắt nơ tím.

– Đây là bộ quần áo dành cho sinh nhật một đứa bạn của con vào tuần tới. Vóc dáng nó cũng cỡ cô Thu.

Tôi lắc đầu:

– Không được, quà của con dành cho bạn. Ba không thể lấy được.

Trâm ló đầu ra khỏi cửa, nhoẻn miệng cười:

– Đâu có sao, con mua giùm cho ba vậy. Bây giờ, ba đưa cho con thẻ "credit card" của ba để con mua lại cái khác.

– Ờ...Ờ...

– Tại sao ba chần chờ?

Tôi cười gượng:

– Con ký chữ ký của ba đâu được.

Trâm mỉm miệng cười:

– Ba có chắc không?

– Con hỏi vậy nghĩa là sao?

– Ba có nhớ con lái bằng lái xe lúc nào không?

– Ờ... Ờ...

– Ba ơi. Ba đi làm lu bù, chờ ba đọc giấy tờ rồi ký cho phép chắc tới già con mới lái xe được. Bao nhiêu giấy cho phép của ba từ bấy lâu nay đều do con ký hết.

Tôi thở dài:

– Ba để mấy cái thẻ trong ngăn tủ trong phòng ba. Con muốn lấy lúc nào cũng được.

Trâm đưa ngón tay lên môi, chận ngang mũi, vừa cười vừa nói:

– Còn một chuyện nữa.

– Chuyện gì vậy con?

– Ba làm ơn đi tắm trước khi đi gặp cô Thu nghe chưa. Lúc nãy, con ôm ba, hít một cái muốn tắt thở.

Tôi cố cười, giả lả nói:

– Hôm qua ba đi làm về trễ nên khất tắm một ngày.

– Không khất, không hẹn gì cả, ba lấy cục xà bông của con. Tắm xong, ba nhớ xịt chút dầu thơm nghe.

Tôi im lặng. Sao con gái tôi nói giống y như mẹ tôi vậy. Mẹ có quyền nói như vậy còn con gái... Tôi bực bội nhưng cảm thấy không có lý do gì để phản đối.

Không nghe tôi nói gì nữa, Trâm lui vào phòng, nói vọng ra:

– Ba lái xe cẩn thận nghe không? Đường bị đông đá, trơn trợt lắm.

Tôi gật đầu:

– Ba biết rồi.

– Ba đừng vượt đèn đỏ hay tông cột đèn nghe.

Tôi đi vội về phía phòng tắm. Nghe Trâm nói một lúc nữa, tôi không trấn tỉnh được, phải cãi lộn với con sẽ mất một ngày vui. Bên ngoài, mặt trời đã lên cao. Nắng chiếu nghiêng qua khung cửa sổ phòng tắm, kéo một vệt dài trên nền gạch.

Tôi vặn vòi, mở nước.

Tôi đã nói với Trâm những gì. Trâm hay những lớp trẻ lớn lên trong xã hội này, có thể quay về nguồn bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, nếu họ muốn. Tôi nói hay lắm. Còn tôi thì sao? Tôi đang ở đâu? Tôi sẽ đi đến đâu? Nơi nào cho tôi có thể quay về? ❐

Tìm mua và đọc tác phẩm mới xuất bản
trong tháng Sáu của nhà xuất bản
Văn Mới:

câu nam ai thất lạc

tập truyện của nhà văn
Hồ Minh Dũng

Liên lạc Nhà xuất bản và phát hành Văn Nghệ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683, USA
Phone: 714-527-5761

Mưa cõi phúc

Nguyễn Hữu Nhật

Trời đương nắng ráo êm ả, thoáng cái trở chứng, gió ngoài sông ào ào thổi tốc vườn chuối xanh, xé tan nát hết những tàu lá lớn vật mình dãy giụa. Nửa chừng gió đổi chiều, quay ngoắt trở ra sông lại, vườn dậy lên những cơn sóng lá phơi phới bụng sắc xanh bạc phếch, rũ rượi các tua rách như bờm ngựa tung cùng lúc cả bày hoảng hốt. Gió gào thét, răng rắc tiếng cành cây ròn gãy lẫn tiếng lá chuối rã vụn khô và tiếng chim kêu hoảng. Chiều ngoài bến sông bung xuống đôi tảng mây chì xám ngoét, sóng nước đập vào sườn đá ngầu bọt trắng đục. Gió tốc hết mấy liếp cỏ tranh mái lều chứa củi, cạnh những chum nước mưa, cuối nhà bếp, cõi «Hương Trù» của ông cụ Nậm. Những cành tre buộc vải ngũ sắc và các miếng đất sét nung, cắm trên bờ tường đất ngăn đôi vườn rau với sân chùa, thay cho thằng bù nhìn đuổi chim hàng ngày phá cây ăn trái trồng xung quanh vườn, giờ rung lên những tiếng lanh canh ròn rã. Vài ba lớp cỏ tranh theo gió cuốn, chao đảo như con diều lạc hướng trên khoảng không, rơi lả tả xuống mặt sông chỗ con thuyền nhà ai bị đứt dây lồng lộn chồm lên các lượn sóng quay vòng vòng.

Lúc chạy từ thang lầu Tâm Chung Các xuống sân, tôi nhìn vội qua bên kia bờ tường đất, thấy Thường Chuyển và Tâm Đối oằn vai khiêng một sọt đầy rau, tất tưởi đi về hướng nhà bếp. Gió xoáy tít cơn lốc mù bụi cát, loáng thoáng bóng hai nhà sư áo nâu hò nhau «cố lên, sắp tới rồi», giữa sân chùa cuốn lên cột rác rưởi, dâng cao những rơm rác cùng lá khô. Mật Thể đứng trong Thiền đường, thò hai tay ra ngoài níu chặt lấy một cánh cửa sổ phía tường đông, cong người ra sức đóng lại. Mãi không xong, cuối cùng đành phải buông tay ra, ngoắc tôi. Tôi gò người cúi đầu, ngược chiều gió, nếu không cứ bị đẩy lùi trở lại, chạy thẳng một mạch vào phòng của Thường Chuyển, lấy tấm vải nhựa lớn che mưa, sợ nước từ nóc

nhà dột đổ xuống làm ướt mấy chồng kinh sách. Xong, tôi lên Thiền đường, tới gian thờ Phật, giúp Mật Thể đóng các cửa sổ. Bên ngoài, qua chấn song sắt nơi đầu hồi phía tây, ông cụ Nậm đang khom người, giơ hai tay lên trời theo hướng những liếp cỏ tranh bay. Lát sau, lặng gió, trời kéo mây đen làm xầm tối cảnh vật phía dưới, các cánh cửa sổ thôi đập rầm rầm vào vách tường, mưa bỗng đổ xuống như trút nước. Những lúc trời mưa to hay gió lớn như thế này, không ai dám ngồi trong phòng riêng nơi dãy nhà Tăng. Thiền đường và nhà bếp, tường gạch xây dầy và kèo cột bằng gỗ lim, vững chãi hơn. Cất rau vào nhà bếp xong, ông cụ Nậm, Thường Chuyển và Tâm Đối chạy vào phòng thầy, cạnh nhà Khách. Sau đó, mưa ngớt dần rồi tạnh, những đám mây sáng bạc như cao lên, không khí trong veo, cây lá sạch sẽ tinh khôi sau cơn tắm gội của trời đất.

Mùi nhang trầm lẫn hương hoa ngâu thơm còn cả dạ. Lúc này mới sáu giờ chiều, còn một tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ tụng và luận kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa, phẩm thứ mười tám «Nhất thể Đồng quán». Chúng tôi sẽ phải «cùng quán tưởng về một thể», cõi Phật, vũ trụ, rộng lớn vô cùng, như số hạt cát nơi chỉ một con sông Hằng, trong khi số những con sông Hằng cũng bằng số hạt cát đó và các thế giới của Phật bằng số hạt cát của những sông Hằng gom lại. Như nhất Hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng Hằng hà, thị chư Hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới như thị ninh vi đa phủ. Câu hỏi mà thầy đặt ra cho chúng tôi phải trả lời là: «Nghiệp, Karama, giới hạn nơi mỗi tiểu ngã, con người, hay nó còn trải rộng ra cả đại ngã, vũ trụ?

Chẳng cứ nghiệp Thiện của đức Phật ảnh hưởng tới chúng sinh mà nghiệp Ác trong mỗi Niệm của chúng sinh cũng ảnh hưởng tới chư Phật, bằng chứng là chính mỗi người đã góp phần làm nên thời mạt pháp. Có đúng vậy không?» Trong lúc quạt lò than nhỏ, nấu ấm nước sôi, tôi liên tưởng tới Aldof Hitler, một ý nghĩ của người này đủ giết mười triệu người khác, nó thách thức và làm rung chuyển tận cõi rễ đức Từ Bi và lòng Bác Ái của nhân loại. Mỗi cục than hồng đã sưởi ấm một góc chiều lạnh ngắt sau cơn mưa rào. Thầy trò chúng tôi ngồi quây quần nơi nhà Khách, uống thử loại trà đọt ướp hoa ngâu, nước trong veo, thơm thoảng. Ông cụ Nậm tỏ ra sành sõi:

- Tôi chỉ sợ nước ngả sang màu hung hung đỏ, may mà thầy Quán Chỉ canh nước vừa sôi tới, chứ tôi ủ trà đúng cách lắm, nước khó mà ngả vàng được. Cũng nhờ ấm đất, nước sương đọng, lửa than và trời lành lạnh nữa... Nếu không thì hỏng cả...

Nhân lúc vui chuyện, Mật Thể hỏi ông cụ Nậm:

- Hồi nãy cụ giơ hai tay lên trời làm gì vậy, nom giống ông già trong

thơ Đỗ Phủ...

- Thầy tính coi! Đi cắt cỏ tranh đâu có dễ dàng gì? Của một đồng, công một nén... Tôi tiếc cả mấy gốc mướp mới leo dàn ngoài bến sông nữa, đang xanh môn mởn...

Nước sôi. Nắp ấm kênh. Tiếng sành sứ kêu lanh canh. Ông cụ Nậm châm thêm nước mới vào bình trà, rồi ngước nhìn Mật Thể, hỏi:

- Sao thầy lại bảo tôi giống cái ông già ở xóm Thạch Hào?

- Không! Ông già này khác, tôi chưa kể cho cụ nghe bài «Mao ốc vi thu phong sở phá» của Đỗ Phủ à? Mái tranh bị gió thu thổi nát. Gió tháng Tám giận dữ gào thét, thổi bay nóc nhà tranh của ông lão nghèo. Trẻ con hàng xóm khinh nhờn người yếu sức, chúng hè nhau nhặt hết cỏ tranh, ngang nhiên lấy đi hết trước mặt ông lão, mặc cho ông khô môi, rát miệng kêu gào đòi trả lại... Chẳng ăn thua gì cả, ông già đành chống gậy trở về. Dưới trời thu, vừa đi vừa than thở một mình... Cụ chỉ khác không chống gậy và cũng chẳng có bày trẻ ngỗ nghịch nào cướp lấy cỏ tranh rơi rụng... Ông Kim Thánh Thán khen sáu bài Thu Vịnh, sao lại quên bài mưa thu tuyệt tác này, mới lạ chứ?

Ông cụ Nậm thích thú, đuôi con mắt nhăn nheo, cười không thành tiếng:

- Gió, quỷ chứ không bỡn! Tôi tưởng lúc ấy mình bay lên trời được, người cứ nhẹ như bấc! Mai đem rau cho người ta, lúc về, thầy Quán Chỉ nhắc nhắc tôi đi cắt cỏ tranh. Mái tranh cũ chịu được tới mùa mưa năm nay... Khá bền! Thường cứ ba năm phải đảo lại một lần...

Lòng bàn tay này ngửa ra đỡ tách trà, tay kia xoay nhẹ, thầy chúng tôi bảo:

- Thôi, cụ Nậm và các con cứ lo phơi củi đi, chắc ướt hết. Cố dành dụm ít tiền mà mua những liếp tranh đan sẵn. Việc cắt cỏ tranh của chúng ta chỉ là tằn tiện nhưng, đối với một số người nghèo, nó lại đang là nguồn sống. Hãy mua cho người ta...

Tâm Đối thưa:

- Vâng, cụ Nậm ken dầy lắm nhưng năm nay mưa to gió lớn nhiều... Như vậy chúng con mới có thời giờ để xem lại phần Tri Khách do thầy soạn, bỏ lâu quá... Hôi này, chùa dần dần đông khách thập phương, không như mấy năm trước. Lứa rau tới, ai cần, họ sẽ qua...

Thầy đặt tách trà xuống khay, sửa lại nếp áo, nói:

- Không, thầy nhắc một lần nữa, khi muốn biếu, tặng, cho ai thứ gì, chính mình phải mang đến tận nơi. Của cho không quý bằng cách cho...

Ông cụ Nậm tỏ ý phân vân:

- Bạch sư cụ, mình bố thí... Chứ có phải cúng dường đâu...

- Không, cụ ạ, người đi đạo Phật, hiển nhiên có nghĩa là đi theo con đường mà Phật đã qua, con đường ấy trong kinh Bồ Tát Giới, nói rất rõ: «Người Phật tử thấy ai ốm đau, thường nên cúng dường, chẳng khác gì như bố thí cho Phật, vậy!». Cúng dường và bố thí như nhau nhưng chính tôi hồi trước cũng hay phân biệt, ngỡ rằng chữ này trang trọng hơn chữ kia. Dân từ các vùng đói khổ trôi dạt về, nhà cửa tứ tán... Có tiền đò, ai người ta chịu cất công sang tận đây nhận rau của chùa nữa? Tôi nói thật, chúng ta cần họ! Sao thế? Cho rau, chuyện ấy nhỏ. Đến với họ mới là việc đáng kể, làm thân với người lớn để dạy trẻ con học. Phần đông dân tình bây giờ, đáng ngại lắm, dửng dưng với sách vở. Họ xem chữ nghĩa như trò viển vông... Mật Thể và Quán Chỉ nhớ bám vào chương trình «xóa nạn mù chữ» của người ta... Thầy hiểu, dân mù chữ, Xã khó tuyên truyền. Song, chúng ta tìm cách lái sang hướng khác, giúp trẻ «tiên học lễ, hậu học văn». Viết trên lá chuối hay xuống đất cát cũng được. Ngày xưa, kinh kệ bằng chữ Phạn còn được viết trên Lá Bối, có sao đâu? Cây Sala, bối-đa-la, một loại cây giống như cây dừa nước, lá như lá Buông, người Tàu gọi là Bối Diệp, lá dài, rộng, sáng và mịn. Sách Quy Nguyên Trực Chỉ có câu: «Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư Giáo Pháp lưu tâm, ôn tầm Bối Diệp, tinh sưu nghĩa lý», nhược bằng chỉ là kẻ sĩ bình thường, cho dù chưa vượt ngay được lên cao, nhưng hễ đem tấm lòng để ý tới Giáo Pháp, tìm đọc Lá Bối, thời ý nghĩa cũng được tỏ tường. Nhưng đừng dạy trẻ con Giáo Pháp vội. Phật tính chỉ bị lu mờ khi người ta lớn lên! Lấy cật tre vót nhọn làm bút, lấy lá chuối làm giấy. Các con cứ dạy chúng học. Được chữ nào hay chữ nấy. Chính chúng ta mới phải học kinh kệ cho đàng hoàng. Chớ vội vã «bất lập văn tự»! Hãy noi gương Bồ tát Mahâ-Kacyapa Bodhisattva, Ma Ha Ca Diếp, vị Tổ đầu đời của Thiền. Đâu phải vô cớ, một sớm một chiều, ngài hiểu ngay được ý nghĩa việc đức Phật giơ bông sen lên trong hội Niêm Hoa Vi Tiếu. Trước đấy, ngài từng xả thân, dốc lòng tu tập, nghe kinh, hiểu nghĩa tới nỗi đã phải thốt lên lời cùng đức Phật: «Nay tôi có thể chịu nổi như vầy - tự mình lột da làm giấy, chích máu làm mực, bẻ xương làm bút để chép kinh Đại Niết Bàn...» Nhưng Kinh Đại Niết Bàn, cho trẻ con lúc này, theo thầy, không gì khác ngoài ca dao...

Mật Thể đưa ra một trong những khó khăn mà chúng tôi thường gặp:

- Bạch thầy, người ta bảo chúng con không được phép soạn sách dạy trẻ. Sách cũ bị cấm. Sách mới toàn bạo lực! Thời chi, lạ? Nhắm mắt cũng thấy căm thù... Ai lại thơ cho trẻ con học, mà: «Quả thị ăn thơm. Quả cam ăn mát. Sao thằng Mỹ ác. Lại chế quả bom?» Làm toán cũng

cộng trừ nhân chia số «địch bị ta giết»...

Tâm Đối tinh thật, năm Bảy Tám, đã nói trước... «Đâu cần phải ra tận nơi, cứ ngồi ở trong Nam xem những cuốn văn, thơ ngoài Bắc dạy trẻ con học, cũng mường tượng ra được cảnh nhiều «cháu chưa ngoan» và lắm tù hình sự.» Quả nhiên, lật hết các sách vở, bói cũng không ra một chữ quen dùng hàng ngày, như «cảm ơn» hay «xin lỗi»... Con cái ngày nay được khuyến khích rình rập, báo hại cha mẹ, học trò được khen ngợi trong việc theo dõi, nhòm ngó thầy, cô giáo... Loạn lạc từ đó mà ra, không có «hiếu với cha mẹ» thì làm sao có «hiếu với dân» được. Nhưng nền luân lý mới chẳng mơ hồ đâu... Chế độ «công an trị» được nâng lên hàng nghệ thuật mà đỉnh cao của nó là biến mỗi người dân thành một người công an, trẻ thơ cũng vướng vào mạng lưới «tình báo nhân dân»...

Thường Chuyển nói:

- Chúng con chưa biết bắt đầu như thế nào...

Theo thói quen hết sức thong dong, thầy chắp hai tay, giảng giải cho chúng tôi thật cặn kẽ:

- Ca dao có đủ cả. Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ Hiếu mới là Đạo con. Cứ nghiệm mà xem, qua việc con cái nhà nào đó đối xử với cha mẹ, ta biết được tình cảnh nhà ấy hạnh phúc hay đau khổ, yên vui hoặc loạn lạc, hướng thượng hay sa đọa. Họ không có cớ gì bắt bẻ hết nếu như chúng ta mang ca dao, nhặt ra những câu chứa tinh thần Thập Điều Thiện của nhà Phật, ra dạy cho trẻ con biết ơn cha mẹ. Coi như chúng ta đang sống trong thời kỳ Bắc thuộc lần thứ hai, bị người Tàu đô hộ, đốt hết sách vở. Người ta, đến cái đạo làm con cũng chẳng biết đến, hỏi còn cần gì tới thứ đạo nào khác nữa? Nhà Phật thường nhắc nhở hãy niệm Phật sau niệm Sinh Thành, nhớ ơn công đức cha mẹ. Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Amitayus-dhyàna-sûtra, nói có ba điều khiến người ta được vãng sinh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, tạm hiểu như cõi Phúc, cõi Yên Vui Mãi Mãi.

Điều hàng đầu vẫn là: «Hiếu dưỡng cha mẹ!». Cái khó là phần đông các con chỉ yêu thơ, không thích ca dao, trong khi chất thơ lại chứa nhiều trong ca dao, kể cả thơ Thiền: «Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn. Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ»...

Tôi hỏi ngay:

- Con tưởng với những câu như «Buồn trông con nhện giăng tơ. Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai» chỉ là một bài ca dao trữ tình, trai gái nhớ nhau...

Thầy tôi cười:

- Mối? Thật ra không phải mối «Tơ Duyên», mà là mối «Đạo», lòng

người hướng về Tào Khê, núi Bảo Lâm, nơi ngài Trí Dược đời nhà Lương đã báo trước, một trăm bảy chục năm sau, sẽ có «Đạo pháp Vô thượng» diễn ra tại đấy. Quả nhiên sau này, ngài Huệ Năng đã chọn Tào Khê làm khu Lan Nhã, người theo Tam Bảo nhiều như cây rừng, rừng Thiền, nên từ đấy núi mang phương danh Bảo Lâm. Nước nguồn Tào Khê chảy mãi, ngọt mát và thơm, gợi ý dòng Thiền Hoa Năm Cánh, từ ngài Bồ Đề Đạt Ma tới ngài Huệ Năng, bừng nở dậy hương. Cho dù đá núi Bảo Lâm có mòn, dòng suối Tào Khê thường chuyển, biến dạng nhưng «dạ» tức tấm lòng, hay mối Đạo Thiền Tâm vẫn còn nguyên đó, trơ trơ! Tuy nhiên những gì thầy vừa nói, chưa hẳn đã nhất thiết như thế, song điều này, thật chắc chắn, tinh thần Tự Tại của nhà Phật đã chứa trong hai câu ca dao: «Nên ra tay kiếm tay cờ. Chẳng nên thì chớ chẳng nhờ tay ai!». Từ từ nhưng phải dạy cho trẻ em biết suốt những năm dài lịch sử, dân tộc ta hết nhờ «tay» nước này lại đến «tay» nước khác, theo lối Chiêu Thống hay Gia Long, khiến giang sơn biến thành chiến trường không dứt. Gấm vóc nào chịu cho nổi. Không rách nát, tang thương mới lấy làm lạ... Khai tâm, mở lòng, là in cả chữ nghĩa trong sáng cùng Đạo Làm Người, ăn ở tử tế với nhau, vào đó!.. Trước mắt, các con hãy dạy các câu dễ hiểu mà khó làm, như «Ăn mày là ai? Ăn mày là ta! Đói cơm, rách áo nên ra ăn mày!»... Giúp người ta thấy được «thực tướng» ấy, họ sẽ tự mở lấy cánh cửa kho hạnh Bố Thí, Cúng Dường sẵn có trong lòng!...

Tâm Đối liền thưa với thầy:

- Con thấy Bố Thí, dâna, của nhà Phật rộng lớn quá, khó ai theo kịp, mặc dù ai cũng hiểu lòng nhân từ Bố Thí, như lưỡi dao sắc bén để cắt bớt hay cắt đứt tính tham lam, keo lận, ích kỷ... Làm phúc không cần lấy phúc, «bố thí bất phúc báo», quả thật khó khăn! Thâm sâu và cao vợi hơn nữa, theo kinh Kim Cương, khi các vị Bồ Tát chẳng chấp tướng «Có» của «sắc thanh hương vị xúc pháp», cũng là Bố Thí. Thật sự Bố Thí! Thế, ý càng trừu tượng, việc càng khó làm hơn...

Thầy nói ngay:

- Trời đất vốn rộng lớn, đâu cần phải hít hết cả không khí vào lồng ngực, chỉ cần một lượng nào thôi, cũng đủ sống rồi. Vả lại, theo lý Viên Dung, diệt được một mối lầm, tức khắc các mối lầm khác đều bị cắt đứt. Như người tu trọn một Hạnh, các Hạnh khác cũng thành Quả theo. Chỉ một Hạnh Bố Thí, tự nhiên các Hạnh «Trì, Nhẫn, Tinh, Thiền, Trí» đều nở hoa, kết trái. Theo thời khóa hàng ngày, các con sẽ tụng kinh Bát Nhã buổi tối từ bảy giờ tới bảy giờ rưỡi, sau đấy ngồi thiền cho tới mười giờ đêm. Riêng tối hôm nay, thí dụ, chúng ta cùng mang rau xuống sông rửa sạch sẽ, đàng hoàng, kịp sáng sớm mai sang sông, đem cho, bố thí công

đức đấy... Những việc như vậy, sánh ngang với ngồi Thiền, tụng kinh... Đêm hôm, trời lạnh, vất vả vẫn làm. Vui mà làm. Chẳng Nhẫn Nhục, lấy gì để Bố Thí? Bà Thị Kính thành Phật đâu chỉ do Bố Thí, phần lớn nhờ Nhẫn Nhục trong lúc Bố Thí. Nhẫn Nhục chẳng phải là quen Thân sống sợ hãi, sinh ra Tâm hèn nhát, ngu đần. Nếu không, sau «Bi» nhà Phật nói tới «Trí» và «Dũng» làm gì? Tiện thể, thầy cũng muốn nhắc: Trong sáu đường «Bố, Trì, Nhẫn, Thiền, Tinh, Trí» của nhà tu Bồ Tát Hạnh, chỉ nói riêng về lượng Bố Thí không thôi, thầy biết thầy chưa chưa đủ! Chừng nào mình không còn nhớ mình đã làm được bao nhiêu việc tốt, giúp cho bao nhiêu người, chừng ấy may ra Trí Huệ của thầy mới đạt tới «Tính Không». Dạo này, thầy có cảm tưởng việc việc Độ Sinh của chùa nhà có vẻ hời hợt, không được như trước kia. Xin đừng làm vì nể thầy. Các con từng bay lượn trong cõi mênh mông của Thiền, tưởng đâu «phùng Phật, sát Phật» là dễ. Y Tứ Pháp dạy rằng «y pháp bất y nhân», nên nương theo Phật Tính, Chân Như, đừng quá trông cậy vào một ai. Nương theo Phật tức nương theo cái Trí Huệ của Phật. Phải «y trí bất y thức» mới thấy Như Lai Pháp Thân, không phải Như Lai Nhục Thân do ngũ uẩn kết hợp, mới hiểu được câu «gặp Phật, giết Phật» nơi Thiền Trung Hoa. Phần thầy, ngày nào mà trong lòng vẫn nhớ, đôi khi nhớ rất rõ, vài việc làm phúc, ngày ấy còn phải «giết cái Ta» trước khi «giết Phật»!. Bởi thế, thầy chưa dám ấn chứng, một hình thái mới của trao «tâm tâm tương ấn» cho bất cứ ai! Y nghĩa bất y ngữ, nghĩa của hai chữ Tâm Ấn phải được tự thực chứng bằng cả cuộc đời mình. Thầy, như các con, một người mang danh Tỳ Kheo, Bhiksu, còn gọi là Sa Môn, Saramna, «người giữ hạnh thanh tịnh», kẻ khất sĩ bỏ hết của cải chứ không phải mất hết của cải. Mỗi người Sa Môn, sramana, gánh nặng nhiệm vụ của ba người nhập một: Cần-giả, người siêng năng làm điều thiện; tức-giả, người dứt bỏ các ác nghiệp; bần giả, người chịu thiếu thốn, nghèo nàn, chẳng có chi dám nhận «của mình».

Trong khi một Sa Di, Sramanera, như một Thiền sư, cũng có nghĩa người tập dứt bỏ ô nhiễm thế gian, giữ tròn mười giới. Tích cực hơn, nên làm mười điều lành, Thập Thiện, mong được đem tấm lòng nhân ái ra tế độ chúng sinh. Điều thứ hai, trong mười điều thiện ấy, nói rõ: «Chẳng những không trộm cướp của cải của người mà còn phải làm việc bố thí». Hãy nhìn lại, trong vắng lặng và thành thật, cái «thân, tâm» của dân tộc ta ra sao?

Tâm Đối thưa:

- Con nghĩ nó giống như một bài tứ tuyệt, tái tạo, chỉ mới làm xong được có hai câu... Hai câu cuối: «Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm. Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư». Giặc nào tính mưu toan, đến đây ắt thảm bại.

Còn thì mất tiêu hai câu đầu: «Nam quốc sơn hà Nam đế cư. Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư»... Nước Nam của người Nam, sách trời vốn đã định... Ý con muốn nói là nước mình đánh được giặc này xong lại nô lệ giặc khác...

Thường Chuyển vừa xua tay, vừa lắc đầu:

- Tâm Đối nói gì mà tối nghĩa quá!

Thầy gật đầu:

- Không! Chính thế, ngay đạo Phật ta ngày nay dường như cũng muốn vùng vẫy, mong thoát ra khỏi một «thân, tâm» nửa vời, «tán thán Tam Bảo», bày tỏ tột cùng «tri kiến Tam Bảo». Còn mặt kia, đạo cứu đời, cứu người, ngay lúc «đương hạ nhất niệm» này, đâu rồi? Mang đôi cánh bay bổng «Phúc huệ Song hành» của nhà Phật, nhưng phần đông chúng ta chỉ thích thăng hoa, vui mừng với một cánh «Huệ», cho rằng hễ được «Huệ» tất có «Phúc»! Khi ấy, lạ thay nhà Phật vẫn không ngớt lời giục giã trong Lục Độ Parâmitas, ba-la-mật-đa, Bố Thí, «Làm Phúc» đứng hàng đầu, Trí Huệ «Sáng Suốt» được đặt sau chót. Rõ ràng nhà tu muốn thành Phật, lòng tràn ngập Ánh Sáng, phải lo trước hết: Làm Phúc! Bao nhiêu nhà sư, ni cô và bao nhiêu người con của Phật, bao nhiêu người không dính dáng gì đến đạo Phật vẫn âm thầm làm phúc, cứu đời lại ít được người đời «tán thán», qua sách vở hay truyền miệng. Không riêng các con. Cả thầy. Ông cụ Nậm nữa! Mỗi người phải như một người thợ, đúc những chiếc chuông nhỏ bằng đồng, chừng nào không nhớ nổi mình đã đúc được bao nhiêu quả chuông, chừng ấy mới tạm gọi là nhiều. Làm phúc cũng vậy! Gần đây, hơn lúc nào hết, các con hay làm thơ và ưa nói chuyện về thơ. Kinh nhà Phật thường như thơ xuôi và kệ thì phần lớn chính là văn vần. Thầy không làm thơ, xong cũng chẳng cấm các con, chỉ nhắc: Kinh và thơ chẳng hề xa cách nhau. Ngay trong bài thơ các con vừa kể, «Mao ốc Vi Thu Phong Sở Phá» của Đỗ Phủ, hai câu cuối tràn đầy hạnh Bố Thí tột cùng của một tấm lòng Bồ Tát: «Ô hô, hà thời nhãn tiền đột ngột kiến thử ốc. Ngô lư độc phá thụ đống tử diệc túc». Thơ như thế, so vời Đạo, có gì khác đâu? Bởi nhà thơ và nhà tu từng làm bạn với nhau, năm 760 tại Thành Đô thuộc đất Thục, Đỗ Phủ đã ngụ ở chùa Hoãn Hoa Khê, giao du với thiền sư Phục Không. Lúc nào rảnh, Quán Chỉ dịch cho gọn ý hai câu thơ trên, đại khái như sau: «Hỡi ơi, bao giờ được thấy nhà cửa thiên hạ xây cao trước mắt. Thời nhà riêng ta dẫu có bị tàn phá, thân này dù chết rét, cũng vẫn thỏa lòng!»... Tối hôm nay, các con có thể không tụng kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, Prajnâ-Paramita, nhưng hãy nhớ đến Câu Chú ở cuối thời kinh: «Độ cho mình, độ cho người, độ đến Bờ Bên Kia, độ chúng sinh đến Bờ Bên Kia, xin cho được nhanh chóng tiến

tới Sáng Suốt, giải hết mọi nghiệp chướng»...

Nói xong, thầy đứng dậy và chúng tôi cùng đứng lên theo. Mọi người cùng chào thầy, rồi chia tay, ai nấy đều về phòng riêng, lo dọn dẹp. Ông cụ Nậm nhắc chúng tôi việc rửa rau:

- Đúng tám giờ, mời quý thầy xuống sông...

Thường Chuyển, đùa cợt, nói thêm vào:

- ... mò tôm.

Tôi vào chỗ Thường Chuyển mượn cuốn Đường Thi, mang về tìm xem bài «Mái Nhà Tranh Bị Gió Thu Thổi Vỡ», góc sách bên trái, phía trên bị chút nước mưa trong trận mưa hồi chiều thấm ướt. Một bài thơ mưa, làm khoảng năm 760 tại một ngôi chùa thuộc Thành Đô bên Tầu, mười bốn thế kỷ sau bị thấm nước mưa trong một cuốn sách cũng tại một ngôi chùa và tôi, một kẻ xa lạ, lần đầu tiên mới đọc bài thơ đó. Nhưng tới câu «Vũ cước như ma vị đoạn tuyệt», mưa như gai vẫn còn chưa chịu dứt, tôi ngồi bật dậy, chiếc giường vải rung lên. Không, tôi chưa đọc câu này ở đâu cả, nhưng tôi đã nghĩ tới đá nhọn, gai sắc từ năm lên bảy tuổi. Một buổi chiều mưa, mẹ tôi đến trường cõng tôi về nhà, bà nhường cho tôi đội chiếc nón lá, lát sau gió thổi bay đi, mưa hắt vào mặt tôi, đau buốt, tôi nghĩ tới gai đâm. Tôi cũng nhớ tới mấy câu thơ, làm trong trại giam, của một người bạn học cũ mà hôm ra tù về bạn ghé chùa thăm và có đọc cho tôi nghe, hồi năm ngoái: «Chiều đi xe lửa về nhà. Thấy ngoài đồng gió thổi bà mẹ quê. Thay trâu cầy dưới chân đê. Mưa thu mất đẹp, nón mê bật vành.» Thơ mưa thu của Đỗ Phủ kinh khủng hơn nhiều. Nóc nhà dột, mưa trút xuống suốt đêm. Tấm chăn vải thấm lạnh như hóa thành sắt. Đứa con thơ khó ngủ, đạp rách tung ra. Từ khi loạn lạc, ông già trong thơ hay chính nhà thơ, vốn đã ít ngủ, nay lại mưa suốt đêm ướt đẫm. Chẳng biết bao giờ mới dứt. Dứt mưa hay dứt cảnh đói, lạnh? Sao ông già ấy cứ thao thức cùng ước mơ: «An đắc quảng hạ thiên vạn gian. Đại tí thiên hạ hàn sĩ câu hoan nhan», sao có được ngàn vạn gian nhà lớn, cho bao kẻ hàn sĩ trong thiên hạ được vui? Tôi biết hồi chiều thầy răn dạy ai, mấy người kia đâu có mê thơ như tôi, những bài thơ Haiku nhẹ nhàng, mười bảy âm tiết, như: «Con chim quạ bay về làm tổ. Ngay trên một nhành cây khô héo. Trong đêm thu.» của thiền sư Basho người Nhật Bản (1644- 1694). Đêm nay, nếu trời lại mưa nữa, tôi vẫn nằm trong một căn phòng mười hai thước vuông, trên chiếc giường vải ấm áp chăn màn, với một ngọn đèn nhỏ, có thể đọc thơ suốt đêm, mặc cho bên ngoài mưa gió cuồng nộ tới sáng. Tôi nghĩ tới đồi Gò Mả, ngoài cánh đồng giữa xóm Bàu Nai và Đầm Sen, nay đã trở thành «xóm» Gò Mả, ngày càng nhiều người không nhà cửa, trốn từ vùng Kinh Tế Mới về, sống táp vào khu nghĩa trang có từ thời Tây, nơi mà

dân trong vùng đồn đại ma hiện lên cả ban ngày...

Nghe tiếng chân bước ngoài thềm, tôi cũng biết là Mật Thể và Thường Chuyển đang đi vào phòng tôi. Hai người đứng lại, im lặng một lúc, rồi gõ nhẹ mấy tiếng vào cánh cửa. Gió ban tối, thổi êm nhưng hơi lạnh, thốc vào mặt tôi làm tỉnh người. Chúng tôi nhìn nhau, gật đầu và mỉm cười, tôi để mỗi người tự kiếm lấy chỗ ngồi vì chỉ trong phòng có một cái ghế. Mật Thể trên giường, dựa lưng vào vách, hỏi tôi và Thường Chuyển:

- Lúc nãy tôi tính nói, xong thấy đang giảng nên lại thôi. Không ngờ chúng ta lại phải đương đầu với những chuyện đáng lẽ ra ai cũng thấy cần. Quán Chỉ và Mật Thể tính sao, tôi thấy khó mà dạy học được nữa, phải có cái ăn trước... Chúng ta đào đâu ra cái ăn cho họ bây giờ? Khi người ta khổ quá thì đứa con có hiếu là đứa con mang về được đồng quà, tấm bánh. Dù những thứ đó là của ăn cắp...

Thường Chuyển, răng cắn vào môi, lắc đầu:

- Thầy chúng ta nói vẫn đúng, khi có chút học vấn, dù người ta nặn hòn gạch cũng tươm tất hơn... Người ta có thể sẽ đi ăn mày chứ không ăn cắp...

Mật Thể vội nói ngay:

- Phần đông các học trò bé bỏng của chúng ta, sống «chui» và rúc ở «xóm» Gò Mả, trong những túp lều do cha mẹ chúng vá víu, chắp nhặt từ các mảnh tôn gỉ nát, ván vụn, giấy các-tông, chiếu rách, cỏ tranh và lá dừa nước... Nhiều nhà nghèo quá, hầu như sống ngoài trời, không có gì để che mưa nắng, ban ngày kiếm bóng cây, tàn lá bên rạch Dừa Nước trú thân, vất vưởng như cô hồn nhớ xác. Đêm, về trải chiếu hay giấy báo cũ trên thềm xi măng chỗ bậc tam cấp của mộ phần, nằm ngủ. Những nhà giàu xưa xây mộ lớn, trên khoảnh đất rộng có hàng rào bao quanh, giờ trở thành biên giới của hai cõi sinh và tử. Lằn ranh giữa ăn no và chết đói rất mỏng manh. Mỗi người không nuôi nổi thân mình nên trẻ con cũng bị đẩy vào cuộc kiếm sống. Người ta chỉ cần chúng ta nuôi ăn cho những đứa trẻ, đói quá thì ngồi thở không xong còn học hành cái nỗi gì? Quán Chỉ thấy có đúng không?

Thường Chuyển khoát tay ra dấu cho tôi để Thường Chuyển nói tiếp:

- Chính tôi thường hay ngồi dựa lưng nơi cây cột xi măng, chỗ ra vào của một ngôi mộ, đối diện với tấm bia «Ici Repose M^{lle} Agnes Nguyen...», viết chữ trên lá chuối cho học trò tập đánh vần. Tôi biết. Quen ăn xổi, ở thì, người dân xóm Gò Mả sống ngày nào hay ngày đó. Họ không vui, cũng chẳng buồn, chỉ mừng thoát chết, qua thời chiến tranh và

sau những cơn sốt rét rừng nơi vùng đất họ mới khai phá, mìn bẫy rình rập từng bước chân. Lúc đầu, nghe hai tiếng «sống chui», tôi buồn lắm, người dân sống trong nước mình, thời bình, do người nước mình cai trị mà đành chịu tiếng «bất hợp pháp». Đối với họ, chui cũng không sao, miễn còn sống! Nhưng tôi thấy họ còn tình cảm, mà còn tình cảm thì còn là con người. Việc kiếm ăn, dù khổ sở, họ lo được. Nhưng chữ nghĩa cho con cái họ, ngoài chúng ta ra, ai giúp? Sự dốt nát chỉ kiếm được những miếng cơm thừa hoặc thiu thối. Nếu không, cũng bao người khác đổ máu vì miếng ăn đó... Sao không bàn vào, chỉ bàn ra thôi? Chúng ta đã làm sai, thay vì thân gần người lớn, chúng ta lại chỉ ở cạnh trẻ em. Như thế có khác gì chúng ta đã vô tình hai lần dạy «chui», một với nhà nước và một với cha mẹ của các em, cháu...

Mật Thể nhìn tôi như thể thăm dò ý tứ. Tôi chỉ muốn trước hết hãy nhận xét:

- Đúng thế! Một thời quỷ quái, con người toàn những lén lút, trốn chạy đẻ ra bao ngôn ngữ lạ lùng, đi chui, bán chui, mua chui, sống chui... Nỗi bi thảm cùng cực của cuộc nhân sinh phải chăng ở chỗ người sợ người quá độ, rồi cuối cùng không còn biết sợ là gì nữa, người dân «xóm» Gò Mả sinh ra liều mạng vô cùng? Trong khi cái «không sợ» của nhà Phật, dựa vào tài năng và đức độ, rất cần thiết cho cho những ai đang bị người khác cai trị bằng cách làm cho cùng cực hãi hùng, khiếp vía. Như chúng ta đã được học, theo Niết Bàn Kinh, quyển thứ 23, Phật dùng hai tiếng Vô Uý «không sợ» hoặc Kiết Tường «điềm lành» để chỉ Niết Bàn. Không giải thoát được sự sợ hãi này, con người chẳng giải phóng được gì cả, chỉ quẩn quại trong chính sách ngu dân. Kinh Địa Tạng từng đến nhà ngục tối, đồn nén bầy «súc sinh», nơi có loại giường ngục «một người nằm cũng chật, bao nhiêu người nằm cũng chật». Chết, gọi bóng gió là nằm xuống, còn chẳng yên. Sống, nói xa xôi là hưởng lộc trời, cũng không có chỗ gối đầu, đành kê lên mộ người khác mà ngủ. Tôi còn giữ mấy bài thơ của Ni cô Hương Nguyện chùa Bảo Đàn, năm Bảy Tám, bị đánh tới gãy chân vì tội chủ trương tờ báo truyền tay Hoa Sen Trắng, kêu gọi nhà cầm quyền đừng phá mộ, bia. Về chùa, ba tháng sau chết vì không một nhà thương công nào chịu cho vào nằm trong lúc các nhà thương tư đều bị đóng cửa, rút giấy phép. Cấm không được xây mộ tại vườn chùa, người thân phải rước về quê nhà Quảng Ngãi. Nắm tro tàn gửi trong chiếc hũ xành men xanh, đồ gốm Biên Hòa, bên ngoài có vẽ hình mấy bông sen trắng. Thời mà phần đông người ta không kiếm được một chỗ nằm yên ổn, bao nghĩa trang những người chết trận, lính miền Nam, bị tàn phá. Đập bia mộ. Tiểu tiện lên mồ. Vẽ sơn những lời chửi bới dung tục. Mồ mả

mới bị quật lên, lấy áo quan lên và bao kẻ mua đi, bán lại. Người từ vùng Kinh Tế Mới về thành phố, không nhà, sống đầy các nghĩa địa. Chúng ta đang sống hay đã chết, quay về nhìn lại chốn xưa, thời vua Gia Long cho lính phóng uế vào các bộ xương Tây Sơn? Cũng rắn về cắn gà nhà, tự tay ký kết với giặc chia đôi đất nước, gây nên cảnh nồi da xáo thịt, mà vẫn được tiếng có công thống nhất đất nước. Đời có chiếc giường nào rộng rãi hơn không? Thật ra, «chiếc giường» ấy chính là nhà ngục giam tư tưởng con người, một hay nhiều người mất tự do cũng giống nhau, về sự chật hẹp. Chen chúc. Xô bồ rồi lẳng lặng. Buông xuôi. Nguồn gốc của mọi thảm cảnh ấy đều do sợ hãi mà ra cả... Nên dạy trẻ con vừa học chữ vừa học làm vườn, đem cho rau không bằng dạy cho người ta biết trồng rau. Nhưng phần lớn học trò của chúng ta còn phải trông em, thổi cơm, kiếm củi và bắt cua, bắt cá... Việc mà chúng ta có thể giúp trong lúc này là dạy học. Chẳng lẽ chấm dứt sự sợ hãi bằng miếng ăn? Nhưng phải là cái học Vô Úy của nhà Phật, chứ ngoài đời bao người càng bằng cấp cao càng nhạy cảm, càng sợ hãi nhiều...

Mật Thể gật đầu, nói:

- Đúng! Cái «không sợ» của họ, nghĩ cho cùng, gom lại, chất đống thành núi non hoảng hốt, kinh hoàng: Sợ đói! Đâm thuê, chém mướn, chết cũng không sợ, nhưng chỉ sợ vợ chồng, con cái đói! Ban ngày, xóm Gò Mả bớt ồn ào, đàn bà, đàn ông túa túa ra phố quận hoặc thị xã làm thuê, làm mướn, trộm cắp, bất kể cách nào có thể kiếm sống qua ngày, «ở nhà» phần lớn chỉ có trẻ con, người già cả chậm chạp và đau ốm. Đêm về, leo lét ánh đèn dầu lửa, những hôm trời khô ráo, xóm Gò Mả nom xa, như đám hội ma trên cánh đồng hoang. Nhà này sang chơi nhà kia, người bước từ ngôi mộ này sang ngôi mộ khác, thăm hỏi nhau những chuyện vui buồn trong ngày. Rượu chè, cờ bạc, đánh cãi nhau, ghen tuông, ngoại tình sống dậy về đêm... Họ cần gì chữ nghĩa mà cứ đòi dạy...

Thường Chuyển cãi liền:

- Không hẳn chỉ như vậy. Cuộc sống ở xóm Gò Mả như mặt nước khỏa động xong lại phẳng lặng. Tình hàng xóm, láng giềng vẫn đằm thắm tựa hồ ruột thịt, chia nhau từng lon gạo, viên thuốc cho chí nhúm muối, chút dầu thắp đèn...

Hai người nói qua, nói lại quanh chuyện dạy học hay cho ăn trong lúc tôi nghĩ tới những em học trò, trong cơn mưa bão tàn bạo hồi chiều, có đứa nào làm sao không? Tôi như người sống ngoài bãi rác lâu ngày, bị bệnh điếc mũi, không còn cảm thấy buồn nôn như lúc đầu mới ngửi mùi tanh. Lời thầy dạy, bài thơ của Đỗ Phủ và cơn mưa chiều nay đã đánh thức tôi, khoảng giữa một ngàn ba trăm mười tám năm trước và một ngàn

ba trăm mười tám năm sau, bao trận mưa gai vẫn làm đau buốt những đêm nhà nghèo, vẫn những tấm chăn cũ lạnh buốt như sắt vụn. Hai vạn bài thơ Đường còn ghi lại, cả một kho tàng ca dao Việt Nam, có bài nào nói đến người sống phải tới ở nhờ «nhà» người chết không? Nhưng trong tám mươi tư ngàn bộ kinh Phật có nói tới Hàn Băng Địa Ngục, chẳng ở cõi nào khác, địa ngục Băng Lạnh, một trong Bát Hàn Địa Ngục đang đâu đó quanh tôi. Chùa Hoãn Hoa xưa Đỗ Phủ sống nhờ và chùa Hoa nay tôi nương thân xa cách nhau nhiều thứ, tiếng nói, không gian và thời gian, xa cách cả những mơ ước. Tôi trước sau, một nhà tu có tên nhưng chẳng mấy người biết đến, lòng vẫn thường ước mơ nhà cao trong thiên hạ cho bao trẻ thơ được vui mừng. Còn kẻ sĩ, quý hóa gì khi nhà càng cao lên, thơ văn càng thấp xuống? Ông Đỗ Phủ yêu những người làm thơ hơn cả con mình, nhà dột đêm mưa lạnh, trẻ thơ khó ngủ «đạp rách tấm chăn cũ». Bởi trong thơ xưa, ca tụng tình người hẳn cũng đẹp đẽ như thiên nhiên. Thơ bây giờ, luồn lách vào tận hang ổ tối tăm, oan khuất của bao tâm hồn thị dân thời máy móc nghiến nát phận người...

Chỉ tới lúc Mật Thể ngỏ ý muốn nhờ tôi chép lại bài «Mao ốc vi thu phong sở phá» và Thường Chuyển cũng không còn kịch liệt tranh cãi về nghiệp, karma, tôi mới lấy lại chút yên lặng trong lòng. Tôi nói như tâm sự với hai người:

- Có lẽ chúng ta giống như kiến bò miệng chén. Trong điều kiện mà người ta gọi là «người khôn, của khó», hầu như tất cả phải tranh sống hơn là kiếm sống. Làm cách nào con người cùng tồn tại với nhau và với muôn vật mà không cần giết hại lẫn nhau? Họa chăng có phép lạ? Phép lạ, phải đâu do lòng tự kỷ ám thị, nó có thật, giúp tôi nhìn ra «số phận» của tôi, của dân tộc chúng ta và các dân tộc khác bao đời ngoi ngóp trong tăm tối, nghèo đói và bẩn thỉu, bị các dân tộc khác «sáng suốt, sạch sẽ và giàu có» đem lòng khinh khi, bắt nạt, giết hại. Nó giúp cho tôi hiểu ra: Mang đạo học vào chính trị, đời sống đầy vui tươi, «chiêu cảm lạc quả». Trái lại, tàn mạt hết kiếp này sang kiếp khác, có thể tới vô lượng kiếp. Nói chi tới sự kinh ngạc của tôi về một em bé thơ nào đó, hay con ông Đỗ Phủ, cách nay trên một ngàn ba trăm năm, với một em thơ thời này... Tôi còn nhớ như in vào óc: Không phải một đêm mưa gai sắc, ngay giữa buổi trưa trời nắng lửa. Bố mẹ em phải lo chạy ăn hàng ngày, người nào cũng phải thồ sáu cái chum trên mỗi chiếc xe đạp, dong từ Bình Dương về Biên Hòa. Con cái «ở nhà», đứa lớn trông đứa bé. Chị coi em nhưng chị mới mười tuổi, mải chơi, đặt em nằm trên giấy xi măng trước tấm bia mộ cô Agnes Nguyễn. Hôm ấy, Thường Chuyển và Mật thể ở nhà giúp Tâm Đối làm keo, khi tôi sang đấy dạy học, nếu tôi không trông thấy một cái rổ lớn, úp trên nền xi

măng, động đậy có lẽ tôi không hay biết có một em bé ba tháng tuổi nằm trong đó. Tôi nhấc cái rổ lên, cháu bé buông một chân ra khỏi miệng, toét ra cười với tôi. Trong đôi mắt đen nhảy của cháu lấp lánh nắng. Bên cạnh đó, nơi tấm bia mộ, đôi mắt của cô Agnes Nguyễn, mất năm mười tám tuổi, có vẻ như buồn buồn. Gió thổi bay miếng giấy đậy chén nước cơm hay nước cháo gì đó, trên bậc tam cấp, ruồi bu quanh miệng chén tạo thành một vòng tròn đen đúa, lay động... Lúc về chùa, ngồi trên mạn thuyền chờ cậu bé Lượm sửa lại con sào, tôi soi gương nước in bóng mình trong bộ áo nhà tu, bất ngờ một trái sung chín đỏ, từ trên cành cây chĩa ra ngoài sông, rụng xuống nhanh như chớp xóa tan hết hình bóng của tôi. Thoáng cái, đầu óc tôi nhẹ tênh, như có luồng ánh sáng soi rọi cùng khắp, mây bay nên các bóng râm của các đám mây trên mặt nước không ngừng chuyển động, trong lúc giòng nước cứ trôi chảy. Tôi muốn kêu lên, tôi nhìn ra rồi, tôi tìm thấy rồi, cô Agnes, ngôi mộ, cháu bé, cái rổ, đàn ruồi... Tất cả đều như bào ảnh, bóng và bọt, tan biến dễ dàng. Hình của cái bóng, «vòng ruồi đen», chính là vòng Sinh tử Luân hồi, phải thoát ra khỏi cái vòng Thập Ác trong từng ý nghĩ, lời nói và việc làm. Ý, Khẩu và Thân. Về Ý, cái guồng máy bạo lực này: Đầy Tham lam, abhijjhâ. Nó vô cùng Sân hận, byâpoto, hay gây tức giận, căm tức, oán thù. Dẫn tới Si mê, ngu muội, micchâditthi, do quá nhiều tà kiến, biến một học thuyết, một trong những phương tiện, thành ra cứu cánh duy nhất, vậy mà không ghê gớm bằng biến cứu cánh dân tộc ra phương tiện chính trị bè nhóm. Về Khẩu, miệng lưỡi toàn Vọng Ngữ, musâvâdo. Có nói không, không nói có. Còn thêm cả ỷ Ngữ, dùng lời nói nhơ nhớp, tục tằn, ai không theo mình đều gọi bằng thằng, con, tên, đồ, quân... Ngôn ngữ hàng ngoài cửa miệng, trên giấy tờ hàng ngày thường ngập ngụa những Vô Nghĩa Ngữ, sambhâppalâpo, nô lệ cách suy nghĩ và ăn nói của người nước ngoài. Lưỡng Thiệt, tisu-nâvâcâ, hai lưỡi, chuyên đâm bị thóc, chọc bị gạo, khai thác mâu thuẫn, nói cho người ta giận nhau, thù oán nhau. Tôn giáo này căm ghét tôn giáo kia. Giai cấp này tắm máu giai cấp nọ. Cùng cực Ác Khẩu, pharusavâcâ, lật lọng, nuốt lời... Về Việc Làm, nhà Phật gọi là Thân, guồng máy Ác Sát, sắt thép sống mạnh trên sự chết của bao người khác, sống nhờ vào việc hủy hoại sự sống, Sát Sinh, pânâtipâto, bạo lực, chuyên chính, nghiêm trị. Trên dưới, kết bè, lập đảng, một phường Du đạo, âdinnâdânam, trộm cắp, cướp bóc bởi Du Tâm, lòng ham muốn trộm cướp, trước hết là «cướp chính quyền», xong coi đất nước như của riêng bè đảng. Đằng sau tấm bình phong nhân nghĩa, kẻ nắm quyền lớn, nhỏ đều Tà Dâm, dâm loạn, kamesumicchâcâro. Vậy mà bấy lâu nay tôi lại coi thường hoặc khinh khi «chính trị», bởi không ai cắt nghĩa cho tôi rằng

«văn hóa chính trị» hoàn toàn khác với «đảng phái chính trị». Thầy chúng ta nói đúng, làm một nhà tu hành theo đúng nghĩa còn khó, huống chi mong thành Phật, người Sáng Suốt Tột Cùng! Cho dù theo kinh Phạm Võng, đức Phật từng nói: «Nhữ thị đương thành Phật. Ngã thị dĩ thành Phật», các người là Phật sẽ thành. Còn ta là Phật đã thành.» Pháp thân ngài, cái thể Như Lai trường tồn, có từ khi chưa sanh ra làm người...

Thường Chuyển trở nên trầm tĩnh:

- Đã hẳn... Hiện thân ngài, từng làm người biết thương xót mọi người trong cuộc đời này, từ lúc sinh ra cho tới khi vào tâm cảnh Niết Bàn. Ngài đi như lúc đến, Như Lai, sự thường chuyển, Hóa Thân, chuyển hóa do tùy duyên cho nên cũng tùy duyên mà tìm đường hóa độ. Các cỗ xe nhà Phật, Phật Thừa, lớn nhỏ chở hết được chúng sinh... Nhưng xin lỗi, Quán Chỉ cứ nói tiếp đi!

Ngay lúc này, bên ngoài mưa lất phất, trời tối và buồn. Tôi bóc phong kẹo Gương của Huế, mời hai người, rồi kể tiếp:

- Lúc ấy, trong thân thể vi trần, cát bụi của mình, lòng tôi hằng ao ước nguyện hóa thân thành một người làm vườn cực khổ, trồng thêm rau, mang cho người nghèo, nhiều hơn nữa. Tôi nguyện là người làm mướn khắp thiên hạ, chép và dịch kinh lấy tiền mua sách vở, đồ chơi cho các học trò bé bỏng, trước hết quanh chúng ta. Hãy tháo gỡ những gì rối ren ngay trong tầm tay. Giải thoát, moksha, giải là lìa khỏi sự trói buộc, được tự tại, mở những dây trói buộc của nghiệp lắm; thoát là ra ngoài, ra khỏi dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Giải thoát cũng có nghĩa là không trói buộc ai và cũng không cho ai trói buộc mình. Tự do! Khi Tâm bình đẳng thì Thân cũng vậy. Đối với tôi lúc đó, lúc trái sung vừa rụng xuống chìm nghỉm, hình bóng tôi dưới gương nước tan ra, trái sung nổi lên, mặt nước phẳng lặng, tôi lại thấy tôi dưới nước, lóe lên ý nghĩ sáng rỡ trong đầu: Giải thoát tức cởi trói! Một tên gọi khác của Giải Thoát: Thiền Định, bởi nhờ Tâm đức độ của Thiền Định, mà Thân tứ đại cởi được trói, thoát ra ngoài mọi sự ràng buộc, giam hãm, sống tự nhiên, yên ổn... Thiền Định, dhyana-samadhi, nằm trong phép Trang Nghiêm Bố Thí hay Bố Thí Ba La Mật, một trong Bát Bố Thí, sẵn lòng Bố Thí vì điều lành... Tùy theo công phu Thiền Định, nhà tu hành nhận được nhiều hay ít Trí Huệ. Thiền trừ bỏ cái tan tác của một thời loạn lạc. Huệ diệt ngu si, khiến cho người ta trở nên sáng suốt. Khối ngu si lớn nhất bấy lâu của tôi, một nhà tu, người-còn-đang-sửa-tính-đổi-nết từ «ngã mạn» sang «tự tại» lại hóa ra càng kiêu căng, tự cho mình-đã-thuộc-hàng-bậc-thầy trong thiên hạ. Nhưng cho tôi hỏi thật, khối ngu si lớn nhất của dân tộc chúng ta nằm ở đâu, không thấy nó, thử hỏi chúng ta bàn bạc cái gì? Đất nước cũng như mảnh

vườn, không phải cứ nhắm mắt nhắm mũi gieo hạt là xong, mà phải nhổ cỏ, cuốc đất, lên luống, tưới bón, tỉa lá, bắt sâu và ngăn chim chóc phá hoại. Nhưng trước hết, người làm vườn là ai và rau trồng ra cho ai?

Trong khi Thường Chuyển và Mật Thể còn chưa tính trả lời ra sao thì tôi đứng dậy, lại bàn viết, chép ba bản bài «Mao ốc Vi Thu Phong Sở Phá», một đặt lên bàn thờ Phật và thắp một nén hương. Dâng người cư sĩ Đỗ Phủ chùa Hoãn Hoa, tấm lòng Bồ Tát, «dẫu thân mình chết lạnh cũng thỏa lòng» mong sao cho thiên hạ sớm nhà cao cửa rộng! Sự thiêng liêng, nếu có, đã bắt nguồn từ chính lòng tôi hướng đến sự thiêng liêng, không có tên gọi. Trong mùi nhang trầm lẫn hoa ngâu thơm mát, tôi ngồi yên lặng, tâm cảnh dịu lại, bình yên tới độ tôi «như nhìn ra» thấu suốt chính cái thân tôi hai tay chéo nhau, úp trước ngực, bàn tay đặt lên vai, hai chân co gập vào, người cong lại tư thế một thai nhi trong bụng mẹ... Rồi tôi lăn và trôi theo Nghiệp, karma, còn gọi là Tạo Tác, niềm vui hay nỗi buồn tôi có được ngày hôm nay đều do những gì tôi đã làm ra hôm qua, hay đã vô lượng kiếp. Vô lượng, một con số lớn đứng hàng thứ hai trong mười con số lớn, theo kinh Hoa Nghiêm, từ sơ khởi «Vô Số» tới tột cùng «Bất khả thuyết bất khả thuyết», hai lần «không nói được không nói được»... Thế linh hồn, cái Tâm của tôi, làm cách nào để chuyển nghiệp?...

Thường Chuyển, vốn thích nét chữ của tôi, cầm bản thủ bút hết sức trang trọng, nói:

- Cảm ơn Quán Chỉ, tôi sẽ lồng khung... Về nghiệp, có lẽ tôi cần phải nhìn lại, không một Đấng Thần Linh Tối Cao nào, của bất kỳ ai, lại thẳng tay trừng phạt người dân xóm Gò Mả triền miên, hành hạ dân tộc ta lâu dài, đày đọa trẻ thơ mãi mãi... Nghiệp? Nhà Phật chia karma ra nhiều loại: Thân, khẩu, ý nghiệp. Cực trọng nghiệp, cận tử nghiệp, tập quán nghiệp, tích lũy nghiệp. Dẫn Nghiệp, tùy theo loại nghiệp tạo tác, chúng sinh lũ lượt đi đầu thai. Hắc nghiệp, chốn nhân quả đều đen tối, con người và đất nước nhận nhiều «chiêu cảm khổ quả», chuốc lấy khổ đau. Bạch nghiệp, nhân quả cùng trong trắng, sạch sẽ, đời sống đầy vui tươi, «chiêu cảm lạc quả»...

Tôi nói với Thường Chuyển:

- Còn tôi, tôi tự hỏi tôi, có phải thật sự tới kiếp này đã «bất hắc bất bạch nghiệp», không trắng cũng chẳng đen, không lấy làm vui, chẳng cảm thấy buồn, lòng mênh mang những «vô vi nghiệp» của người đắc Đạo? Không! Mặc dù tôi cảm nhận được nên không chối cãi với Thường Chuyển: Hễ «tác nghiệp» ắt «thụ báo», nói lên lý «Nhân quả Biệt nghiệp», mỗi người một «nghiệp chủ», chính mình, gieo gió phải gặt bão. Tôi cũng biết cái Thân tôi từ nay cho đến khi nó tan rã, hàng ngày lo gõ mõ, tụng

kinh, dù đất nước dựng trên nền chính trị nào, cái Tâm tôi cũng khá yên vui. Đọc sách, làm thơ, cắm hoa và uống trà... Sao lòng tôi, tiếng là một ông thầy tu và thầy dạy học, vẫn cảm thấy nhục nhã, đau nhói giữa một bày trẻ quần áo rách hoặc trần truồng gò lưng trên những tàu lá chuối, đánh vần «A, c, ác!». Ôi, «Nhân quả Cộng nghiệp», tựa hồ một hạt bụi vào mắt đủ làm khốn khổ cả tấm thân. Điều ấy, ông cụ Nậm nói rất mộc mạc: «Cháy nhà hàng xóm mà ta vẫn bình chân như vại, cuối cùng lửa lan sang tới nhà mình!»... Ngọn lửa ấy, lửa địa ngục, đốt cháy tôi rát mặt, bỏng da, héo hắt ruột gan. Nhưng nhờ nó, ngọn lửa, đã soi tỏ cho tôi nhiều điều: Ánh sáng, mùi thơm hoa sen, nơi đâu và lúc nào, chẳng hề thay đổi. Chỉ đổi thay «cảnh» đêm dưới ánh trăng hay ngày dưới bóng mặt trời, chỉ đổi thay từ nụ ra hoa rồi hạt nảy mầm. Cái ác, điều thiện tự nó, muôn đời nay, «tính» vốn bất biến, nguyên vẹn những gì như nó có. Chẳng bất biến ở «thể», nên cách làm điều ác và cách làm điều thiện thường thay đổi khác nhau tùy nơi, theo thời...

Mật Thể thắp thêm nhang trên bàn thờ Phật xong, lại ngồi gần tôi, đối diện với Thường Chuyển, cũng góp ý:

- Bởi vạn Pháp, bao gồm «tâm cảnh» và «thân tướng» thường chuyển, chéo qua vắt lại, do đó trong ác có thiện, trong thiện có ác. Phật, đã không dạy chúng sinh tìm cách hủy diệt sự thường chuyển của vạn vật, ngài lại còn tận tình chỉ bảo cho biết rõ nó ra sao: «Nương theo Chân Như của Tâm và Thường Chuyển của Thân, ta đi và đến!» Đi từ «vô tình hoặc cố ý làm dữ» tới «hiểu biết và vì sao phải tập thói quen làm lành», từ cõi Địa Ngục sang cõi Niết Bàn, từ Người thành Phật, hoàn toàn «tâm cảnh thường chuyển». Đôi khi tôi cũng tự hỏi: Con người cần phải sống khác loài vật? Đúng thế! Nhưng sao «hổ không ăn thịt con» và loài vật phần lớn không tìm mọi cách sát hại thứ cùng giống? Sao bà Bảy Lựu, bà Tư Bồn và bà Hai Bánh Canh vẫn ép con đi làm gái đứng đường? Chưa kể nhiều cháu được dạy cách lừa đảo, mánh lới gây lòng thương xót của mọi người qua đường để bịp bợm. Cháu bé nằm trong cái rổ mà Quán Chỉ nói đó là cháu Nhài. Chùa và dì Hai Xuân xin đỡ đầu, nuôi nấng cháu mà ba má cháu không chịu. Mà họ nuôi thì vứt lăn vứt lóc. Lẽ sống còn của cuộc nhân sinh, chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, dễ hiểu: Ý đẹp thốt ra lời hay khiến cho việc làm tốt. Nhưng khó làm. Không làm được thì Niết Bàn chỉ là cuộc Hẹn Lỡ hay vùng Đất Hứa mà con người nhọc nhằn cả trong những ước mơ? Khi bùn nhiều hơn hoa sen, ao sen không đẹp. Khi cái ác lấn lướt, đè bẹp, trùm lấp điều thiện, đương nhiên cửa Địa Ngục mở toang ra mười phương. Hễ nơi đâu người chết đói, ngã bệnh do nghèo khó càng tăng, nơi đó ngày càng nhiều trẻ con ra đời, rồi lại chết hàng loạt vì bệnh

và đói? Trong vòng thống khổ tận cùng này, sáng danh nhiều Đạo cả, phần đông đều chỉ vẽ rất tường tận cho con người cách cầu khẩn các vị Thần, chưa thấy hiển Linh. Hoa sen đại đóa tươi sắc song mùi hương sớm nhạt...

Mật Thể xen vào:

- Giờ thì tôi càng hiểu vì sao thầy cứ nhắc nhở chúng ta: «Ngọn đèn mà không thắp sáng được thì nó là cái gì?» Đạo Phật là Ánh Sáng, ánh sáng xưa nay không khác, chỉ có ngọn đèn là các nhà tu đổi thay, cạn dầu hoặc lụn bấc hay thông phong mù mịt khói ám, cho nên không có thời nào là thời Mạt Pháp hết... Cũng như đêm mưa lạnh thời xưa và đời nay vẫn giống nhau. Nhưng tấm chăn của con nhà giàu và con nhà nghèo có khác nhau không?... Tôi thấy việc dạy học lúc này, hơn bao giờ hết, cần như không khí để thở... Dân Nhật Bản chỉ mất hai ba thế hệ trẻ em đắp chăn rách, đất nước họ không tiền rừng bạc bể như ta, nhờ họ bảo ban, dạy dỗ nhau học cái hay của các nước. Chỉ học một nước thì phải chết! Tâm Đối nhìn xa trông rộng lắm, làm keo mới có tiền mua sách vở cho con nhà nghèo... Việc dù tốt tới đâu mà các nhà sư không xắn tay áo lên thì ai theo...

Đêm mưa lác đác những hạt rơi nặng tiếng trên mái ngói âm dương chùa cổ, hoa móng rồng thơm lẫn mùi hương vòng cháy đốm lửa chạy quanh. Dấy lên trong tôi niềm ân hận cần phải nói ra:

- Mật Thể và Thường Chuyển biết đấy! Nhưng rồi tôi chỉ lo trồng rau và làm thơ, mỗi buổi sớm mai nhìn hạt nẩy mầm, xanh ngọn lá vươn lên, rau tươi mơn mởn nom sướng mắt như hàng đêm chong đèn thích thú tìm ra được một chữ đúng với nghĩa, vừa ý mình. Nhiều người bảo tôi dịch kinh dễ hiểu và viết chữ đẹp, tại sao tôi không làm như ông Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha, người Hà Nội xưa, dịch kinh Kim Cương để có tiền nuôi trẻ mồ côi. Học trò tôi hiện giờ, may mắn, chưa có đứa nào bị mồ côi cả cha lẫn mẹ, nhưng phần đông chúng nghèo quá, sao tôi vẫn chưa chịu ra tay giúp đỡ?

Nhưng bao «kiều nhi ác ngọa đạp lý liệt», đứa con thơ đạp rách tấm chăn, hình ảnh chứ không phải âm thanh, tôi đã «nghe» thấy một lần qua đứa trẻ thơ nằm đạp chân trong cái rổ úp nơi xóm Gò Mả hôm nào. Bài thơ của Đỗ Phủ như bài kệ và những cái đạp của hai trẻ thơ, cách nhau trên mười ba thế kỷ, như nhắm thẳng vào mặt tôi. Theo cung cách đánh, đá và đạp của Thiền, làm cho tôi bừng tỉnh, nhìn ra chân lý trong lúc ngồi Thiền. Ôi đêm nay có phải đêm chùa Hàn Sơn, đất Phong Kiều Dạ Bạc trong thơ Trương Kế, người Hồ Bắc đời Đường Huyền Tông? Tôi có phải người khách nằm trên thuyền nên chẳng nhìn thấy cái bóng in dưới sông

nước của chính ngọn lửa thuyền? Mắt không nhìn thấy mắt. Nửa đêm, tiếng chuông chùa Hàn Sơn trầm vang, trăng lặn và quạ kêu. Chuông và quạ cùng kêu. Thiện và ác đều có tiếng nói riêng. Đi đến với người. Như Lai. Đêm nay, tôi ngồi nói với tôi. Chính các trẻ thơ đã gióng những hồi chuông, chắc chắn còn ngân dài mãi mãi, đánh thức tôi về nghĩa lý Vô Phân Biệt: Bài thơ tuuyệt tác này được làm ra bởi một bài thơ tuyệt tác khác. Tiếng đằng hắng của chư Phật lan ra khắp mười phương. Nhà sư và chú tiểu trên chùa Núi Lạnh, đêm thỉnh chuông mừng làm xong hai câu cuối: «Thùy bả kim bôi phân lưỡng đoạn. Bán trầm thủy để, bán phù không», kết thúc bài tứ tuyệt nói về trăng và bóng trăng. Nói về Chân Như và Giả Hiệp: «Chén vàng ai xẻ làm đôi. Nửa in đáy nước, nửa soi đỉnh trời.» Nhà thơ Trương Kế đã mơ màng nằm trên thuyền hay ngồi một mình nâng chén say sưa trong một quán rượu bên sông, ghi lại «tiếng chuông», trong khoảnh khắc mà bao đời sau còn vang động mãi...

Thường Chuyển có vẻ đắn đo, nghĩ ngợi. Sau cùng, tôi được nghe một tin như búa bổ vào đầu:

- Quán Chỉ, này! Đừng nhờ cô Nụ tới xin nuôi cháu Nhài nữa! Người ta mang cháu đi rồi.

- Mang đi đâu?

- Dì Hai Xuân mới nhắn với Lượm nói với tôi hồi sáng. Hôm nay chúng ta hái rau nhiều quá, tôi quên chưa kể. Ba má cháu Nhài đem cho thuê cháu mỗi tháng mười lăm ký gạo và một chai nước mắm. Người thuê là một mụ ăn mày không có con. Cháu Nhài coi như phương tiện hành nghề của mụ... Chúng ta chỉ có lời nói suông... Tôi chỉ sợ cháu bị bẻ gẫy chân, lọi tay... Chân tay tôi như rụng rời ra. Lúc này nhang tàn, thoạt tiên tưởng đâu như tôi nghe lầm tiếng mưa rơi trên mái ngói âm dương, lác đác. Không, mưa thật. Ai vừa thỉnh Đại Hồng Chung trên lầu Chuông, tiếng ngân truyền trong mưa bị đứt quãng, chẳng thể lan xa.

Gió ngoài vườn cây thổi bay lá khô, rào rào, va vào cửa sổ phòng tôi, mưa ào ào, cánh cửa bị đóng mạnh rung lên. Tâm Đối đẩy cửa, ùa vào mang theo luồng hơi lạnh, thấm tận da tôi. Tâm Đối la lên, át giọng tiếng mưa:

- Khỏi xuống sông nữa! Đem hết rau ra sân...! Mưa lớn, rửa mau sạch lắm! Đừng đánh thức thầy và ông cụ Nậm. Nhanh lên!

Ba người, lao ra ngoài, chạy xuống bếp.

Tôi vội vàng lẽo đẽo theo sau. Tới giữa sân đã gặp ông cụ Nậm khệ nệ bưng một rổ rau lớn, quần sắn lên tới đầu gối, đi ngược chiều, từ nhà bếp ra sân. Ánh đèn hắt qua cửa sổ phòng Mật Thể những mảnh sáng, soi vàng một phần khuôn mặt già nua, ướt át. Tôi để ý, nhiều lần rồi, dưới

mưa người ta hay cười, trong nắng thường nhăn nhó. Ông cụ Nậm đang cười sung sướng:

- Mình tôi không kéo nổi sọt rau! Coi chừng ngã, sân rêu trơn lắm đấy quý thầy!

Vừa lúc, tôi chúi người, chân thấp, chân cao, lướt như bay trên vạt rêu mềm, êm và trơn, lộn một vòng, đập vai xuống nền gạch. Sao lại phảng phất gần xa cái vị đắng khoai sùng và hơi tanh chất mày ghẻ của đám con nhà nghèo? Mọi người cười rộ. Tôi nhớ tới nụ cười thầm lặng của cháu Nhài trong cái rổ úp. Mưa như gai quất mạnh những cạnh sắc bén, tôi chống tay đứng dậy và cố cười theo... Nhưng chỉ có tôi biết, lẫn trong nước mưa có nước mắt, nghĩ tới đêm nay bao trẻ thơ thức hay ngủ ngoài cánh đồng trống trải. Tôi khóc...❐

THẾ KỶ 21
tạp chí ra hàng tháng

Chủ nhiệm: PHẠM PHÚ MINH
Chủ bút: VƯƠNG HỮU BỘT

Nhóm chủ trương:
đỗ quý toàn. đỗ ngọc yến. hà tường cát. hoàng ngọc tuệ
lê đình điểu. lý văn chương. ngô mạnh thu. phạm phú minh
phan huy đạt. tống hoàng. trần đại lộc. trần văn ngô

11022 Acacia Pkwy # A, Garden Grove, CA 92840
Tel: 714-638-9510. Fax: 714- 638-1944
E-mail: theky21@kicon.com
WWW homepage: http://kicon.com/theky21

Mừng tuổi anh, tháng bảy.

Vy

1-

Anh dấu yêu, tháng bảy đến rồi, mừng anh thêm một tuổi.

Một tuổi đời, tuổi mới, anh vẫn hoài mới ở trong em.

Gởi đến anh sáng nay, nụ hôn mệt mỏi muộn màng, nhưng em nghĩ là anh biết,

Suốt đời này, mãi mãi em cũng chỉ có một người để mừng tuổi, chính là anh.

Trời vào hè, nhớ không anh những ngày thơ mộng cũ.

Mắt biếc môi hồng, tóc dài lộng gió, rong chơi khắp phố phường, lãng bạt cùng với những chú ve sầu râm ran trên vòm tán lá xanh, trong khu vườn mùa hạ. Nụ cười, ánh mắt, tay cầm, ta nào thấy ai đâu ngoài anh và em.

Tháng sinh nhật anh, bước ngang qua khen chê dị nghị, với em anh vẫn là trái núi che mất mọi người, chỉ còn nhịp đập rộn ràng của tim yêu. Môi ngậm môi hôn cuốn mất hồn bé dại, biển xanh nước ấm, em và anh, và tình yêu bỏng cháy.

Chung đời tình, có hạnh phúc có đớn đau, có nước mắt có nụ cười, có đắng cay có điều phải chọn, có bao giờ ta tiếc là đã chọn cùng nhau đi hết đường đời, có bao giờ ta ân hận là đã phải cùng nhau sẻ chia ngày tháng của anh, của em.

2-

Mừng anh thêm một tuổi, anh thương yêu, bây giờ tháng bảy,

Hôn em, quà mừng sinh nhật, tay anh giữ đã từ lâu.

Nụ hôn dành cho anh, sáng nay, sáng đầu ngày cùng tiếng chim hót sau vườn nhỏ,

Nhắm mắt, vẫn là nụ hôn đầu bao năm tháng lòng mình tưởng chừng

đã phôi pha..

Sinh nhật anh, trong em vẫn còn hoài, ngày đó buổi tiệc vui chốn đông người em ngồi thu mình trong chiếc ghế bành nơi góc tối, mắt nâu mở to nhìn bạn bè và anh và chiếc bánh sinh nhật với không một ngọn nến nào được thắp được thổi. Và anh, đôi mắt có nỗi buồn nào nặng trong lòng lúc ấy, làm chao đảo hồn em, nhỏ của anh, trái tim vừa lớn, lòng đầy ắp thương yêu, trao hết cho anh, không ngại ngần so đo tính toán.

Sinh nhật anh, lần đầu tiên tay ta chạm bàn tay, anh hơn ba mươi biết bao mệt mỏi, vậy mà anh vẫn còn giữ được riêng cho em nồng nàn say sưa như tuổi trai vừa lớn đã gởi vào em hết sức lực tuổi thanh xuân. Ta chết ngợp trong nhau, tưởng không gì phân cách nổi ông bạn lớn và cô nhỏ, cả chia xa, cả cái chết, cả những dòm ngó khắc nghiệt của bạn lớn anh và bạn nhỏ em. Thế mà ta vẫn gai góc kiếm tìm, anh và em và tình yêu của chúng mình.

3-

Đầu tháng bảy, mừng tuổi anh, anh một thời, một kiếp,

Cả một đời em dành, riêng chỉ tặng cho mỗi mình anh.

Tạ ơn cha mẹ dưỡng sinh, cho anh và em, sau cùng chúng mình tìm thấy bóng.

Cám ơn đất trời dung chứa, em sanh sau anh hơn mười năm, chẳng thất lạc nhau.

Tháng bảy năm nào, trời cao nguyên lạnh, em sách vở bài thi cuốn hút không đặt được môi tươi lên nụ hôn khô nẻ của anh. Bông hồng vàng xứ lạnh định đem về mừng sinh nhật, nằm khô buồn trong chiếc bình cạn nước, vật vờ nhớ ông bạn lớn, ngâm nga hoài câu hát núi cao.

Sân trường Đại học buồn , tháng bảy mưa ngâu, anh lên thăm không báo trước, em mừng, cười. Ngực áo anh ướt đẫm, nước mưa hay mắt mừng hội ngộ. Không khóc sao vẫn giọt ngắn giọt dài.

Trôi theo sông thời gian, không còn gì nữa trong ta nhưng xin anh hãy nhớ. Hồn em, tim óc nhỏ vẫn mãi còn với những ngày tháng cũ, những con đường lá me xanh non đan rợp trên đầu, trái lạc ngựa khô xoay tròn trên không theo gió, và tóc dài em bay quấn lấy hồn anh.

4-

Mừng tuổi anh, yêu quý của em, bây giờ là tháng bảy,

Quà tặng anh, tuổi trẻ em, hiện tại với tương lai.

Nằm trên người anh, em, với trái tim cháy nồng dù tháng năm chưa sai nhịp đập,

Gối đầu tay anh, em, đêm ngắn ngày dài chẳng phút nào ngưng nhớ nghĩ về anh.

Cởi áo ra, xoay lưng lại, cho anh xem ngọn roi nào rát bỏng thịt da để vết hằn đỏ trên người. Thịt xương thì của mẹ cha, sao em muốn thành Na-Tra kiếp trước, gởi thịt lại mẹ trả xương cho cha, tim và hồn em tặng hết anh.

Thì thầm cho em nghe, điếc tai anh là ác độc miệng đời, xé tim anh là tình thân trong ánh mắt trẻ thơ, làm bạc hẳn đi chân tóc. Nghiến răng lại, ngước đầu cao, dẫm lên mọi thứ, đâu gì anh cũng không thế nào ngưng được tiếng yêu em.

5-

Áo bà ba, chân guốc mộc, con nước lớn chiếc thuyền trôi vật vờ như chiếc lá,

Tháng bảy mưa hoài, em lặn lội thăm nuôi, sợ hãi nhìn ngầu đục nước phù sa.

Đường đi Mỹ Tho, đường sang Rạch giá, cùng về cả miền Tây, nhưng lại hai ngả rẻ. Một mình em, non nớt giữa đời vẫn phải chọn cả hai.

Một giỏ nuôi chồng, một giỏ thăm cha, hai bên nặng gánh. Mưa tháng bảy chắc cũng không nhiều bằng nước mắt em trong lúc vắng anh.

Buổi sáng, gió lạnh đón xe đò đi thăm cha nơi cửa Đại, tội cho anh biết bao nhiêu đang còng lưng đẩy xáng nơi Kinh làng thứ Bảy. Ngậm ngùi nhớ mãi câu ngâm:

"Sông dài, cá lội bặt tăm,
Phải duyên chồng vợ, ngàn năm em vẫn chờ..."

Đêm khuya, nằm phơi sương trước hàng hiên nhà người, chờ giờ nước lớn con xuồng lá nhỏ đưa đi gặp chồng, thương các con đang bơ vơ nằm nhà với bà mẹ vú, đâu quẩn quanh với câu mẹ ru ngủ thuở xưa:

"Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo nuôi chồng, tiếng khóc nỉ non..."

6-

Thức dậy đi anh, nắng bình minh reo vui, sáng nay lòng em chừng như mở hội,

Bao năm chung gối chăn, quen hơi quen tiếng, hồn anh chắc giờ đã mỏi mòn bao rung động. Nhưng sao em, tim vẫn hẵng một nhịp cần khi nghe giọng nói tiếng cười anh.

Đời sống dài, máu em không còn đủ để bơm lên tim những mộng mơ mới. Với anh, em biết chắc là anh vẫn chưa hề mệt mỏi trong những dong

chơi phiêu lưu cùng bờ bến xa xăm.

Bước xuống đi anh, cửa đời vẫn còn đẹp lắm, trời xanh tháng bảy, mây trắng, hương hoa, chim kêu trong vòm xanh lá. Huyền diệu biết bao là đời sống, thay đổi hằng ngày từng sát na, tíc tắc, thì kể sá gì những lỗi nhịp nhỏ trong ân ái lứa đôi.

Em vẫn ngồi đây, chờ anh, ngôi nhà nhỏ, hương ngọc lan, bụi tử đinh hương tím, tiếng hoàng yến kêu buồn bã trong lồng. Mạnh mẽ biết bao trận chiến giữa sống và chết, giữa tối đen và minh ảnh, để chỉ mình em nghe được tiếng kêu bỏ đời mà đi thống thiết từ những chú quạ đen của Edgar Poe.

7-

Tay em đây, hãy cầm lấy, nếu đời sống chung quanh đôi khi làm anh mỏi mệt,

Môi hồng em, ngậm đi anh, sợ đổi thay rượt đuổi làm anh chóng mặt hụt hơi.

Hơn hai mươi năm sống chung, bao nhiêu lần mình sẻ chia ngày tháng bảy. Em không biết còn bao tháng ngày nữa, mình có dịp nói với nhau những nỗi ngọt bùi.

Tay anh đã mỏi cho em làm gối, ngày còn lại, em chỉ mong mang được cho anh cơn gió nhẹ buổi trưa, mùi trầm hương ban tối, vì đời sống đâu dài để em quay mặt với anh.

Tháng bảy, tuổi mới anh, gởi đến anh lời cám ơn em chưa từng ngỏ.

Tạ tình anh đã chịu với em những cơn chướng kỳ đồng bóng, ngược ngạo kiêu kỳ của tuổi vừa mới lớn, dày vò trong lứa trung niên, và giọt nước mắt em giấu che trong đêm khi cơn đau quặn lên bất chợt cùng khủng hoảng cô đơn em chưa bao giờ từng chia sẻ cùng anh.

Tháng bảy, mừng tuổi anh, em như người phá sản, không còn gì để gởi đến anh.

Mái tóc sợi vấn sợi dài đã chen một vài sợi trắng, không đủ sức buộc chặt đời anh, thì tặng làm gì dù mùi hương tóc anh yêu từ năm em vừa mười bảy, vẫn còn theo em cho suốt một đời.

Bàn tay thon nhỏ, từng dạo trên piano những ngợi ca đời sống, nay đã cứng khô quên dần nốt nhạc, xa lạ với phím đàn, thì còn tiếc gì mà níu lấy hồn anh.

Tháng bảy, chào anh, buổi sáng. Dậy đi anh, một ngày trời đẹp.

Hương tóc em vẫn là của anh khi anh cần mùi hương quen ru ngủ.

Và tay em, đưa sẵn, đợi anh, lúc anh mong được những sẻ chia.❐

Thắp đuốc hồn mình tìm kẻ tri âm

TRẦN MINH HIỀN

Thắp đuốc hồn mình tìm kẻ tri âm
Anh thao thức với đêm dài bão gió
Lần dò gót chân trên đường đá âm thầm
Có phải nắng từ ngàn xưa chờ ở đó

Anh cứ đi tìm kẻ hiểu lòng anh
Nhưng ai biết cuộc đời là góc cạnh
Có bao giờ ta biết rõ ta đâu

Anh ngã lăn trên phiến đá buồn
Nghe róc rách tiếng suối ngầm vang vọng
Giữa cuộc đời trong tha thiết đau thương

Thắp hồn mình đỏ lửa như gương
Anh ao ước mình yêu đời hơn nữa
Để cánh đồng lúa chín mãi ngày xưa

Này người em bé bỏng cuối sân trường
Chờ ta nhé em ơi chờ ta nhé
Cuối hành trình ta sẽ gặp nhau

Có điều gì rồi sẽ mãi bền lâu
Trên sóng gió của một đời dâu bể
Khúc ca chiều em hát đam mê

Anh dặn lòng hãy ngủ cho yên
Trên chăn gối của ngôi nhà vỡ vụn
Phút huy hoàng của ngôi nhà vỡ vụn

Anh đi tìm một kẻ tri âm
Để anh nói mà không cần giải thích
Để anh nói mà yên lòng hy vọng
Có một ngày người sẽ hiểu lời anh

Tạp ghi

Nguyễn Quốc Trụ

Giải thưởng The Booker 1996 và đạo đức của người viết

Giải The Booker, cho những tác phẩm viết bằng tiếng Anh, năm 1996, về tay Graham Swift, người Anh, với tác phẩm *Last Orders*. Trên tờ *Australian Review of Books*, John Frow, một giáo sư thuộc đại học Queensland, đã tố cáo Swift "bắt chước trực tiếp" tác phẩm *As I Lay Dying* (1930) của W. Faulkner, Nobel văn chương 1949. Thật hiển nhiên, ông viết, từ tình tiết cho tới cấu trúc, y hệt Faulkner, vậy mà tác giả không thèm nháy mắt ra dấu, cho biết tác phẩm "mẹ". Cả hai đều đề cập tới tro cốt của một người thân, giữa những người trong gia đình. Cùng một kỹ thuật kể, mỗi chương dành cho một nhân vật... Điều này, theo Frow, gây một số vấn đề liên quan đến đạo đức quyền của người viết. Trên trang bìa *Last Orders*, người ta đọc thấy những lời chào mừng: văn phong sáng ngời, tình tiết diệu vợi, hứng khởi. Cuốn sách thật sự đang dẫn đầu về số bán. Chẳng khác gì tác phẩm mẹ: *As I Lay Dying* đã được Faulkner sáng tác trong sáu tuần lễ, khi là nhân viên làm đêm tại một cơ quan địa phương. Vừa ra lò, nó đã được rất nhiều nhà phê bình coi như một đại tác phẩm. Trên tờ *The Times*, chỉ xuất hiện một bài phê bình độc nhất cho thấy sự tương tự giữa *Last Orders* và *As I Lay Dying*. Một trong những giám khảo, Ian Jack, tuyên bố, ông chưa đọc cuốn của Faulkner, và nhận thấy Swift rất được. "Không hiểu nếu tôi đã đọc cuốn của Faulkner rồi, tôi có nhận thấy tác giả vẫn rất được hay không..." Riêng về Swift, ông tuyên bố, cuốn của ông là một tiếng vang từ cuốn kia, và Faulkner là một "hiện hữu ma", như những nhà văn khác.

Hãy đi tìm người đàn bà...

Vẫn là chuyện đạo đức quyền, nhưng lần này liên quan đến vấn đề kiểm duyệt. Người bị tố cáo là... Solzhenitsyn, biểu tượng của cuộc chiến

đấu cho tự do văn học. Người tố cáo, D.M. Thomas, một tiểu thuyết gia người Anh, và cũng là tác giả cuốn tiểu sử về Solzhenitsyn. Cuốn sách đúng ra sẽ được xuất bản vào tháng Giêng năm tới, nhưng vào cuối tháng Tư, 1997, đã có áp lực từ phía gia đình Solzhenitsyn yêu cầu ngưng xuất bản. Ngoài phần tiểu sử, cuốn sách còn là cả một giai đoạn lịch sử Nga thế kỷ 20, trải dài hơn 60 năm, từ thời đại Stalin qua glastnost, cuộc cách mạng thứ nhì của Nga, và sau cùng là sự sụp đổ của chủ nghĩa CS. Trong có đủ hết, đam mê, phản bội, âm mưu dưới sự đạo diễn của KGB. Cuốn sách cho thấy, người cộng tác với KGB để chống lại Solzhenitsyn, chính là bà vợ thứ nhất của ông, Reshetovskaya. Theo Thomas, bà còn có "một hôn nhân bí mật thứ nhì", với Semyonov, nhà văn, người xuất bản cuốn hồi ký "nàng và câu chuyện của nàng", của "nhân sư", như Thomas gọi bà. Solzhenitsyn gặp bà vào năm 1940. Ông coi ước muốn có con của bà là "ích kỷ". "Em tưởng tượng tương lai của chúng ta như thế sao, một cuộc sống không xáo trộn, không đứt đoạn, hạnh phúc bên nhau, với đầy đủ tiện nghi, bạn bè thăm viếng, cuối tuần đi coi kịch nghệ..." Solzhenitsyn cũng đã từng bị điệp viên KGB ám sát bằng mũi kim tẩm thuốc độc tại nhà thờ Novocherkassk, phía nam nước Nga.

Cầu mong Staline bắt giữ linh hồn ông ta!
(Jean-Edern Hallier, *Le Quotidien de Paris*, 1982)

Cuối thế kỷ, báo chí thế giới, tờ đi thăm hồn oan nhà văn trong nhà tù, tờ "đánh giá" những cây viết CS. Tờ *Lire*, của Pháp, số tháng Năm đặt câu hỏi, đã đến lúc phải kéo Aragon ra khỏi lò luyện ngục? Sự xuất hiện toàn bộ tác phẩm tiểu thuyết của Aragon, ấn bản La Pléiade, cho thấy thời gian khổ cực trong hỏa ngục đã hết, và đã đến lúc ông được lên thiên đàng rồi. Pierre Daix, người sát cánh với Aragon trên tờ *Lettres francaises*, từ năm 1948 đến 1972, lên tiếng trong một cuộc phỏng vấn: Tại sao nói đến lò luyện ngục? Khi một nhà văn mất, hậu thế vẫn dành cho người đó một thời gian im lặng... Nếu Aragon chết năm 1972 cùng với tờ báo của ông, sự thể đã khác. Mười năm sau cùng, (Aragon 1897-1982), ông ta sống như một ông già hết thời, đi đúng hàng, hỷ hả bên cạnh G. Marchais, tới tòa đại sứ Liên Xô nhận mề đay của Brejnev nhân dịp 75 tuổi. Nói tóm lại, một Aragon tồi tệ đã trùm lên tất cả. Liệu có ai còn nhớ, ông đã từng viết lời giới thiệu cuốn *Chuyện Diễu* của M. Kundera, chỉ vài ngày sau khi chiến xa Liên Xô tràn vào Prague, 21 tháng Tám, 1968? Khi được hỏi, Aragon có biết đến Goulag hay không, người bạn đường đã từng bàn luận về Đảng, về nghệ thuật, nhưng cuối cùng, một rời đảng, một ở lại, P. Daix

cho biết: Đảng CS là một xã hội kín, với kỷ luật nhà binh, và Aragon đã gia nhập như vào một tôn giáo. Chủ nghĩa CS là ma tuý, và ông xử sự như một kẻ thần bí. Những người của thập niên 1930 chọn Stalin để chống lại Hitler. Tuy nhiên hiệp ước Đức-Nga đã mở mắt cho họ, ngoại trừ một vài người, trong đó có Aragon.

A.Camus: Nghệ sĩ, dù muốn hay không, cũng đã xuống thuyền

Tháng Mười 1957, A. Camus nhận giải thưởng Nobel văn chương tại Thuỵ Điển. Nhưng trong bối cảnh cuộc chiến Algérie, văn chương chỉ giữ một vị trí khiêm tốn: nhà báo, công chúng đợi chờ ở ông một "thái độ", của "mặt trời Địa Trung Hải", trước "thảm kịch" này. Hai ngày sau, trong một cuộc gặp gỡ với sinh viên, Camus tuyên bố một câu gây phẫn nộ trong giới trí thức Pháp: "Giữa công lý và mẹ tôi, tôi chọn mẹ tôi". 48 giờ sau đó, ông có dịp xác định vị trí của mình, nhưng đã quá muộn. Nhưng Camus có thực sự tuyên bố như vậy không? Carl Gustav Bjurstrom, dịch giả những tác phẩm của Camus qua tiếng Thuỵ Điển, có mặt trong cuộc gặp gỡ, nhớ lại, qua cuộc nói chuyện với nhà xb Folio, nhân dịp phát hành cuốn "Diễn văn tại Thuỵ Điển", tháng Hai 1997, với lời bạt của ông. Theo ông có ba bài diễn văn tất cả. Một là bài cám ơn chính thức, ngắn thôi. Tới bài diễn văn vào ngày 12 tháng Chạp, tại La Maison des étudiants à Stockholm. Bài thứ ba, tại đại học Upsala. Tại đây, ông đã có dịp tự diễn đạt về mình. Với một chút thách đố, ông chọn từ "xuống thuyền", thay vì "dấn thân". Câu nói của Camus, xẩy ra trong lần gặp gỡ thứ nhì với sinh viên, theo Carl Gustav Bjurstrom như vầy: "Vào lúc này, người ta liệng bom tại những đường xe điện ở Alger. Mẹ tôi có thể có mặt tại một chỗ đó. Nếu công lý là như thế, tôi chọn mẹ tôi".

Cười vỡ đêm đen

Cuối thế kỷ, chúng ta hãy thử tưởng tượng một chuyến tháp tùng Saint Peter, giả dụ như ông thánh này kiếm được chiếc chìa khóa nhà tù Lubyanka, và thả hết những nhà văn bị giết hại ở đây: bóng dáng oan hồn độc nhất vẫn còn giữ được nụ cười ở trên môi, hẳn là Isaac Emmmanuilovich Babel. Như bà vợ thứ nhì của ông, Antonina Piozhkova, cho chúng ta biết, tiếng cười rất quan trọng đối với Babel.

Biết cười, chịu được sự bỡn cợt là một đòi hỏi, khi đọc văn chương Nga, nhưng nó còn là một sắc thái văn hóa vốn "nín lại" những dấu hiệu mở ra niềm hoan lạc. Có tất cả, thần thái nghiêm nghị, niềm âu lo, nỗi đau

khổ chịu đựng; nhưng thiếu hẳn sự rạng rỡ. Ngay Gogol cũng gạt mọi nét hoan hỉ, trong những bức chân dung. Nabokov hình như chỉ được hưởng "tiếng cười vui", khi đã vượt biên giới tới Berlin, Paris, và Ithaca.

Piozhkova giấu giếm viết về chồng từ bao thập kỷ trước, nhưng hồi ký chỉ được in ra đầy đủ tại Moscow, vào năm 1989, cao điểm mùa glasnost. Bản tiếng Anh, *"At His Side: The Last Years of Isaac Babel"*, (nhà xb Steerforth Press, 1997), cho thấy một Babel với tiếng cười vui, ngay những ngày đen tối. Một trong những bức hình, chụp vào năm 1938: một ông Phật Do thái dưới cặp mắt kính. Giấu kín đằng sau nụ cười, chúng ta hãy thử tưởng tượng, biết bao trò khôi hài, bỡn cợt, và định mệnh cay đắng.

Tháng Năm, 1939, Babel bị bắt, theo lệnh của trùm mật vụ Beria. Ông có biết, và nghĩ, sau cùng chuyện phải tới. Bạn bè thường bình phẩm thái độ ngây thơ về chính trị của ông. Không phải vậy. Ngay đầu những năm 1920, là một phóng viên chiến tranh bên cạnh Bolshevik, trong cuộc nội chiến, trong nhật ký, ông đã minh bạch, về một điều: cuộc cách mạng đã bị trà đạp, do những tội ác được thực hiện, nhân danh nó: "Họ đều nói, họ chiến đấu vì công lý, nhưng toàn một lũ ăn cướp, giết người", Babel viết, trong khi rong ruổi cùng đội kỵ binh của Semyon Budyonny qua những thành phố hoang tàng, những làng mạc Do thái vùng đông Balan, tây Ukraine - Dubno, Chelm, Belz, Zamosc - cảnh làm cỏ người Do thái, và hai mươi năm sau, cảnh nhổ sạch cỏ Do thái. Ít nhà văn thời kỳ đầu Xô viết được tận mắt chứng kiến sự độc ác đó. Đằng sau nụ cười của ông Phật Do thái là nỗi đau không đáy, cùng khả năng thấu thị: nhìn, rồi tiên đoán. (Phải chăng đây là thế kỷ của chúng ta, thế kỷ người Do thái bị huỷ diệt?, ông tự hỏi, trong nhật ký, năm 1920). Bởi vậy, không có chuyện ngây thơ. Vào năm 1936, khi Gorky, bạn, và cũng là người che chở, chết, Babel nói với vợ: Bây giờ, tụi nó sẽ không cho tôi sống đâu.

Babel sở trường về đoản văn, viết với một nỗi ám ảnh nóng bỏng, đến nỗi, khi câu chuyện được hoàn thành, nó đã trải qua, chừng trên chục lần, viết đi viết lại. Có khi cả trăm lần, những lần ông cố gắng đẩy câu chuyện vào hồi ức. "Viết thật khó khăn đối với tôi", có lần ông nói với bạn, Konstantin Paustovsky. "Đâu đó, hình như có lần tôi viết rằng, nhờ căn bệnh suyễn mà tôi đã nhanh chóng già dặn, nhưng không giản dị như vậy. Khi tôi đang viết một cái truyện ngắn nhất, tôi vẫn phải làm việc như thể tôi bị đòi hỏi phải đào lên ngọn núi Everest, chỉ một mình tôi thôi, với cây cuốc và cái xẻng... Tim tôi như bị thắt nghẹn, mỗi lần không thể viết xong một câu văn". Thời gian hoàn thành "Những câu chuyện về Odessa" và tác phẩm lớn lao nhất của ông, "Kỵ binh Đỏ", vào đầu thập niên 1920, hàng tuần, hàng tháng, ông đã phải "đánh vật" với năm trăm hoặc một

ngàn từ, cho mỗi câu chuyện. Babel nghĩ, nó phải chính xác như một thông báo hành quân, hay tờ ngân phiếu, và "sự tương tự phải chính xác như thước đo loga, và tự nhiên như mùi rau thìa là". Phản ứng của giới phê bình văn học Nga đối với Kỵ binh Đỏ - hình ảnh sống động, ngôn từ chính xác - sôi nổi chẳng kém chi đối với những truyện ngắn đầu tay của Hemingway, ở Mỹ. Sau khi đọc những bản dịch đầu tiên qua Anh ngữ, vào cuối những năm 20, Hemingway đã nói với Ilya Ehrenburg, "Tôi nhận thấy văn phong của Babel súc tích hơn của tôi. Nó chỉ cho thấy, điều có thể làm được, đã được làm. Ngay cả khi bạn đã vắt hết nước, vẫn còn những cục đặc quánh ở trong đó." Để thư giãn, Babel tự chiều mình, bằng "tiếng cười vui", và những lần tụ tập bạn bè. Không gì làm ông hạnh phúc hơn, những lần thăm viếng bạn, nhà làm phim nổi tiếng, Sergei Eisenstein. Babel sinh năm 1894 tại cảng Odessa, trên bờ Hắc hải. Không chỉ là một trung tâm trường ốc, thương mại, và còn của gangsters Do thái. Điều sau cùng làm Babel thích thú, và nó không có nghĩa là những con người của Babel tránh khỏi chủ nghĩa bài-Do thái. Họ đã là nạn nhân, vào cuối thế kỷ 19, và Babel không thể nào quên được những vụ giết hại cư dân Do thái tại Odessa, vào năm 1905.

Khi còn là một đứa trẻ, Babel học tiếng Talmud, Yddish, Hebrew, và Pháp ngữ. Cậu chỉ thất bại, khi muốn trở thành một tay vĩ cầm; và đành nhường âm nhạc cho những tài năng đương thời như Jascha Heifetz. Bởi vì quota của Nga hoàng, vốn hạn chế sinh viên Do thái, Babel không thể len chân vào nổi đại học Odessa, và học tại Kev Institude of Financial and Business Studies, từ 1911 tới 1915. Sau đó ông dời tới St. Petersburg, và sống một cuộc đời "nửa dưới hầm". Do thái không được phép sống bên ngoài khu Pale of Settlement, nếu không có giấy tờ cư trú, Babel phải ngủ basements hoặc nhà bạn bè, để tránh cảnh sát. Hai mươi tuổi vào năm 1916, ông in những truyện ngắn đầu tay, trên tờ báo của Gorky, Letopis, và viết cho báo chống-Bolshevik, cũng của Gorky, Novaya Zhizn (Đời Mới), nhưng báo này sau bị Lênin ra lệnh đóng cửa. Như hầu hết người Do thái, Babel thoạt kỳ thuỷ hân hoan đón nhận cuộc cách mạng, tin tưởng rằng những người Bolsheviks sẽ "cải thiện" số phận của họ, vốn đã bị đối xử tàn tệ bởi Nga hoàng. Tuy nhiên, trong những bài viết trên tờ Đời Mới, ông đã thường xuyên chỉ trích họ, và những tổn thất gây ra bởi cách mạng.

Khi Đời Mới bị đóng cửa tiệm vào năm 1918, Gorky khuyên đệ tử (his protégé), hãy làm dơ tay của mình, bằng cuộc sống, hãy "đi thực tế", ở những vùng tỉnh nhỏ, thâu lượm kinh nghiệm làm chất liệu cho sáng tác. Babel làm theo. Trước tiên, ông phục vụ tại tiền phương Romania,

theo đoàn thu gom lúa mì chống đói tại những thành phố dọc sông Volga, và rồi, năm 1920, ông nhập vào đoàn quân Cô-zắc theo-Bolshevik của Budyonny, với tư cách là phóng viên chiến trường, viết bài cho ROSTA, thông tấn xã nhà nước, và cho nhật báo quân đội, Kỵ binh Đỏ. Cuộc xung đột Xôviết-Balan ba năm đầu là cuộc nội chiến mở rộng, và sau đó, là do những thái độ thù nghịch giữa hai quốc gia, vốn bắt rễ từ năm 1772, khi Balan bị xâu xé, giữa Nga, Phổ, và đế quốc Hung-Áo. Sau Đệ Nhất Thế Chiến, và cùng với sự vươn lên của một nước Balan độc lập, chính quyền quốc gia Warsaw, cầm đầu bởi Jozef Pilsudski, đã tìm cách mở rộng bờ cõi về phía đông tới Ukraine, toan tính chuyện cứu vớt nhân loại khỏi chủ nghĩa CS. Lênin, vốn tin tưởng vào việc xuất cảng cách mạng vô sản tới Âu châu, đã biến vùng tây Ukraine, và đông Balan thành chiến trường đầu tiên, với hy vọng tạo nên một cuộc nổi dậy tại Balan, và sau cùng là Đức.

Hầu hết dân Cô-zắc theo Bạch vệ, nhưng Budyonni, dưới quyền chỉ huy của chính uỷ mặt trận phía nam, Josef Stalin, là một Bolshevik chính cống. Ý tưởng làm một phóng viên Do thái cưỡi ngựa rong ruổi cùng quân Cô-zắc cũng là một trong những tiếng cười vui của Babel. Ngày đầu tiên ông trèo lên lưng ngựa là ngày thứ nhất cùng với đơn vị Đệ nhất Kỵ binh. Chẳng bao lâu, ông nhận ra, nếu Budyonni là một Bolshevik, lính của ông ta thì không. Nói chung, họ đều thất học, và chẳng thèm để ý đến ý thức hệ, hay cách mạng CS. Họ hãm hiếp, cướp phá, giết tù binh, và trên hết, họ chỉ khoái ăn trộm. Cho dù Babel, trong bài viết hay trong nhật ký đã tỏ ra xúc động về cảnh "hoang sơ" của một đoàn quân Cô-zắc cưỡi ngựa suốt vùng Galicia, cuối cùng ông phải phán đoán: đây là một đám người vô đạo đức, tàn nhẫn, và chống-Do thái đến cùng cực. "Quân đội của chúng ta xuất quân là để nhét đầy túi, đây không phải là một cuộc cách mạng, chỉ là sự nổi loạn của những người Cô-zắc hung bạo".

Kinh nghiệm phóng viên chiến trường của Babel chấm dứt khi đội Đệ nhất Kỵ binh phải rút lui khỏi Balan. Nga và Balan đi đến một thỏa ước về đất đai, được duy trì đến khi Hitler lên cầm quyền. Cuối năm 1920, Babel trở lại Odessa, làm xuất bản một thời gian rồi sống tại vùng Caucasus với vợ là Yevgenia Gronfein, con một một chủ xưởng giầu có tại Odessa đã mất hết tài sản vì cách mạng. Thời gian 1921-1925, ông bắt đầu xuất bản bốn truyện ngắn, về thời thơ ấu tại Odessa, và 35 truyện, sau gom thành Kỵ Binh Đỏ.

"Tưởng tượng của tôi kể như không có", ông nói với Paustovsky. "Tôi rất nghiêm trang về chuyện này. Tôi không biết bịa đặt. Tôi phải biết mọi chuyện đến tận đáy của nó, nếu không tôi không thể viết bất cứ điều

gì. Chân thực, authenticity, là phương châm của tôi...". Chuyện của ông là những gì được thu nhỏ lại, những mẩu giai thoại, những chân dung; dòng kể luôn luôn tận cùng bằng một pha hoặc ghê rợn, hoặc khôi hài. Một anh nhà quê viết thư cho mẹ. Không một chút xúc động, ông con tả cảnh mấy anh em đã thịt ông bố như thế nào. Một anh chàng trí thức Do thái,vì muốn được sự kính nể giữa đám đông chí Cô-zắc, đã ăn trộm một con ngỗng của dân, và giết nó, sau cùng ngủ lăn lộn với 6 tên bạn, chân gác lên nhau, dưới mái nhà thủng lỗ để cho những ngôi sao lọt vào; nằm mơ, thấy những người đàn bà trong giấc mơ, và chỉ trái tim, một khối đỏ vốn đã thành sẹo với những vụ sát nhân, chỉ có nó bật ra niềm hân hoan tràn đầy". Trong một chuyện khác, anh ta trải qua lễ Shabat với một gia đình Hasidic, rồi trở về viết truyền đơn CS. Babel, qua nhân vật kể trong truyện, luôn mâu thuẫn về bản thân, chẳng bao giờ chắc chắn, anh ta bà con với người Do thái, hay với những đồng chí trên lưng ngựa.

Bà vợ thứ nhất rời bỏ Babel, rời bỏ Nga khi ông vừa kết thúc Kỵ binh Đỏ. Bà tuyên bố, như một nghệ sĩ, bà bị nghẹt thở dưới chế độ mới. Nhưng bà cũng quá suy sụp, vì chồng bà có một người đàn bà khác, một nữ nghệ sĩ đẹp. Không phải một mà nhiều người khác nữa, tuy nhiên, Babel, có thể vì cách xa nên mới hiểu được lòng vợ, và đã ba lần đến Brussels, kết quả là họ có được một cô con gái, Nathalie. Cô sống nhiều năm gần Washington. Trong bài giới thiệu những lá thư mà cô còn giữ được, in thành tập mang tựa đề "Những năm cô đơn", cô viết: "Tôi lớn lên với niềm mong ước, một ngày nào, một nơi chốn nào, cửa bỗng mở, và cha tôi bước vô... Cha con sẽ nhận ra nhau ngay lập tức, và hình như cũng không có sự ngạc nhiên. Chẳng để cha tôi có dịp thở, tôi sẽ nói, nào, cuối cùng cha con ta cũng gặp nhau. Gia đình đã quá lâu chẳng biết gì về cha. Cha để lại phía sau quá nhiều yêu thương và tận tuỵ, nhưng cũng quá ít ỏi, những sự kiện. Cha hãy ngồi xuống và kể hết cho gia đình nghe." Những băn khoăn của cô con gái cũng là của những người ái mộ ông, và của giới phê bình: Ông là một Do thái tốt, hay xấu? Một người CS tự trái tim hay giản dị là một dân chủ tự bản chất? Ông có chút cảm tình cá nhân nào dành cho Stalin, như một thứ quỷ mê hoặc, hay ông sau cùng đã bị cuốn hút bởi sự tò mò tai hại của người nghệ sĩ? Nhưng có một điều chắc chắn, ông không chịu rời bỏ Nga. Ông muốn nhìn cuộc sống cho đến phút chót, dù với tư cách là một nhà văn có đặc quyền, ông có thể bỏ đi nước ngoài; dù ông biết rõ tình trạng văn học tại xứ sở của ông. Ông tin tưởng rằng, một nhà văn sẽ tự băm vằm chính anh ta cũng như những gì anh ta viết ra được, một khi rời bỏ quê hương. Nhưng trên hết, những điều làm người khác sợ hãi, kinh sợ lại dấy lên ở nơi ông ý thức về bổn phận, và một điều

gì giống như định mệnh, với một chút mùi vị anh hùng. Điều ông lo nhất, không phải chuyện bị bắt, bị tra tấn và sau đó, bị xử tử; mà là số phận tác phẩm của ông. Một lần ở Paris, khi một người bạn hỏi: "Anh có nghĩ rằng, ở Nga, rất nhiều tác phẩm có giá trị không được xuất bản vì điều kiện chính trị?" Chắc chắn như vậy. Những tác phẩm đó hiện ở trong tay mật vụ GPU. "Ông nói sao?" Bất cứ một người có ăn học bị bắt là anh ta được trao cho mẩu giấy và cây viết. "Hãy viết đi".

"Những điều ngạc nhiên về nhà tù Loubianka: những khám phá mới mẻ từ những hồ sơ văn học của KGB", tác giả Vitaly Shentalinsky, (bản tiếng Pháp của nhà xb Laffont, 1997), cho thấy một câu chuyện "thú vị": Vào đêm Giáng sinh 1918, trong lúc Lênin đang ngồi xe Rolls-Royce, chạy trong vùng ngoại vi Moscow, ông bị bốn kẻ lạ mặt kéo ra khỏi xe, dí súng vào đầu, và lục soát tiền bạc. "Tụi mi có biết ta là ai không?" "Tao đếch cần biết", tên cầm đầu, Jacov Kochelko, còn có biệt danh là The Wallet, trả lời. "Tao là ông vua của Moscow". Lấy hết giấy tờ, cây súng lục Browning của Lênin, ông vua và đồng bọn nhảy lên xe phóng đi, vị lãnh tụ cách mạng, cận vệ và viên tài xế đành lặn lội giữa trời tuyết đến trung tâm đảng bộ, kiếm xe về Kremlin. Phải mất 6 tháng mật vụ Xô viết mới hạ được The Wallet. Trong túi ông vua có một lá thư tình, mớ giấy bạc lủng lỗ đạn, và khẩu súng của Lênin. Tay mật vụ hạ sát The Wallet tính xào nấu thành quả của mình thành một câu chuyện trinh thám cho một tờ báo địa phương, nhưng lại không hài lòng với kết quả, và cuối cùng đã giao hết cho Babel, để ông viết lại. Trao đúng thầy, bởi vì Babel vốn có tài trong vụ sử dụng tiếng lóng của dân tội phạm. Bọn cướp, *The Bandits*, được hoàn thành, nhưng số phận cũng như tác giả của nó, nằm trong hồ sơ nhà tù Lubyanka, cho đến khi được Shentalinsky lôi ra ánh sáng. Tác giả cũng cho thấy, vài ông nhà văn-nạn nhân lại thích chơi với trùm mật vụ-đao phủ. Babel quen hai ông trùm dưới thời Stalin, ngoài ra nghe nói, còn "có liên hệ mật thiết" với vợ của một ông, Genrikh Yagoda, khách thường xuyên tại villa của Gorky.

Babel bị bắt ngày 15 tháng Năm, 1939. Mật vụ lục soát và khui ra một đống bản thảo khổng lồ đối với một nhà văn nổi tiếng vì sự im lặng: 15 folders bản thảo, 18 notebooks và pads, 517 lá thư... Babel biết rõ số phận của ông, nhưng cố cứu mớ bản thảo, trong có nhiều cuốn đã được hoàn tất, và đã từng năn nỉ đám mật vụ, trao cho ông để ông "sắp xếp lại", và "hứa hẹn" sẽ viết một cuốn tiểu thuyết ghi lại con đường "sa đọa" vào những tội ác chống lại Xô-viết. "Cuốn sách đang nóng bỏng trong đầu tôi. Tôi cảm thấy đầy hứng khởi và sức mạnh, để viết nó ra...". Mấy ông chủ ngục làm sao tin nổi chuyện đó, Babel thì khỏi nói. Mớ bản thảo mất

tiêu luôn, Shentalinsky tin rằng chúng đã bị tiêu huỷ.

Cuộc hỏi cung thứ nhất kéo dài ba ngày, đứng "tinh thần Kafka": Mọi tội đều có sẵn, cấm hỏi. Hỏi: Anh bị bắt vì những hành động chống Xô-viết. Nhận tội hay không? Đáp: Không, tôi không nhận. Hỏi: Làm sao anh vô tội, một khi bị bắt? Đáp: Mấy năm gần đây, tôi không viết được gì hết. Như vậy có thể bị coi là phá hoại, không muốn viết dưới điều kiện do Xô-viết ấn định. Hỏi: Anh muốn nói, anh bị bắt vì anh là nhà văn? Đáp: Các ông nói đúng, lẽ dĩ nhiên. Tác giả không thể bị bắt, vì không còn viết được. Hỏi: Vậy thì lý do thực sự của việc bắt anh là gì? Đáp: Tôi thường ra nước ngoài, và thường giao du với những phần tử Trotskists... Hỏi: Hãy giải thích tại sao một nhà văn Xô-viết như anh lại để kẻ thù ở hải ngoại lôi cuốn... Anh phải thú nhận tội ác, hành động phản quốc... Đừng đợi chúng tôi bắt buộc anh. Hãy thú tội đi. Cuối cùng, Babel thừa nhận đủ những thứ tội, dù vô lý cỡ nào. Ông nói với họ, ông là điệp viên Pháp, và ông đã từng chuyển cho A. Malraux những tài liệu về trại tập trung và mật vụ. Ông đã từng nhỏ to với đám nghệ sĩ, và đã từng cắt nghĩa nguyên nhân tự tử của Maiakovsky là do không thể nào viết, dưới điều kiện Xô-viết. Thê thảm nhất, nhục nhã nhất, ông đã tố cáo một số bạn bè như Eisenstein, Mikhoels, Yuri Olesha...; đã từng âm mưu ám sát Stalin, và Chính Uỷ Quốc phòng.

Vsevolod Meyerhold, bạn của Babel, là nhà đạo diễn sân khấu, đã từng viết thư cho bạn, nhà ngoại giao Molotov, "Nếu anh không viết, họ sẽ đánh đập anh, sao cho mỗi thứ rời một nơi, trừ cái đầu và hai tay là họ không đụng tới".

Phiên tòa Babel diễn ra trong những văn phòng của Beria. Chỉ kéo dài 20 phút. Những lời nói chót của ông: Tôi vô tội. Tôi không hề là một điệp viên. Không bao giờ cho phép mình chống lại Xô-viết. Tôi tự buộc tôi một cách sai lạc. Bị bắt buộc phải tố cáo bậy bạ chống lại chính tôi và bạn bè... Tôi chỉ xin một điều: hãy cho tôi hoàn thành tác phẩm của tôi...".

Ông bị bắn vào lúc 1 giờ rưỡi, sáng hôm sau. Bà vợ chỉ biết vào năm 1954. Trong bao năm trời, bà đã năn nỉ xin được biết tin tức về chồng, và chỉ nhận được những lời hứa hẹn. Bà vẫn nuôi hy vọng chồng ở một nhà tù nào đó, tại Siberia, hay Kolyma, và sẽ có một ngày, ông trở về. Năm 1947, bà còn nhận được điện tín của nhà nước Xô-viết, chồng bà vẫn còn sống, khoẻ mạnh, và sẽ được tha vào năm 1948. Để tiện bề lo lắng cho thân nhân người bị bắt, nhà nước cho một mật vụ đến ở luôn trong nhà bà. Năm 1996, bà di cư qua Hoa kỳ, hiện sống với Lida, cô con gái của họ, và đứa cháu trai, tại Maryland. Hồ sơ KGB cho biết, xác của Babel được thiêu tro, gom chung thành ngôi mộ "Common Grave Nomber One", và

được đánh dấu, hình như vào năm 1991, bởi những dòng chữ: "Nơi đây an nghỉ, tro cốt của những con người vô tội, nạn nhân bị tra tấn, hành quyết do những vụ đàn áp chính trị. Hãy cầu xin chẳng bao giờ nhân loại quên họ". Và đây là một trong những tiếng cười vui của ông, sau khi từ biệt vợ, trên đường tới nhà tù Lubyanka, Babel quay qua một mật vụ: "Hình như tối qua đồng chí không ngủ được nhiều?"

(Theo bài viết của David Remnick: Isac Babel"s Tragedy, trên NYR April 10, 97).

Giả và thực trong văn chương

Kim Dung viết *Thần Đao Hồ Đại Đởm*, thấy một vài chi tiết sai, ông cố sửa, và viết lại cuốn truyện, thành *Lãnh Nguyệt Bảo Đao*. Nhưng vẫn không thể giải thích tại sao Miêu Nhân Phượng không nhận ra Hồ Phỉ, cậu bé con của người bạn ngày nào, dù hai người đã gặp nhau mấy lần.

Theo truyền thuyết Ấn độ, Ganesh, vị thần đầu voi, vì quá mê văn chương, nên đã chịu ngồi dưới chân nhà thơ Vyasa, nghe kể và ghi lại toàn bộ bản văn *Mahabharata*. Saleem Sinai, nhân vật chính trong "Những đứa con giờ Tý" của S. Rusdhie, nhắc lại thần thoại trên, nhưng Ganesh của anh lại ngồi dưới chân thi sĩ Valmiki, và ghi lại *Ramayana*. Tác giả hy vọng người đọc đừng quá tin tưởng vào anh ta, và cũng đừng coi cuốn tiểu thuyết của ông là một hướng dẫn lịch sử Ấn độ sau khi được độc lập, cho dù nhân vật của ông sinh vào nửa đêm, giờ thứ nhất ngày 15 tháng Tám, 1947, giờ của tự do.

Theo "qui ước", những nhân vật tiểu thuyết hay lầm lẫn thường là những kẻ "ngu đần", và độc giả nhận ra liền ý nghĩa của câu chuyện. Nhưng nhân vật trong truyện của Rusdhie lại không ngu, anh ta hiểu chuyện gì đang xảy ra. Vậy thì phải cắt nghĩa sao đây, về những chi tiết lầm lạc? Đành đổ tội cho tác giả, đã không chịu nghiên cứu, tìm tòi. Một lần, Rusdhie gặp một độc giả. Người này giận dữ "sửa lưng" tác giả: "Nếu ông muốn sử dụng những truyền thống Ấn độ, xin ông hãy cố gắng trân trọng chúng." Ông cũng nhận được rất nhiều thư độc giả, "sửa chữa" giùm người viết, về những sai lạc trong những tuyến xe buýt tại Bombay, những chức tước, cấp bậc trong quân đội... Đọc thư, ông như nhìn ra nụ cười hóm hỉnh của người viết. Ông thừa nhận, cuốn sách có vài chi tiết sai lầm. Ông đã lầm, nhân vật của ông cũng bắt chước ông, lầm "thêm" một lần nữa. Về cuộc tàn sát ở Amritsar, ông đã để cho Saleem kể là, Dyer đi vào trong vườn Jalianwala Bagh, theo sau có "năm chục binh sĩ da trắng". Sự thực có 50 binh sĩ, nhưng không phải tất cả da trắng. Khi khám phá ra sự lầm lạc, ông rất bực bội, và cứ loay hoay tìm cách "sửa sai". Nhưng dân

dà, ông nhận ra: Sự lầm lạc càng ngày càng "thuộc về" nhân vật của ông. Rằng có cái gì đúng ở trong đó. Có những đoạn, khi nhận ra sai, thay vì sửa, ông lại "quan trọng hóa" vấn đề. Ông giải thích: Thoạt đầu, ông muốn nó mang hơi hướng của Proust. "Thời gian và di dân: bộ lọc giữa tôi và đề tài. Và nếu như sức tưởng tượng của tôi khá mạnh mẽ, tôi có thể nhìn qua bộ lọc đó, và viết, như thể đây không là quá khứ; như thể tôi chưa từng rời khỏi Ấn Độ tới Tây phương. Nhưng trong khi làm việc, tôi khám phá ra, điều tôi quan tâm, chính là hiện tượng thẩm thấu. Không còn đi tìm thời gian đã mất mà là "cách" tái tạo quá khứ, dùng hồi nhớ như một dụng cụ, sao cho quá khứ đáp ứng hiện tại."

(Viết, như thể đây không là quá khứ, "như thể chẳng có gì đã xảy ra, chẳng có gì đã thay đổi," như thể chưa từng, chưa từng... có lẽ đây là giấc mơ lớn lao, tuyệt vời nhất của chúng ta. "Thơ phải được đọc lên, được nghe, như đây là định mệnh cuối cùng của nó. Định mệnh của một tiếng nói nhưng cũng là định mệnh của hồi nhớ của bao nhiêu con người" (Thanh Tâm Tuyền, "Thơ giữa chiến tranh và trại tù").

Hồi nhớ thường lầm lạc, và thường hay "chọc quê" con người. Để chống lại, con người ôm lấy kỷ niệm giả, thay vì sự kiện thực. Người đọc đành phải coi những biến cố trong tiểu thuyết chỉ là những giả dụ. Bản thân người viết, qua mục "Tạp ghi", đã hơn một lần bị trí nhớ đánh lừa. Câu của Sartre, trong bài viết về Koestler, "tác phẩm lớn như cây đại thụ", thực sự không phải vậy. Khi viết về Sartoris của Faulkner, ông cho rằng tác phẩm lớn, tới một lúc nào đó, giống như sỏi đá, cây cỏ. Người đọc chấp nhận, và quên luôn nó đã từng có một tác giả. Cũng trong bài "Trầm luân vì niềm tin" kể trên, người viết đã cố tình "hiểu sai" ý nghĩa của cuốn truyện, vì như một độc giả, hoặc như bao con người của 10 ngày cải tạo, anh ta không tin sự chuyển hoá cuối cùng, Rubachov "lần hồi" trở lại làm người.

Về chuyện thả mồi bắt bóng, Borges là một bậc thầy. Ông còn đi xa hơn, coi Don Quichotte, của Cervantes, là một cuốn sách "giả", chính nó được viết ra bởi một tác giả "giả", Pierre Ménard. Gilles Deleuze nhân đó, cho rằng, đã đến lúc phải kể một cuốn sách thực, về triết học đã qua, như đây là một cuốn sách giả. Như vậy, sự lập lại đúng nhất, triệt để nhất "đẩy" sự khác biệt tới mức tối đa ("Bản văn của Cervantes và Ménard từ ngữ y hệt nhau, nhưng cái sau rõ ràng là súc tích vô cùng..."). Giả và thực là hiện hữu kép của tác phẩm. Tác phẩm kép "lý tưởng" chính là sự lập lại bản cổ văn/ bản hiện đại, cái nọ trong cái kia. (Gilles Deleuze, *Différence et Répétition*, Paris, PUF, 1972).

Vũ Quần Phương, Tổng Biên Tập báo *Người Hà Nội*, khi được phỏng

vấn về "bối cảnh lịch sử", và nhận định với tư cách thành viên Ban chung khảo giải thưởng, về cuốn *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, ông cho biết: "Tôi đề nghị cho giải B, vì cuộc chiến Bảo Ninh thể hiện không phải là cuộc chiến ta đã trải qua. Tôi đã sống giai đoạn lịch sử này, tôi thấy cảnh ném bom tả ở ga Thanh Hoá là không có trong thời kỳ chiến tranh phá hoại. Tôi nhớ một thành viên trong ban giám khảo giải thích: "Bảo Ninh không định phản ánh hiện thực, anh suy ngẫm hiện thực" Tôi không tin, vì muốn suy ngẫm đúng thì phải dựa trên dữ kiện đúng... Tác giả như muốn đứng cao hơn cả hai phía để phán xét cuộc chiến. Với anh, chiến tranh là chiến tranh, không có tính từ nào kèm theo. Đó là bộ máy huỷ diệt - đi qua nó, cái tốt đẹp bị huỷ diệt, cái còn lại thành thân tàn ma dại không thích hợp với thời bình. Sau này, một nhà nghiên cứu giải thích cho riêng tôi: Bảo Ninh ra trận ở cuối giai đoạn của cuộc chiến, sự trải nghiệm của anh có thể khác lúc tôi đi..."

Trong giai phẩm "Gió Đông", Vũ Hoàng Dương nhận định một bài của Nguyễn Khải, viết về Hà-nội: "Riêng nhà văn, dường như ông không màng đến chuyện đánh giá. Ông cứ kể tỉnh bơ, kể những chuyện động đến nhà nước, đến con người, đến luôn bản thân ông... Ông tỉnh bơ như thể: tôi chỉ nói thực tế, bản thân chẳng ý kiến gì". Nhưng "kể tỉnh bơ", là đã có vấn đề rồi. Văn tự "trắng, trung tính" là cõi không tưởng, một đảo ngược "đất hứa", thời đại hoàng kim của nhà văn-không văn chương, khi con người còn ngạc nhiên về vẻ tự nhiên của sự vật. Vũ Hoàng Dương trích dẫn Bùi Minh Quốc, "Chả trách Nguyên Ngọc có lần xếp Nguyễn Khải (cùng với Chế Lan Viên) là hai trong "những người thông minh sắc sảo vào hàng nhất nước". Chính vì quá thông minh, nên Nguyễn Khải đã chọn lựa một cách viết tối hảo cho ông, khi viết về những chuyện động đến nhà nước: để cho sự kiện nói. Bởi vì ông hiểu rất rõ, chi tiết, sự kiện, là "ông trời" trong văn chương. Người ta nói đến những chi tiết tàn nhẫn, cái ác trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. "Người Nghệ Sĩ Đói" được coi là truyện ngắn độc ác nhất của Kafka: công chúng phải trả tiền để vào xem người nghệ sĩ đói, ở trong chuồng, để mân mê thân hình trơ xương của anh. Liệu chúng ta có thể nhìn ra, một hiện hữu kép của tác phẩm, như "sự kiện giả", ở Bảo Ninh, và "sự kiện thật, kể tỉnh bơ", ở Nguyễn Khải?

Chi tiết là Thượng đế trong văn chương. Cô Hiền, nhân vật của Nguyễn Khải chỉ biết mặt trái, phía "sau, tối, khuất" của Hà-nội. Vậy thì phía sáng của nó đâu? Lê Trọng Phương, trong "Gió Đông", khi nhắc đến tấm bản đồ tỷ lệ xích 1:1, rách tả tơi mà một số người cố gắng mang ra khỏi nước, rồi tìm đủ mọi cách vá víu lại, ngụ ý đây là phía sáng của Hà-nội. Đọc những tác giả ra đi từ miền Bắc, cá nhân tôi bắt gặp những chi tiết "cửa

Đêm hương mật
ĐOÀN NHẬT

Cây xanh tuổi tác. trăng đêm. vô thức
Mùi trầm hương. gió ký ức. chiêm bao
Sau phế hưng. một góc trời vuông vức
Nỗi ân cần. lá. thời tiết xôn xao.

Rừng. tâm thức. hát cõi khuya. thân phận
Ru đời cây. lời ẩn dụ trăng sao
Giải mây phù hư. mộng du cố quận
Đêm hương mật. ngồi canh thức hư hao

sổ" đó; những chi tiết cực kỳ thơ, trong một thế giới cực kỳ không thơ mà Kundera đã nói tới. Nhân vật trong *Về Làng* của Lê Minh Hà (**Văn Học** số tháng Sáu, 1997), về làng là để đi luôn không về nữa. "Tôi còn gì ở đó?", cô gái tự hỏi. Tôi cũng tự hỏi như vậy, và tìm thấy, ở trong truyện ngắn, những chi tiết "cửa sổ" mà cô gái muốn mang đi cùng với cô. Bởi vì, "Bắt đầu lại từ đâu ở xứ người vào tuổi ngoài ba mươi như thế nào tôi không hình dung được". "Tôi còn gì ở đó?". Đây là một số chi tiết cô còn: "Buổi chiều nắng hết ơi ơi mà rực lên như nắng những ngày sau bão..." "Nhớ! sao không nhớ? Xuy Xá. Đình tám mái sân đầy hoa gạo và cứt chim. Bãi dâu xanh mênh mông. Hoa muồng muồng vàng rực. Chợ Lai Thụ toàn thịt chuột và táo bột... Kỳ thi học sinh giỏi toàn miền Bắc năm đó tổ chức ở cái làng heo hút ấy. Máy bay Mỹ oanh tạc khắp nơi. Một kỷ niệm như thế quả thực không dễ có trong đời đi học."

Kim Phúc, cô bé bị bom napan năm nào suốt đời chỉ mơ được mặc áo ngắn tay. Cô bỏ đi, vì không muốn nhà nước "lạm dụng" ước mơ của cô vào mục đích tuyên truyền. Không muốn một ước mơ không làm sao đạt được, một chi tiết cửa sổ biến thành nhà tù giam giữ cô.

Viết như thể đây không là quá khứ, như thể chẳng có gì đã xảy ra, hay viết sao cho quá khứ đáp ứng hiện tại, hay viết một cuốn sách giả, về một cuốn sách thực...❐

Giới thiệu sách mới
Văn Học

🕮 ***Lửa đốt ngoài giới hạn***

Thi tập tuyển chọn thơ viết từ 1976 đến 1996 của Cao Đông Khánh, trình bày thành 15 chương như một cuốn tiểu-thuyết-thi-ca ghi lại hành trình thơ và biến chuyển của lịch sử dân tộc trong suốt hai mươi năm, sách dày 314 trang, in trên giấy láng quí, tác giả xuất bản, giá mỗi cuốn 20 MK. Trong làng thơ hải ngoại, Cao Đông Khánh là một trong những người khởi đầu một dòng thơ mới có ảnh hưởng đến cách làm thơ của nhiều người trong hai mươi năm qua ở Bắc Mỹ. Với một lối dùng chữ không theo lối mòn và văn phận thông thường, với lối viết mạnh đặt trọng tâm ở nhịp điệu hơn là thanh âm thơ, Cao Đông Khánh mở ra một dòng thơ riêng không giống bất cứ ai. Thơ của anh không để ngâm. Cũng không để đọc thầm. Từ chữ trên trang thơ đến thơ đọc to lên trước bạn bè, thơ Cao Đông Khánh có một sức cuốn hút lớn. Sức mạnh thơ Cao Đông Khánh không dựa trên nhạc tính, hay nghĩa chữ. Nó nằm ở tiếng nói, phát từ đời sống bề bộn bụi bặm mà đầy sinh khí của con người. Một thi tập giá trị cần có trong tủ sách.

Liên lạc : Huỳnh Ngọc Anh
6002 De Moss Drive
Houston, TX 77081 USA

🕮 ***Ban Mê Thuột, ngày đầu ngày cuối***

Tập truyện thứ nhì xuất bản tại hải ngoại của Trần Hoài Thư, ảnh bìa Nguyễn Gia Định, trình bày Nghiêu Minh, tác giả tự xuất bản, sách dày 240 trang, giá 12 MK. Tác phẩm gồm hai phần: phần I là 21 truyện ngắn của tác giả viết về nhiều đề tài khác nhau, lấy khung cảnh và thời gian khác nhau, nhưng có nét chung là tường thuật mô tả những nỗi khổ và vinh dự của người lính chiến VNCH, hay nói theo lối bây giờ, là "vinh

danh người lính VNCH". Phần hai phụ lục hai bài viết về tác giả và tác phẩm Trần Hoài Thư, của Phạm văn Nhàn và Nguyễn Vy Khanh.

Dù cách xa hơn hai thập niên, không khí truyện, sức mạnh lôi cuốn của nhịp truyện, cũng như nhiệt tâm của Trần Hoài Thư không hề đổi khác, giống như thời anh cho in "Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang" trước 1975.

Xem phần quảng cáo để liên lạc mua sách. Sách cũng do nhà Văn Nghệ phát hành một phần.

🕮 ***Trịnh Cung, Âm vang của Đất / Echo of the Land, Recent Works***, USA, 1997.

Tập sách giới thiệu họa sĩ Trịnh Cung và những tác phẩm mới nhất ông vẽ trong thời gian đi thăm Hoa Kỳ, kèm những bức ảnh chụp chung tác giả và các hoạ sĩ bạn ở hải ngoại. Sách dày 60 trang, in trên giấy láng, các bức tranh in trung thực và tuyệt đẹp. Sách do chính Trịnh Cung trình bày cùng những bài viết của Peggy J. Printz, Huỳnh Hữu Ủy, Jeffrey Hantover, Judith Hughes Day. Phần chuyển ngữ sang tiếng Anh do học giả Huỳnh Sanh Thông đảm trách.

Tác phẩm ghi dấu một chuyến đi thú vị và đầy sáng tạo của Trịnh Cung ở Bắc Mỹ, chắc chắn có ảnh hưởng lớn đến chiều hướng sáng tác của họa sĩ sau này, khi anh trở lại Việt Nam.

🕮 ***Đêm tận thất thanh, 1975-1993***, thi tập của Phan Nhật Nam, bìa Ngu Yên, phụ bản George Grosz, Phạm Cung, Võ Đình. Sách Dày 340 trang, giá 16 MK.

Mùa đông giữ lửa, bút ký của Phan Nhật Nam, tác giả xuất bản, sách dày 440 trang, giá 18 MK.

Hai tác phẩm mới của Phan Nhật Nam càng khiến cho những người đã từng đọc "Mùa hè đỏ lửa" thấy rõ nhà văn viết bút ký tài ba này đã chuyển sang một giai đoạn sáng tác khác: chất liệu của đời sống và lịch sử thì lúc nào cũng đầy ắp, nhất là một người từng trải qua kinh nghiệm lao tù như Phan Nhật Nam. Nhưng từ chất liệu ấy, Phan Nhật Nam của hôm nay vượt qua "ký", muốn suy niệm cao hơn, sâu hơn về lịch sử, về triết học. Đôi khi nhiệt tính sẵn có của bản tính tác giả làm cho các suy niệm ấy hơi rối, nhưng rõ ràng lời viết của ông khác hẳn trước. Bạn đọc muốn mua sách hay giao dịch với tác giả, xin viết về:

Phan Nhật Nam
423 Spencer's Glend
Sugarland, TX 77479.

🕮 ***Chỉ như mặt khác tấm gương soi / reflection in the looking glass,***

Tủ sách văn học Nhân Chứng xuất bản, tác phẩm thứ 33 của Du Tử Lê, bản dịch Anh ngữ của Phạm Trọng Lệ, bìa Võ Thạnh Đông, tranh chân dung tác giả của Hồ Thành Đức, sách dày 100 trang, giá 8 MK. Thi tập gồm những bài thơ tương đối ngắn của Du Tử Lê viết trong khoảng một năm gần đây, với rất nhiều dấu /, dấu phẩy, dấu hỏi, dấu than dùng cho chủ trương thơ tương tác của nhà thơ. Phần dịch Anh ngữ để riêng ở sau, theo thứ tự những bài thơ Việt phần trước. Cuối cùng có phần Ngoại tập là "bài nói chuyện về một vài nỗ lực cách tân thể lục bát và quan niệm hoán vị" tác giả trình bày ở Đại học UCLA và UCI

🕮 ***Tiếng kêu nào/Bên kia thời tiết,***

Tập truyện của Du Tử Lê, Tủ sách văn học Nhân Chứng xuất bản, tác phẩm thứ 34 của tác giả, bìa Khánh Trường, tranh chân dung tác giả của Tạ Tỵ, phụ bản Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Đinh Cường, Khánh Trường, nhạc phổ thơ DTL của Việt Dzũng, Ngô Tín, sách dày 175 trang, giá 12 MK. Tuy tác giả cho in ở bìa đây là tập truyện, nhưng thực sự tác phẩm này nằm trong một loạt bán-hồi-ký, và trong loạt này, Du Tử Lê đã cho in được ba cuốn: "em và, mẹ và, tôi là một nhé"; "chỗ một đời em vẫn để, dành"; "tiếng kêu nào/bên kia thời tiết/". Vì là hồi ký viết như thơ xuôi hay tùy bút, nên cả tập là một chuỗi những lời tâm sự vả kỷ niệm với những người thân, người bạn, người tình, qua những cuộc gặp gỡ đó đây trên khắp Bắc Mỹ.

Muốn có hai tác phẩm kể trên, xin hỏi ở các hiệu sách hoặc liên lạc nhà Phát hành Văn Nghệ

PO Box 2301 Westminster, CA 92683

Phone: (714) 527-5761

🕮 ***Menu de Dimanche***

Tập truyện ngắn được dịch ra Pháp ngữ của Phạm thị Hoài, dịch giả là Colette Kowalski, Actes Sud xuất bản. Dịch giả cho biết đã dịch truyện Phạm thị Hoài từ bản tiếng Đức chứ không phải bản Việt ngữ, nhưng chính Phạm thị Hoài xác nhận bản tiếng Đức mới là bản đáng tin cậy nhất. Sách in trên giấy vàng nhẹ, trình bày trang nhã, dày 224 trang, giá 118 FF. Nhà xuất bản giới thiệu tác phẩm như sau: "C'est une vision très contemporaine du Viêt-nam que propose ici Pham Thi Hoai: un pays en quête de rêves mais torturé par son histoire, où chacun se doit de trouver

en lui-même des ressources pour ne pas céder à l'atmosphère pesante, au désarroi qui nivelle le quotidien.

Ironique et sensible, ce recueil de nouvelles qui résonne d'une voix très personnelle est à entendre comme un véritable acte de résistance poétique".

📖 ***Truyện Kiều, Khảo đính và Chú giải***

của Nguyễn Quảng Tuân, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội (VN) xuất bản, sách dày 450 trang. Nguyễn Quảng Tuân là một nhà giáo lão thành của Miền Nam trước 1975, đã từng soạn nhiều tác phẩm nghiên cứu văn chương quan trọng trước và sau 1975, và cuốn này là công trình giá trị nhất của ông. Theo lời soạn giả, bản thảo chú giải và hiệu đính Truyện Kiều đã hoàn tất từ 1982, nhưng mãi đến 1994, mới in được lần đầu. Sách được giới nghiên cứu văn chương trong nước đánh giá cao, nên năm 1995, được in lại trong Bộ Nguyễn Du Toàn Tập, và năm 1996, in lại trong Tổng Tập Văn Học Việt Nam của Nhà Xuất bản Khoa Học Xã Hội. Lần tái bản này soạn giả có tu sửa lại cẩn thận nên rất hiếm các lỗi về ấn loát.

📖 ***Ưu Quốc Thi Tập***

của Hoàng Phùng Miên, Việt Chi Tùng Thư xuất bản, sách dày 190 trang, không thấy đề giá bán. Tác phẩm gồm ba phần: phần I là thơ phần lớn thuộc loại "ngôn chí" cổ điển, Phần II là Chính luận, tác giả dùng văn xuôi nhận định về đất nước dân tộc, Phần III là ý kiến của Phạm Nam Sách, L.M. Việt Châu, Vương Kỳ Sơn.

Muốn có tập thơ xin liên lạc với tác giả ở địa chỉ:
4545 Mc Arthur Blvd. # 54
New Orleans, LA 70131
Phone: (504) 391-3850

📖 ***Modern Vietnamese, Tiếng Việt Hiện đại***

Students' Book, trọn bộ 4 tập do Gs Phan văn Giưỡng biên soạn, Trung tâm nghiên cứu Á châu và Thái bình dương thuộc Victoria University of Technology (Australia) bảo trợ xuất bản. Đây là bộ sách giáo khoa dạy tiếng Việt cho trẻ em Việt Nam tại hải ngoại, biên soạn đúng theo các phương pháp mới và thích hợp với văn hoá người Việt. Các trung tâm Việt ngữ, hội đoàn hoặc phụ huynh muốn có bộ sách này, xin liên lạc:

INTEXT, 600 Smith St., Clifton Hill,
Victoria 3068 Australia. Phone: (03) 9486 1755.
Fax: (03) 9486 1235❐

Thư tín
Văn Học

Thư Võ Đình: *Thời buổi này mà còn viết tay, rồi đánh máy chữ lại, bỏ dấu, đem ra chợ làm bản sao, rồi đi bưu điện gửi bài, thật là lạc hậu! Vì vậy đọc lại bài mình trong Văn Học, thấy một vài lỗi (đánh máy) nhẹ, chỉ biết áy náy, thương anh em Văn Học vất vả làm ra tờ báo mà thôi.*

Vậy, Văn Học kỳ sau, nếu anh em phát Bồ đề tâm, nhín cho một dòng đính chính thì tôi vui lắm. "Ôi! Paris..." nhất định là "huê dạng" hơn "Ôi Paris!", nghe như anh/chị nào đó, đến phi trường Charles de Gaulle lần thứ nhất, bước ra khỏi phi cơ, mừng quá, kêu lớn: Ôi Paris!

VH: Quả tình anh phân tích mới thấy hai lối viết và bỏ dấu khác nhau kinh khủng. Bài vở nhiều, lo sửa bài xếp bài mi trang, sự tinh nhạy đối với con chữ cũng mòn đi, như mấy ông chủ hàng phở thường ngán phở. Ví von cho vui vậy thôi chứ anh em Văn Học chưa ngán món phở văn chương chút nào. Đã đính chính trong phần hộp thư theo ý anh. Nghe Triều Hoa Đại báo tin là nhà mới của anh chị ở Florida sắp xong. Chắc chắn có vụ mừng tân gia chứ!

Ông Trình Hạc, Seattle WA: Khi hỏi có đăng thư ông lên mục ý kiến bạn đọc hay không, chắc ông đã đoán được cái khó khăn của chúng tôi. Đối với tác giả và tác phẩm của một dòng văn chương nào, cũng có nhiều ý kiến khen chê khác nhau. Nhiều trường hợp khen chê đối chọi nhau như nước với lửa, kẻ tâng bốc lên tận mây xanh, kẻ dí xuống tận đất đen. Thông thường trong những trường hợp như thế, những người điềm tĩnh thường giữ thái độ "chờ xem", dành cho thời gian làm vị phán quan cuối cùng.

Vả lại, trong văn giới, cách nhận định và phán xét giữa chúng tôi với nhau không dựa hoàn toàn trên trị giá văn chương (là điều rất khó chính xác) mà còn dựa vào nhân cách, cư xử, và nhất là *cái tâm* của người viết. Cho nên chúng tôi rất ngại không dám xác quyết về giá trị con người và

tác phẩm một cách dứt khoát như ông. Ngay cả những gì chúng tôi viết ra, vừa viết xong in xong, đọc lại đã thấy đầy khiếm khuyết, nên rán viết cái gì mới hơn hay hơn, cứ thế mà làm phiền bạn đọc hoài, thì làm sao chúng tôi có thể phán xét một bạn văn đồng thời. Mong ông thông cảm!

Ms. Bùi Quang Diễm Thu, Smyrna, GA: Số Văn Học bị thất lạc, chắc Bà đã nhận được số bù chúng tôi gửi ngay sau khi được điện thoại. Nhân tiện cũng xin giải thích về truyện của Lê Minh Hà đăng trên Văn Học và Hợp Lưu.

Truyện "Chuyện Nhà" của nhà văn nữ Lê Minh Hà đã in trên Văn Học số Tết 1997, ra vào đầu năm 1997. Mới đây trên Hợp Lưu số 35 tháng 6 & 7. 1997, lại có một truyện ngắn giống y như vậy nhan đề "Tình yêu" tác giả là Đỗ Quang Nghĩa. Chúng tôi có điện thoại hỏi nhà văn Lê Minh Hà ở Đức, được biết anh Đỗ Quang Nghĩa là chồng của chị Hà, cách đây hai năm có gửi truyện ngắn của chị Hà cho Hợp Lưu, một truyện mới viết chưa có cả nhan đề. Chờ trên một năm không thấy hồi âm, chị Hà mới đặt nhan đề truyện là "Chuyện nhà" và gửi cho Văn Học. Bên Hợp Lưu khi lục các bản thảo cũ lựa truyện đăng, vì sơ ý không biết truyện đó đã đăng trên Văn Học nửa năm trước, và tác giả là chị Lê Minh Hà chứ không phải anh Nghĩa chồng chị Hà, người gửi thư đi. Chị Hà nhờ Văn Học giải thích giùm để giải đáp chung những thắc mắc của độc giả Văn Học lẫn Hợp Lưu.

Ông Tôn Thất Phu, TX: Sau khi nhận được liên tiếp các thư email của ông và "ông" thứ hai cùng địa chỉ email, chúng tôi có rà xét lại xem trong mục thư tín lẫn thư riêng gửi ông, có lời lẽ nào có thể xúc phạm ông không. Kết quả làm chúng tôi thở phào! Quả tình chúng tôi viết rất lễ phép. Như vậy những lời "hơi thiếu lễ phép" trong email là do bản tính của ông, không phải do chúng tôi. Văn Học nhận được rất nhiều bài vở, và không thể nào có thì giờ trả lời tất cả thư độc giả. Lại càng không có khả năng giải thích ngắn gọn vì sao không đăng bài. Để ông khỏi mất thì giờ, chúng tôi xác nhận lần cuối là Văn Học không đăng những bài ông đã gửi, xin ông tùy nghi gửi những bài ấy cho báo khác.

Nhắn tin chung cho các bạn đọc dài hạn: Mỗi lần nhận báo, xin quí bạn liếc sơ qua nhãn địa chỉ ở phong bì, xem đã hết hạn mua báo chưa. Trước khi hết hạn hai tháng và sau khi hết hạn một tháng, chúng tôi có nhắc quí bạn gia hạn báo ngay trên nhãn địa chỉ. Mong quí bạn lưu ý, để việc nhận báo khỏi bị gián đoạn.❐

hộp thư

● Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Nguyễn văn Mẫn (Moorebank NSW Australia), Võ văn Đàn (Vancouver Canada), Lê Nguyễn Thùy Yên (Foster City CA), Đào thị Minh Châu (San Gabriel CA), Bùi Công Khanh (City of Industry CA), Globe Sub Agency Australia, EBSCO Industries, Đỗ Quyên (đổi địa chỉ, Courtenay BC), Thường Quán Australia, Thao Đoàn (San Jose CA), Ngô Kim Hoàn (Silver Springs VA), Nga Hoàng (Tustin CA), Đặng Hoàng (Springsfield VA), Nguyễn Nam An (Irvine), Trần Lộc, Vietnam Weekly News (Garland TX), Võ Hồng San (Campsie NSW Australia), Thận Nhiên (Renton, WA), Đặng Thơ Thơ (Westminster, CA), Hoàng Chiều Nhân (Brossard, Canada), Loantrang T. Dang (Ventura, CA), Lan Phương Lê (Chicago, IL), Lê Nguyễn (Huntsville AL.), Huỳnh Hữu Cửu (Fountain Valley, CA), Phạm Đạt (Westminster CA), Phan Minh Nga (Anaheim CA), Faxon Company. (Westwood MA),Dr. Nguyễn Đăng Diệm (Seattle WA), Nguyễn Như Khuê (Springfield VA), Nhung Lâm (Sarasota FL),Quang Dinh Do (Rancho Cucamonga CA), Điệp Mỹ Linh (Alief TX), Nguyễn Huy Bích (Nepean ON), Thúy Nga Munson (Sunnyvale CA), Hoàng Trọng Lân (Calgary Canada), Nguyễn Huy Thứ (Las Vegas NV), Lê thị Thấm Vân (Milpitas CA)

● Thư từ liên quan bài vở nhận được trong tháng:

"Cựu ước" gửi từ Seattle WA, "Bắt hụt niềm vui" gửi từ Kitchener Canada, "Địa đàng bình an" gửi từ Portland OR, "Nỗ lực tìm hiểu kinh Dịch ở thế kỷ 20" gửi từ Paris France, "Khắc khoải" gửi từ Bankstown NSW Australia, "Vu Quy", "Hoa Thi" gửi từ Montreal Canada, "Trăng bạc mái trời", "Hoa Tàn Đối Nguyệt", "Tìm Bóng Hư Vô", "Như Cánh Hoa Tàn" gửi từ Ivry Sur Seine France, "Em và Những người con gái khác" gửi từ Orlando FL, "Núi đá xanh" gửi từ Middleburg FL, "Giới nghiêm" gửi từ Montréal Canada, "Chuyến xe" gửi từ Saltlake UT, "Nơi một nhà ga" gửi từ Dorchester MA, "Trái tim bất hối, Chiều trên đỉnh nhớ" gửi từ Ontario Canada, "Đêm hương mật", Tháng Tư Alexandria County" gửi từ Springfield VA, "Hậu sinh" gửi từ Atlanta GA, Thư của Ô. Trình Hạc Seattle WA, "Những dòng thơ ngắn" gửi từ Huntsville AL, "Đêm Phương Thụy" gửi từ Downsview Ont Canada, "Xin gửi lại" gửi từ El Monte CA, Thư của báo Cánh én

Germany, "Khung cửa nắng" gửi từ Dortmund Germany

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

● **Đính chính:**

* Trong bài "Lịch sử và Chính thống" (Văn Học số 134, trang 3) tác giả đã dẫn sai câu của César, đúng ra phải là: "Tôi đã đến, tôi đã thấy và tôi đã thắng" trong thông báo gửi về Roma sau khi thắng quân Parthians (năm 47 trước Công nguyên). Tác giả xin đính chính và nhân tiện cũng xin quí bạn đọc sửa giùm chữ "Nam Định" thành "Gia Định" (ở trang 4, dòng 8 kể từ dưới lên).

Tạ Chí Đại Trường

* Trong Văn Học số 135, do sơ ý của Tòa soạn, nhan đề bài tùy bút của Võ Đình bị đánh máy sai. Nhan đề đúng theo bản thảo là "Ôi! Paris..." thay vì "Ôi Paris!"

* Cũng trong Văn Học 135, trong bài "Trao đổi thêm cùng Ông Nguyễn Quảng Tuân" của Trần văn Tích, trang 42 dòng 14, xin bạn đọc sửa giùm tên thi sĩ Vương Duy thành Vương Bột, tác giả bài "Đằng vương các tự"

tìm mua tìm đọc

Những bài dã sử Việt

biên khảo sử học của Tạ Chí Đại Trường

Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Tìm đọc:

Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về

Lê Thị Thấm Vân

Tiểu luận - Anh Thư xuất bản

- Nhận xét nhạy bén, sắc sảo, và ngay thẳng.
*Nhà phê bình văn học **Đặng Tiến**, Pháp*

- Tác phẩm đã tạo ấn tượng mạnh nơi người đọc bởi sự thẳng thắn, lòng thiết tha với lối viết trẻ trung, giản dị và qua đó, người ta nhận ra được một điều: có một thế hệ đang trưởng thành, có một mầm sống đang vươn lên. Đó là niềm hãnh diện và hy vọng. *Tạp chí **Thơ**, Hoa Kỳ*

- Ngoài những nhận định về thực trạng Việt Nam, tác giả đề nghị nhìn về với một tâm thức mới, một quan niệm thích hợp để xây dựng một quốc gia Việt Nam dân chủ và phú cường thực sự. *Tạp chí **Làng văn**, Canada*

- Hình thức rất nhã và mới. Đấu tranh cho nữ quyền. Đánh giá lại những giá trị trong nhiều lãnh vực. Những ưu tư liên quan đến đất nước được thể hiện qua một văn phong vừa xúc cảm vừa thuyết phục.
*Tạp chí **Hợp Lưu**, Hoa Kỳ*

- ... mới mẻ, mạnh, vững vàng, trí tuệ và nhân bản.
*Tạp chí **Văn**, Hoa Kỳ.*

- Đặt lại nhiều vấn đề, những gì được coi là truyền thống, tập quán, xã hội, lịch sử, văn học từ ngàn xưa đến thời cận đại Việt Nam.
... là một tiểu luận đáng đọc, nó gợi ý rất táo bạo, rất tự nhiên, rất nhiệt tình, không thành kiến. *Tạp chí **Dân Chủ & Phát Triển**, Đức.*

- ***Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về*** là khối trĩu nặng tiêu biểu nhất được in ra ở hải ngoại từ trước tới nay. Khi đọc nó, người Việt ở hải ngoại dễ có cảm tưởng như đang soi vào gương. ***Minh Nguyệt**, Đài phát thanh Việt Ngữ, Úc*

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Trần Mạnh
P.O. Box 360923, Milpitas, CA 95035
Giá $8.00 mỹ kim

THANH VĂN

P.O.BOX 411723
LOS ANGELES, CA 90041

Trong tủ sách gia đình của bạn
đã có chưa những tác phẩm sau đây
của nhà xuất bản Thanh Văn?

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

Thiền sư Tây Tạng
SOGYAL RINPOCHE
Bản Việt dịch của TRÍ HẢI
Sách dày 436 trang. Giá 18 Mỹ Kim

MARIE SẾN

truyện dài
PHẠM THỊ HOÀI
160 trang. 10 Mỹ Kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT

Biên khảo
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG
430 trang. 18 Mỹ Kim

Liên lạc Nhà Phát Hành
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683
ĐT: [714] 527-5761

MINH VĂN

Nhà Sách - Xuất Bản - Phát Hành

2808 Graham Road, Falls Church, VA 22042

ĐT: (703) 698-8490 / 698-8491 FAX: (703) 204-9239

Mở Cửa : 10 AM đến 07 PM, 7 ngày trong tuần

E-mail: qttran@mindspring.com

URL: http://www.saigonnet.com/books/minhvan/

Đọc sách, uống trà, nghe nhạc, xem tranh, và ngắm tượng

Mời quí vị tìm đọc:

Tuyển tập truyện ngắn huyền thoại

Ông Kỳ Lân

của Trần Long Hồ

Sách đã phát hành khắp nơi.

Quí vị liên lạc Minh Văn hay các nhà sách trong vùng

Nhà sách Minh Văn

SÁCH-TẠP CHÍ: Đầy đủ tất cả các loại sách và tạp chí

TRÀ - BÌNH TRÀ: *Đủ loại trà, bình trà đẹp, hiếm, quí.*

NHẠC: *Video, CD, cassettes,..Nhạc mới về hàng tuần*, giá rẻ

TRANH: *Nhiều tranh của Việt Nam và Âu Mỹ.*

TƯỢNG, HÒN NON BỘ: *Đủ loại, có suối chảy, khói sương*

Sách được sắp xếp ngăn nắp, vừa đẹp mắt, vừa dễ tìm.

Quí vị có thể mua hàng qua đường bưu điện.

SÁCH MỚI TÁI BẢN

- **ĐÊM GIỮA BAN NGÀY** **28 MK**
  ngoài Hoa Kỳ **33 MK**

  Hồi ký chính trị của ***Vũ Thư Hiên***.
  Mới tái bản với bìa mới và phụ đính thư tố cáo gởi Quốc Hội Việt Nam về vụ bức tử bà Hồ Chí Minh.
  Văn Nghệ in thêm một số bản phụ đính này để bạn đọc có thể lưu giữ làm tài liệu. Xin gởi tên, địa chỉ và 2 Mỹ kim về nhà xuất bản, để nhận bản phụ đính.

- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** **13 MK**
  Dương Thu Hương

- **ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI, LUẬN GIẢI KINH DUY MA CẬT** **9 MK**
  Minh Tâm

- **THẾ GIỚI HÒA ĐỒNG** **8 MK**
  Hội luận giữa Đức Đạt Lai Lạt Ma và tám nhà tâm lý Hoa Kỳ, ***Chân Huyền*** dịch

- **CHÂN TRẦN,** **12 MK**
  tập truyện ***Y Chi***, tác phẩm đầu tay của nữ tác giả trẻ

* Ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK

* Liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683, USA
Phone và Fax: (714) 527-5761

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Nguyễn Hiến Lê

- Bộ ***Lịch Sử Thế Giới*** được xuất bản lần đầu năm 1955 là tổng hợp chọn lọc 20 tác phẩm Sử học của các tác giả chuyên về ngành Sử như A. Bossuet, Pierre Meille, Henri Arvon, Louis Renou, Will Durany, H. G. Wells, A. Nobet, Lam Mạnh Bác, Đào Duy Anh ...
- Công trình tổng hợp này kéo dài từ thời Tiền Sử của con người cho đến Thế Chiến Thứ Hai, mô tả những biến cố lớn của nhân loại, quá trình hình thành các cuộc cách mạng chính trị, tư tưởng, tôn giáo, kỹ nghệ, kinh tế ... cũng như sự hình thành và tàn lụi của các đế quốc.
- Vì tác phẩm này mà tác giả "bị mạt sát là đầu óc đầy rác rưởi" (vì nhắc đến thuyết Darwinism) và tác phẩm bị Bộ Giáo Dục dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa cấm dùng để giảng dạy (vì nhắc đến sự "bê bối của vài vị Giáo Hoàng thời Trung Cổ").
- Thể theo lời yêu cầu của một số độc giả muốn có bộ Sử quý giá này, cũng như muốn sưu tập toàn bộ tác phẩm của học giả Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho tái bản bộ ***Lịch Sử Thế Giới*** này. Sách dày 775 trang, giá 25 Mỹ kim, có bán tại các hiệu sách hoặc có thể liên lạc thẳng với nhà xuất bản Văn Nghệ để mua trực tiếp.

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **9/1/96** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị hết hạn vào **ngày 1 tháng 9 năm 1996.**

báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối

Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $6.00

Về

Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00

Lời Của Quá Khứ

Tập truyện Khế Iêm, giá $7.00

Sống Và Viết

Tùy bút Võ Phiến, giá $10.00

Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo

Tập truyện Hoàng Thị Bích Ti, giá $8.00

Dấu Quê

Thơ Khế Iêm, giá $7.00

Câu Nam Ai Thất Lạc

Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00

Kéo Neo Mà Chạy

Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00

Đêm Hè

Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

Hồi Ký Chính Trị của
VŨ THƯ HIÊN

• *Sự thật về*
"Nhóm Xét Lại Chống Đảng"
• *Bí mật hậu trường*
về những cuộc tranh chấp cung đình
• *Hấp dẫn, trong sáng và giản dị*

Muốn biết rõ xã hội Việt Nam từ những năm
30 trở lại đây không thể không đọc

Giá 28 MK/ Ngoài Hoa Kỳ thêm 5 MK cước phí
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
PO BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683. ĐT [714] 527-5761

VĂN MỚI

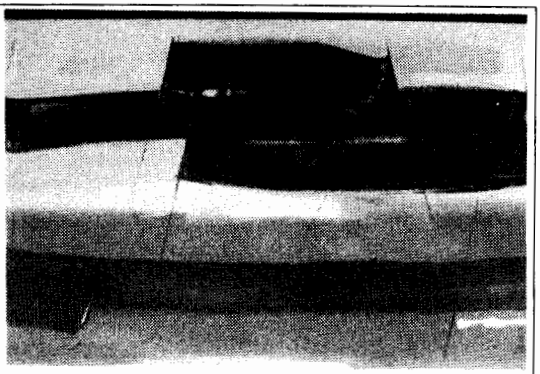

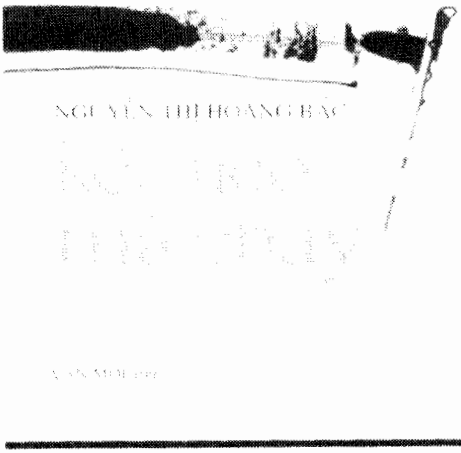

Kéo Neo Mà Chạy

Tập truyện của Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Sách dày 140 trang, giá 8.00 Mỹ Kim

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc

nhà phát hành VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,

từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt._____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt._____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

SOGYAL RINPOCHE

TRÍ HẢI dịch

Tạng Thư Sống-Chết không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Từ Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

• **Tạng Thư Sống Chết**	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	**18 MK**
• **Marie Sến**	truyện *Phạm Thị Hoài*	**10 MK**
• **Hồi Ký Ngoài Văn Chương**	hồi ký *Thế Phong*	**13 MK**
• **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc**	*Phạm Công Thiện*	**18 MK**
• **Em Ơi Biết Đâu Tìm**	truyện *Kiệt Tấn*	**12 MK**
• **Một Bông Hồng Cho Cha**	truyện *Võ Hồng*	**7 MK**
• **Hoa Trôi Trên Sóng Nước**	*Nguyên Phong*	**13 MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.
* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00